

# CỎ THƠM

MÙA THU 2015

## CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG  
<dsenser@yahoo.com>

## PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM  
<phanvyle@yahoo.com>

## PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG  
<dathphan1@gmail.com>

## CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN  
<littlesaigonnews@aol.com>

## TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH  
<hanhbang@hotmail.com>

## WEBSITE

PHAN ANH DŨNG  
NGUYỄN VĂN BÁ  
THỦY SENSER  
<www.cothommagazine.com>

## TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER  
<dsenser@yahoo.com>

## TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY  
RESTON, VA 20194, USA  
TEL. (571) 926-8962  
<dsenser@yahoo.com>

## BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BẰNG.  
NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐỖ BÌNH.  
ĐÌNH CƯỜNG. NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.  
PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.  
NGÔ TĂNG GIAO. VŨ HỒI.  
NGUYỄN QUỐC KHẢI. PHAN KHÂM.  
HUY LÃM. NGUYỄN LÂN. PHẠM TRỌNG LỆ.  
NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.  
ĐẶNG NGUYỄN. NGUYỄN VĂN NHIỆM.  
PHẠM THỊ NHUNG. ĐỖ PHÚ.  
TRẦN BÍCH SAN. NGUYỄN SƠN.  
HỒ CÔNG TÂM. NGUYỄN VĂN THÀNH.  
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.  
PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.  
TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.  
THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN. KIM VŨ.  
DIỆM CHÂU CÁT ĐƠN SA

## ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA  
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA  
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN  
VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY  
NGUYỄN BẠCH: Lake Wood, WA  
TIỂU THU: Québec, Canada  
VŨ NAM: Germany  
NGUYỄN MÂY THU: France



## DANH SÁCH HỘI VIÊN

B. Lê Anh Dillard , Ô. Hồ Trường An, B. Văn Thị Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh,  
TS Võ Hùng Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá, B. Nguyễn Bạch, Ô.B. Nguyễn Ngọc Bích,  
Ô.B. Phạm Hữu Bính, Ô. Đỗ Bình, Ô. Nguyễn Bông, Ô.B. La Trung Chánh,  
Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Trương Minh Châu, Ô. Lê Văn Chính, B. Lê Thị Ngọc Dung,  
B. Dzung Senser, Ô. B. Phan Anh Dũng, ÔB. Đại Dương-Phạm Thị Nhung,  
Ô.B. Nguyễn Quý Đại, B. Dương Tâm Đạt, Ô. Nguyễn Văn Đoàn,  
ÔB. BS Nguyễn Anh Dũng & Phương Liên, Ô.B. BS Hoàng Giang, B. Đỗ Thị Minh Giang,  
B. Tôn Nữ Mặc Giao, B. Nguyễn T. Song Hà, B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Ô. Lý Thy Hiểu,  
B. Tô Diễm Hồng, Ô. Trương Hùng, Ô.B. Nguyễn Mậu Hưng, Ô. Nguyễn Quốc Khải,  
Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa, BS. Từ Châu Lan, BS. Từ Phấn,  
Ô.B. Nguyễn Lâm, Ô.B. Nguyễn Khoa Lâm, Ô. Đoàn Thanh Liêm, Ô.B. Nguyễn Huy Linh,  
Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô. Vũ Nam, Ô.B. Nguyễn Phú Long, Ô.B. Phạm Bá Luân,  
B. Hoàng Bạch Mai, B. Mai Nguyễn (VA), B. Nguyễn T. Phương Nga, B. Trần Tuệ Nga,  
Ô. Cao Nguyên, Ô. Đăng Nguyên, B. Phan Thị Nhẫn, B. Nguyễn Tú Nhật,  
B. Uyên Phương Minh Nguyệt, Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận,  
B. Phạm Thị Nhung, Ô.B. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi, Ô. Trần Quốc Phiệt,  
Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Lê Quang Phùng, B. Kim Phụng, Ô.B. Lưu Quang,  
B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phương, Ô. B. Đèo Văn Sách,  
Ô. Trần Bích San, Ô.B. Nguyễn Sơn, Ô. Hồ Công Tâm, B. Nguyễn T. Minh Tâm,  
Ô.B. Nguyễn Diệu Tân, B. Phong Thu, Ô. Mỹ Phước Nguyễn Thanh,  
Ô. B. Nguyễn Văn Thành, Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu,  
B. Nguyễn Mây Thu, Ô. Lê Văn Trạch, B. Nguyễn Hồng Thủy, Ô. Bùi Thanh Tiên,  
Ô. Nguyễn Toàn, B. Sarah Liên Trang, B. Diệm Trân Kratzke, Ô. Nguyễn Đình Trân,  
B. Tô Bạch Tuyết, ÔB. Phạm Văn Tuấn, BS Phan Khắc Tường,  
Ô.B. Phạm M. Xuân, Ô. Đoàn Ngọc-Xuân.

## MẠNH THƯỜNG QUÂN

Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung,  
BS. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty Inc, Harvest Moon Restaurant.

## MỤC LỤC

### BIÊN KHẢO

	Trang		
TRẦN BÍCH SAN	09	NGUYỄN THÙY:	
Phóng Sự và Tùy Bút		"Bước Lạ Quê Hương"...	149
NGUYỄN VĂN THÀNH &	20	ĐỖ BÌNH: Kề Đi Tim Lẽ Đạo	156
BNK: Ai Thực Sự Tìm Ra		TRƯỜNG THY:	162
Chữ Quốc Ngữ?		Nhớ Nhạc Sĩ Cung Tiến	
HẢI BĂNG HDB & BẠCH CÚC	29	ĐÊM THUỞNG HẢI:	168
Nguyễn Bình Khiêm		Phương Duy TDC	
NGUYỄN VĂN NHIỆM:	36	MẠC LY HƯƠNG: Một Không Gian,	
Nơi Ăn chốn Ổ...		Một Thời Gian	176
PHẠM VĂN TUẤN:	44	TÔN NỮ MẶC GIAO: Bà Lão Và	
Thế Giới Cổ Hy Lạp		Căn Nhà Hàng Xóm	179
ĐINH CUỒNG: Tạ Ty, Người Họa Sĩ	52	PHẠM XUÂN THÁI: Tiệc Mừng	186
Ưu Tư Về Những Cái Mới		TCNS Nguyệt San Cỏ Thom...	
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH:	63	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	188
Sài Gòn Cảnh Cũ Đường Xưa		Chào Mừng Quan Khách	
LÊ XUÂN NHUẬN: Những Người Việt	87	TRẦN BÍCH SAN: Tri Ân Ban Trị Sự	197
Làm Thơ Tiếng Anh			
ĐOÀN THANH LIÊM:	105		
Vaclav Havel và Cách Mạng...			
PHAN ANH DŨNG: Lam Phương	110		
Người nhạc sĩ tài hoa			

### VĂN

PHAN ANH DŨNG: Lá Thư Mùa Thu	07	<b>THO</b>	
PHẠM THỊ NHUNG:	68	PHAN KHÂM: Chiếc Lá Mùa Thu	19
Về Thăm Cố Hương		NGUYỄN VÔ CÙNG: Bóng Chiều	19
PHẠM BÁ: Tô Giã Cây	82	NGUYỄN KINH BẮC: Thu Cô Liêu	19
VĂN QUANG: Bây Giờ Là Mùa Thu	95	VI KHUÊ: Tình Tự	27
CÁT ĐÓN SA: Con Nuôi	99	LÊ MAI LĨNH: Quà Tặng Mùa Thu	28
PHƯƠNG LAN: Lầy Chồng Xa	122	TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO:	33
(tiếp theo)		Trời Vào Thu	
NGUYỄN THỊ DƯƠNG HÀ: Lễ Hội	128	BÙI THANH TIÊN: Trăng Nhớ Đêm Rằm	
Chém lợn, Đâm Trâu...		Hương Thu Mấy Độ	35
Ý NGUYỄN: Về Thành	132	ĐẶNG NGUYỄN: Như Mảnh Tình Tôi	35
TIỂU THU: Giòng Sông Tuổi Thơ	138	Ý ANH: Tháng Chín	39
		HỒ CÔNG TÂM & ĐỖ QUÝ SÁNG:	
		Rửa Hận Nam Quan	57
		ĐỖ THỊ MINH GIANG:	73
		Thu Về Gọi Nhớ Thương	
		NGUYỄN LÂN: Yêu	86
		LUÂN TÂM: Thiên Thu Hôn Bóng	137
		NGUYỄN MÂY THU: Chiều Thu Tím	137
		DIỆM TRẦN: Ngoại Không Màng	142
		VĂN THỊ KIỀU ANH: Vàng Trăng Nhớ	148
		NGUYỄN PHÚ LONG:	

Chuyện Tình YMCA	148	DIỄM HOA: Nous Deux	64
NGUYỄN BẠCH: Dài Ngắn Trăm Năm, Đưa Nhau, Khóc Nepal	148	PHẠM TRỌNG LÊ: Bài Thơ Bất Hủ	75
VŨ HỒI & PHAN KHÂM: Thư họa	151	A. E. HOUSMAN: Loveliest of Trees	108
HẠ THÁI TRẦN QUỐC PHIỆT" Những bài thơ thất ngôn bát cú mùa thu.	161	TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO Đẹp Nhất Rừng Cây	108
HẢI BĂNG HDB: Một Thời Sống Đẹp	166	PAUL VERLAINE: Chanson D'Automne	131
DIỄM TRẦN: Vãn Đợi Chờ Em	166	Dịch: LÃNG NHÂN PTĐ, BĂNG VÂN, NGUYỄN BÁ HẬU	131
MỘT THỜI: Thu Sầu	177	TIẾT TẮC: Thu Triều Lãm Kính	171
NGUYỄN VĂN GIAI: Mừng TCNS Tròn 20 Tuổi	187	TÂM MINH: Sáng Mùa Thu Soi Gương	171

## NHAC

Chiều Thu Ấy, Bài Thơ Không Đoạn Kết, Nắng Đẹp Miền Nam:	
LAM PHƯƠNG	116
Chiều Vàng Năm Xưa:	174
LÊ MỘNG NGUYỄN	
GỬI: Trúc Ca Dương Vân Châu	185

## TRANH HÌNH

NGUYỄN QUỐC KHÁI: Bìa trước Mùa Thu Thung Lũng Caanan	
VŨ HOÀNG LINH: Hồ sen	43
Kỷ Niệm Sinh Nhật Cỏ Thơm 20 Tuổi	190
NGUYỄN HUY LINH: Hoàng Hôn Trên Bờ Biển South Carolina: Bìa sau	
NGUYỄN QUỐC KHÁI: Bìa sau Hoàng hôn trên đảo Chicoteague	

## GIAO ĐIỂM

TUỆ NGA: Từ Giòng Sông Trắng	40
EMPTYCLOUD: The River Of Moonlight Streams	
TRƯƠNG ANH THUY: Văn Tế Chiêu Hồn	41
NGUYỄN NGỌC BÍCH: Funeral Oration for victims of VN comunism	42

## GIỚI THIỆU

KÝ SỰ THƠ & THAO THỨC:	62
Thơ Hồ Công Tâm	
DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ-TẬP 1 <i>Phạm Văn Tuấn</i>	
Phòng Khám Bệnh:	
BS NGUYỄN THỊ KIM DUNG	98
Phòng Khám Bệnh:	
BS NGUYỄN QUỐC QUÂN	127
WASHINGTON MUSIC	115
CẨM TẠ	167
SOVEREIGN REALTY, INC.	178
KIẾN THỨC KHOA HỌC	216
TÌM HIỂU SỬ ĐỊA THỂ GIỚI <i>Phạm Văn Tuấn</i>	217
MƯA XUÂN – SPRING RAIN	217
Thơ song ngữ: Tâm Minh NTG	
DẤU CHÂN KỶ NIỆM:	218
Thơ Nguyễn Phú Long	
MONG MANH: Thơ Ý Anh	219
BƯỚC LẠ QUÊ HƯƠNG - Bút ký Nguyễn Thị Ngọc Dung	219
HARVEST MOON RESTAURANT	220
TỦ SÁCH CỎ THƠM	221
PHIẾU MUA BÁO	222
Văn Phòng Luật Sư: IVAN M. WALDMAN & ASSOCIATES	223



# LÁ THƯ MÙA THU 2015

Quý văn thi hữu và độc giả thân mến,

Phan Anh Dũng hân hạnh viết "Lá thư mùa Thu" cho Cỏ Thơm số 72. Sờ dĩ như vậy là vì hiện giờ chị Chủ Nhiệm Nguyễn Thị Ngọc Dung vẫn còn đau buồn, tinh thần chưa trở lại bình thường sau khi phu quân của chị là ông Robert Anton Senser đã ra đi vĩnh viễn ngày 29 tháng 7 tại Reston, Virginia, hưởng thọ 94 tuổi. Tuy vậy, với ý chí mạnh mẽ, chỉ vài tuần sau tang lễ, chị đã gắng sức sắp xếp, trình bày các bài viết của các tác giả gửi về để số báo này vẫn được ấn hành vào khoảng cuối tháng 9.

Ông Senser là một cựu sĩ quan trong quân đội Hoa Kỳ, từng phục vụ tại Âu Châu trong Thế Chiến Thứ Hai. Ông cũng là một nhân viên của Bộ Ngoại Giao trong nhiều năm tại một số quốc gia trong đó có Việt Nam và đã từng là nhà tranh đấu tích cực cho nhân quyền của người lao động. Quen biết ông Senser khoảng 10 năm, tôi nhận thấy ông là người vui vẻ, hòa nhã, chân tình tiếp đón các văn thi hữu Cỏ Thơm mỗi khi có sinh hoạt ra mắt sách hay họp mặt Tết tại tư gia ở Reston - đó cũng là tòa soạn Cỏ Thơm. Ông là người chồng chu đáo, tận tình giúp đỡ chị Ngọc Dung và các con cháu. Chúng tôi cầu mong chị Ngọc Dung sớm được bình an trong tâm hồn vì biết rằng linh hồn ông Senser đã về nơi chốn thiên đàng vĩnh cửu và quan trọng nhất: trong đời đã có người thương yêu mình chân thành.

Bây giờ đang cuối Hạ ở tiểu bang Virginia, Hoa Kỳ. Thời tiết đã bắt đầu trở lạnh vào đêm. Cây cối chung quanh nhà vẫn xanh tươi nhưng nhìn kỹ thì cũng đã có một số lá vàng khô rụng rải rác. Các bạn bè, bà con bên miền Tây Hoa Kỳ từ California lên tới Oregon, Washington than trời như bông vì thiếu mưa. Hạn hán kéo dài gây nên thảm họa cháy rừng, lan rộng đến nhiều khu gia cư. Ngược lại miền Đông Nam Hoa Kỳ đang bị bão Erika đe dọa, dân chúng nhớ lại trận bão Katrina cách đây mười năm đã gây lụt lội, tàn phá như nhiều tỉnh ở phía nam tiểu bang Louisiana, trong số đó có New Orleans, nơi nhà biên khảo Trần Bích San và một số lớn người Việt Nam sinh sống ở đó!

Tổng Thống Hoa Kỳ Barack Obama sẽ chấm dứt nhiệm kỳ thứ hai vào cuối năm 2016. Vòng sơ khởi cho mùa tranh cử Tổng Thống Hoa Kỳ vừa bắt đầu nhưng đã có nhiều tranh luận "gay cấn". Nhiều ứng cử viên của hai đảng Dân Chủ và Cộng Hòa đang vận động quyết liệt để được đảng đề cử vào tháng 7 năm tới. Người Việt chúng ta lại có dịp theo dõi chính trị và nền dân chủ tự do ở Hoa Kỳ. Riêng tôi, nể phục nhất là các ứng cử viên tha hồ chỉ trích nhau - nhiều khi hơi quá đáng - trong lúc tranh cử nhưng sau khi có kết quả cuối cùng thì "không oán thù", vui vẻ bắt tay nhau và hợp tác cho quyền lợi chung của quốc gia. Có lẽ theo tinh thần thể thao đã quen từ nhỏ.

Trở lại với Cỏ Thơm, như quý vị đã biết, tháng 6 vừa qua Cỏ Thơm đã có tiệc mừng sinh nhật 20 năm, cũng tại nhà hàng Harvest Moon quen thuộc ở Falls Church, Virginia. Buổi tiệc này đã có mặt của nhiều văn thi hữu và đại diện của một số hội đoàn trong vùng. Đặc biệt năm nay có "Hội Sách" lúc bắt đầu để giới thiệu sách của tác giả Cỏ Thơm và thân hữu với những tác phẩm như: Danh Nhân Trong Lịch Sử-Tập 1 và 2 của Biên khảo gia Phạm Văn Tuấn, "Mong Manh" của nhà thơ Ý Anh, "Dấu Chân Kỷ Niệm" của nhà thơ Nguyễn Phú Long, "Mưa Xuân - Spring Rain", tập thơ Anh-Việt của nhà thơ Tâm Minh Ngô Tăng Giao, "Bước Lạ Quê Hương" của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung vv... Ngoài bữa tiệc trưa thịnh soạn và văn nghệ thân mật chọn lọc với sự góp mặt của nhiều ca nhạc sĩ trong vùng còn có phần vinh danh tác giả: Biên khảo gia, cựu Chánh Án Nguyễn Văn Thành và một số người đã có công đóng góp vô vụ lợi cho sự trưởng thành của Cỏ Thơm, đó là: Nhà thơ Ngô Tăng Giao, Biên khảo gia Phạm Văn Tuấn, Nhà thơ Phan Khâm, Nhà thơ Ý Anh Đỗ Trùng Mỹ Hạnh và Nhạc sĩ Phan Anh Dũng. Xin mời đọc bài tường thuật của nhà văn Phạm Xuân Thái và hình ảnh trong số báo này. Anh Thái cũng vừa cho ra mắt "Tám lòng trái rộng", đưa con tinh thần đầu tiên, vào ngày 30 tháng 8 tại Falls Church, Virginia. Buổi ra mắt sách tổ chức chu đáo và được sự ủng hộ nhiệt tình của nhiều văn thi sĩ trong vùng. Thành thật chúc mừng anh Phạm Xuân Thái và mong vẫn đón nhận đều đặn những bài viết của anh trong tương lai.

Vài tuần sau ngày họp mặt của Cỏ Thơm thì nhận không vui: anh Đào Văn Sách, một thân hữu, MC/ca sĩ dễ mến trong vùng bị stroke (tai biến mạch máu não). Rất may mắn là anh phát hiện sớm, vào bệnh viện điều trị ngay nên tình trạng tương đối nhẹ. Ngay sau đó, chúng tôi lại được tin từ Nam Cali là chị Nga tức bà quả phụ Lê Trọng Nguyễn (tác giả Nắng Chiều, Lá Rơi Bên Thềm, Sao Đêm ...) cũng lâm vào tình trạng tương tự như anh Sách! Cỏ Thơm không mong gì hơn là quý độc giả và văn thi hữu để ý hơn đến sức khỏe. Thân chúc anh Sách, chị Nga giữ vững tinh thần, cố gắng theo lời chỉ dẫn của bác sĩ để chóng trở lại cuộc sống bình thường.

Số báo mùa Thu kỳ này vẫn phong phú với bài vở của văn thi hữu bốn phương. Hình bìa trước và sau là ảnh nghệ thuật và thơ mộng của 2 nhiếp ảnh gia Nguyễn Quốc Khải và Nguyễn Huy Linh. Trong số này có nhiều bài biên khảo đặc sắc và những bài văn, thơ, nhạc đầy chất Thu trữ tình, chắc chắn sẽ đem lại nhiều thú vị và cảm hứng đến quý độc giả.

Cảm ơn lòng ưu ái và sự ủng hộ của quý vị đối với tam cá nguyệt san Cỏ Thơm. Thân chúc quý vị và gia quyến nhiều an vui, thực hiện được nhiều ước nguyện và hẹn gặp lại quý vị vào số báo mùa Đông.

## Phan Anh Dũng

# PHÓNG SỰ VÀ TÙY BÚT

Trần Bích San

## PHÓNG SỰ

**P**hóng sự là một loại văn mới của chữ Quốc Ngữ có từ đầu thập niên 1930 ở nước ta. Phóng sự, thể loại mà sau khi tìm hiểu sự việc có tính cách thời sự dưới các góc cạnh đặc biệt, tác giả đã trung thực ghi lại những điều tai nghe mắt thấy kèm với nhận xét hay phê bình.

Ký sự (hay bút ký) là phóng sự mà thời gian tính đóng vai trò thứ yếu. Nếu *Phóng sự là con đầu lòng của nghề viết báo*, thì đồng thời nó cũng là con đẻ của ký sự. Phóng sự là thoái thân của ký sự. Phóng sự và ký sự cả hai đều nặng về việc ghi chép sự việc, nhưng ký sự có trước, phóng sự ra đời sau do nhu cầu nghề báo. Trọng tâm của phóng sự chủ ở người và sự việc khách quan (facts) mà tác giả (phóng viên) thu thập, quan sát rồi tường thuật. Ngược lại, trong ký sự người viết là trung tâm điểm, sự việc diễn tiến đi theo vết chân của tác giả.

Thiên ký sự đầu tiên ở nước ta là *Thượng Kinh Ký Sự* (Ký Sự Lên Kinh) của Hải Thượng Lãn Ông [01], tập bút ký tường thuật lại hành trình từ quê nhà lên Thăng Long để chữa bệnh cho thế tử con chúa Trịnh Sâm, mô tả hiện thực đời sống tại kinh đô thời đó. Năm Nhâm Dần 1782, đời vua Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 43, được Huy Quận Công Hoàng Đình Bảo tiến cử, tác giả khởi hành lên kinh đô vào tháng Giêng và ở lại khoảng một năm để chữa bệnh cho Trịnh Cán (con của

Tuyên Phi Đặng Thị Huệ). Khi trở về quê ngoại ở Hương Sơn, ông ghi lại những điều mắt thấy tai nghe. Tác phẩm được viết ít lâu sau khi kiêu binh (lính Tam Phủ) giết Quận Huy và mẹ con Đặng Thị Huệ.



Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác

Phóng sự có hai loại: phóng sự xã hội và phóng sự chiến trường. Khi người và việc trong một thiên phóng sự xã hội với những nhân vật và sự kiện có thật được nhà văn tiểu thuyết hoá tạo hấp dẫn mà vẫn giữ được yếu tố sự thật làm căn bản thì được gọi là phóng sự tiểu thuyết. Nhưng nếu phần hư cấu, tưởng tượng của nhà văn lại nặng hơn, lấn át phần sự thật, lúc đó phóng sự mang tên tiểu thuyết phóng sự. Phóng sự tiểu thuyết và tiểu thuyết phóng sự là anh em sinh đôi của bà mẹ phóng sự.

*Tôi Kéo Xe* (1932) của Tam Lang Vũ Đình Chí [02] là phóng sự đầu tiên ở nước ta. Sau đó có các phóng sự của Trọng Lang [03], Vũ Trọng Phụng [04], Thạch Lam (các phóng sự ngắn ký Việt Sinh đăng trên *Phong Hóa, Ngày Nay*). Phóng sự Tam

Lang, Trọng Lang, Thạch Lam thuộc về phóng sự xã hội. Phóng sự Vũ Trọng Phụng được xếp vào loại phóng sự tiểu thuyết.

Luận về thể văn phóng sự và vai trò của nó, nhà phê bình văn học Vũ Ngọc Phan nhận xét:

*Phóng sự là con đầu lòng của nghề viết báo. Phóng sự bao gồm lối tả thực của văn ký sự, lối trào phúng của văn châm biếm, và cảm người ta bằng văn tiểu thuyết. Như vậy, viết được một thiên phóng sự hay, nhà viết báo không những cần phải có tài đặc biệt về nghề báo, mà còn cần phải có nhiều "chất văn sĩ" mới được. Những nhà viết báo nổi danh nhất hoàn cầu đều là những nhà viết báo đã nổi danh về phóng sự, nhưng họ cũng lại là những văn sĩ có tiếng, những văn sĩ ưa sống một cách bông bột và gần gũi với những cảnh sống luôn luôn thay đổi... Những thiên phóng sự xứng với cái tên của nó đều có cái chức vụ giúp cho người đời trong sự đào thải và cải cách. Những người viết phóng sự chân chính bao giờ cũng là người bên vực lẽ phải, bên vực sự công bình".*

Quan niệm trên phù hợp với sự đóng góp cho công cuộc cải thiện bất công xã hội của thiên phóng sự *Tôi Kéo Xe*. Khởi đăng trên tờ *Hà Thành Ngọ Báo* năm 1932, mở đầu cho lối văn phóng sự ở nước ta, Tam Lang Vũ Đình Chí thực hiện với ước vọng cải thiện chế độ "ngựa người". Mười năm sau, chiếc xe tay hai bánh "người kéo người" được thay thế bằng chiếc xích lô đạp ba bánh "người đạp người". Mấy chục năm sau chế độ "cai xe" gần như không còn nữa, cải tạo xã hội đã đạt được một phần.

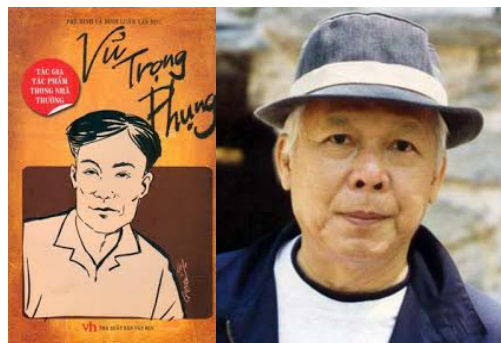
Tuy chiếc xe biến đổi từ hai bánh không bàn đạp thành ba bánh hai bàn đạp, nhân phẩm người lao động lương thiện có

được nâng lên nhưng tâm hồn phu xe chưa được gột rửa, vẫn còn một số anh xe xích lô mời chài gái cho khách làng chơi. Nhà văn có thể dùng phóng sự đưa ra bất công, nhưng cải tạo xã hội nằm trong việc nâng cao dân trí (do nhà ái quốc Phan Bội Châu đề xướng) đòi hỏi thời gian và nỗ lực trong lãnh vực giáo dục.



Trọng Lang

Tam Lang



Hoàng Hải Thủy

Từ tiền chiến đến năm 1954 có thêm phóng sự *Trên Vía Hè Hà Nội* (1953) của Triều Đầu. Sau hiệp định Geneve 1954 chia đôi đất nước, miền Bắc hoàn toàn không có phóng sự, miền Nam có thêm hai cây bút Tam Lang và Trọng Lang nhưng chỉ có Trọng Lang viết một phóng sự rồi ngưng (*A!*

Sè Goòn đăng trên báo Dân Chủ, Sài Gòn 1955-56). Triều Đầu khi vào Nam thực hiện hai thiên phóng sự *Trên Vĩa Hè Sài Gòn* (1957) và *Những Thiên Đường Lỡ* (1957).

Từ 1956, giới phóng sự ở miền Nam có thêm Hoàng Hải Thủy [05], một Vũ Trọng Phụng của miền Nam. *Vũ Nữ Sài Gòn* (đăng trên tuần báo *Văn Nghệ Tiền Phong* từ 1956, xuất bản 1967) với lối viết trào phúng mới mẻ, sáng tạo những từ mới lạ (phát âm khác đi) dí dỏm có duyên của ông đã hấp dẫn được độc giả. *Tây Đục Tây Cối, Bà Lớn, Yêu Tỳ* viết trong thời gian sau của Hoàng Hải Thủy thuộc loại tiểu thuyết phóng sự (do tác giả hư cấu, tưởng tượng và tiểu thuyết hóa, ít các sự kiện có thực).

Cho đến giữa thập niên 1960 văn học Việt Nam chỉ thuần có loại phóng sự xã hội. Phải đến nửa sau của thập niên 1960 khi cường độ chiến tranh ở Miền Nam ngày càng sôi động khốc liệt thì phóng sự chiến trường mới bùng nở, ngày một nhiều. Loại này trở nên phong phú, sôi nổi, nhiều phóng viên ra tận mặt trận làm phóng sự đăng trên các báo hàng ngày như ký giả Dzơan Bình, Ngô Đình Vận, Đông Duy, Lê Thiệp, Lê Phú Nhuận...nhất là các trận đánh lớn như Tết Mậu Thân 1968, tấn công sang vùng Mỏ Vẹt Kampuchia 1970, tổng công kích mùa Hè 1972, trận Hạ Lào 1973, cuộc lui binh quân khu I và II, trận chiến Xuân Lộc 1975. Trong vô số các phóng sự chiến trường thời gian này, *Đường Mòn Hồ Chí Minh* của Phan Nghị, *Hạ Lào Khó Quên* của Nguyễn Vũ, *Cuộc Triệt Thoái Liên Tỉnh Lộ 7* của Nguyễn Tú là các phóng sự thu hút được nhiều người đọc.

Về loại bút ký chiến tranh giai đoạn 1965-1975, phần lớn tác giả là những người ở trong quân ngũ đang sống và tham gia

chiến trận, hoặc tuy không khoác áo lính nhưng có dịp trải qua và chứng kiến viết lại trong các tác phẩm *Đời Pháo Thủ* (1967) của Nguyễn Vũ, *Bờ Sông Lá Mực* (1969) của Phan Lạc Tiếp, *Giải Khăn Sô Cho Huế* (1969) của Nhã Ca, *Địa Ngục Có Thật* (1969) của Dương Nghiễm Mậu, *Y Sĩ Tiền Tuyến* (1970) của Trang Châu, *Tử Thủ Cẩn Cự Hỏa Lực 30 Hạ Lào* của Trương Dưỡn, *Một Ngày Tại Hà Nội* của Phạm Huân, *Đọc Đường Số 1* (1970), *Mùa Hè Đỏ Lửa* (1972), *Tù Binh và Hòa Bình* (1974) của Phan Nhật Nam.

Ở hải ngoại từ 1975 đến nay có rất nhiều bài bút ký chiến tranh của các quân nhân di tản ra nước ngoài đăng tải trên nguyệt san *Chiến Sĩ Cộng Hòa*, các đặc san binh chủng Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân, Thiết Giáp, Pháo Binh, Biệt Kích, Không Quân, Hải Quân, v.v. Xuất bản thành sách phải kể tới các tác phẩm của Phạm Kim Vinh (*Những Trận Đánh Cuối Cùng*), Duyên Anh (*Sài Gòn Ngày Dài Nhất*), Phạm Huân (*Trận Hạ Lào 1971, Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975, Những Uất Hận Trong Trận Chiến Mất Nước 1975*).

Tóm lại, có nhiều phóng sự xã hội nổi tiếng một thời nhờ đưa ra ánh sáng những bất công xã hội hay bí mật động trời, hoặc các phóng sự chiến trường đáp ứng được thời gian tính một trận đánh lớn mà người đọc đang nóng lòng theo dõi, nhưng thể phóng sự không có giá trị lâu dài vì nặng về sự việc và tính cách thời sự, tuy nhiên, các tác phẩm thuộc về bút ký chiến tranh hoặc phóng sự tiểu thuyết thì lại khác vì hai loại này thiên về tư tưởng, nghệ thuật và sáng tạo.

## TÙY BÚT

Tùy bút là lối viết tùy hứng mà phóng bút, là một loại văn rất phóng khoáng. *Tâm viên ý mã*, lan man theo dòng tư tưởng, tiện gì viết nấy, tùy suy nghĩ mà giải bày tâm tình.

Ý nghĩ và sự tưởng tượng miên man theo ngòi bút từ việc này lan sang chuyện khác nhẹ nhàng như làn gió thoảng, như mây trời lang thang. Một buổi chiều mưa, sương mù trên sông nước, một nơi chốn kỷ niệm, sự hối hận ray rứt hay nỗi nhớ khôn nguôi... bất kỳ cảnh vật, sự việc, hay một thoáng rung động của tâm hồn cũng có thể trở thành đề tài cho tùy bút.

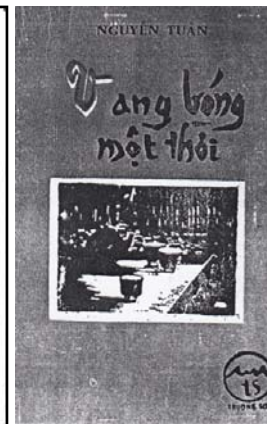
Tùy bút có chiều dài như truyện ngắn, trong cả hai, vết tích việc làm văn biến đi, mất hút trong cái trong đời và trừu tượng. Truyện ngắn cần có một câu chuyện được cấu tạo cẩn thận và thuần nhất, nhưng tùy bút không cần, nó gần như truyện không có chuyện của Katherine Mansfield. Tùy bút rất gần gũi với thơ. Gần với thơ vì văn tùy bút mang nhiều chất thơ. Chữ nghĩa trong tùy bút cô đọng, đả lọc khó khăn như lối chọn từ trong thơ.

Tùy bút không phải là ký sự hay truyện ký. Trong tùy bút có sự việc, có thực tại giống như ký sự, nhưng lại không lý đến yếu tố thời gian. Ghi chép sự việc là điều không quan trọng với tùy bút, nó không nhằm ghi nhận thực tại mà cũng chẳng cần đi sát với thực tại. Tùy bút cũng không phải là phiếm luận. Nó có những lý luận như phiếm nhưng là tùy hứng mà suy luận, không chủ ý biện luận. Tóm lại, tùy bút là kết hợp của các thể phiếm, bút ký, truyện ký, nhật ký, tạp ký, tạp luận, truyện ngắn và thơ.

Tùy bút phóng khoáng như thể nhưng không dễ viết, ngược lại, tùy bút khó viết nhất trong các loại văn xuôi. Chọn viết tùy

bút là việc làm phiêu lưu của nhà văn bởi chỉ có hai mặt: thành công hay thất bại. Tùy bút không có cốt truyện nên phải viết sao cho hấp dẫn, lôi cuốn người đọc, phải thanh nhã, tự nhiên, có duyên và ý vị. Quan trọng hơn cả, tùy bút phải có nghệ thuật cao, truyện ngắn hoặc truyện dài không hay thì vẫn là tiểu thuyết, thơ dở vẫn là thi ca, còn tùy bút thiếu nghệ thuật thì không còn là tùy bút, cũng ví như phở không có mùi phở. Đó là lý do tại sao người viết tùy bút nước ta không nhiều.

Thể tùy bút không phải chỉ mới xuất hiện gần đây trong văn học Việt Nam. Từ hậu bán thế kỷ thứ 18, *Vũ Trung Tùy Bút* (Tùy bút viết trong mưa) của Phạm Đình Hồ [06] được coi là tác phẩm đầu tiên viết dưới dạng sơ khai của tùy bút, ghi chép những điều tai nghe mắt thấy, hoặc theo trí nhớ, hay theo lời kể của người khác, nội dung phong phú sinh động phản ánh nhiều khía cạnh của đời sống nước ta vào thời kỳ loạn ly vào những năm cuối của nhà Hậu Lê cho đến khi Gia Long thống nhất đất nước (cuối thế kỷ thứ 18, đầu thế kỷ thứ 19).







Nguyễn Tuân



Thạch Lam



Vũ Bằng

Đầu thế kỷ thứ 20, vào những năm 1916, 1917 Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu viết nhiều bài phiếm luận trên tờ *Đông Dương Tạp Chí* của Nguyễn Văn Vĩnh. Sau đó, vào thập niên 1930, Lãng Nhân Phùng Tất Đắc cũng viết theo lối của Tân Đà nhưng sâu sắc hơn trên báo *Đông Tây* của Hoàng Tích Chu. Nhưng những bài văn của Tân Đà và Lãng Nhân chỉ được coi là tạp luận, tạp bút không phải tùy bút. Phải chờ tới 1939, khi những bài viết của Nguyễn Tuân [07] (sau được xuất bản thành *Vang Bóng Một Thời, Tùy Bút I, Tùy Bút II*) với giọng tài hoa, khinh bạc xuất hiện ngay từ số đầu trên tạp chí văn học *Tao Đàn* của nhà Tân Dân (số 1

ra ngày 01 tháng 03, 1939) thì thể tùy bút mới thực sự có thể giá, chính thức trở thành thể loại riêng trong văn học Việt Nam.

Cùng thời với Nguyễn Tuân, trong số những tác phẩm của Thạch Lam [08], *Hà Nội Băm Sáu Phố Phường* (nxb Đời Nay, 1943) là tập tùy bút viết về sự thanh lịch và những món quà của đất ngàn năm văn vật. Văn tùy bút Thạch Lam đầy ắp âm thanh, màu sắc, mùi vị với nhận xét tinh tế, đậm thắm của một tâm hồn lắng đọng, thiết tha và dịu dàng.

Sau hiệp định Genève 1954 ngoài Bắc vẫn chỉ có một mình Nguyễn Tuân, *Phở* là một tùy bút hiếm hoi của ông. Trong Nam lại khác, người đọc có dịp được thưởng thức văn tùy bút của Vũ Bằng [09], Mai Thảo [10], Võ Phiến [11]. Ở hải ngoại mảnh vườn văn học tùy bút có thêm Hoàng Dược Thảo, Du Tử Lê.

Tùy bút Vũ Bằng thuần viết về quê hương bằng giọng nồng nàn tha thiết các món lạ trong Nam, món ngon ngoài Bắc cùng sự thương nhớ quê cũ, người vợ đã xa cách. Tùy bút Mai Thảo bay bướm lãng mạn trữ tình với hình ảnh, âm điệu tăng thắm thức cảm nhận, văn phong bóng bẩy trau chuốt có khi phảng phất về làm dáng văn chương. Ngược lại, tùy bút Võ Phiến chân phương, nhận xét chính xác tỉ mỉ, tinh tế sâu sắc nhưng vẫn dí dỏm, ý nhị. Hoàng Dược Thảo, phái nữ duy nhất viết tùy bút, tuy không có chất lãng giang hồ của Nguyễn Tuân nhưng cái tinh thần lãng mạn thể kỷ 19 bằng bạc trong tùy bút như thơ Lamartine, Rimbaud. Tùy bút Hoàng Dược Thảo viết về tình bạn, tình yêu hay chính mình là những lát cày bới sâu đến tận đáy cảm nghĩ của một tâm hồn nặng tình và nhạy cảm. Du Tử Lê với bản chất thi sĩ nên

văn tùy bút của ông mang nhiều chất thơ, nếu coi *Trên Ngọn Tình Sầu* như thơ tự do cũng không hẳn là quá đáng. Sử dụng điệp văn, lặp lại nhiều lần nguyên một đoạn văn dài mà không nhàm là sáng tạo độc đáo trong văn tùy bút của ông [12].



Võ Phiến



Hoàng Dược Thảo



(Tranh Đinh Cường)  
Mai Thảo



Du Tử Lê

Văn tùy bút có những biến thái, lúc nhẹ nhàng vắn tắt, lúc quanh co dài dòng phô diễn tư tưởng phức tạp bằng một thứ ngôn ngữ độc đáo, mới lạ, nhưng mỗi tác gia mang phong cách riêng biệt, nhân cách của từng người rất rõ nét. Văn tùy bút chất chứa nhiều lời cuốn, mê hoặc, chiều sâu các con

chữ mang hình tượng, ẩn dụ luôn luôn mời gọi khám phá thích thú của người đọc.

Tùy bút không thể đọc nhanh như các loại văn khác, không những cần chậm rãi, thư thả mà người đọc còn phải đọc đi đọc lại nhiều lần. Cũng ví như thú uống trà trong sương sớm đòi hỏi nhàn tản, từ tốn mới cảm nhận đến tận cùng hương vị của thứ trà quý hiếm ngấm dần vào khứu và vị giác chúng ta.

## TRẦN BÍCH SAN



### CHÚ THÍCH

[01] **Hải Thượng Lãn Ông** 海上懶翁 (1720-1791): có nghĩa là ông lười ở Hải Thượng, tên thật Lê Hữu Trác 黎有暉 (còn có tên là Lê Hữu Huân), một nho gia và danh y Việt Nam vào cuối đời Hậu Lê. Ông sinh năm 1720, người xã Liêu Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, trấn Hải Dương (nay thuộc phủ Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên). Về năm sinh của ông, các sách ghi không thống nhất: gia phả ghi ngày 12 tháng 11 năm Giáp Thìn (tức 27-12-1724). Các tài liệu khác thì chép năm sinh là 1720 hay 1721. Ông thuộc một gia đình có nhiều đời đỗ đạt, cha và chú đều đỗ tiến sĩ và làm quan đến đại thần. Lúc còn trẻ học ở Thăng Long ông đã nổi tiếng hay chữ và đã thi đậu Tam Trường. Năm 19 tuổi, cha mất nên ông phải thôi học về nhà chịu tang. Đến năm 20 tuổi, ông xếp bút nghiên để tòng quân. Nhưng rồi nhận thấy không hợp với ý mình nên vài năm sau nghe tin người anh cả mất, ông xin ra khỏi quân ngũ, lấy cớ về thay anh nuôi mẹ già 70 tuổi và mấy cháu mồ côi ở quê ngoại thuộc xã Tình Diệm, huyện Hương Sơn, trấn Nghệ An (nay là



tỉnh Hà Tĩnh) để phụng dưỡng mẹ già. Tại Hương Sơn, ông nghiên cứu y học, trở thành một y sư danh tiếng. Ông mở trường dạy học và soạn sách. Năm 1782, ông được chúa Trịnh Sâm vời lên kinh đô chữa bệnh cho thế tử Trịnh Cán (con tuyên phi Đặng Thị Huệ). Ông mất năm 1791, thọ 72 tuổi.

**Tác phẩm:** *Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh*, bộ sách y khoa đồ sộ gồm 66 quyển, biên soạn trong 40 năm, là bộ bách khoa thư về y học của Việt Nam vào thế kỷ 18. Ngoài giá trị khoa học, bộ y điển này còn có giá trị văn học đáng kể. *Y huấn cách ngôn* là 9 câu cách ngôn về y đức, thể hiện tâm lòng cao cả của một thầy thuốc, *Y Dương An* và *Y Âm An* là hai tập bệnh án, nhưng đồng thời chúng cũng toát ra những sinh hoạt của xã hội Việt Nam thế kỷ 18.

[02] **Tam Lang (1901-1986):** tên thật Vũ Đình Chí, quê tỉnh Bắc Ninh, sinh trưởng ở Hà Nội, nhà văn, nhà báo chuyên về phóng sự và nổi danh ngay với thể loại này từ thiên phóng sự *Tôi Kéo Xe* (1932). Sau đó ông viết hàng loạt phóng sự sống động về sinh hoạt xã hội Việt Nam. Trước 1954 chủ bút các báo *Tin Mới*, *Dân Quốc*, *Giang Sơn*, *Cậu Ấm Cô Chiêu*, *Dân Chúng*, *Thân Dân*, *Tia Sáng* (Hà Nội). Sau hiệp định Genève 1954, di cư vào Nam, chủ nhiệm, chủ bút báo *Tự Do*, *Công Nhân*, *Cách Mạng Quốc Gia*, *Tin Tức*, *Mã Thượng* (Sài Gòn). Mất tại Sài Gòn năm 1986, thọ 85 tuổi.

**Tác phẩm:** *Tôi Kéo Xe* (phóng sự, nxb Trung Bắc Tân Văn, Hà Nội, 1935), *Đêm Sông Hương* (phóng sự, nxb Nam Ký, Hà Nội, 1938), *Lọng Cụt Cán* (châm biếm, Tam Lang xb, 1939), *Người Ngợm* (tập truyện, Editions Choisis, Hà Nội, 1940), và nhiều phóng sự đã đăng báo.

[03] **Trọng Lang (1906- 1986):** tên thật Trần Tấn Cửu, sinh ngày 02 tháng 10, 1906 tại Hà Đông, chuyên viết phóng sự, nổi tiếng từ thời tiền chiến, di cư vào Nam năm 1954, mất tại Sài Gòn ngày 29 tháng 04, 1986, thọ 81 tuổi.

**Tác phẩm:** *Trong Làng Chạy* (báo *Ngày Nay* số 3-13, 1935), *Đời Bí Mật của Sư Vãi* (báo *Ngày Nay* số 11-13 + đến số 157 *Phong Hóa*, 1935), *Gà Chọi* (báo *Phong Hóa* số 152-157, 1935), *Đồng Bông* (báo *Phong Hóa* số 163-173, 1935-1936), *Hà Nội Lâm Than* (báo *Ngày Nay* tháng 2 – tháng 9, 1937, nxb *Đời Nay*, 1938), *Làm Dân* (báo *Ngày Nay* số 95-120, 1938), *Làm Tiền* (báo *Ngày Nay* số 177-194, 1939, nxb *Mới*, 1942), *Với Các Ông Lang* (báo *Hà Nội Tân Văn* số 57-73, 1941), *Vợ Lễ Nàng Hầu* (1943, nxb *Tự Do*, Hà Nội, 1950), *Sau Mật Nạ* (báo **Thông Tin**, Hà Nội, 1943), *Những Đứa Trẻ* (1944, nxb *Tự Do*, Hà Nội, 1950), *Thị Vị Đồng Quê* (báo *Thông Tin*, Hà Nội 1944), *Đói* (báo *Ngày Nay*, Hà Nội, 1945), *Sống Sốt* (báo *Ngày Nay*, Hà Nội, 1945), *Tản Cư* (báo *Ngày Mới*, Hà Nội, 1947), *Đây, Huế* (báo *Tổ Quốc*, Huế, 1951), *Quê Hương Giữa Thân Kinh* (báo *Tổ Quốc*, Huế, 1951), *À! Sè Goon* (báo *Dân Chủ*, Sài Gòn, 1955-1956).

[04] **Vũ Trọng Phụng (1911-1939):** bút hiệu Thiên Hư, quê ở ngoại ô Hà Nội, gia đình nghèo, mới được 7 tháng thì cha mất, mẹ vất vả nuôi đến trưởng thành, sớm vào đời mưu sinh, làm thư ký hãng buôn Godard Hà Nội, nhà in I.D.E.O, viết cho *Ngo Báo*, *Công Dân*, *Tân Thiếu Niên*, *Hà Nội Báo*, *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*, *Sông Hương*, *Tao Đàn*. Mắc bệnh lao, từ trần ngày 13 tháng 10, 1939, hưởng dương 28 tuổi.

**Tác phẩm:** *Chống Nặng Lên Đường* (truyện ngắn, nxb Tân Dân, Hà Nội, 1932), *Cạm Bẫy Người* (phóng sự, An Nam Xuất Bản Cục, Hà Nội, 1934), *Không Một Tiếng Vang* (Kịch, nxb Đông Tây, 1934), *Kỹ Nghệ Lầy Tầy* (phóng sự, 1936), *Giông Tố* (tiểu thuyết, nxb Văn Thanh, Hà Nội, 1936), *Cơm Thầy Cơm Cô* (phóng sự, 1937), *Lục Xi* (phóng sự, nxb Minh Phương, Hà Nội, 1937), *Số Đỏ* (tiểu thuyết, nxb Lê Cường, Hà Nội, 1938), *Quý Phái* (tiểu thuyết, đăng trên Đông Dương Tạp Chí, 1938-1939), *Làm Đĩ* (tiểu thuyết, nxb Mai Lĩnh, Hà Nội, 1939), *Trúng Số Độc Đắc* (tiểu thuyết, 1939), *Dứt Tình* (tiểu thuyết, Phổ Thông Bán Nguyệt San, 1941), *Vỡ Đê* (tiểu thuyết, đăng trên Tiểu Thuyết Thứ Ba, 1941), *Lấy Nhau Vì Tình* (tiểu thuyết, đăng trên Tiểu Thuyết Thứ Ba, 1941, nxb Minh Phương, Hà Nội, 1942), *Người Tù Được Tha* (di cao).

[05] **Hoàng Hải Thủy:** tên thật Dương Trọng Hải, bút hiệu khác Công Tử Hà Đông, sinh năm 1933 (theo Võ Phiến sinh ngày 01 tháng 03, 1930) ở Hà Đông, vào Nam từ 1951. 1952 giải nhất truyện ngắn của nhật báo *Tiếng Dội*, phóng viên cho nhật báo *Ánh Sáng Sài Gòn*, phòng 5 bộ Tổng Tham Mưu quân đội VNCH, nhật báo *Sài Gòn Mới*. Nổi tiếng ngay với thể phóng sự. 1977 bị giam 2 năm (1977-1979) vì tội gửi bài viết ra nước ngoài. Tháng 5/1984 bị bắt lần thứ hai với tội danh biệt kích văn nghệ, bị đưa ra tòa, kết án tù 6 năm. 1990 ra tù, về Sài Gòn. Tháng 11, 1994 sang Hoa Kỳ tị nạn, định cư ở Virginia.

**Tác phẩm:** *Vũ Nữ Sài Gòn* (1967), *Nở Như Tạc Đạn* (1968), *Yêu Lắm Căn Đâu* (1968), *Bạn Và Vợ* (1969), *Đêm Về Sáng* (1968), *Môi Thắm Nửa Đời* (1969), *Mùa*

*Hạ Hai Mươi, Những Tên Biệt Kích Cầm Bút, Tại Ngục Vịnh Kiều* (nxb Làng Văn, Canada, 1996), *Đất Hồ Ngàn Năm* (nxb Tuổi Xanh, 2001), *Sống Chết Ở Sài Gòn* (nxb Tiếng Quê Hương, Virginia, 2002), *Viết Ở Rừng Phong* (nxb Tiếng Quê Hương, Virginia, 2004), *Rừng Phong Thu Đã* (nxb Sài Gòn Nhỏ, California, 2005), *Sài Gòn Vang Bóng* (nxb Làng Văn, Canada, 2011), và khoảng hơn 40 phóng tác/Việt hóa từ các tác phẩm ngoại quốc.

[06] **Phạm Đình Hồ 范廷琥 (1768-1839):** danh sĩ, con quan Tham Tri Phạm Đình Dur, quê xã Đan Loan, huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương, tự Tùng Niên 松年, Bình Trực 秉直, hiệu Đông Dã Triều 東野樵, tục gọi là Chiêu Hồ, học rộng, biết nhiều nhưng thi chỉ đỗ Tú Tài, gặp thời loạn (nội chiến Trịnh- Nguyễn- Tây Sơn 1771-1802) nên ở ẩn. 1821 vua Minh Mạng vời ra bổ làm Hành Tẩu Viện Hàn Lâm, ít lâu sau từ chức. 1826, vua Minh Mạng lại triệu ra làm Thừa Chi Viện Hàn Lâm và Tế Tửu Quốc Tử Giám (giáo sư), 5 năm sau xin nghỉ dưỡng bệnh rồi từ chức. Sau trở lại nhận chức cũ, được thăng Thị Giảng Học Sĩ. 1832 về hưu. 1839 mất, thọ 71 tuổi.

**Tác phẩm:** *Lê Triều Hội Điện, Bang Giao Điện Lệ, An Nam Chí, Càn Không Nhất Lâm, Ai Lao Sứ Trình, Đạt Man Quốc Địa Đồ* (tức Chân Lạp Địa Đồ), *Hi Kinh Trắc Lãi, Nhật Dụng Thường Đàm, Vũ Trung Tùy Bút, Tang Thương Ngẫu Lục* (viết chung với Nguyễn Ân), *Quốc sử Tiểu Học, Hành Tại Điện Đối, Quân Thư Tham Khảo, Châu Phong Tạp Khảo, Châu Phong Thi Tập*.

[07] **Nguyễn Tuân (1910-1987):** sinh ngày 10 tháng 07, 1910, quê xã Nhân Mục,

huyện Từ Liêm, Hà Nội, nguyên quán Thanh Hóa. Thuở nhỏ học ở Thanh Hóa, thân phụ là công chức nên theo gia đình sống nhiều nơi ở miền Trung từ Thanh Hóa vào đến Nha Trang. Cộng tác với *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*, *Tao Đàn*, *Thanh Nghị*, *Hà Nội Tân Văn*, *Trung Bắc Chủ Nhật*, từng là diễn viên kịch nghệ và điện ảnh, tổng thư ký Hội Văn Nghệ Việt Nam, trong ủy ban trung ương Hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam, ủy viên thường vụ, cố vấn ban chấp hành Hội Nhà Văn Việt Nam, mất ngày 28 tháng 07, 1987, thọ 77 tuổi.

**Tác phẩm:** *Ngọn Đèn Dầu Lạc* (1939), *Nhà Bác Nguyễn* (nxb Tân Việt, 1940), *Vang Bóng Một Thời* (nxb Tân Dân, 1940), *Một Chuyến Đi* (nxb Tân Dân, 1941), *Tàn Đèn Dầu Lạc* (nxb Mai Lĩnh, 1941), *Chiếc Lư Đồng Mất Cua* (nxb Hàn Thuyên, 1941), *Tùy Bút I & II* (nxb Công Lực, 1942 & 1943), *Thiếu Quê Hương* (1943), *Quê Hương* (1943), *Tóc Chị Hoài* (1943), *Chùa Đèn* (1944), *Nguyễn* (1945), *Đường Vui* (1949), *Chuyện Một Cái Thuyền Đát* (1958), *Sóng Đà* (1960),

[08] **Thạch Lam (1910-1942):** sinh ở ấp Thái Hà, Hà Nội ngày 07/07/1910, còn có bút hiệu Việt Sinh (phóng sự), Thiện Sĩ (Sách Hồng), tên thật Nguyễn Tường Lân, em Nhất Linh, Hoàng Đạo, gốc ở Cẩm Phô, tỉnh Quảng Nam, cha là Nguyễn Tường Nhu, mẹ là Lê Thị Sâm, ông nội làm tri huyện Cẩm Giàng, học trường huyện Cẩm Giàng, lúc đầu khai sinh tên Nguyễn Tường Vinh, sau tăng tuổi để học vượt lớp nên làm lại giấy khai sinh đổi thành Nguyễn Tường Lân. Ông thân sinh làm việc tại tòa Khâm Sát Pháp ở Lào mất năm Thạch Lam mới 7 tuổi. Năm 15 tuổi đỗ bằng Cơ Thủy, tăng tuổi để được học ban Thành Chung, đậu

bằng Cao Đẳng Tiểu Học năm 17 tuổi (1927). Học trường Cao Đẳng Canh Nông được 1 năm rồi xin nghỉ qua học trường Albert Sarraut, sau khi đỗ Tú Tài phần I ở nhà học với mấy người anh. Viết cho *Phong Hoá*, *Ngày Nay* từ 1935 đủ các thể loại từ phóng sự, phỏng vấn, tới tiểu luận, tùy bút, truyện ngắn, truyện dài, riêng về thể truyện ngắn đã đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật. Thạch Lam cùng nhóm TLVĐ khởi xướng *Đoàn Ánh Sáng* với mục đích cải tạo nếp sống tối tăm, bùn lầy nước đọng của tầng lớp những người nghèo khổ. Mất ngày 27 tháng 06, 1942 trong cảnh thanh bạch vì bệnh lao phổi tại căn nhà tranh vách gỗ ở Yên Phụ, ven Hồ Tây, Hà Nội, hưởng dương 33 tuổi.

**Tác Phẩm:** *Gió Đầu Mùa* (truyện ngắn, 1937), *Nắng Trong Vườn* (truyện ngắn, 1938), *Sợi tóc* (truyện ngắn, 1942), *Ngày Mới* (truyện dài, 1939), *Theo Giòng* (tiểu luận, 1941), *Hà Nội Băm Sáu Phố Phường* (tùy bút, 1943).

[09] **Vũ Bằng (1913-1984):** tên thật Vũ Đăng Bằng, sinh ngày 03 tháng 06, 1913, nguyên quán làng Lương Ngọc, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, sinh và lớn lên tại Hà Nội, xuất thân gia đình nho học, học trường Albert Sarraut, cuối năm Tú Tài bỏ học đi làm báo. Từ 1926-1930 cộng tác với tờ *Đông Tây*, *Ngọ Báo*, *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*, *Ngày Mai*, *Trung Bắc Tân Văn* ở Hà Nội và một số báo ở trong Nam. Vào Nam trước 1954 cộng tác với báo *Lửa Sóng*, *Quê Hương*, *Dân Chúng*, *Tiếng Chuông*, *Sài Gòn Mới*, *Báo Mới*, *Tin Điện*, *Tin Vịt*. Mất ngày 07 tháng 04, 1984, thọ 70 tuổi.

**Tác phẩm:** *Lọ Vỡ* (1936), *Một Minh Trong Đêm Tối* (1937), *Truyện Hai Người* (1940), *Tội Ác và Hối Hận* (1940), *Để Cho*

*Chàng Khởi Khố* (1941), *Cai* (hồi ký, 1948), *Ăn Tết Thủy Tiên* (1956), *Món Ngon Hà Nội* (tùy bút, 1957), *Thuận Vợ Thuận Chồng* (1058), *Khảo Về Tiểu Thuyết* (1960), *Bốn Mươi Năm Nói Lào* (1969), *Món Lạ Miền Nam* (tùy bút, 1970), *Nhà Văn Lắm Chuyện* (1971), *Những Cây Cười Tiền Chiến* (1971), *Cái Lồng Đèn* (1971), *Nói Có Sách* (1972), *Thương Nhớ Mươi Hai* (tùy bút, 1972).

[10] **Mai Thảo (1927-1998)**: tên thật Nguyễn Đăng Quý, sinh ngày 08 tháng 06, 1927 tại Nam Định, di cư vào Nam năm 1954. Chủ trương các tạp chí *Sáng Tạo*, *Nghệ Thuật*. Vượt biên định cư tại Hoa Kỳ từ 1978, mất ngày 10 tháng 01, 1998 tại California, thọ 72 tuổi.

**Tác phẩm**: *Đêm Giã Từ Hà Nội* (1956), *Tháng Giêng Cỏ Non*, *Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đình Trời* (1963), *Mái Tóc Dì Văng* (1963), *Khi Mùa Mưa Tới* (1964), *Bày Thở Ngày Sinh Nhật* (1965), *Viên Đạn Đồng Chữ Nói* (1966), *Đêm Lạc Đường* (1967), *Cùng Đi Một Đường* (1967), *Tới Một Tuổi Nào* (1968), *Lối Đi Dưới Lá* (1969), *Mang Xuống Tuyến Đài*, *Tùy Bút* (1970), *Sau Giờ Giờ Nghiêm* (1970), *Chân Bài Thứ Năm*, *Ta thấy Hình Ta Những Miếu Đèn* (thơ).

[11] **Võ Phiến**: tên thật Đoàn Thế Nhơn, bút hiệu khác Trảng Thiên, sinh ngày 20 tháng 10, 1925 tại làng Trà Bình, quận Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, công chức, định cư tại California từ 1975.

**Tác phẩm**: *Chữ Tình* (1956), *Người Tù* (1957), *Mưa Đêm Cuối Năm* (1959), *Đêm Xuân Trăng Sáng* (1961), *Giã Từ* (1962), *Thương Hoài Ngàn Năm* (1962), *Thư Nhà* (1963), *Tiểu Thuyết Hiện Đại* (1963), *Văn Học Nga Số Hiện Đại* (1965), *Một Minh*

(1965), *Tạp Bút* (1965-66), *Đàn Ông* (1966), *Áo Ảnh* (1967), *Phù Thế* (1969), *Tạp Luận* (1973), *Đất Nước Quê Hương* (1973), *Chúng Ta Qua Cách Viết* (1973), *Văn Học Miền Nam* (1986), *Tùy Bút I & II* (1986 & 1987), *Tiểu Luận* (1988). *Cuối Cùng* (2009).

[12] Trong các bài tùy bút *Tóc trên đầu vẫn từng ngọn riêng tây, Thả nốt vàng trắng xuống đáy vườn, Biệt, ly kia, em ạ: để quay về (Trên Ngọn Tinh Sầu*, *Tùy Bút*, nxb H.T. Productions, California, Hoa Kỳ, 2011.).



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hải Thượng Lãn Ông (Lê Hữu Trác), *Thượng Kinh Ký Sự*, bản dịch *Ký Sự Lên Kinh* của Bùi Hạnh Cần, nxb Hà Nội, 1977.
- Nguyễn Q. Thắng, *Tự Điển Tác Gia Việt Nam*, nxb Văn Hóa, Hà Nội, 1999.
- Phạm Đình Hồ, *Vũ Trung Tùy Bút*, Nguyễn Hữu Tiến dịch và chú thích, nxb Văn Học, Hà Nội, 2001.
- Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*, nxb Anh Phương, Sài Gòn, 1965.
- Tam Lang Vũ Đình Chí, *Tôi Kéo Xe*, Phóng sự, nxb Trung Bắc Tân Văn, Hà Nội, 1935, Phong Trào Văn Hoá tái bản 1969.
- Võ Phiến, *Tùy Bút I & II*, nxb Văn Nghệ, California, Hoa Kỳ. 1986 & 1987.
- Võ Phiến, *Văn Học Miền Nam*, Tổng Quan, in lần thứ 3, nxb Văn Nghệ, California, Hoa kỳ, 2000.
- Vũ Ngọc Phan, *Nhà Văn Hiện Đại*, tái bản lần thứ 3, nxb Thăng Long, Sài Gòn, 1959.



## CHIẾC LÁ MÙA THU

Còn chiếc lá trên cành  
Chiếc lá vàng mong manh  
Tàn thu về đầu ngõ  
Đang phất phơ trước gió  
Hững hờ chưa muốn rơi  
Hiu hắt cuối chân trời  
Đã nhuộm màu quan tái  
Nằm mơ hoài mơ mãi  
Lá dưới cội về cành  
Hai chiếc lá dễ dàng  
Bỏ quên đi hờn dỗi  
Đang giữa mùa xá tội  
Mở cõi lòng vị tha  
Cuộc tình lại nở hoa  
Khi em quay trở lại  
Dấu vết nào ái ngại  
Ngày tháng nào chia ly  
Giây phút xóa tan đi  
Tới gần nhau miên viễn  
Đêm cầu kinh tụng niệm  
Sáng chợt nhớ môi hôn  
Qua dấu bể sống còn  
Vẫn mang nhiều ước vọng  
Như trời cao bể rộng  
Thu tàn, đông lại sang  
Ở giữa cõi nhân gian  
Cuộc đời như chiếc lá  
Xin đời này tất cả  
Vẫn đọng đầy yêu thương

**PHAN KHÂM**

## Thơ Xương Hoa

Bài Xương:

### **BÓNG CHIỀU**

Nắng rữ tơ êm níu lại ngày  
Hững hờ nên để bóng chiều vầy  
Từng cơn gió lạnh tràn lưng núi  
Một tiếng chim buồn vắng ngọn cây  
Chôn cũ đường dài chân thắm môi  
Quê người tóc trắng mộng còn say  
Tà dương khuất giữa miền cô tịch  
Sương khói ai giăng thoáng ngập đầy

**Nguyễn Vô Cùng**  
2015

Bài Họa:

### **THU CÔ LIÊU**

Rời dáng thu sang chẳng hẹn ngày  
Để hồn thu chớm lạnh giăng vầy  
Chiều chưa đi hết ngoài khung cửa  
Nắng đã phai dần nhạt bóng cây  
Năm tháng lưu vong nhòa giấc mộng  
Men đời lữ thứ choáng cơn say  
Lòng đang trống vắng càng thêm vắng  
Xào xạc bên hiên lá rụng đầy

**Nguyễn Kinh Bắc**  
2015

# AI THỰC SỰ TÌM RA CHỮ QUỐC NGỮ?

-----  
Nguyễn Văn Thành & BNK  
hợp soạn



**Chữ Quốc ngữ ra đời ở đâu, năm nào, và còn những ai thực sự đã có công với chữ Quốc ngữ? Sự thật ở đâu?**

Chữ Quốc ngữ ra đời vào năm 1622 trong thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh do công đầu của người giáo sĩ Bồ Đào Nha tên là **Francisco De Pina (1585-1625)**, tại xứ **Đàng Trong của chúa Nguyễn**.

Francisco De Pina là giáo sĩ tiên phong đến Đàng Trong năm 1617, nhờ thông thạo tiếng Nhật và chữ Hán, ông dễ dàng học nói tiếng Việt, học đọc chữ Nôm, nhưng thấy

các giáo sĩ khác gặp khó khăn trong việc học chữ Nôm nên đã dựa vào bảng mẫu tự La Tinh, theo ông Nguyễn Đình Đăng thì cho rằng là dựa vào mẫu tự Rô-Măng, chúng tôi thì nghĩ mẫu tự Roman cũng là nguồn Latin mà ra, để ghi âm tiếng bản xứ.

Năm 1624, sau khi đã xếp đặt thành hệ thống, có cả phần tóm lược về văn phạm, ông mở lớp dạy tiếng Việt cho các giáo sĩ muốn đến truyền giáo tại Việt Nam, ông cũng tự viết bài giảng bằng thứ chữ này để trực tiếp truyền đạo, nhưng không may, vào tháng 12 năm 1625 ông bị chết đuối ở cảng

Đà Nẵng miền Trung Việt Nam, năm 40 tuổi, khi vận chuyển lương thực lên bờ .



**Lisboa - Bồ Đào Nha**

Sau cái chết của ông Pina, những giáo sĩ đã học tiếng Việt với Pina tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống chữ viết này là giáo sĩ Gaspar De Amaral (1549-1646)-tác giả tự điển Việt-Bồ, giáo sĩ Antonio Barbosa (1594-1647)- tác giả tự điển Bồ-Việt, **giáo sĩ Alexandre De Rhodes** (1591- 1660)- tác giả tự điển Việt-Bồ-La tinh.

Trong đó chỉ có một mình Alexandre De Rhodes là người Pháp (ông sinh ở vùng Avignon nước Pháp)

Đúng như TS Nguyễn Tường Bách đã nhận định :

“ Mục đích ban đầu của chữ Quốc ngữ là để cho các nhà truyền giáo nói được tiếng Việt và giao tiếp với cộng đồng tôn giáo của mình bằng chữ viết. Về sau, khi các người cai trị người Pháp đến Việt Nam, họ cũng không thể kham nổi chữ Hán lẫn chữ Nôm. Giải pháp thuận tiện của người Pháp là buộc mọi người Việt Nam phải sử dụng chữ quốc ngữ và có lẽ đó cũng là lý do tại sao vai trò của Alexandre De Rhodes được nêu bật”.

Vì là sản phẩm của người Pháp, nên chữ quốc ngữ bị giới sĩ phu thời bấy giờ tẩy chay.

Chữ Nôm còn bị chê là nôm na mách què, thời cái thứ chữ do bọn Bạch qui chế ra này các cụ có mà thêm để mắt.

Sau đó, chữ quốc ngữ còn bị cho là công cụ của người Pháp trong việc cai trị nước ta. Và lại vì nó mà cả một nền Nho học với bao công lao dui mài kinh sử trở thành vô dụng nên thứ chữ quốc ngữ này lúc ban đầu càng bị khinh ghét. Nhưng sự tiện dụng và sức sống mãnh liệt của chữ quốc ngữ càng ngày càng lộ rõ, càng trở nên thắng thế.



**Nhà truyền giáo đến với cộng đồng bằng thuyền ở Việt Nam xưa**

Năm 1915 : vua Duy Tân bãi bỏ chế độ thi cử cũ ở Bắc Kỳ.

Năm 1918 : vua Khải Định bãi bỏ thi cử cũ ở Trung Kỳ.

Năm 1919 : vua Khải Định chính thức đóng cửa các trường dạy chữ Nho.

**Ngày 18-9-1924 : Merlin, Toàn Quyền Đông Dương** ký Nghị định đưa chữ Quốc ngữ vào dạy trong 3 năm đầu bậc Tiểu học.

Nền nho học đã cáo chung, chữ Quốc ngữ lên ngôi. Ta vẫn còn nghe câu thơ của cụ Tú Xương :

Nào có lạ gì cái chữ nho,  
Ông nghề, ông công cũng nằm co,  
Sao bằng đi học làm ông Phán,



Tối rượu sâm banh, sáng sữa bò.  
(Chữ Nho) - Tú Xương

**Tóm lại, chính người Bồ Đào Nha đã khai sinh ra chữ Quốc ngữ, người Pháp ép dân ta dùng chữ Quốc ngữ.**

Nhưng truyền bá và trau chuốt cho chữ Quốc ngữ được như ngày hôm nay công lớn nhất phải thuộc về những người tiên phong tiêu biểu như : **Huỳnh Tịnh Của, Pétrus Trương Vĩnh Ký, Sương Nguyệt Ánh...** cùng với họ một đội ngũ tân học ngày càng đông, nhiều tài năng, đầy nhiệt huyết và dũng cảm.

Những người con ưu tú đó đã được nhớ ơn, được tôn vinh bằng những tên đường trong Đô thị. Tỷ như một trong số 18 nhà bác học nổi tiếng trên thế giới thời bấy giờ là Pétrus Trương Vĩnh Ký được coi như “ông tổ của nền báo chí Việt ngữ” vậy. Nhà bác học Trương Vĩnh Ký (1837-1898), tên thường gọi của ông là Pétrus Ký quê ở Vinh Thanh, Tân Minh, Vĩnh Long (nay thuộc Bến Tre). Ông sáng lập, là tổng biên tập tờ báo quốc ngữ đầu tiên ( Gia Định báo), cũng là cây bút chủ chốt của rất nhiều báo khác. Tượng Đài của Pétrus Ký dựng ở gần nhà thờ Đức Bà Sai-Gòn, trước năm 1975.

**Đầu Thế Kỷ 20, chữ nôm và chữ quốc ngữ được sử dụng song hành.**

Người ta thường nhắc những câu bất hủ của Nguyễn Văn Vĩnh "Tiếng nước ta còn thì nước ta còn" hoặc của Phạm Quỳnh "Truyện Kiều còn thì nước ta còn", nhưng ít ai nhớ rằng hai ông đó chỉ lập lại chủ trương từ mười

lăm hai mươi năm trước của các cụ trong Nghĩa Thục (trích Nguyễn Hiến Le Đông Kinh Nghã Thục)

Hình ảnh những lớp học xưa







**嘉定報**  
GIA ĐỊNH BÁO

Ngày 17 tháng 8, 1904. Ngày 17 tháng 8, 1904. Ngày 17 tháng 8, 1904.

Ngày	Giá	Ngày	Giá	Ngày	Giá
...	...	...	...	...	...

Trong số các tờ báo ở miền Nam thì, nay đã liệt thành cơ chí qui mô. Dương thân lý tục tình đều khác đo rang thường là nghĩa như nhau, nơi nơi cũng « Tọa đoàn hồ phủ phủ ». Việc hiệu-sự này đã rang ràng, định thế nhĩ thêm lại rích rích. Vậy nên công sự từ hửu, vai thao thì thế trị nông-cổ. Dương Nam thì dương như cỏ thế, mền lam hơn quá bình Tây nhơn, mền sao cho công-cổ phân hành, anh đại lợi công sau công hưởng. Vậy ra sức lập nên nhữt bộ thông tin nhau mà lại rýng chỗ kiến kiến, lần lần liệu ta chờ đó đại sự.

HOÀNG-YÊN-VĂN-CỬA  
Số 109 BOURBONNE  
NOM A LA TABLE DE MARSEILLE  
Ngày 17 tháng 8, Năm Thìn-Sửu

Ngày 1<sup>re</sup> AOUT 1904.

# NÔNG-CỔ MÍN-ĐÀM

農 賈 茗 談

CAUSERIES SUR L'AGRICULTURE ET LE COMMERCE  
MỖI TUẦN LỄ IN NGÀY THỨ NĂM

GIA BÀN NHỰT TRÌNH	Chủ Nương: CANAVAGGIO	ANNONCES
Người bản quốc mỗi năm... \$ 800	Chủ Bờ: LƯƠNG-KHÁ-NH	1 <sup>re</sup> Page la cont..... \$ 1 50
Người Langsa mỗi năm... \$ 400	Ty: DŨ-TRUỐC	2 <sup>re</sup> Page la cont..... \$ 1 00
Người Langsa mỗi năm... \$ 400	Đường: LAGRANDIÈRE, 58 84.	3 <sup>re</sup> Page la cont..... \$ 0 50
Người Langsa mỗi năm... \$ 400	SAIGON.	4 <sup>re</sup> Page la cont..... \$ 0 50

**NÔNG-CỔ NHƯ 'T-BẢO TỰ' TU'**

Trong Đông chah Cao-ly, Nhữt-bản, nước Xiêm-la cùng nước Đại-thanh đầu đầu công đầu có công văn nhữt báo. Hà Lye lnh anh hữnh: trí đồng, lợi khoan tay nghĩ vậy mà xem, không thì thò công người mà trục lợi. Nay nhữt-bản quan trên nghị chuẩn, cho An bình Nông-cổ mìn-đam. Vậy xin tục dịch làm rành, mà gần sức giúp nhau nên việc.

CANAVAGGIO chủ ty

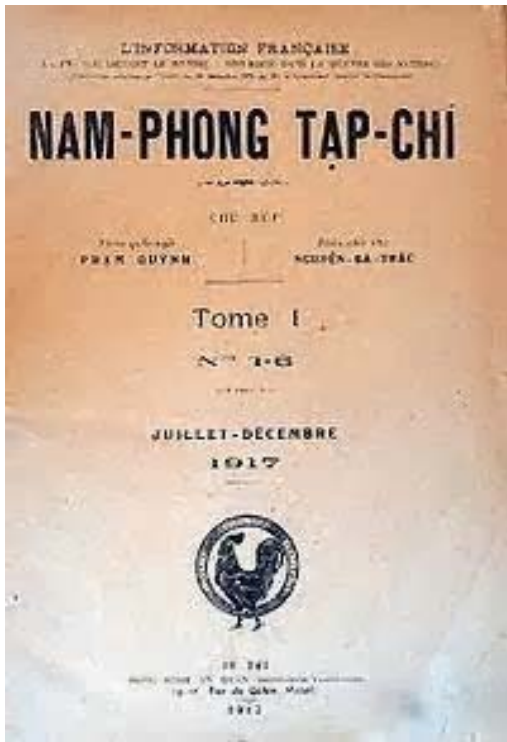
QUAN TỔNG THÔNG ĐÔNG-DƯƠNG  
Nông Dịc  
Đầu đầu nhữt. — Chuẩn cho ông Canavaggio: Mụ nhữt-trinh Nông cổ in chữ quốc-ngữ và chữ nho.



Giúp cho việc phát triển chữ quốc ngữ một cách nhanh chóng hơn phải kể là sự phát hành các tờ báo Việt ngữ như:



Long (nay thuộc Bến Tre). Trương Vĩnh Ký được người đương thời xếp vào danh sách 18 nhà bác học hàng đầu thế giới. Ông thiết tha với nền văn học quốc ngữ và được coi là người đặt nền móng cho báo chí quốc ngữ Việt Nam. Ông sáng lập, là tổng biên tập tờ báo quốc ngữ đầu tiên (Gia Định báo), cũng là cây bút chủ chốt của rất nhiều báo khác.



Chân dung Trương Vĩnh Ký

**Nhà báo Việt Nam đầu tiên**

Nhà bác học Trương Vĩnh Ký (1837 - 1898), được coi là “ông tổ nghề báo Việt Nam”. Tên thường gọi của ông là Pétrus Ký, quê ở Vĩnh Thanh, Tân Minh, Vĩnh



Tượng Trương Vĩnh Ký được đặt gần Nhà thờ Đức Bà, Sài Gòn, trước năm 1975

## Tờ báo phụ nữ đầu tiên

Báo Nữ Giới Chung (tiếng chuông của nữ giới) xuất bản vào thứ Sáu hàng tuần tại Sài Gòn trong năm 1918. Đây là tờ báo đầu tiên chuyên về phụ nữ, với chủ trương nâng cao dân trí, khuyến khích công nông thương và nhất là đề cao vai trò phụ nữ trong xã hội. Tầm ảnh hưởng của tờ báo này khiến mật thám Pháp e ngại. Tháng 7/1918, tờ Nữ Giới Chung bị đình bản.



Báo Nữ Giới Chung là tờ báo đầu tiên dành cho phụ nữ

Nhà thơ, nhà báo Sương Nguyệt Anh (1864 - 1922) là chủ bút tờ báo này. Bà là con gái thứ tư của nhà văn Nguyễn Đình Chiểu.



Nhà thơ, nhà báo Sương Nguyệt Anh

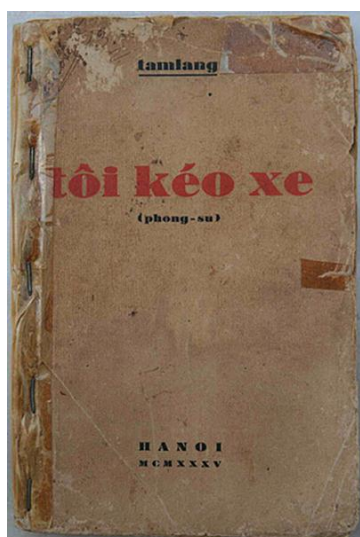
## Phóng sự trên báo đầu tiên

Năm 1932, tờ Hà Thành Ngọ Báo đã khởi đăng phóng sự nổi tiếng nhan đề “Tôi kéo xe” của nhà báo Tam Lang (Vũ Đình Chí), mở đầu cho thể loại phóng sự trong làng báo Việt Nam. Viết về thân phận những người phu xe những năm đầu thế kỉ 20, “Tôi kéo xe” đã làm thức tỉnh những người có lương tâm trong xã hội.



Để viết phóng sự đầu tiên, nhà báo Tam Lang đã nhiều lần nhập vai người phu xe để hiểu được sự nhọc nhằn, khó khăn của họ.





Phóng sự điều tra "Tôi kéo xe" được đăng tải trên "Hà thành ngọc báo" năm 1932. Năm 1935 được in thành sách.

Và nhiều tờ báo quốc ngữ khác góp phần không nhỏ cho việc phổ biến, hoàn hảo một nền quốc ngữ khá vững chắc cho đến bây giờ.

Trong âm hưởng chữ quốc ngữ cũng bằng bạc cung cách, âm điệu, ý nghĩa thâm thúy, sâu đậm bản sắc, phong tục gốc chữ nôm truyền thống lâu đời của dân gian nước Việt.

Nhưng ngày nay, trong nước cũng như ngoài nước, người Việt mình chỉ còn sử dụng chữ Quốc ngữ là ngôn ngữ chính, bên cạnh ngôn ngữ chính của quốc gia họ định cư. Trong cộng đồng người Việt tại hải ngoại, nhiều trung tâm Việt ngữ đã được lập ra để các thế hệ kế thừa duy trì ngôn ngữ, văn hóa, hiểu biết am tường tiếng Việt học sinh ngữ Anh, Pháp, Spanish, Ý, Đức... dễ dàng hơn và cũng nhờ vậy mà các em chưa biết tiếng Việt cũng dễ nhập vào ngôn ngữ Việt truyền thống cha ông từ ngôn ngữ chính ở xứ nói, viết theo mẫu tự Latin.

Một dân tộc có bốn ngàn năm lịch sử, nói tiếng Việt lâu đời nhưng sau 300 năm sáng chế, tu chỉnh, sửa đổi và làm nên hoàn hảo, dân tộc chúng ta mới có nền Quốc ngữ chính thức, tính đến nay chưa đầy 200 năm {chính thức từ 1924}. Có nghiên cứu học hỏi chúng ta mới thấy chữ Việt (hay Quốc ngữ) là ngôn ngữ giàu đẹp, phong phú, tinh tụy, lịch sự nhứt trong các ngôn ngữ trên thế giới.

Xin hãy nhàn nhã ngâm nga đọc đoạn thơ của Nguyễn Công Trứ tả nàng Kiều :

“ Dưới hoa nép mặt gương lồng bóng,  
Ngàn liễu rung cương sóng gợn tình”

Hay bài thơ cụ Nguyễn Khuyến tả mùa thu ngồi câu cá:

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,  
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo,  
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,  
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.  
Tùng mây lơ lửng trời xanh ngắt,  
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.  
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,  
Cá đâu đớp động dưới chân bèo”.

Hay để tâm hồn nhẹ, thư thả đọc những vần thơ mỹ miều, dịu ngọt trong bài thơ tình lãng mạn gần đây tựa đề “Áo lụa Hà Đông” của nhà thơ tình nổi tiếng Nguyên Sa mới thấy cái tính siêu việt đầy ý nghĩa của chữ quốc ngữ Việt Nam :

Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát,  
Bởi vì em mặc áo lụa Hà đông.  
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng,  
Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng.

Anh vẫn nhớ em ngồi đây tóc ngắn,  
Mà mùa thu dài lắm ở chung quanh.  
Linh hồn anh vội vã vẽ chân dung,  
Bay vội vã vào trong hồn mở cửa...

(Nguyên Sa Trần Bích Lan)

Xin quý vị độc giả thường lãm bài thơ Màu Thời Gian của Đoàn Phú Tứ được tác giả Hoài Thanh và Hoài Chân khen bài thơ này là hay. Bài thơ bắt đầu bằng những câu dài ngắn không đều: âm điệu hoàn toàn mới... thành ra ý thơ, lời thơ, điệu thơ cùng với hồn thi nhân đi từ hiện tại về quá khứ câu thơ càng thiết tha, càng rục rờ ... Tôi tưởng đầu không hiểu ý nghĩa bài thơ, người ta cũng không thể không nhận thấy cái vẻ huy hoàng, trang trọng của bài thơ.... trong thơ ta, có lẽ không có bài nào khác tinh tế và kín đáo như thế. (Thi Nhân Việt Nam, (trang 116)

### MÀU THỜI GIAN

Sớm nay tiếng chim thanh  
 Trong gió xanh  
 Dịu vương hương âm thoảng xuân tình  
 Ngàn xưa không lạnh nữa- Tần Phi !  
 Ta lặng dâng nàng  
 Trời mây phẳng phát nhuốm thời gian  
 Màu thời gian không xanh  
 Màu thời gian tím ngắt  
 Hương thời gian không nồng  
 Hương thời gian thanh thanh  
 Tóc mây một món chiếc dao vàng  
 Nghìn trùng e lệ phụng Quân-Vương  
 Trăm năm tình cũ lia không hận  
 Thà nép mành hoa thiệp phụ chàng  
 Duyên trăm năm đứt đoạn  
 Tình một thuở còn hương  
 Hương thời gian thanh thanh  
 Màu thời gian tím ngắt.

Đoàn Phú Tứ  
 (1939-40)

### TÌNH TỰ



Em không nhớ một trưa nào ngán ngủi  
 Em không về từ thuở mắt chiêm bao  
 Anh vẫn khóc bên thềm trăng lối cũ  
 Của một giờ thơ dại lá thư trao

Bờ bến lạ không thuyền không cả sóng  
 Áo vàng hoa tà lụa khép mong manh  
 Đâu bờ đá gập ghềnh con nước vọng  
 Chúng ta ngồi, mắt lệ ướt long lanh

Chân lữ bước trên đường sai lối hồng  
 Hẹn một giờ cho tui đến trăm năm  
 Thôi - anh nói - em à, em bé bỏng  
 Em nguyên sơ như nguyệt giữa trăng rằm

Thì em cũng cầm tay anh thỏ thẻ  
 Lời thơ ngây tình tự thưở mười ba  
 Chờ em nhé, dưới gốc sim già, nhé  
 Lời trăm năm tình tự mãi không già...

**Vi Khuê**

## Quà Tặng Mùa Thu

Anh tặng em những chiếc lá vàng  
Như tín hiệu mùa thu đã tới.  
Ôi mùa thu Đông Bắc đẹp như tranh  
tĩnh vật  
Rừng thu, nội cỏ, ngàn cây  
Rực rỡ những màu thu chói lọi  
Lá muôn sắc, rừng muôn hương,  
mây muôn phương  
Tình một cõi  
Em trong anh  
Anh trong em.

Em hãy đến với mùa thu Đông Bắc  
Để cùng nhau nghĩ về một mùa thu Hà Nội  
Của Tự Lực Văn Đoàn  
Với Hương Cỏm Xanh, Cổ Ngư Hồng,  
Hồ Gươm Trắng, Một Cột Nâu ...  
Của ba mươi sáu phố phường lướt là  
lụa bạch  
Để nhớ tới những năm tháng học trò gói  
đầu lên Thạch Lam, Nhất Linh  
Hoàng Đạo, Khải Hưng:  
Hòn Bướm Mơ Tiên, Đôi Bạn, Đoạn Tuyệt,  
Sợi Tóc,  
Bùn Lầy Nước Động.

Trong phong thư lá vàng gửi tặng em,  
quà mùa thu  
Anh đã gửi theo cái vé máy bay one way  
Nghĩa là, em sang mà không về  
Em tới mà không lui  
Em sẽ an giấc ngàn thu cũng thi sĩ:  
Đôi Thông Hai Mộ.

Nếu em còn yêu đời, chưa muốn tới giờ  
lâm chung  
Chưa muốn chọn cho mình giờ lâm chung  
Em hay ở lại bên nó  
Anh bên ni sẽ chọn em trong núi lá vàng,  
Anh tưởng tượng như thế.  
Và mỗi ngày anh ra huyết mộ em,

lạnh không em?  
Anh sẽ đọc thơ rủ em ngủ  
Tiếng thơ anh  
Có thể là âm thanh của loại chó sói,  
mùa động tình  
Tiếng thơ anh  
Có thể là tiếng vi vu của mây lang thang,  
gió phiêu du  
Tiếng thơ anh  
Có thể là dư âm cuồng nộ của một gã  
tình si  
Tiếng thơ anh  
Có thể là lời tuyệt vọng cuối đời của  
thi sĩ đam mê tình ái.  
Tiếng thơ anh  
Tiếng thơ anh....

Em  
Nàng Thơ  
Em có thể đến mà cũng có thể không  
Nhưng mùa thu và lá vàng Đông Bắc  
luôn chờ đợi và mong em đến.  
Em bình tĩnh, bình thần, bình tâm  
Mở lòng Bác Ái, Từ Bi  
Không kém phần Hỷ Xả  
Mà lên đường.  
Từ hôm nay  
24/24  
7/7  
30/30  
12/12  
100/100  
Anh có mặt tại phòng đợi  
Nàng Thơ.

bài thơ làm sau một cơn mơ đẹp

**Lê Mai Lĩnh**

8/11/2014  
gửi vào gió mây

# NGUYỄN BÌNH KHIÊM

(1491 – 1585)

SẤM TRẠNG TRÌNH và  
NHÀ ĐẠI TIÊN TRI NOSTRADAMUS

## - Hải Bằng.HDB & Bạch Cúc

I. Tiểu sử

II. Có nên tin vào lời tiên tri hay Sấm ký không?

III. Nhà tiên tri Nostradamus là ai?

### Tiểu Sử

(Phần I)

**N**ước ta vào thế kỷ thứ 16 xuất hiện một thiên tài về lý số và thi văn, đó là Tuyết Giang Phu Tử Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm (NBK) sinh năm 1491 và mất năm 1585, thọ 94 tuổi. Trong khi đó thì ở Pháp cũng xuất hiện một nhà tiên tri lừng danh ở Âu Châu là Michel de Nostradamus sinh năm 1503 và mất năm 1566 thọ 63 tuổi.

*Lên một tuổi Nguyễn Bình Khiêm đã nói sõi; lên năm, đã thuộc nhiều bài thơ Nôm.* Ông sinh vào đời vua Lê Thánh Tôn, Hồng Đức thứ 22; người xã Cổ Am, Vĩnh Bảo, Hải Phòng; dòng dõi danh gia vọng tộc; có 3 vợ và 12 người con (7 trai, 5 gái).

Thân phụ là Thái Bảo Quận Công Nguyễn Văn Định, đạo hiệu là Cù Xuyên Tiên Sinh; mẹ là Nhữ Thị Thục, ái nữ của Thượng Thư Nhữ Văn Lan; được vua phong là Từ Thục Phu Nhân.

Tương truyền thân mẫu của ông rất tinh thông về tướng số, địa lý, và văn chương. Bà đã đích thân giáo huấn ông từ nhỏ. Khi lớn lên một chút, ông được Bảng Nhãn Lương Đức Bằng hết lòng chỉ dạy và chẳng bao lâu

mức hiểu biết vượt rất xa. Người ta đồn rằng Lương Đức Bằng rất giỏi về lý học, đã đem sách *Thái Ất Thần Kinh* (sách dạy về bói toán; sẽ nói thêm ở phần sau) ra giảng cho NBK. Có chỗ L. Đ. Bằng không hiểu mà ông lại dẫn giải được.

NBK trưởng thành trong giai đoạn Nhà Lê suy vi; triều đình có nhiều phe phái triệt hạ nhau: Lê Uy Mục lên ngôi, giết bà nội (tức là vợ của Vua Lê Thánh Tông) và 26 anh em chú bác trong dòng họ. Năm năm sau, Lê Tương Dực giết Lê Uy Mục. Bảy năm sau Trịnh Duy Sản lại giết Lê Tương Dực, lập Quang Trị. Mới được ba ngày, Quang Trị lại bị giết và Chiêu Tông lên ngôi, v.v.

Năm 1527, Mạc Đăng Dung cướp ngôi Nhà Lê lập ra Nhà Mạc chiếm lĩnh Bắc Phần. Nhà Lê phải chạy vào Thanh Hóa. Đất nước chia ra Nam Triều và Bắc Triều. NBK không có cơ hội để thi thố tài năng. Mãi tới khi ông được 45 tuổi, nghe lời khuyên của gia đình và thân hữu, ông đi thi và đỗ đầu cả ba kỳ thi Hương, Hội, Đình (Trạng Nguyên, 1535) nhưng chỉ được phong làm Tả Thị Lang (đứng hàng thứ ba trong Bộ Hình).

Ông là nhân vật được sự kính nể của cả ba triều đại tranh quyền nhau - Mạc, Trịnh, và Nguyễn. Đó là vì tâm của ông đầy đức nhân ái, yêu thương tất cả mọi người; và trí của ông chủ trương tinh thần hòa đồng, không phe phái, không thành kiến, không phân biệt đối

xử. Vua Nhà Mạc rất trân trọng ông, phong cho ông là Trình Tuyền Hầu coi ông ngang hàng với Trình Y Xuyên và Trình Minh Đạo, hai đại triết gia Trung Quốc khai sáng ra phái Lạc Dương của Tống Nho; vì thế người đời sau gọi là Trạng Trình. Tuy danh tiếng như vậy, tên của ông lại không thấy khắc trong Văn Miếu. Đó cũng là vì tính hẹp hòi của các vua Mạc, Chúa Trịnh, và Chúa Nguyễn.

Triều Mạc lung lay, Mạc Mậu Hợp cho con tới vấn kế trường tồn, ông cho một câu: “*Cao Bằng tuy thiếu, khả diên số thế (Cao bằng dù nhỏ, nhưng có thể tồn tại vài đời)*”

Quả khi thất thế, vua Mạc nghe theo lời ông, rút lên Cao Bằng và tồn tại được vài đời.

Trịnh Kiểm muốn cướp ngôi Nhà Lê bèn bí mật cho người đến hỏi ý kiến Nguyễn Bình Khiêm. Ông không trả lời trực tiếp mà quay ra bảo người nhà: “*Năm ngoái mất mùa, thóc giống không tốt; đi tìm giống cũ mà gieo.*” Rồi ông bảo tiểu đồng: “*Giữ chùa thờ Phật thì được ăn oản.*” Sử giả về thuật lại những lời nói đó. Trịnh Kiểm hiểu ý Nguyễn Bình Khiêm nên sai người đi đón Lê Duy Bang ở Thanh Hóa về Đông Đô (Hà Nội) và lập nên làm Vua. Sau đó, con cháu Trịnh Kiểm nhiều lần muốn truất phế vua Lê và hỏi ý ông; ông đều nói ngắn gọn: “*Lê tồn, Trịnh tại; Lê bại, Trịnh vong.*” Quả y như lời nói của ông: sau này khi vua Lê Chiêu Thống mất ngôi thì dòng họ Trịnh cũng mất quyền.

Nguyễn Hoàng sợ anh rể là Trịnh Kiểm ám hại nên tìm đến Nguyễn Bình Khiêm vấn kế. Ông cho một câu: “*Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân*”. Nguyễn Hoàng nghe theo bèn nhờ chị là vợ của Trịnh Kiểm, xin cho vào lập nghiệp ở phương Nam. Trịnh Kiểm nể vợ cho Nguyễn Hoàng vào khai phá phía nam Hoành Sơn. Nhờ đó dòng họ Nguyễn tồn tại và vươn lên được.

Đối với dân làng cũng vậy. Lúc về nghỉ ẩn, ông mở Quán Trung Tân tiếp đón tất cả mọi

người: từ khách thơ văn đến những người đến hỏi sự đời; ông không từ chối một ai. Ông xử thế theo đúng Đạo Trung Dung của Khổng Tử thể hiện qua ý nghĩa của hai chữ Trung Tân mà ông đã cho khắc trên một tấm bia dựng trước quán để bày tỏ tâm ý của ông. Sau đây là đoạn cuối trích trong tấm bia đó:

*Trung là đứng giữa, không chênh lệch; giữ trọn điều thiện là Trung. Không giữ điều thiện thì không phải là Trung. Tân là Bến. Biết chỗ đáng đậu là Bến Chánh; không biết chỗ đáng đậu là Bến Mê. Đó, cái quán đặt tên là Trung Tân là nghĩa ấy. Như trung với vua, hiếu với cha mẹ, thuận với anh em, hòa với vợ chồng, giữ chữ tín với bạn bè; đó là Trung.*

*Thấy của phi nghĩa không sinh lòng tham; vui làm điều thiện, lại có lòng bao dung độ lượng, lấy lòng chí thành đối đãi với mọi người; đó cũng là Trung.*

*Trung ở chỗ nào thì điều chí thiện ở chỗ ấy. Nếu mọi người biết lấy Trung làm Bến Chánh, giữ đúng mức, thì mọi việc trong thiên hạ cứ thế mà thể hiện để đi đến chỗ chí thiện. Như vậy thì công đức tốt biết chừng nào!*

Ông cũng cố gắng giúp triều đại mới đưa đất nước khỏi tình trạng rối loạn, mất kỷ cương. Nhưng sau lần ông làm số hạch tội 18 lạng thần mà không được vua chuẩn thuận, ông bèn từ quan vào năm 1542. Từ đó ông quay về ẩn dật, dựng am Bạch Vân, làm thơ, lấy hiệu là Bạch Vân Cư Sĩ, dạy học, nghiên cứu dịch lý, địa lý, và viết những câu thơ có tính cách tiên tri về vận nước và bản thân ông. Người đời sau gọi những câu thơ tiên tri của ông là Sấm Trạng Trình. Khi mất, Vua Mạc cử Trường Lão Ứng Vương Mạc Đôn Dương về dự tang và truy phong ông là Thái Phó Trình Quốc Công. Học trò của ông có nhiều người nổi tiếng như Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Dữ, và Lương Hữu Khánh.



Về công trình văn học, ông để lại cho đời nhiều thi tập vừa Hán vừa Nôm như *Trình Quốc Công Bạch Vân Thi Tập*, *Trình Quốc Công Nguyễn Bình Khiêm Thi Tập*; *Bạch Vân Thi Tập* và *Gia Huấn*. Thơ văn của ông tập trung vào các đề tài về đạo đức làm người: khuyên con người ăn ở sao cho có trung, hiếu, tiết, nghĩa, và đặc biệt là sống giản dị, hường nhân và hòa mình với thiên nhiên để bảo tồn chữ thọ, tránh chữ tài, buông chữ lợi. Vì những lý tưởng đó nên sau khi thành đạt, ông sớm rút lui khỏi con đường công danh, phú quý, lui về mở trường dạy học và nghiên cứu dịch lý đưa ra những lời tiên tri như để thử thách trí thông minh của nhân thế.

Về khả năng tiên tri, ông được nhà lý số Lương Đức Bằng truyền thụ cho môn *Thái Ất Thần Kinh* và trở thành một nhà thông thái tiên tri nổi tiếng. Ông có viết ra 487 câu thơ có tính cách tiên tri và đưa ra những câu khuyên cáo tiên đoán rất chuẩn xác cho các nhân vật như là Mạc Đăng Dung, Trịnh Kiểm, Nguyễn Hoàng, Nguyễn Huệ, v.v. Dân gian coi ông là nhà tiên tri Số Một và người Tàu phải lên tiếng khen: “An Nam lý học hữu Trình Tuyền”. Tuy vậy, hẳn nhiên là cũng có một số người lợi dụng uy tín của ông để tạo ra một số câu tiên tri gán cho là của ông hoặc đưa ra những lời giải đoán về những câu thơ gọi là Sấm của ông cho những mục đích riêng tư và khoa trương nói rằng lời Sấm đoán trúng những sự kiện xảy ra năm trăm năm trước và năm trăm năm sau.

Theo tôi thì trong thi tập gồm 487 câu thơ mà sau này người ta đặt tên là *Sấm Trạng Trình*, Nguyễn Bình Khiêm chỉ nói lên những nét chính về lịch sử hình thành đất nước từ thời các vị Vua Hùng qua đó ông nêu lên những hình ảnh thịnh suy của từng thời kỳ, đặc biệt là những tệ trạng xã hội đưa đến sự sụp đổ của chế độ để răn đe các vua, các

chúa thời đó đã và đang làm những việc hại dân, hại nước.

### **Công Trình Văn Học và Khuynh Hướng Ngòi Bút**

*Ông chịu ảnh hưởng cộng hưởng của Phật- Lão - Khổng và dùng ngòi bút để truyền đạt đạo lý, đặc biệt là tư tưởng Vô Vi của Đạo Lão và chữ “Nhân” của Phật Giáo.*

Với ảnh hưởng của Đạo Phật, ông khuyên:

*Mọi niềm nhân, ngã; nhân thì qua*

Với tinh thần của Đạo Lão, ông cổ vũ cho một cuộc sống nhàn nhã, giản dị:

*Rõi nhàn thời ấy tiên vô sự*

Còn với Đạo Khổng, ông tin có mệnh trời:

*Mệnh ở trời ta há phải cầu?*

*Được thua phú quý đều thiên mệnh*

*Chen chúc làm chi cho nhọc nhằn*

Nhờ thấm nhuần những tư tưởng cao siêu của Phật-Lão-Khổng, ông không hề than nghèo, oán đời, hay phẫn chí mà lúc nào cũng tỏ ta ung dung tự tại, sống hản nhiên và đầy tự tin ở đạo đức làm người, và ở nơi ông ánh lên hình ảnh của một Lão Tử Việt Nam. Sau đây là một vài bài trích trong *Bạch Vân Thi Tập* của ông:

(Bài 1)

*Lấn thấn ngày qua lại tháng qua*

*Mỗi năm xuân tới một phen già*

*Ái ưu vàng vạc trắng in nước*

*Danh lợi rung rung gió thổi qua*

*Án sách hãy còn án sách cũ*

*Nước non bạn với nước non nhà*

(Bài 6)

*Tuổi ta đã ngoại tám mươi già*

*Thấm thoát xem bằng bóng ngựa qua*

*Mai hạc lạnh quen nhiều tháng tuyết*

*Cúc vàng thêm đổi mấy phen hoa*

*Dấu thân có phận là ơn Chúa*

*Được phúc làm người bởi đức cha  
Am quán ngày nhân rồi mọi việc  
Ấy ta tự tại mặc tình ta*

(Bài 17)

*Một mai, một cuốc, một cần câu  
Thơ thần dấu ai vui thú nào  
Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ  
Người khôn người đến chốn lao xao  
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá  
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao  
Rượu đến gốc cây ta sẽ uống  
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao*

(Bài 74)

*Thế gian biến cải vũng nên đồi  
Mặn, ngọt, chua, cay lẫn ngọt bùi  
Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử  
Hết cơm, hết gạo, hết ông tôi  
Xưa nay đều trọng người chân thực  
Ai nấy nào ưa kẻ đả bôi  
Ở thế mới hay quân bạc ác  
Sang thì tìm đến, khó tìm lui*

Tuy nhiên, bản thân của Nguyễn Bình Khiêm có nhiều điểm thuận lợi: ông không phải trải qua cảnh nghèo khó và thi cử lận đận như Nguyễn Công Trứ; vị này tự thán rằng:

*Anh em ơi! Ba mươi sáu tuổi rồi, khắp  
đông, tây, nam, bắc, bốn phương trời: đâu  
cũng lừng danh công tử xác*

*Trời đất nhé! Gắng một phen này nữa,  
xếp kiếm cung, cầm, thư vào một gánh: làm  
cho nổi tiếng trượng phu kèn.*

Hay như Cao Bá Quát:

*Lều nho nhỏ, kéo tấm gianh lướt thướt;  
ngày thê lương hạt nặng giọt mưa sa*

*Đèn côn con, có chiếc chiếu lòi thoi; đêm  
tịch mịch soi chung vừng trăng tỏ*

Ngược lại, trên đường khoa cử, ông đổ đầu bâng ngay cả ba kỳ thi Hương, Hội, và Đình và được vua Mạc trọng vọng. Tính tình ông thuần hậu, nghiêm chỉnh, và có óc thực tiễn. Do đó thơ văn của ông không mấy tỏ ra luyến tiếc nhà Lê có lẽ vì qua hình ảnh của cuộc sống sa đọa và hèn kém của Lê Uy Mục và Lê Tương Dực, ông cho rằng khí số và thời vận của Nhà Lê đã hết, nên ông quay ra giúp Nhà Mạc. Nhưng chỉ được 8 năm là ông rút lui vì bài sớ hạch tội 18 lộng thần không được vua Mạc chuẩn y và như vậy nguyện vọng làm tôi hiền phụng sự chân chúa chỉ còn là mơ ước thôi. Bởi thế ông viết trong bài thơ thứ 9:

*Đã ngoài mọi việc chẳng còn ước  
Ước một tôi hiền, chúa thánh minh*

Trong những thuận lợi ấy, ông tạo cho mình một nhân sinh quan riêng và thể hiện một lối sống hoàn toàn không giống lối sống của Nguyễn Công Trứ hay Cao Bá Quát.

Ông để tâm trí vào việc nghiên cứu lý số như cố gắng đưa ra những lời tiên tri để truyền đạt đạo đức. Khoảng 100 bài thơ của ông đều tập trung vào những đề tài chính là:

- . Khuyến nên giữ chữ Nhẫn (bài thơ 11).
- . Khuyến khiêm tốn và chớ cậy tài (bài 12).
- . Khuyến sống giản dị, cư xử khéo léo (bài 16).
- . Khuyến chớ coi nặng đồng tiền (bài 18).
- . Khuyến chớ quá coi trọng lời khen, tiếng chê (bài 46).
- . Khuyến nên giữ đạo trung dung, sống bình thường (bài 77).
- . Và đặc biệt ông khuyến nên giữ đạo Nhân để dưỡng sinh (bài 95).

Ông được mọi người kính phục không những về tinh thần đạo đức và cuộc sống mẫu mực, mà ông còn rất nổi tiếng về những câu thơ có tính cách tiên tri mà dân gian truyền tụng là Sấm Trạng Trình.

## TRỜI VÀO THU

*Tuổi trời thấm thoát đã vào Thu  
Thắm lá vàng rơi dệt mộng mơ  
Dĩ vãng đã qua nào tiếc nuối  
Tương lai chưa tới há mong chờ  
Vuốt làn tóc bạc khơi thi hứng  
Xoa nếp da nhăn gợi tứ thơ  
Nở đóa hoa lòng vui hiện tại  
Thong dong ta nhẹ bước vân du.*

## TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

Trong một bài thuyết trình nhan đề “So Sánh Văn Chương và Thân Thế giữa hai cụ Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Công Trứ”, nhà văn Khái Hưng Trần Khánh Dư<sup>1</sup> viết:

*Kể lại thi đối với nghĩa người đời, các nhà tư tưởng có thể chia làm hai hạng. Một hạng ngắm cuộc đời bằng con mắt lạc quan; một hạng tả những cảnh đời bằng câu văn yếm thế. Song có khi cũng trong một phái lạc quan hay yếm thế, ta thường thấy có lắm khái niệm trái ngược nhau. Muốn chứng minh sự đó, ta hãy đem so sánh văn chương và thân thế hai nhà triết học thi sĩ nước ta là cụ Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Công Trứ.*

*Hai cụ cùng chán đời. Song cái chán đời của hai cụ giống nhau họa chăng chỉ ở chỗ hai*

<sup>1</sup> Khái Hưng là bút hiệu của Trần Giur. Ông sinh năm 1896 và mất năm 1947. Ông lấy thêm chữ lót Khánh thành ra Trần Khánh Giur đọc nghe như Trần Khánh Dư một danh tướng đời Trần. Thêm vài đó, hai chữ Khái Hưng là do các chữ cái của Khánh Giur ghép lại. Ông tham gia Tự Lực Văn Đoàn do Nhất Linh sáng lập và chính thức ra đời vào năm 1933 với ba thành viên chính: Nhất Linh, Khái Hưng, và Hoàng Đạo. Ông tham gia Đại Việt Dân Chính và bị Việt Minh thủ tiêu.

*cụ cùng sinh vào buổi giao thời và văn thơ hai cụ cùng chịu ảnh hưởng rất lớn của Đạo Giáo...*

*Cũng như Đức Lão Tử, hai cụ cùng tán tụng cảnh nghèo hèn và không lấy cảnh giàu sang làm trọng. Và theo đạo tự nhiên thì nghèo cũng thế mà giàu cũng thế; thì sang cũng vậy mà hèn cũng vậy; cũng như nghe lời khen chẳng mừng, nghe lời chê chẳng giận:*

*Lành dữ khen chê cũng mặc ai (Nguyễn Bình Khiêm)*

*Khen chê thôi cũng gác ngoài tai (Nguyễn Công Trứ)*

Khái Hưng kết luận:

*Rút lại, hai nền triết học của hai nhà đại thi sĩ Việt Nam có vài chỗ giống nhau, nhưng rất có nhiều chỗ trái ngược nhau. Ta có thể tả tính chất hai nền triết học ấy bằng hai chữ “Tĩnh” và “Động”. Một cụ, vì thích tĩnh nên suốt đời chỉ chăm chú có một chữ “Nhàn” ở nơi “ẩn dật”; còn một cụ, vì ưa động nên trong vòng 30 năm, từ Lạng Sơn cho tới Hà Tiên, chỉ theo đuổi có một chữ “danh” để lưu lại hậu thế. (Trích trong Văn Học Tạp Chí số 6, ngày 1 Novembre 1932, tr. 57- 65).*

Sự thật thì chữ Nhàn xuất phát từ Đạo Lão, nhưng “lành, dữ, chê, khen” thì phải nói là từ Đạo Phật, vì Kinh Phật có viết:

*Trong quên thân, ngoài quên cảnh là đại bố thí  
Chẳng chấp thị, phi, nhân, ngã là đại nhẫn nhục  
Không tham, sân, si là đại trì giới  
Niệm Phật không ngưng nghỉ là đại tinh tấn  
Vọng tưởng không móng khởi là đại thiền định  
Tâm sạch duyên cảnh là đại trí tuệ*

Hơn nữa, cái Nhàn của Nguyễn Bình Khiêm mới là cái nhàn của Đạo Lão; còn Nguyễn Công Trứ thì thực ra ông chỉ là hưởng lạc.

Vì thế, Nguyễn Bình Khiêm không có tư tưởng chán đời vì ông vốn không màng tới cái vui hay cái danh. Không có câu thơ nào cho thấy ông tỏ ý chán đời. Ngược lại, ông

khuyên con người bảo vệ sự sống, kéo dài tuổi thọ bằng cách sống thuận với tự nhiên, giản dị, buông bỏ mọi thú vui ràng buộc làm mệt trí con người. Đó chính là tinh thần của Đạo Lão và Đạo Phật.

*Còn với Nguyễn Công Trứ thì màu sắc của Đạo Phật và Đạo Lão mờ nhạt trong thái độ sống của ông.*

*Ông muốn trốn cái nghèo, chạy theo danh, trở cái tài, và hưởng lạc. Sau khi đã đạt được tất cả rồi, soi rọi lại, ông chợt thấy thật vô duyên và thốt lên:*

*Chen chúc lợi danh đã chán ngắt  
Cúc, tùng, phong, nguyệt mới vui sao  
Đám phồn hoa trót bước chân vào  
Sực nghĩ lại giạt mình bao xiết kể*

Và bởi thế ông mới chán đời mà than rằng:

*Ngồi buồn ma trách ông Xanh  
Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười  
Kiếp sau xin chó làm người  
Làm cây thông đứng g trời mà reo  
Giữa trời vách đá cheo leo  
Ai mà chịu rét thì trèo với thông*

#### **Tóm lại**

Về nhân sinh quan, các ông Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Công Trứ, và kể cả Cao Bá Quát, theo đuổi một lối sống và thái độ sống mỗi người một khác tuy cả ba đều cùng rèn luyện trong một lò của các tư tưởng Khổng – Lão – Phật và bối cảnh của xã hội tương đối giống nhau.

*Nguyễn Bình Khiêm ung dung tự tách mình ra khỏi tục lụy; Nguyễn Công Trứ quyết tranh đấu để được tiếng với đời; còn Cao Bá Quát thì trước sau đều muốn thay đổi chế độ để thực hiện công bằng xã hội.*

*Người đời tỏ ra phục Nguyễn Bình Khiêm; thích Nguyễn Công Trứ, và nể Cao Bá Quát.*

Riêng đối với Nguyễn Bình Khiêm, một số người coi bài thơ dài 487 câu như là những

điều tiên tri của ông và gọi đó là *Sám Trạng Trinh*. Không ít những bậc trí giả trong đó học giả Thái Văn Kiểm đã trích dẫn nhiều câu thơ trong tập *Sám Trạng Trinh*, đồng thời nêu lên những biến cố lịch sử, và quả quyết rằng chúng ăn khớp với nhau. Thậm chí cũng có một mục sư Tin Lành, cách đây trên nửa thế kỷ, vừa căn cứ vào Thánh Kinh nói về Ngày Phán Xét cuối Cùng hay Ngày Tận Thế vừa phối hợp với những câu *Sám Trạng* để xác quyết thời điểm của Ngày Tận Thế. Những mẫu chuyện chung quanh *Sám Trạng Trinh* như thế sẽ được tóm trình trong phần sau.

Nói về những nhân vật tiên tri, cũng nên nhắc tới Khổng Minh trong *Tam Quốc Chí*. Khổng Minh nhìn sao trên trời biết được vận mệnh Nhà Hán không còn bao lâu, nhưng vì quá cảm kích tấm lòng hiếu hiền của Lưu Bị đã ba lần tham cố Thảo Lữ thỉnh cầu ông ra giúp đời nên đành phải xuống núi giúp Lưu Bị cho đến ngày nhắm mắt như muốn thử xem mệnh trời có thể đổi được không.

Về Nguyễn Bình Khiêm cũng có nhiều câu truyện kể về tài tiên tri của cụ. Những truyện này có thể tin được hay không là tùy thuộc quan điểm của từng người. Cũng thế, những lời giải đoán *Sám Trạng Trinh* nếu được coi là đúng hay chuẩn xác thì cũng chỉ là đúng và chuẩn xác theo luận đoán của người giải đoán mà thôi.

Trong thực tế có rất nhiều chuyện đại loại như thế được ghi chép từ cổ tới kim, từ Đông sang Tây, nơi nào cũng có. Vấn đề là có thể tin được vào những lời tiên tri tới mức độ nào và nên lưu ý rằng câu nói: “Thiên cơ bất khả lậu” vẫn là một nguyên tắc căn bản của Thuyết Định Mệnh

\*

Xin đón coi tiếp Phần II: **Có Thể Tin vào Lời Tiên Tri hay Sám Ký Không?**

## TRĂNG NHỚ ĐÊM RẪM

*Ru em giấc ngủ muộn màng  
Tìm bờ môi ấm rợn ràng xuyên sao  
Sóng lòng dâng nhẹ nao nao  
Cung xưa khơi dậy len vào hồn ta.*

*Ta nằm đó, sống trong mơ hay thực?  
Tay tham lam ôm hết vụn vì sao  
Ghi chặt nửa làn môi và nét ngực  
Ta bênh bồng theo giấc mộng bay cao..*

*Em tôi hồi, gần nhau mà xa lạ  
Duyên kiếp nào thỏa ước chuyện trăm năm?  
Mây bay bay làm trăng nhớ đêm rằm  
Ta tiếc mãi đôi mắt buồn nắng hạ!*

*Phiêu du lấm bồng lạc đường nghiêng ngả  
Tiếng Xuân sang êm ái quyến bên hoa  
Em tôi ơi, yêu mãi nhé- không già!  
Sầu chi nữa, đờ tình ta đổ bến..*

**Bùi Thanh Tiên**

(gởi Rita, Va tháng 1- 93)

## HƯƠNG THU MÂY ĐỘ

*Thu về, chiều tím lối đi  
Lá xanh chợt úa, làn mi khép hờ  
Phượng tàn phai sắc hồng mơ  
Nửa buồn chợt đến, nửa mờ hồn ta..*

*Thu vừa sang, lá nhuộm vàng  
Tóc em xoắn lấp.. nắng tàn chân mây  
Dấu tình réo gọi ngàn cây  
Lá vàng giã giữa, cuộn đầy sân em..*

*Làm sao tỏ được nỗi niềm  
Làm sao em hiểu niềm riêng lạnh lùng..?  
Nhớ em, ôi, nhớ tận cùng!  
Hương thu yên ắng, ngập ngừng gót chân..*

*Ngại ngừng vàng rụng băng khuôn  
Thu về mây độ,.. hanh hanh dịu dàng  
Đêm thu khơi mối thương tràn  
Đọt mưa thu cũng vội vàng.. cuốn qua...*

**Bùi Thanh Tiên**

(tặng Linda Đ.,  
Va 30 tháng 10-11)

----

## NHƯ MẢNH TÌNH TÔI

*Tôi như mảnh vỡ của hương đời  
Mỗi mảnh tình riêng mỗi mỗi nơi  
Xa cách nhau hoài không ghép lại  
Muôn trùng cánh vạc chiều chơi vơi.*

*Như thưở hồng hoang đêm diệu vợi  
Canh khuya gió lạnh nhạc không lời  
Vang vang âm hưởng hồn thơ lạ  
Vần điệu thiên thu đẹp tuyệt vời.*

*Vì bởi chia ly nên tiếc nhớ  
Thưở còn sum họp trọn tình vui  
Bóng ai diu diu đầy hương sắc  
Vừa thoảng bay qua đã ngập ngùi.*

*Như thu như hạ như đông trắng  
Mỗi một mùa riêng mỗi một thời  
Chợt tỉnh cơn mê, đời lặn đật  
Tìm đâu hình bóng đã xa xôi.*

*Tôi ru tôi ngủ đêm khuya vắng  
Mai một quay về với nước tôi  
Sông núi còn nguyên nguồn suối mẹ  
Xanh xanh đồng cỏ rặng chân trời.*

Texas, 7-2015

**ĐẶNG NGUYỄN**

# NƠI ĂN CHỐN Ở, CÁI NHÀ QUA CA DAO

(Ca Dao- Con Đường Văn Hóa Việt: Quê hương và con người)

## NGUYỄN VĂN NHIỆM

**T**rong cuộc sống, cái nhà không thể thiếu được, cũng như khi chết con người cần phải có nấm mồ: “*Sống cái nhà, thác cái mồ.*”

Đó là nhu cầu trước tiên để có thể mưu cầu hạnh phúc, nếu ngược lại thì bất hạnh: “*Sinh vô gia cư, tử vô địa táng.*” (Sống không nhà, chết không đất chôn.)

Lúc còn nhỏ thì con cái sống ở nhà của cha mẹ. Cha mẹ cất nhà thì con lớn cũng phải phụ giúp và có để ý đến việc xây cất. Cho nên khi có cô gái thử hỏi đồ về kinh nghiệm cất nhà, chàng trai bèn trả lời rất tự tin:

“*Tiếng anh chửi nghĩa đã già  
Em đồ anh phụ mẫu cất nhà  
Cây cột đực ở đâu?  
- Em hỏi anh đây phải trả lời  
Cây cột đực nằm trên cây cột cái  
Điệu hát hữu tình, ai hỏi trái như em.*”

Cột cái, cột đực nói lên cái ý thức của người bình dân về nguyên lý âm dương của Việt lý.

Muốn cất nhà phải có khả năng: khả năng tài chánh, chuyên môn cũng như dụng cụ: “*Cái cửa Chân Phúc, cái đực Tràng Thân  
Muốn làm nhà ngói sa chân đi tìm.*”

Phải biết xem hướng: “*Cất nhà dạy hướng về Nam  
Dang lưng về Bắc, không làm có ăn.*”

Không biết người bình dân hiểu như thế nào về tác dụng của thuật phong thủy, địa lý, luật âm dương, ngũ hành, hay là có ý nói rằng càng hướng về phía Nam thì càng dễ làm ăn, vì có nhiều đồng ruộng phì nhiêu, nhiều tôm cá chăng?

Có chỗ ở rồi phải cần có cái để ăn. Một đất nước chuyên về nông nghiệp thì ngoài đồng ruộng, người dân còn có những cơ ngơi phụ khác nữa, cũng như những phương tiện cần cho sự đi lại:

“*Nong tầm, ao cá, nương dâu  
Đò xưa bến cũ nhớ câu hẹn hò.*”

Nước Việt Nam nằm dọc ven biển, lại có nhiều sông hồ, cho nên cá là nguồn thực phẩm quan trọng. Nhà nào có ao nuôi cá riêng thì lại càng tốt:

“*Mùa hè cá sông, mùa đông cá ao.*”

Việc nuôi cá trong ao đúng mức sẽ đem lại một nguồn lợi đáng kể:

“*Thứ nhất thả cá, thứ nhì gá bạc.*”

Như đã nói, càng xuống phía Nam, càng có nhiều tôm cá:

“*Bến Tre biển rộng sông dài  
Ao trong nuôi cá, bãi ngoài thả nghêu.*”

Ngoài ao nuôi cá, lại còn có ao rau muống nữa:

“*Nhà em có vại cà đây  
Có ao rau muống, có đày chum tương  
Dù không mỹ vị cao lương  
Trên thờ cha mẹ, dưới nương anh em*”

*Một nhà vui về êm đềm  
Đói no tùy cánh không lường lụy ai.”*

Bài ca dao trên phản ánh cái triết lý nhân sinh trong văn hóa truyền thống dân tộc, cuộc sống đơn giản mà đầy đủ vật chất và tinh thần hài hòa, một cuộc sống hoàn toàn tự chủ, có đạo lý. Từ đó, con người có đầy đủ niềm tin:

*“Còn trời còn nước còn mây  
Còn ao rau muống còn đầy chum tương.”*

Tuy đời sống mộc mạc như vậy, nhưng chan chứa tình người, cho nên khi đi đâu xa, người ta cũng nhớ quê nhà, nhớ từ những thức ăn đơn giản như canh rau muống, như cà dầm tương và nhất là nhớ những con người tình nghĩa:

*“Anh đi anh nhớ quê nhà  
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương  
Nhớ ai dãi nắng dầm sương  
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.”*

Thật ra, nguồn thực phẩm của một gia đình ở nông thôn không phải chỉ có thể thôi, mà còn có cả việc nuôi gà, vịt nữa, cho nên tha hồ tiếp khách khứa:

*“Ao ta ta thả cá chơi  
Vườn rộng nuôi vịt, vườn khơi nuôi gà  
Quanh năm khách khứa trong nhà  
Ao vườn sẵn có lọ là tìm đâu?”*

Khách lại đến, hôm qua con chim khách đã báo như thế:

*“Má ơi sắm sửa nồi niêu  
Hôm qua chim khách đậu trên mái nhà.”*

Có nhà rồi phải chăm nom, săn sóc cho gọn gàng, sạch sẽ, có như thế cuộc sống mới thoải mái: *“Nhà sạch thì mát, bát sạch thì ngon.”*

Xây nhà để có chỗ ở, nhưng ở thế nào cho có hạnh phúc thì đó mới là cứu cánh của cuộc sống theo triết lý nhân sinh. Việc

đó thuộc chức năng của người đàn bà:  
*“Đàn ông xây nhà, đàn bà xây hạnh phúc.”*

Cái nhà có tầm quan trọng như vậy trong gia đình, cho nên trai gái quen nhau, việc đầu tiên là hỏi thăm về cái nhà. Người con trai hỏi:

*“Ngó ra biển bốn, trời ba  
Buồm giương đôi cánh, cửa nhà em đâu?”  
“Cô kia bới tóc đuôi gà  
Nắm đuôi cô lại hỏi nhà cô đâu?”*

Đôi khi câu hỏi lại trúng vào một cô đã có chồng:

*“Cô kia đội nón đi đâu?  
- Tôi là phận gái làm dâu mới về  
Mẹ chồng ác nghiệt thấy ghê  
Tôi ở chẳng được tôi về nhà tôi.”*

Con gái lại hỏi chùng con trai:

*“Cửa nhà gia thế thế nào?  
Rặng tới đây anh ở lán la không về?  
- Có gà điều mới lượn quanh  
Vì em anh phải tu hành xóm ni.”*

Được thế, người con trai bèn nói cái ý muốn của mình:

*“Ăn ngọn rau đắng  
Cẩn ngọn rau tần  
Anh muốn theo em về ngoài  
Để cất nhà gần kề bên.”*

Người con gái đem chuyện trâu cau ra để nói nguyện ước của mình:

*“Anh về cuộc đất trồng cau  
Cho em trồng ké dây trâu một bên  
Mai sau trâu nọ lớn lên  
Cau kia ra trái làm nên cửa nhà.”*

Cũng có khi người con gái yêu cầu thẳng thắn là nhà phải có lẫm thương chứa đầy ngũ cốc thì mới chịu về:

*“Anh về mua gỗ Hà Ra  
Cất nhà lẫm thương thàng ba em về.”*

( Hà Ra: Bình Định )

Khi người con trai có nhà cửa tươm tất,

lại thêm lịch sự, có tài nữa thì đối với người con gái, đó là người tình lý tưởng, có khả năng đem lại hạnh phúc rồi:

“Nhắc trông nhà ngói năm gian  
Thấy chàng lịch sự khôn ngoan có tài  
Cho nên em chẳng lấy ai  
Em quyết chờ đợi một vài ba đông  
Yêu anh em chẳng lấy chồng  
Em dốc một lòng chờ đợi lấy anh.”

Trong làng, nhà ngói là nhà của hạng khá giả, thông thường có chung bầy, trang trí, chạm trổ:

“Bước vô nhà ngói đỏ  
Thấy đôi liền đỏ  
Chữ thọ phết vàng  
Bước xuống cầu thang  
Thấy ông thợ mộc  
Đang chạm song loan  
Anh với em một tổng một làng  
Dầu không lấy đặng cũng còn đường xuống lên.”

Thời phong kiến, thường có quan niệm môn đăng hộ đối ở giới thượng lưu, nhưng ít thấy trong giới bình dân:

“Nhà anh nhà ngói  
Nhà em nhà lá  
Em đâu dám gá vợ chồng  
Nồi đất mà đập vung đồng ai coi?  
- Nàng nói sao không nghĩ rạch ròi  
Bình sành người ta còn dùng nắp thiếc  
Sao nàng không xét không soi cho tôi nhờ.”

Do kinh nghiệm, người ta cần nhắc:  
“Đừng ham nhà ngói cao nên  
Lấn thân vô đó biết bền hay không?”

Ngoài yếu tố nhà cửa, các yếu tố khác còn quan trọng hơn, nhất là con người hiền lành:

”Chẳng tham nhà ngói ba tòa  
Tham vì một nỗi mẹ cha hiền lành

Điều này rất quan trọng đối với nàng dâu, vì nàng dâu rất ngại gặp phải mẹ

chồng khắc khe.

Tánh tình thật thà thì ai cũng ưa mến, tin tưởng:

“Đèo nào cao bằng đèo Đồng Ngõ  
Bộ bào rộng bằng bộ An Ba  
Thấy anh ăn nói thật thà  
Muốn vô gậy dựng cửa nhà cùng anh.”

Đối với người bình dân, cái quan trọng ở hôn nhân là phải duyên hay không phải duyên:

“Chớ (nếu) phải căn duyên thì cái nhà rách  
Bộ vật sập, nước ngập anh cũng chờ  
Không phải căn duyên thì nhà ngói đỏ, bộ  
ngựa gỗ dài anh cũng không ham.”  
“Phải duyên nhà lá, cột chà là  
Không duyên nhà ngói ba tòa cũng không ham”  
“Ba gian nhà rạ lò xò  
Phải duyên coi tựa chín tòa nhà lim.”

Cái nhà rất cần, nhà ngói hay nhà tranh là tùy theo khả năng tài chánh, không nên lấy đó làm điều kiện tiên quyết:

“Thương nhau nào ngại sang hèn  
Tối lửa tắt đèn, nhà ngói cũng như nhà tranh.”

Người con trai trong nền văn hóa nông nghiệp có Đạo thờ cúng ông bà thì việc lấy vợ, lập gia đình là một bổn phận, nếu không thì bấp bênh, vì thiếu tính lưỡng hợp như chợ thiếu đình:

“Anh chưa vợ như chợ chưa có đình  
Trời mưa dông dỗi ba hội biết ả mình vô mô.”

Nhưng mà cưới vợ, làm nhà, mua trâu là những việc không phải dễ dàng:

“Mua trâu, cưới vợ, làm nhà  
Cả ba việc ấy đều là khó thay.”

Công trình làm một cái nhà:

“Một năm làm nhà  
Bằng ba năm lao碌.”

Lấy nàng làm nguồn cảm hứng, chàng đem hết tâm trí, sức lực ra công chạm cột, trổ kèo làm cho xong cái nhà để rước nàng về:



*“Công anh chạm cột trở kèo  
Làm nhà tứ trụ mà đem em về.”*

Nhà tứ trụ tức là kiêu nhà cũng theo cấu trúc vuông tròn như cái đình làng nhưng thu nhỏ, nghĩa là cũng có nền vuông hay biến thể chữ nhật, bên nhà có ao cá, ao rau muống, giếng nước miệng tròn.

Cái quan trọng của việc lập gia đình không phải là chọn nơi có nhà ngói hay nhà tranh, mà là ở chỗ phải duyên, nghĩa là có sự hòa hợp hay không? Người ta thường nói:  
*“Thuận vợ, thuận chồng  
Tát biển Đông cũng cạn.”*

Từ từ khi làm ăn khấm khá, nhà cửa sẽ được tu bổ mở rộng thêm ra:

*“Trên kèo nhà con sẽ rượng ngang  
Làm ăn khấm khá, anh xoay ra tô nền.”*

Con sẽ rượng ngang trên kèo nhà là vì kho lẫm đầy ngũ cốc, nghĩa nhà dư ăn dư để.

Khi đó, ngó lên mái nhà, đêm từng nước lạt, ngẫm nghĩ lại, bất giác thấy lòng tràn ngập yêu thương:

*“Ngó lên nước lạt mái nhà  
Bao nhiêu nước lạt thương mình bấy nhiêu.”*

Bây giờ chúng ta hãy nghe bài ca dao sau đây của dân tộc Banar:

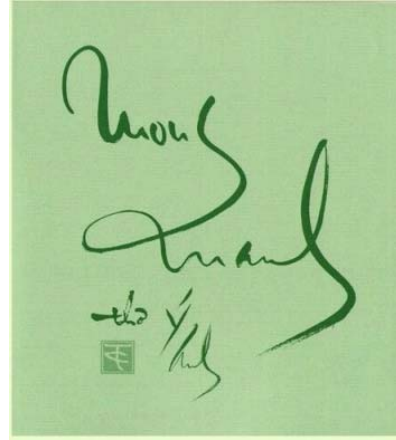
*“Một xin hóa nhà rộng  
Cho dân làng có chỗ hội làng  
Hai xin hóa nhà sàn  
Cho dân làng có chỗ ở  
Ba xin hóa kho lúa  
Cho dân có chỗ chứa cái ăn.”*

Thật ra mô hình nhà rộng, nhà sàn, kho lúa cũng là mô hình cái nhà trong làng cổ của Việt tộc, mà dân tộc Banar còn giữ nguyên được.

Đã có cái nhà để ở rồi, muốn có cái ăn phải bắt tay vào việc làm ăn.

## NGUYỄN VĂN NHIỆM

SỐ 72



## THÁNG CHÍN

Cây xanh núi, mây cuối trời như sông  
Sương còn mơ những vật nặng chớm hồng  
Đàn chim về như nghìn năm đã hẹn  
Tháng chín cười tình trắng xóa mênh mông.

## Ý Anh



Ban trị sự Cô Thơm tiếp đón Chủ Bút Trần Bích San về Virginia 06/25/2015. Từ trái: Tâm Hào, Ý Anh, Phan Anh Dũng, Ngô Tăng Giao, Phan Khâm, Ngọc Dung, và Trần Bích San.

39

## Từ Giòng Sông Trăng

Từ giòng sông trăng đó  
Hoa ngũ quên kiếp sầu  
Từ giòng sông trăng đó  
Đá trầm lời biển dâu  
Từ giòng sông trăng đó  
Thơ ngát ý nguyện cầu

Đêm mơ dưới ánh trăng thâu  
Quẩy kinh ai đổ trên cầu  
Nhân-Sinh  
Sáng ra thức giấc hỏi mình  
Là mơ hay ảo cội hình phù-du

Từ giòng sông trăng đó  
Đá ước hỏi lòng Thu  
Vàng rơi bao kiếp nữa  
Cây đứng lặng trầm tư  
Sắc-Không vô hình tướng  
Sao hỏi có vàng thu?

Từ giòng trăng vô lượng  
Kính Hoa nở muôn mùa  
Từ dòng Kinh Thi Hóa  
Tiếng đời êm tiếng Thơ

Đêm qua thức giấc lại mơ  
Quẩy kinh ai đổ bên bờ Suối Hoa  
Tiếng chim hót giữa rừng xa  
Âm thanh lạnh lốt ngân hà  
Sông Trăng

## Tuệ Nga

## The River of Moonlight Streams

In a river of moonlight streams,  
Thousand-Flowers dwell in beautiful sleep...  
Forget all sorrows of their fragile life, so brief.

In a river of moonlight streams,  
Old-Rocks retell the story of all Things,  
And the impermanence of their beings.

In a river of moonlight streams,  
Poetic-Muses quietly chant their rhymes,  
Pray for peace and happiness to lives.

A dream, one night, under the silky moonlight...  
One shouldered heavy loads of Dharma scrolls – up a hilly trail,  
Shoulders tilt, scrolls spill.  
Falling... down aside, on the Bridge-of-Life.

Recalled, next dawn, a perplexed I.  
Was it really a dream, that night?  
Or, this seeming form of mine, in this temporal, transient life,  
Is, indeed, a mere dream, on that bridge?

In a river of moonlight streams,  
Old-Rocks challenged Serene Thousand-Trees:  
Enlighten me! Yellow autumns – Will it ever cease?  
The persistence of year-after-year falling leaves?

A profound wisdom, Serene Thousand-Trees, replied:  
"Form is but Emptiness" - That's the Wheel-of-Life.  
Why kept bothering with Autumn's changing mind?

In the innumerable moonlight streams,  
Thousand-Flowers, in unison, awake.  
Harmoniously bloom into an eternal radiant Dharma-lotus.

Poetic-Muses celebrate the wordless Dharma's glorious lights.  
Their silent chants emerging over the rivers' moon-shine,  
Instill calmness and compassion in all Lives.

A reminiscent dream, last night, an awaken I,  
Dharma scrolls, falling, unroll – the quiescent Way,  
By a stream of Thousand-Flowers, revel in the fairy night.

Amid the vast green sea of Serene Thousand-Trees,  
Arising a blissful melody, bird-like  
Resonate through the immense sky,  
And blend into the silvery galaxy of rivers, infinite moonlight.

**Translated by EmptyCloud, 2013**

# VĂN TẾ - CHIÊU HỒN NẠN NHÂN CỘNG SẢN

Trời thu thấp sương thu man mác  
Lá thu reo xao xác từng hồi  
Màu thu vàng ối chân trời  
Tình thu gọi nhớ mảnh đời tang thương...

Thương oan hồn vẫn vương xuôi ngược  
Trên quê hương chẳng được yên mô  
Chỗ đào chỗ xối mấp mô  
Hí trường, ổ điếm... tha hồ dựng lên.

Bao năm trời bốn, năm cuộc chiến  
Bãi sa trường xương hiện trắng phau  
Hồn thiêng tử sĩ về đâu?  
Trong mưa thành thị? Trên đầu cỏ hoa?

Nghĩa trang cũ Cộng Hòa quân đội  
Gửi tấm thân tương cỗi ngàn thu  
Giờ đây hoang phế mịt mù  
Tường xiêu, tượng đổ, rêu mờ đầu chân

Còn bộ đội Nhân dân cộng sản  
Đem máu xương đổi cả giang san  
Giờ trông một lũ tham tàn  
Nhà vàng chúng ở, thả giàn ăn chơi

Ôi những “ngày long trời lở đất”  
Bao hồn oan lẫn quật đầu đây  
Tiếng than vọng động trời mây  
Ngàn năm chuyện cũ chưa khuây nổi sầu

Ngày Tết vốn đứng đầu truyền thống  
Loài cộng kia bởi giống vô thần  
Nhằm ngày mừng một, Mậu Thân  
Đập đầu, chôn sống người dân hiền hòa

Ai có dịp ghé qua Quảng Trị  
Đại Lộ kia đích thị Kinh Hoàng  
Lặng nghe cây lá bên đàng  
Hồn oan khóc lóc than van chuyện mình

Năm bảy lăm đất bằng nổi sóng  
Cộng quân vào chiếm đóng miền Nam  
Ôi thôi cửa nát nhà tan  
Người sa tù ngục, kẻ tràn ra khơi

Lênh đênh giữa biển trời sóng động  
Chết bầy phần may sống còn ba  
Mồ chôn: đáy nước bao la  
Hồn hoang giạt bến quê nhà nấu nung

Quân cán chính trên đường “cải tạo”  
Chịu đòn thù tàn bạo thẳng tay  
Chết trong đói rét đọa đầy  
Xác không manh chiếu, lấp dầy cỏ hoang

Còn bao cảnh thác oan ngày trước  
Bao anh hùng yêu nước sa cơ  
Cộng quân nào sợ máu như  
Giết đồng bào để dâng thờ Tàu, Nga

Văn nghệ sĩ tài hoa bất khuất  
Bút, cọ... ai cướp giật bẻ cong?  
Thủ tiêu, trù dập, lưu vong...  
Xác vùi lòng đất, hồn trong linh đài  
\*\*\*

Hôm nay nhân ngày lành tháng tốt  
Chúng tôi người khắp suốt năm châu  
Xót thương hồn lạc nơi đâu  
Lập đàn chiêu gọi cùng nhau kéo về

Trầm hương ngát bốn bề sáng tỏa  
Lòng thành xin Quốc Tổ xét soi  
Giải oan hồn mọi cảnh đời  
Nạn nhân cộng sản được rời cõi dương

Từ Nát Bàn, Thiên Đường trên ấy  
Xin hồn thiêng cứu lấy nhân gian  
Họa cộng sản phải dẹp tan  
Nơi nơi ca khúc bình an thái hòa./.

## **TRƯƠNG ANH THỤY**

Virginia 25-8-2015

\*\*\*\*\*

(ENGLISH VERSION by NNB)

### **FUNERAL ORATION FOR VICTIMS OF VIETNAMESE COMMUNISM**

Heavy the autumn sky with misty fog  
Leaves in the fall rustle in drafts  
As a yellow sky stretches to the horizon  
Reminding one of so many rotten lives

Pity the wandering souls of victims of injustice  
Who roam the fatherland without a place to rest  
With all the whole country being dug up  
To build entertainment houses and  
prostitution parlors

With so many years fighting four, five wars  
The battlefields are now white with dry bones  
Where are our heroes' resting places?  
In the cities' rain? On top of grass and flowers?

In the old Military Cemetery of the Republic  
Our soldiers thought they could have their rest eternal  
Yet today it's abandoned and desolate  
With broken walls, fallen statues, and mossy paths

As for the Communist People's Army troops  
Who sacrificed their blood and bones to unify  
the land  
They now must watch this bunch of  
rapacious despots  
Sitting high on their thrones enjoying their ill-  
gotten gains.

Remember the days when "earth and sky tumbled"  
Yielding so many unjustly dead souls  
Whose laments and complaints reached  
the very heavens  
Whose suffering in the Land Reform cannot be  
forgotten

Then at Tet, the most sacred holiday of the year  
The atheist communists launched their  
nationwide attacks  
On the very first day in the Year of the Monkey  
Killing, chopping heads and burying good  
people alive

Should anyone have a chance to go by Quang Tri  
Please remember the Highway of Horrors  
As you can still hear even from the roadside trees  
The crying of those mowed down by communist  
artillery

In 75 the land suddenly seethed with wild waves  
As the communists threw everything they had  
into conquering the South  
Everything is lost, home and property  
With people thrown in jail and boat people  
flooding the seas

Thrown into the vagaries of the ocean  
Of ten people, seven end up dead leaving only three  
With tombs buried in the vast ocean  
While only a few managed to wash ashore

Then you might come across some pitiable "re-education camp" inmates  
Treated most inhumanly by their communist wardens  
Where one could die of hunger, cold and exile  
With not a torn mat to cover one's dead corpse  
buried in the grass

Innumerable are those undergoing unfair deaths  
Like those patriotic heroes fallen in the struggle  
Killed indiscriminately by the Viet Communists  
As sacrificial lambs to their Chinese and Soviet masters

Even talented and indomitable writers and artists  
Have their pens and brushes taken away and bent  
They get eliminated, persecuted, sent into exile  
Their corpses may be buried but they live on in people's memory

\*\*\*

As today happens to be a good day  
We come together in the five continents on earth  
To remember you, o wandering souls  
Asking that you all come around to hear us

We hereby burn incense to float in the four directions  
And sincerely ask our Ancestors to give fair judgment  
And deliver these wandering souls from their injustices  
So that these victims of Communism can reach their abode  
And from way above, in Paradise or Nirvana,  
They can in their holiness save us Mankind  
Getting rid of this scourge known as Communism  
So the world can be one again, and in peace.

Translated by NNB  
Montreal, August 27, 2015



Ảnh: Vũ Hoàng Linh

# Thế Giới Cổ Hy Lạp

(750 – 500 tr. CN)

-----

## Phạm Văn Tuấn

Vào thế kỷ thứ 8 trước Công Nguyên (CN), nền văn minh Hy Lạp đã phát triển rất nhanh vì hai động lực chính, đó là sự khai triển của thành phố (polis) như là một định chế trung tâm của đời sống tại Hy Lạp và sự thuộc địa hóa miền Địa Trung Hải và Bắc Hải.

Lý tưởng căn bản của xã hội Hy Lạp là tinh thần luật pháp nhưng trong một số xã hội thời đó, chế độ dân chủ đã bị thay thế bằng thể chế quý tộc hoạt đầu hẹp hòi (narrow aristocratic oligarchies). Cấu trúc dân chủ trong chính quyền cổ Hy Lạp đôi khi đã thay đổi khi xét tới hai quốc gia thành phố (city-states) là Sparta và Athens.

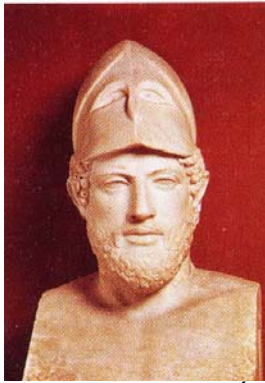
### 1/ Xứ Sparta.

Sparta nằm tại phía đông nam của hòn đảo Peloponnesus. Giống như các thành phố khác, Sparta cũng cần thêm đất đai để canh tác nhưng thay vì đi chinh phục các miền đất thuộc địa, Sparta lại nhắm tới các miền đất bên cạnh. Vào khoảng năm 740 trước CN, Sparta đã xâm lăng xứ Messenia mặc dù xứ sở này rộng lớn hơn và đông dân cư hơn. Sau khi bị chinh phục, người dân xứ Messenia trở thành các nông nô (gọi tên là helots) phải canh tác cho người Spartans. Vào thế kỷ thứ 7, các người Messenians này nổi loạn rồi cũng bị dẹp tan. Vì vậy các người Spartans đã quyết định rằng họ phải tạo ra một xứ sở quân nhân (a military state) để đàn áp các người Messenians trong các năm tới.

Sau năm 600 trước CN, xứ Sparta trở nên một thứ trại lính, đời sống của người dân đã được tổ chức chặt chẽ. Từ khi sinh ra đời, một đứa bé được nhân viên chính quyền cứu xét xem nó có xứng đáng được sinh sống hay không, các đứa bé không đủ điều kiện sẽ bị để cho chết đi. Từ khi lên 7 tuổi, các đứa trai được tách ra khỏi người mẹ rồi được sinh sống dưới sự kiểm soát của chính quyền, chúng sinh hoạt trong các trang trại giống như trại lính và phải chịu kỷ luật gắt gao, chúng được huấn luyện quân sự và phải vâng lời giới cầm quyền.

Vào tuổi 20, các thanh niên Spartans tham gia vào trong quân đội chính quy, mặc dù được kết hôn nhưng họ vẫn làm việc trong các trại lính và ăn uống chung với các đồng đội. Các bữa ăn rất đơn giản, thường chỉ gồm một tô nước súp đen nấu bằng một miếng thịt heo, huyết heo, muối và dấm. Vào tuổi 30, các thanh niên Spartans được quyền đi bầu cử trong các buổi hội họp và sinh sống tại nhà nhưng vẫn phải ghi tên phục vụ quân đội cho tới tuổi 60.

Trong khi người chồng ở trong quân ngũ, người đàn bà Spartans ở nhà nên họ có nhiều tự do hơn và nhiều quyền hành hơn. Họ chăm tập thể dục và sẵn sàng có con và nuôi con. Giống như các người nam, phụ nữ Spartans tham gia vào các cuộc thi thể thao mà không mặc quần áo. Người phụ nữ Spartans rất hãnh diện khi có các con cháu chết ngoài mặt trận vì phục vụ đất nước.



Chính quyền Spartan do hai nhà vua cai trị, một người trông coi quân đội. Mỗi năm, người dân bầu lên 5 đại biểu, gọi là ephors, chịu trách nhiệm huấn luyện giới trẻ và giáo dục mọi công dân. Một hội đồng gồm 2 nhà vua và 28 công dân trên 60 tuổi, quyết định những đề tài sẽ được đưa ra thảo luận tại các buổi họp. Trong các buổi họp này, các công dân không có quyền tranh luận mà chỉ có quyền bỏ phiếu chấp thuận hay bác bỏ.

Các công dân Spartans không được khuyến khích học hỏi các môn học như triết học, văn chương, nghệ thuật... bởi vì các môn học này có thể khuyến khích họ tìm hiểu các tư tưởng mới. Lý tưởng của họ là nghệ thuật chiến tranh và cai trị.

Vào năm 500 trước CN, các người Spartans đã tổ chức được một quốc gia quân sự hùng mạnh để duy trì trật tự và ổn định tại miền Peloponnesus.

## 2/ Xứ Athens.

Vào các năm về trước, một chế độ quân chủ đã cai trị thành phố Athens nhưng tới thế kỷ thứ 7 trước CN, quyền lực tại Athens rơi vào tay các nhà quý tộc. Vào lúc này, Athens là một thành phố (polis) thống nhất trên bán đảo Attica. Các nhà quý tộc tại Athens là những người sở hữu các mảnh đất màu mỡ nhất, họ cũng kiểm soát đời sống chính trị và xã hội bằng một hội đồng của các người giàu có, phụ giúp hội đồng này là một ủy ban gồm 9 pháp quan (archons) và mặc dù có một đại hội đồng gồm các công dân nhưng đại hội đồng này có rất ít quyền lực.

Vào cuối thế kỷ 7 trước CN, Athens bị khủng hoảng chính trị vì các vấn đề kinh tế. Nhiều nông dân Athenians bị bán làm nô lệ vì họ không trả nổi nợ cho các chủ đất quý tộc. Nhiều tiếng kêu than đòi hỏi phải hủy bỏ nợ nần và giao đất cho các kẻ nghèo khó. Xứ Athens vì vậy sắp sửa đứng trên bờ nội loạn. Các nhà quý tộc quyền thế đã phản ứng lại cuộc khủng hoảng này bằng cách chọn lựa Solon, một nhà quý tộc có đầu óc cải tiến, lãnh chức vụ pháp quan duy nhất (archon)

vào năm 594 trước CN và giao cho Solon toàn quyền thực hiện các thay đổi.

Solon đã hủy bỏ mọi món nợ vì đất đai, cấm đoán các món nợ mới và trả tự do cho tất cả các người bị bắt làm nô lệ vì nợ nần, nhưng Solon đã từ chối không phân phối lại đất đai vì thế đã không giải quyết được vấn đề căn bản của cuộc khủng hoảng kinh tế.

Giống như các cải cách về kinh tế, các biện pháp chính trị của Solon cũng theo cách hòa giải. Để giảm đi quyền lực của giới quý tộc, Solon đã cho phép các người giàu có không quý tộc tham gia vào chính quyền, nhưng giải pháp này chưa thực sự giải quyết được các trở ngại bởi vì các người quý tộc vẫn thèm muốn quyền lực và giới nghèo vẫn đòi hỏi cách phân phối đất đai. Các bất hòa nội bộ đã dẫn tới thể chế chuyên chế (tyranny), đây là thứ mà Solon muốn tránh né.

Vào năm 560 trước CN, Pisistratus, một nhà quý tộc lên nắm quyền hành. Pisistratus đã giúp đỡ nền ngoại thương của Athens nhưng về sau, khi quyền hành về người con trai của ông ta thì người dân Athenians đã nổi lên, chấm dứt chế độ chuyên chế vào năm 510 trước CN. Vào lúc này, các nhà quý tộc của Athens muốn thiết lập chế độ hoạt đầu quý tộc (an aristocratic oligarchy) nhưng Cleisthenes, một nhà quý tộc khác với tinh thần cải cách, đã chống đối chương trình đó vào năm 508 trước CN. Các cải cách của Cleisthenes đã thiết lập nên căn bản của chế độ dân chủ (democracy) tại xứ Athens.

Mục tiêu chính của Cleisthenes là làm giảm quyền lực của các địa phương bởi vì nơi đây là nền móng của sức mạnh của giới quý tộc, tập trung tất cả dân chúng vào 10 bộ lạc để phản ánh ý kiến của tất cả miền Attica và làm gia tăng lòng trung thành đối với polis là thành phố Athens. Mỗi bộ lạc chọn ra 50 người để tham gia hội đồng mới gồm 500 đại biểu và các người này chịu trách nhiệm cả về đối ngoại lẫn tài chánh.

Các cải tiến của Cleisthenes đã tạo nên các nền móng cho nền dân chủ của quốc gia kinh thành (city-state) Athens rồi nhiều cải cách khác được thực hiện vào thế kỷ thứ 5



trước CN khi người Athenians dùng chữ “dân chủ” (democracy) để mô tả hệ thống chính trị của họ, với chữ Hy Lạp “demos” là “nhân dân” (people) và “kratia” là “quyền lực” (power). Vào năm 500 trước CN, thành phố Athens trở nên đoàn kết hơn và đóng vai trò quan trọng hơn trong các vấn đề của xứ Hy Lạp.

### **3/ Đối đầu với xứ Ba Tư.**

Từ năm 500 trước CN tới năm 338 trước CN khi xứ Hy Lạp bị Vua Philip II chinh phục, thời gian này được gọi là “thời đại Hy Lạp Cổ Điển” (Classical Greece). Đây là thời đại với các thành quả rực rỡ phối hợp với nền dân chủ đậm hoa kết trái tại Athens dưới sự lãnh đạo của Pericles. Rất nhiều đóng góp lâu dài của xứ Hy Lạp đã được thực hiện trong giai đoạn này. Thời đại này bắt đầu bằng sự xung đột giữa các xứ Hy Lạp với Đế Quốc Ba Tư (the Persian Empire) hùng mạnh và to lớn.

Khi nền văn minh Hy Lạp bành trướng và phát triển tới khắp vùng Địa Trung Hải, không tránh sao khỏi có sự xung đột với Đế Quốc Ba Tư (the Persian Empire) ở phía đông. Vào giữa thế kỷ thứ 6 trước CN, các thành phố Hy Lạp tại phía tây miền Tiểu Á (Asia Minor) (the Ionian Greek cities) đã suy sụp vì Đế Quốc Ba Tư, họ nổi lên chống lại người Ba Tư nhưng không thành công dù cho họ được Hải Quân Hy Lạp giúp đỡ. Nhà cai trị xứ Ba Tư là Darius tìm cách báo thù bằng cách tấn công vào chính xứ Hy Lạp vào năm 499 trước CN. Quân đội Ba Tư đổ bộ lên cánh đồng Marathon chỉ cách Athens 26 dặm. Tại nơi này, quân đội Athens dù ít người hơn, nhưng đã đánh bại quân Ba Tư một cách quyết liệt.

Sau khi Darius qua đời vào năm 486 trước CN, vị vua mới của xứ Ba Tư là Xerxes thề sẽ báo thù và sẽ xâm lăng Hy Lạp. Để chuẩn bị chống lại cuộc xâm lăng, các quốc gia thành phố Hy Lạp đã lập nên một liên minh dưới quyền chỉ huy của xứ Sparta, trong khi người Athens làm phát triển hải quân. Khi quân đội Ba Tư xâm lăng vào năm 480 trước

CN, các người Athens đã có một hạm đội gồm khoảng 200 chiến thuyền.

Xerxes đã chuẩn bị xâm lăng Hy Lạp bằng một đạo quân hùng hậu gồm 150,000 bộ binh, 700 chiến thuyền và hàng trăm thuyền chở lương thực để tiếp tế. Lực lượng Hy Lạp gồm 9,000 quân dưới quyền chỉ huy của 1 vua Spartan cùng với 300 chiến binh Spartans và họ chọn lựa nơi giáp trận là hẻm núi Thermopylae. Do quân Ba Tư đánh vào sườn đạo quân Hy Lạp, đội quân Spartans đã chiến đấu cho đến người lính cuối cùng rồi sau đó, quân Ba Tư đã tiến vào Athens và đốt cháy thành phố này. Trong khi đó tại ngoài biển, các chiến thuyền Hy Lạp đã đánh bại các chiến thuyền Ba Tư. Cuối cùng vào đầu năm 479 trước CN, quân Hy Lạp đã toàn thắng quân Ba Tư tại Plataea, phía tây bắc của miền Attica. Từ nay, người Hy Lạp đã thắng trận và họ được hoàn toàn tự do để theo đuổi định mệnh riêng của họ.

### **4/ Sự phát triển Đế Quốc Athens vào thời đại Pericles.**

Sau khi đánh bại người Ba Tư, các người Athens tổ chức một thứ lãnh đạo mới gọi là Liên Minh Delian (the Delian League) vào mùa đông năm 478-477 trước CN. Bộ chỉ huy của Liên Minh này đặt tại đảo Delos nhưng các nhân viên chính kể cả các thủ quỹ và chỉ huy hạm đội đều là người Athens. Từ nay các miền đất của xứ Hy Lạp trong biển Aegean đều không bị người Ba Tư cai trị và Liên Minh Delian trở nên hạt nhân của Đế Quốc Athens.

Sau năm 461 trước CN, xứ Athens ở dưới quyền điều hành của một nhà quý tộc trẻ tên là Pericles rồi chính sách dân chủ của Pericles đã được bành trướng tới cả các xứ thuộc địa của Hy Lạp. Các sử gia đã gọi thời kỳ có nền văn minh sáng lạn này là “thời đại của Pericles”.

Vào thời đại Pericles, người dân Athens đã theo đuổi hệ thống dân chủ (the democratic system). Chủ quyền của người dân được thể hiện tại các đại hội đồng gồm có các nam công

dân trên 18 tuổi. Đã có các buổi họp mỗi 10 ngày tại đồi phía đông của Acropolis, với số người tham dự ít nhất là 6,000 người. Các đại hội đồng này thông qua các đạo luật, quyết định cuối cùng về chính sách ngoại giao và chủ trương hòa hay chiến. Pericles còn cho phép các công dân thuộc giai cấp thấp (lower-class citizens) được giữ các chức vụ công, nơi mà trước kia họ bị ngăn cấm, chính quyền trả lương cho các công chức và cho các nhân viên tòa án, các công dân nghèo từ nay được phép tham dự vào các vấn đề công cộng.

Tại các thành phố có các quan tòa được chọn lựa không theo giai cấp, chính sách chung quyết định do 10 nhân viên được gọi là “nhân vật tham mưu” (generals), những người này do bầu cử công cộng và thông thường họ là các nhà quý tộc giàu có. Chính ông Pericles đã được bầu lại 30 lần từ năm 461 tới năm 429 trước CN. Tất cả các công chức đều bị cứu xét cẩn thận và có thể bị loại bỏ nếu không đạt được niềm tin của dân chúng. Chế độ đế quốc của xứ Athens là điều đe dọa cho các xứ sở khác, vì vậy Hy Lạp sớm phải đương đầu với một trận chiến tranh mới.

#### **5/ Trận chiến tranh Peloponnesian và sự suy tàn của các xứ Hy Lạp.**

Bốn mươi năm sau khi quân Ba Tư bị đánh bại, thế giới Hy Lạp bị chia ra làm hai phe chính: phe Sparta và các đồng minh và phe Đế Quốc Athens. Trong cuốn sách “Lịch Sử của Trận Chiến Tranh Peloponnesian” (History of the Peloponnesian War), sử gia vĩ đại người Hy Lạp là Thucydides đã cho biết rằng nguyên do chính của cuộc chiến tranh này là vì xứ Sparta và các đồng minh đã e sợ sự bành trướng của Đế Quốc Athens, vì Sparta và Athens đã xây dựng nên hai loại xã hội khác nhau và xứ sở này không thể dung thứ xứ sở kia. Một loạt các tranh chấp cuối cùng dẫn tới cuộc chiến tranh bùng nổ vào năm 431 trước CN.

Vào lúc đầu, cả hai phe đều cho rằng mình đã có chiến thuật để chiến thắng. Người Athens trù tính ẩn náu sau các bức tường thành trong khi hạm đội và các thuộc địa sẽ

tiếp tế cho họ. Pericles biết rõ rằng người Sparta và các đồng minh sẽ đánh thắng người Athens trong các trận dàn quân nên quân đội Athens cố thủ trong thành trì và cho hạm đội đánh phá các bờ biển của miền Peloponnesus.

Vào năm thứ hai của cuộc chiến, một bệnh dịch đã tàn phá thành phố Athens đông người, đã giết đi 1/3 dân số rồi chính Pericles cũng bị chết vào năm sau (429 trước CN), đây là một mất mát lớn cho phe Athens. Mặc dù bệnh dịch, quân đội Athens đã cầm cự được 27 năm, nhưng tới năm 405 trước CN, hạm đội của Athens bị tàn phá tại Aegospotami thuộc miền Hellespont. Thành phố Athens bị vây hãm rồi phải đầu hàng vào năm 404 trước CN. Các tường thành bị phá hủy, hạm đội Athens bị giải tán và Đế Quốc Athens bị tàn phá.

Trận chiến tranh Peloponnesian đã làm suy yếu các xứ sở Hy Lạp, làm tiêu tan sự cộng tác giữa các xứ sở đó rồi trong vòng 70 năm sắp tới, lực lượng đang phát triển của xứ Macedonia ở miền bắc sẽ tràn xuống miền nam và lập ra một thế giới mới.

#### **6/ Nền Văn Minh của Thời Đại Hy Lạp Cổ Điển.**

Thời đại Hy Lạp Cổ Điển (Classical Greece) là giai đoạn phát triển trí thức và văn hóa rất quan trọng trong suốt thế giới Hy Lạp. Các sử gia đồng ý rằng thời kỳ xứ sở Athens dưới quyền lãnh đạo của Pericles (Periclean Athens) là giai đoạn trung tâm quan trọng nhất của nền văn hóa cổ điển Hy Lạp. Thực vậy, nhà triết học kiêm nhà văn người Pháp vào thế kỷ 18 là Voltaire đã liệt kê thời đại Athens dưới quyền điều hành của Pericles là một trong bốn thời đại sung sướng nhất “*khi các nghệ thuật được đưa lên trình độ hoàn hảo, đánh dấu một trình độ cao của trí tuệ con người và là một thí dụ cho hậu thế*” (when the arts were brought to perfection and which, marking an era of the greatness of the human mind, are an example to posterity).

Giống như các dân tộc thời cổ xưa, người Hy Lạp cũng gây chiến tranh, tàn sát và bắt làm nô lệ các dân tộc khác, họ có thể là tàn nhẫn, tự phụ và dị đoan, họ có thể vi

phạm các lý tưởng của họ nhưng các thành quả của họ thì chắc chắn là có các ý nghĩa lịch sử sâu xa. Các tư tưởng của phương Tây bắt đầu với người Hy Lạp, họ là những người đầu tiên định nghĩa cá nhân do khả năng biết suy nghĩ. Các thành quả tư tưởng của người Hy Lạp đã vượt lên trên các pháp thuật, các huyền diệu, các bí ẩn, các quyền lực và tập quán để khám phá thứ tự hợp lý của thiên nhiên và xã hội. Các phương diện văn minh của người Hy Lạp, gồm có triết học, khoa học, nghệ thuật, văn chương, viết lịch sử..., tất cả liên hệ tới lý trí của con người và giảm đi sự phụ thuộc vào các thần linh.

Tại các miền Mesopotamia và Ai Cập, người dân đã không có các quan niệm rõ ràng về giá trị của cá nhân và không hiểu biết về tự do chính trị. Họ không phải là các công dân mà là các thần dân bước đi theo lệnh của một nhà cai trị và quyền lực của nhà cai trị này bắt nguồn từ các thần linh (gods). Dân chúng đã tuân theo quyền hành của nhà vua do chấp nhận và tôn kính tôn giáo.

Trái lại, các người Hy Lạp cổ xưa đã tạo nên nền tự do chính trị (political freedom). Họ đã coi quốc gia là một cộng đồng của các công dân tự do và những người này đã làm ra luật pháp vì quyền lợi của chính họ. Người Hy Lạp cho rằng con người có thể tự quản trị và họ đánh giá cao quyền công dân tích cực. Đối với người Hy Lạp, quốc gia phải để cho người dân sinh sống một cuộc đời tốt đẹp và các nhà tư tưởng chính trị đã đi tới quan niệm một quốc gia thuần lý (rational state) hay theo luật pháp (legal state) trong đó luật pháp là sự biểu lộ của lý trí (reason) mà không phải là mệnh lệnh của thần linh, công lý phải là sự tốt lành tổng quát cho cộng đồng mà không phải do lòng ích kỷ.

Các người Hy Lạp cổ xưa cũng cho chúng ta quan niệm tự do hợp đạo lý (ethical freedom). Mọi người được tự do chọn lựa giữa danh dự và điều ô nhục, giữa bổn phận và sự hèn nhát, giữa điều độ và sự thái quá. Các anh hùng Hy Lạp đã gặp các bi kịch của

đời sống không phải do các quyền lực trên cao mà vì họ có tự do chọn lựa và ý tưởng về tự do hợp đạo lý lên tới điểm cao nhất với nhà triết học Socrates. Hình thức cao nhất của tự do khi con người hình thành chính mình theo các lý tưởng của mình, khi phát triển thành một con người tự lập và tự điều khiển (a self-directed person).

Do khám phá ra lý trí, do định nghĩa tự do chính trị và do xác nhận giá trị và khả năng của cá nhân, các người Hy Lạp cổ xưa đã thiết lập nên truyền thống thuần lý và nhân bản của phương Tây.

## 7/ Viết Lịch Sử.

Lịch sử là cách phân tích theo hệ thống các sự việc của quá khứ (History is the systematic analysis of past events). Herodotus (v.k. 484 – v.k. 425 trước CN) là một người Hy Lạp thuộc miền Ionia trong miền Tiểu Á (Asia Minor), và cũng là tác giả của cuốn sách “Lịch Sử của các Trận Chiến Ba Tư” (History of the Persian Wars), tác phẩm này được coi là cuốn lịch sử thực sự đầu tiên của nền văn minh Tây phương (the first real history in the Western civilization). Danh từ Hy Lạp “historia” mà ngày nay chúng ta dùng chữ “history”, có nghĩa là “tìm tòi” (research) hay “điều tra nghiên cứu” (investigation).

Đề tài chính của tác phẩm của Herodotus là sự xung đột giữa các người Hy Lạp và các người Ba Tư mà tác giả coi là sự đấu tranh giữa nền tự do của người Hy Lạp và nền độc tài của người Ba Tư (Persians). Herodotus đã đi du khảo tới rất nhiều nơi để thu thập các dữ kiện và cuốn sách “Lịch Sử” của ông là một nguồn tin tức quan trọng về các người Ba Tư và về chính các cuộc chiến tranh Ba Tư với Hy Lạp.

Thucydides (v.k. 460 – v.k. 400 trước CN) được coi là sử gia bậc nhất của thế giới cổ xưa. Thucydides là một người Athens, đã tham dự cuộc chiến tranh Peloponnesian và đã được bầu là một vị tướng nhưng ông bị tố cáo là đã không bảo vệ được kinh thành Amphipolis nên bị đày ra khỏi kinh thành Athens. Trong khi sinh sống lưu vong,

Thucydides đã viết ra cuốn sách “Lịch Sử của trận Chiến Tranh Peloponnesian” (the History of the Peloponnesian War).

Không giống Herodotus, Thucydides không quan tâm tới các sức lực thần linh hay của các thiên thần (gods) là những yếu tố gây nên lịch sử, ông đã coi chiến tranh và chính trị theo thuần lý, là các hành động của con người. Thucydides đã khảo cứu các nguyên nhân của trận chiến tranh Peloponnesian một cách rõ ràng và khách quan, nhấn mạnh vào sự chính xác của các dữ kiện (facts). Thucydides còn nhìn vào bên trong của hoàn cảnh con người và cho rằng các hoàn cảnh chính trị xảy ra giống nhau và sự học hỏi lịch sử thì rất giá trị trong việc tìm hiểu hiện tại.

## 8/ Viết Bi và Hài Kịch.

Người Hy Lạp viết ra các vở kịch không phải chỉ vì mục tiêu giải trí mà còn được dùng để giáo dục các công dân và vì lý do này, được chính quyền ủng hộ. Các vở kịch được trình diễn trong các rạp hát ngoài trời như là một phần của các đại hội tôn giáo (religious festivals). Nội dung của các vở kịch thường được căn cứ vào các thần thoại hay các huyền thoại mà khán giả đã biết rõ.

Các vở kịch đầu tiên của xứ Hy Lạp là các bi kịch (tragedies) được viết ra căn cứ vào sự đau khổ của một anh hùng và thường kết thúc trong thảm cảnh. Các vở kịch Hy Lạp thường được trình bày với một bộ “3 vở” xây dựng trên một chủ đề chung.

Aeschylus (525-456 trước CN) là bi kịch gia đầu tiên mà chúng ta biết rõ. Ông ta đã viết ra 80 bi kịch nhưng chỉ còn lại 7 tác phẩm. Các vở kịch này chứng tỏ tác giả là một nghệ sĩ có tinh thần rất ái quốc và tôn giáo, và tác giả Aeschylus đã đưa nền bi kịch của Hy Lạp tới độ trưởng thành. Trước Aeschylus, bi kịch chỉ có một diễn viên đáp lại các câu hỏi của ban nhạc. Aeschylus đã tăng số diễn viên lên 2 người, tạo ra cuộc đối thoại khiến cho có phản ứng tương quan giữa các nhân vật trong vở kịch.

Nội dung các vở kịch của Aeschylus thì đơn giản, phần lớn đặt trọng tâm vào sự tương

phản giữa lòng mong muốn của cá nhân và quyền lực thần linh đang ngự trị thế giới. Các vở bi kịch của Aeschylus thì rất giàu về ngôn ngữ và phức tạp về tư tưởng.

Tác phẩm lớn nhất của Aeschylus là bộ kịch Oresteia (458 trước CN), gồm có 3 phần là các vở Agamemnon, The Libation Bearers và The Eumenides (The Furies). Trong các vở kịch này, Aeschylus đã diễn tả sự nổi giận của Vua Agamemnon sau khi từ kinh thành Troy trở về và vở kịch là sự hòa giải của sự đau khổ của con người với quyền lực thần linh. Vở kịch cũng mô tả mối hận thù từ lâu đời đã được xóa bỏ và luật pháp được tôn trọng. Lý trí đã thắng các sức mạnh của tội ác.

Một nhà viết bi kịch danh tiếng khác của kinh thành Athens là Sophocles (v.k.496 – 406 trước CN) với vở kịch “Nhà Vua Oedipus” (Oedipus the King). Một lời tiên tri của Apollo đã báo trước rằng có một người (Oedipus) sẽ giết cha của mình và kết hôn với mẹ của mình. Mặc dù nhiều cố gắng để phòng ngừa, các sự việc bi thương vẫn xảy ra, Oedipus đã chịu đau khổ vì số mạng quyết định do các thiên thần và Oedipus cũng chấp nhận rằng anh ta là một con người tự do nên phải nhận lãnh trách nhiệm vì các hành động của mình.

Nhà viết bi kịch xuất sắc thứ ba của kinh thành Athens là Euripides (v.k. 485 – 406 trước CN). Euripides đã tạo ra các nhân vật hiện thực hơn. Cốt truyện của ông ta thì phức tạp hơn với cách quan tâm tới các hoàn cảnh đời sống thực. Vở kịch nổi danh nhất của Euripides là vở “The Bacchae” (Thần Rượu), nhân vật này liên hệ với Dionysus là thần rượu chát (the god of wine). Euripides được coi là một người bi quan, ông ta thường hay đặt câu hỏi liên quan tới nền luân lý cổ truyền và các giá trị tôn giáo, chỉ trích quan điểm cổ truyền coi chiến tranh là vinh quang. Đối với Euripides, chiến tranh thì tàn bạo và man rợ và ông thương cảm các đàn bà và trẻ em đã bị đau khổ vì chiến tranh.

Các bi kịch Hy Lạp thường đề cập tới các đề tài phổ biến ngay cả trong đời sống hiện nay. Các kịch bản này cứu xét các vấn đề như bản chất của tốt và xấu, sự xung đột

giữa các giá trị tinh thần với các đòi hỏi của gia đình và quốc gia, các quyền của cá nhân, bản chất của các sức mạnh thần linh và bản chất của con người. Bài học bi thương trong các vở kịch thường được lặp lại là con người được tự do nhưng lại hành động trong các giới hạn do các thiên thần và nhiệm vụ thực sự của con người là phải cân bằng và điều độ, như vậy con người sẽ biết được vị trí thực sự của mình.

Tại Hy Lạp, các hài kịch phát triển sau các bi kịch. Các vở hài kịch của Aristophanes (v.k. 450 – v.k. 385 trước CN) đã dùng tới các khôi hài thô tục để làm vui nhộn đám thính giả của kinh thành Athens. Các vở kịch của ông đã phối hợp nhiều đặc tính như tính kỳ lạ (fantasy), sự thông thái vui vẻ, các lời văn thơ trữ tình duyên dáng... để chỉ trích nặng nề các vấn đề chính trị, phong cách, giáo dục, âm nhạc và văn chương. Aristophanes cũng là một bậc thầy về bài hát và nhịp điệu do ông có một trí tưởng tượng phong phú.

Các hài kịch của Aristophanes đã cung cấp các hình ảnh trung thực nhất của đời sống tại kinh thành Athens vào thời đại rực rỡ nhất. Các hài kịch này cũng cung cấp cho chúng ta các thí dụ sớm nhất và tốt nhất về cách khôi hài chính trị và xã hội. Aristophanes đã bắt đầu viết ra các hài kịch khi ông chưa đầy 20 tuổi. Ông đã viết hơn 40 kịch bản, 11 kịch bản còn lưu lại tới ngày nay.

#### **9/ Ngành Triết Học của Cổ Hy Lạp.**

Theo từ ngữ Hy Lạp, triết học có nghĩa là “yêu thích sự khôn ngoan” (love of wisdom). Các nhà triết học đầu tiên của xứ Hy Lạp đã quan tâm tới sự phát triển của tư tưởng thuần lý (rational thought) liên quan tới bản chất của thiên nhiên và nơi nào là các sức mạnh thần thánh.

Vào thế kỷ thứ 5 trước CN, các “nhà ngụ biện” (the Sophists) là một nhóm các bậc thầy triết học đã bác bỏ các điều tìm hiểu thiên nhiên, họ cho rằng tìm hiểu thiên nhiên thì ở bên ngoài tầm hiểu biết của trí tuệ con người. Quan trọng hơn, đó là con người phải cải tiến chính mình

và chỉ có một đề tài đáng nghiên cứu là hành vi của con người (human behavior).

Các nhà ngụ biện là các học giả đi lưu động, họ giảng dạy cho giới trẻ của xứ Hy Lạp, đặc biệt là tại kinh thành Athens và họ nhấn mạnh vào tu từ pháp (rhetoric) tức là nghệ thuật thuyết phục (the art of persuasive speech) để thắng lý trong các cuộc tranh luận, làm đổi hướng thính giả, đây là một kỹ năng đặc biệt giá trị tại xứ Athens theo đường lối dân chủ. Theo các nhà ngụ biện, không có tuyệt đối đúng hay tuyệt đối sai, việc này đúng với một người thì có thể là sai với người khác, sự khôn ngoan đích thực là ở khả năng nhận biết và theo đuổi điều tốt lành của chính cá nhân. Vì các ý tưởng này, nhiều người cho rằng các nhà ngụ biện thì có hại cho xã hội và đặc biệt có hại cho giá trị của lớp người trẻ tuổi.

Một trong các nhà triết học chỉ trích các nhà ngụ biện là Socrates (469 – 399 trước CN). Do bởi Socrates đã không để lại các tài liệu viết nên người ta chỉ hiểu biết về ông qua các học trò của ông, đặc biệt là qua Plato, người học trò nổi tiếng nhất. Về nghề nghiệp, Socrates là một người thợ đục đá nhưng ông yêu thích triết học. Socrates đã dạy cho một số học trò nhưng không lấy học phí bởi vì ông tin tưởng rằng mục đích của giáo dục là cải thiện cá nhân. Socrates đã dùng tới một phương pháp giảng dạy mang tên của ông, đó là “phương pháp Socratic” (Socratic method). Phương pháp này dùng tới kỹ thuật hỏi và trả lời để dẫn dắt người học trò tự nhìn ra sự vật bằng cách dùng chính lý luận của chính họ. Socrates tin tưởng rằng tất cả kiến thức thực sự thì ở bên trong mỗi người và cách cứu xét tưởng tượng sẽ làm lộ ra thứ hiểu biết đó, đây là nhiệm vụ thực sự của môn triết học bởi vì “một đời người không cứu xét thì không đáng sống” (the unexamined life is not worth living).

Socrates đã đặt các câu hỏi về thẩm quyền (authority) và chứng minh cho nhiều người thấy rõ giới thẩm quyền thì thiếu kiến thức. Kinh thành Athens có truyền thống tư tưởng tự do và

chất vấn tự do nhưng vì sự thất bại trong trận chiến tranh Peloponnesian đã khiến cho người dân của địa phương này không còn dung thứ đối với các tranh luận công khai và trong việc tìm hiểu linh hồn. Socrates đã bị tố cáo và bị kết tội đã làm hư hỏng giới trẻ của kinh thành Athens bằng các lời giảng dạy của ông. Một hội đồng xét xử đã kết án ông bị tử hình.

Một trong các môn đệ của Socrates là Plato (v.k.429 – 347 trước CN), được nhiều người coi là triết gia vĩ đại bậc nhất của nền văn minh Tây Phương. Không giống như Thầy Socrates, Plato viết rất nhiều. Trong các cuốn sách đối thoại, Plato đã dùng Socrates là nhà tranh luận triết học chính. Tư tưởng triết học của Plato chuyên chú vào bản chất của hiện thực (the essence of reality) và vào các ý tưởng (Ideas) và các hình thức (Forms). Ý tưởng về chính quyền được Plato viết ra trong cuốn sách “Nền Cộng Hòa” (the Republic). Căn cứ vào các kinh nghiệm tại Athens, Plato không tin tưởng vào các việc làm của nền dân chủ và ông đang tìm kiếm một quốc gia lý tưởng. Plato quan tâm tới các nhu cầu của cộng đồng hơn là hạnh phúc của cá nhân.

Plato đã thiết lập nên một trường học tại Athens với tên là Academos. Một trong các đệ tử của ông là Aristotle (384 – 322 trước CN) đã theo học tại ngôi trường Academos trong 20 năm và sau này là thầy dạy kèm cho Đại Đế Alexander.

Giống như Plato, Aristotle tin tưởng vào các nguyên tắc tổng quát hay hình thức (forms) nhưng Aristotle cho rằng hình thức và vật chất (matter) thì không thể tách rời được. Aristotle đặt căn bản cho việc phân tích và xếp loại các sự vật (things) căn cứ vào sự khảo cứu và điều tra kỹ càng. Aristotle đã viết nhiều bài khảo cứu về rất nhiều đề tài: luân lý, luận lý, chính trị, thơ phú, thiên văn, địa chất, sinh học và vật lý. Aristotle cũng đề cập tới thứ hình thức hữu hiệu của chính quyền. Trong tác phẩm “Chính Trị” (Politics), Aristotle đã cứu xét các hiến pháp của 158 quốc gia và đã đưa ra 3 loại chính quyền là: quân chủ (monarchy), quý tộc (aristocracy) và theo hiến pháp (constitutional government) và ông đã cảnh cáo rằng chính quyền quân chủ dễ

đưa tới nền độc tài (tyranny), chính quyền quý tộc dẫn tới hình thức “hoạt đầu” (oligarchy) còn chính quyền dân chủ có thể biến thành “vô chính phủ” (anarchy) và Aristotle ưa thích chính quyền theo hiến pháp.

## 10/ Tôn giáo của Xứ Hy Lạp.

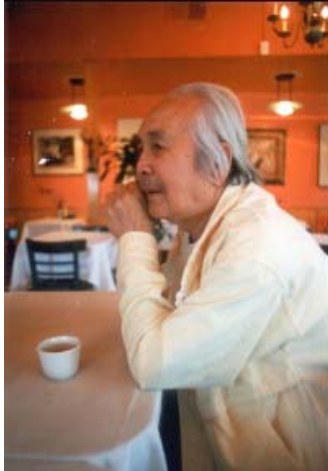
Tôn giáo của xứ Hy Lạp thì liên hệ tới mọi khía cạnh của đời sống hàng ngày với các tính cách xã hội và thực tế. Các cuộc liên hoan công cộng bắt nguồn từ cách thực hành tôn giáo, đã được dùng vì các nhiệm vụ đặc biệt: các trẻ em trai sẽ là các chiến sĩ còn các trẻ em gái sẽ là các người mẹ. Các đền đài thờ một vị thần nam hay một vị thần nữ là các tòa nhà chính trong xã hội Hy Lạp, tại nơi đây không có giới tu sĩ chính thức đặt ra các giáo điều và nghề làm tu sĩ cũng giống như làm công chức.

Qua thời gian, các người Hy Lạp công nhận một thứ tôn giáo chung căn cứ vào 12 vị thần nam và nữ, và người dân tin tưởng rằng các vị thần linh này sinh sống trên ngọn núi Olympus, đây là ngọn núi cao nhất tại Hy Lạp. Trong số 12 vị thần, Zeus là vị thần chính và là cha của các vị thần kia, Athena là nữ thần của sự khôn ngoan và tài thủ công, Apollo là thần mặt trời và thơ phú, Aphrodite là nữ thần của tình yêu, Poseidon là em của thần Zeus và thần của biển cả và các động đất. Một trong các vị thần trên núi Olympus là thần hộ mệnh của mỗi cộng đồng, thí dụ Athena là nữ thần bảo vệ của kinh thành Athens. Cũng như thế, mỗi gia đình có một thần hộ mệnh riêng. Trong việc thờ phượng các vị thần linh, người dân cầu nguyện và cúng dường. Trong việc tế lễ, người dân cũng giết súc vật hay dâng đồ ăn. Các con vật hy sinh bị thiêu trên bàn thờ ở trước đền đài hay tại ban thờ nhỏ ở trước cửa nhà.

Các lễ hội (festivals) cũng được tổ chức để vinh danh các thần nam hay thần nữ. Lễ hội đặc biệt để thờ Thần Zeus được thực hiện tại Olympia và để thờ Thần Apollo tại Delphi. Các người Hy Lạp cũng tổ chức các cuộc tranh tài thể thao và Thế Vận Hội Olympic đầu tiên diễn ra vào năm 776 trước CN, rồi sau mỗi 4 năm lại có một kỳ thể vận mới./.

# TẠ TỶ, NGƯỜI HỌA SĨ LUÔN ƯU TƯ VỀ NHỮNG CÁI MỚI

## Đình Cường



Họa sĩ Tạ Tỵ (1921-2004)  
ảnh chụp ở California, 2000

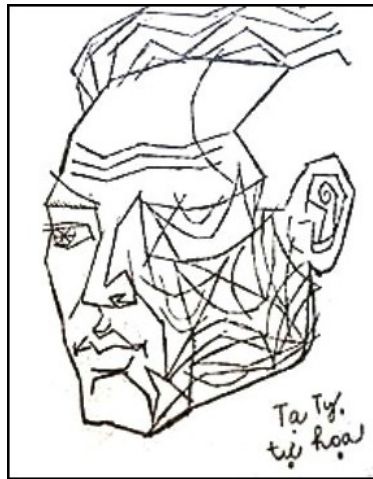
*Từng cánh hoa đời khép lại  
Thương về 5 cửa Ô xưa! ...*  
(Tạ Tỵ)

Được xem như người đi tiên phong vào lãnh vực hội họa Lập Thể và Trừu Tượng Việt Nam sớm nhất, từ thời còn học Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương những khóa cuối cùng. Ông tốt nghiệp năm 1943 khoa sơn mài.

*“Tôi bẩm sinh là một con người thích tiến bộ, thích cái gì mới. Khi còn học ở trường Mỹ Thuật, tôi không mấy thích cái lối vẽ chân phương theo quy luật của nhà trường bắt buộc. Tôi thường đến thư viện mượn sách đọc, lẽ dĩ nhiên, loại sách thuộc về mỹ thuật. Tôi mê các tác phẩm của Van*

*Gogh, Gauguin và Matisse. Tôi nghiên cứu và tìm hiểu mỹ thuật tạo hình ở mỗi tác giả. Nhưng sau một thời gian, tôi thấy các nhà danh họa trên vẫn phải dựa vào thiên nhiên và sự vật cũng như con người để tạo dựng tác phẩm. Tôi nghiên cứu và tìm hiểu các họa phái khác nhau như Siêu Thực, DaDa và Lập Thể.*

*Tôi thích trường phái Lập Thể qua các tác phẩm của Braque hơn là Picasso. Tôi mê chiều thứ tư (4ème dimension) của họa phái này vì nó làm cho tác phẩm trở nên sống động, chứ không trơ trơ như các họa phái khác...”* (Tạ Tỵ - Những Khuôn Mặt Văn Nghệ Đi Qua Đời Tôi - Hồi Ký - Thăng Mỗ xb 1990, trang 18)





Thời học ở trường, ông chơi thân với Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng, Nguyễn Đức Nùng và Phạm Đăng Trí... cùng thích lối vẽ cách tân, sau khi đã làm xong bài thực tập theo sự hướng dẫn của giáo sư Inguimberty... Hai họa sĩ đàn anh được kính phục là Tô Ngọc Vân và Nguyễn Gia Trí, sau này là những bậc thầy về tranh sơn dầu và tranh sơn mài của hội họa hiện đại Việt Nam.

Từ khi còn là sinh viên, năm 1941, Tạ Ty 20 tuổi, đã nhận được một giải thưởng của nhà trường để đi thực tế miền Trung Việt Nam, ông đã đến Huế với tất cả những gì được khám phá trong một thành phố cổ kính, cùng dòng sông Hương sương khói và thơ mộng. Năm 1943, ông lại đoạt giải thưởng của Salon Unique với bức tranh “Mùa Hè” vẽ sau khi vừa tốt nghiệp.

1946, chiến tranh bùng nổ giữa Việt Minh và Pháp, Tạ Ty cùng các bạn tham gia kháng chiến chống Pháp. Trong cuộc triển lãm Tháng Tám về hội họa năm 1946, tại Nhà Hát Lớn Hà Nội anh có bức “*Hoa Đắng*” tham dự, được Hiệp Hội Báo Chí Việt Nam trao giải, nhưng tiền thưởng chưa lãnh thì chiến tranh toàn quốc bùng nổ! Bức “*Nhớ Hà Nội*” của Tạ Ty vẽ trong thời gian ở chiến khu miền rừng núi làm nhớ cái không khí tiêu tư sản trong thơ Quang Dũng ... *đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm...*

Và Tạ Ty, cùng bao nhiêu văn nghệ sĩ khác, sau mấy năm đi kháng chiến, thấy không hợp đã tìm cách bỏ hàng ngũ Việt Minh về thành như Hoàng Công Khanh, Tam Lang, Phạm Duy ... *tôi biết bên kia có người anh thương, có mái nhà anh bên đường phố nhỏ, rũ cành hoa ti-gôn, nhưng nếu chỉ là có thể, anh bỏ mà đi sao đành...*

Theo Huỳnh Bội Trân: Trở về với Tạ Ty, vào năm 1951, ông tổ chức một cuộc triển lãm cá nhân tại Hà Nội. Cuộc triển lãm mang tên *Hội Họa Hiện Đại*. Tạ Ty viết lời mở đầu cho quyển catalogue:

*“Cái đẹp là điều tiềm thức phải làm việc để nâng cao lên giá trị giữa mực sống bình thường. Cái động của Thiên nhiên quay theo với sức nóng của mặt trời cũng như luật tuần hoàn của kiếp sống. Thay đổi luôn luôn biến chuyển từ Vô Hình đến Hữu Hình, từ Xanh đến Vàng, từ Hồng đến Tím và xê dịch với tốc độ của thời gian. Nghệ thuật chứa đựng trong lòng nó cái sức sống tiềm tàng của Đất, Trời. Tiếng nói của vũ trụ và Âm thanh và Màu sắc. Phần âm thanh rung lên rồi tan đi. Màu sắc còn lại nói sự “cựa mình” của Sự Vật.”*

Qua những lời này, người ta thấy Tạ Ty nhắm đến sự khái quát hóa trong tranh, hay nói một cách khác, tranh của ông chỉ thể hiện cảm xúc, nó là nỗ lực của trí tuệ để cảm nhận và thể hiện thế giới quanh mình. (Bội Trân - Tạ Ty, người tiên phong trong mỹ thuật Việt Nam – [tienvue.org](http://tienvue.org))

Tôi quen Tạ Ty từ buổi triển lãm 50 họa phẩm lập thể tổ chức lần đầu tiên năm 1956 tại Phòng Thông Tin Đô Thành Sài Gòn, một phòng tranh thành công rực rỡ về tinh thần cũng như tài chánh.

Bài viết mở đầu trong tập brochure của Tạ Ty chữ nghĩa cũng rất tân kỳ, tiếc là không còn giữ được. Trích ở đây một đoạn ngắn trong bài mở đầu tập brochure Văn Quang có nhắc lại trong một bài viết:

*“Mời bạn hãy vào - Cửa vườn tôi đã mở sau 5 năm trời khép kín - vườn của tôi sau khoảng thời gian giam cầm trong SUY NGHĨ, trong DÁN VẬT, trong GIẶN HỒN để tìm những cánh màu của tâm tư chấp nói*

lại và thêu dệt bằng Tin Tưởng, tạo thành một thế giới của Hình Thể, của Sắc Màu, qua bức tường vách ngăn của Lý Trí và Rung Động ...” (Tạ Ty 8-8-1956) (Văn Quang - Tạ Ty, vườn xưa đã khép - Lâm cầm Sài Gòn thiên hạ sự, ngày 26-8-2004)



**Tạ Ty tại studio nhà đường Phan Văn Trị, Sài Gòn 1955**

Từ năm 1960 Tạ Ty chuyển hướng sang tranh trừu tượng. Năm 1961 tổ chức triển lãm. Cứ 5 năm ông lại tổ chức một lần: 1951, 1956, 1961... Ông còn dự định tổ chức phòng triển lãm tranh chân dung văn nghệ sĩ miền Nam vào năm 1966 mà không thành, dời qua năm 1975 thì tháng tư đen ập đến. Tất cả đều tan biến. Có thể nói Tạ Ty, với tranh chân dung văn nghệ sĩ độc đáo, với những nét sáng tạo bén nhọn ở từng khuôn mặt, tranh vẽ nét cũng như có màu sắc đều mang tính cách một Tạ Ty tài hoa, thượng thừa, khó ai so sánh.

Về tranh trừu tượng, Tạ Ty trả lời Nguyễn Ngũ Í trong cuộc phỏng vấn của tạp chí Bách Khoa:

“... Hôm nay đứng trước một họa phẩm trừu tượng, người thưởng ngoạn không nên và không bao giờ nên tìm hiểu họa sĩ đã vẽ gì trong kích thước đó, mà chỉ nên tìm hiểu mình đã nghĩ gì về tác phẩm trước mắt mình? Cảm giác đầu tiên nào đập vào trí não mình để bắt nguồn cho rung động? Những màu sắc và hình thể kia có phải là dấu hiệu của riêng mình đã in vào tiềm thức? Người họa sĩ không có lý do để hiện diện trong tác phẩm thuộc loại trừu tượng, trừ cái tên ký ở góc tranh...” (Cuộc phỏng vấn về quan niệm hội họa - Bách Khoa, số 131, ngày 15-6-1962)



**Thiếu nữ khăn choàng - Tạ Ty - Sơn dầu trên canvas**

Những bức tranh trừu tượng nổi tiếng của Tạ Tỵ như “Nhịp Thời Gian” (1959), “Nhịp Calypso” (1960), “Màu Thời Gian” (1960) và “Cát Cánh” (1972) – một bức tranh với kích thước lớn (350 x 170 cm) hiện treo tại Bảo Tàng Mỹ Thuật Sài Gòn. Tranh Tạ Tỵ còn triển lãm tại các phòng triển lãm quốc tế ở Tokyo, Paris, San Francisco, New York... và bán đấu giá tại Sotheby’s, ngày càng đắt giá.



**Nhạc Calypso - Tạ Tỵ - sơn dầu trên canvas 1960**

Tôi xem Tạ Tỵ như một người anh. Và ngược lại, anh cũng hết sức thương quý chúng tôi. Nên viết về Tạ Tỵ thật khó, bởi vì anh là một vóc dáng lớn, một cuộc đời âm thầm mà gần như ngoại hạng. Từ viết văn, làm thơ, viết nhận định văn học, trình bày sách báo, vẽ ký họa chân dung văn nghệ sĩ... tất cả là một kho tàng lớn chưa ai khai thác kỹ.

Anh là một Nghệ Sĩ đích thực, sống hết cuộc đời mình cho Nghệ Thuật. Vào miền

Nam từ năm 1953 theo động viên từ thời Bảo Đại. Sau đó lại được động viên vào khóa 3, trường Sĩ quan trừ bị Thủ Đức và sau đó phục vụ hầu hết tại Tổng cục chiến tranh chính trị QLVNCH. Giải ngũ trước 1975, nhưng năm 1975 vẫn phải đi tù Cộng Sản tại các trại tù ở miền Bắc. Vượt biên năm 1982, được tàu dầu Anh Quốc đưa vào đảo Pulau Bidong. Từ đó anh bắt đầu cuộc đời tị nạn. Nhớ ngày anh ra tù năm 1981, nhân tôi ghé thăm anh chị Doãn Quốc Sỹ nhà trong con hẻm đường Thành Thái đi bộ băng qua đường Phan Văn Trị đến nhà anh rất gần, anh Sỹ rủ cùng qua thăm anh, chúng tôi mừng rỡ ôm lấy nhau. Căn nhà trong ngõ Phan Văn Trị anh ở lâu đời nhất.



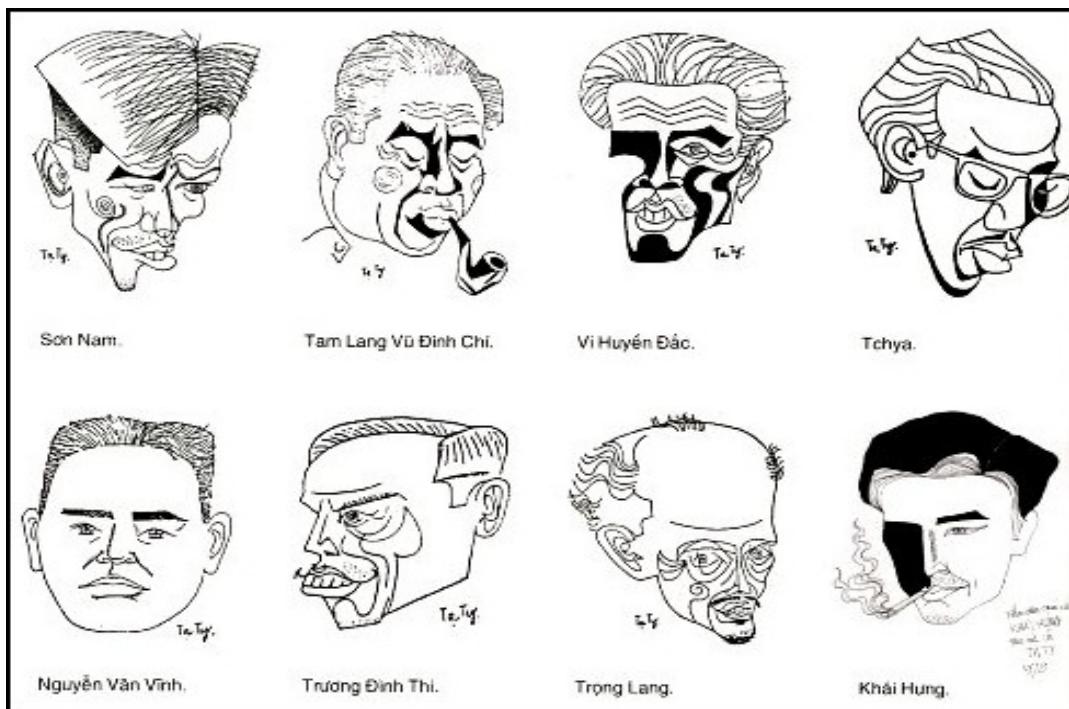
**Đinh Cường và Tạ Tỵ trước bức tranh trừu tượng cuối cùng “Những Mảnh Đời Tị Nạn” sơn dầu trên bố, vẽ năm 1995 treo tại nhà con gái – California**

Năm 2003, sau khi chị mất, anh trở về Sài Gòn sống với người con gái út, âm thầm những năm tháng cuối đời... Anh mất ngày 24-8-2004, hỏa táng tại nghĩa trang Bình Hưng Hòa. Vòng hoa gửi viếng anh tôi nhờ Dương Nghiễm Mậu đem đến. Đám tang anh còn có vài bạn bè cũ xưa đến dự. Đêm nay nhớ anh, nhớ câu anh hay nhắc nhớ: *Hãy sống bằng tình Thương Yêu chân thành trong Nghệ Thuật.*

- Tạ Tỵ sinh ngày 3-5-1921 tại Hà Nội, mất ngày 24-8-2004 tại Sài Gòn, thọ 83 tuổi  
 - Họa sĩ, nhà văn, nhà thơ có rất nhiều sách giá trị đã xuất bản tại Sài Gòn trước 1975 và tại hải ngoại sau 1975.

Virginia, May 20, 2015

## Đình Cường



Ký họa chân dung một số văn nghệ sĩ của Tạ Tỵ

# RỬA HẬN NAM QUAN

Kịch thơ của

## Đường Sơn Đỗ Quý Sáng & Hồ Công Tâm

[Đề ghi nhớ tội bán nước cầu vinh của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã cất đất ở vùng biên giới Hoa Việt và vùng biển trong Vịnh Bắc Việt dâng quan thầy Trung Cộng vào những năm cuối của thế kỷ 20 vừa qua!]



Mở trang Đại Cáo Bình Ngô  
Bút thơm tự thờ dựng cờ Chí Linh  
Cổ nhân thương mã trị bình  
Thập niên bình hòa tri tình Lũng Nhai  
[HCT]

### 1 . Nam Quan Trường Hận!

#### Lời Nguyễn Phi Khanh

Nam nhi ghi nhớ hận Nam Quan  
Thương khóc mà chi lệ ngút ngàn  
Mãi kiếm nuôi hờn, nuôi chí lớn!  
Độc thư cứu quốc, cứu lê dân!  
Ra đi, hồn gói về quê Việt  
Đầu thác, xương phơi ở đất Tần

Sông núi một ngày râu trở lại  
Nghìn trùng, vọng bá kiến tân quân!  
[HCT]

#### Lời Nguyễn Trãi

Chữ hiệu đành cam lỗi đạo thờ  
Giang sơn nghĩa cả dám làm ngơ !  
Bình Ngô, ngấm kế tiêu trừ giặc  
Lạc Việt, tìm phương quyết dựng cờ  
Ném mật nằm gai nơi hòa tuyến  
Vào sinh ra tử chốn quân cơ  
Nam Quan, ái Bắc phân cương giới  
Rửa hận ngàn sau sạch vết nhơ !  
[HCT]

### 2 . Nguyễn Trãi ở Đông Quan

#### Lời Thị Lộ

Bao ngày nuôi chí ở Đông Quan  
Hùng lược tiên sinh lướt gió ngàn  
Thảo hịch soạn thư bài đại cáo  
Mãi nanh dũa vuốt mộng an dân  
Đặng Dung trao kiếm trung hưng Việt  
Quý Khoách chờ mưu phản kích Tần  
Sao ý tiên sinh còn lưỡng lự  
Bao giờ trông nổi giữa trung quân ?!  
[Đường Sơn ĐQS]

#### Lời Nguyễn Trãi

Thề sẽ tận trung trọn hiếu thờ  
Úc Trai báo quốc há lòng ngơ  
Phù Hồ, cha chịu đày lưu xứ  
Phục Việt, con tung dịp phát cờ



Ngại sách Trùng Quang hội quý tộc  
Kín mưu Bình Định chuyển thời cơ  
Với dân nổi lửa bùng quan ải  
Thỏa chí bình Ngô gột nhục nhờ  
[Đường Sơn]

\* Khi ở Đông Quan, Nguyễn Trãi làm thất vọng Thị Lộ, vì đã không đáp lời mời của Đặng Dung tham gia phục Trần cùng với Trùng Quang Đế. Nguyễn Trãi giải thích rằng mình do dự phù Trần vì e dựng lại chế độ vương hầu phong kiến mà nhà Hồ (Quý Ly) đã muốn cải cách. Nguyễn Trãi cho Thị Lộ hay mình đã ngâm liên lạc với hào kiệt ở Lam Sơn cùng toàn dân khởi nghĩa cho một thời đại mới.

3. Nguyễn Trãi về Côn Sơn rủ Trần Nguyên Hãn phò Lê Lợi

### Lời Nguyễn Trãi

Ta từ gạt lệ biệt Đông Quan (1)  
Nghĩ tui gia thân hận bạt ngàn  
Chẳng phụ Trần triều quên biển cỏ  
Hiềm ngờ Nghệ để rẻ lương dân (2)  
Ta nương nhà có mơ Lương, Lượng (3)  
Người ẩn thôn trang mộng Tín, Tần (4)  
Lê Lợi Lam Sơn cờ đại nghĩa  
Người cùng ta chịu xuất đấng quân?  
[Đường Sơn ĐQS]

(1) Đông Quan là một trong 6 cửa ải ở Lạng Sơn, nguy hiểm bậc nhất, Tàu thiết mạng ở đây nhiều nên gọi là Quỷ Môn Quan. Ông Phan Thanh Giản đi sứ Tàu có tả ải này như sau:  
Buổi sứ trình đêm mưa dậm tuyết  
Bạn cố tri mình nguyệt quan san  
Rạng ngày tới ải Đông Quan  
Tiếng xưa thập khứ nhất hoàn là đây!  
Nguyễn Trãi ần núp dõi theo cha khắp các ải, sau gặp tại Nam Quan.

(2) Nguyễn Trãi là cháu ngoại Bạng Hồ Tướng Công, Tư Đồ Trần Nguyên Đán. Đán có công dẹp Dương Nhật Lễ, tôn tướng quốc Phù lên làm vua là Nghệ Tông. Đán cáo quan về ở ẩn tại Côn Sơn, gả con gái cho Nguyễn Phi Khanh trong hàng dân dã. Nuôi Nguyễn Phi Khanh ăn học đậu Thái Học Sinh, nhưng Nghệ Tông ghét dân dã mà với cao nên không dùng. Sau Hồ Quý Ly cướp ngôi, vời Khanh ra làm Hàn Lâm Học Sĩ. Cháu nội Trần Nguyên Đán là Trần Nguyên Hãn, anh em cô cậu với Nguyễn Trãi, có tài nuôi chim đưa thư và giỏi binh cơ nhưng không muốn giúp Giản Định Vương Trần Quĩ (con thứ Trần Nghệ Tông khởi nghĩa ở Ninh Bình). Nguyễn Trãi tìm được minh chủ Lê Lợi, anh hùng áo vải dân dã nên rủ Trần Nguyên Hãn ra làm võ tướng cùng giúp cuộc khởi nghĩa. Trần Nguyên Hãn sau cũng được phong chức Tư Đồ, đã quyết thắng nhiều trận quan trọng, như trận chiếm thành Xương Giang. Hãn sau bị dèm pha và bị Lê Thái Tổ nghi kỵ mà sát hại. Trên đây là hai anh em đôi thoại bàn việc.

(3) Trương Lương và Gia Cát Lượng, hai bậc thầy khuông phò Hán và Hậu Hán (đời Tam Quốc).

(4) Hàn Tín và Tô Tần, hai người, một có tài binh, đời Hán và một có tài chiến lược liên minh thời tiên Tần Chiến Quốc.

### Lời Trần Nguyên Hãn

Nội tổ công danh vốn thần thờ  
Triều trung ân oán ngoảnh tai ngo  
Hồ gia thoán đoạt giành cơ trí  
Trần nghiệp tang thương hoại thể cờ  
Học phép đưa chim đưa nhận tín  
Dùng mưu đối trận rắp binh cơ  
Người phò tân chúa, ta thề giúp

Dầu văng Đông A chẳng nhớn nhỏ  
[Đường Sơn]

4 . Nguyễn Trãi ở Lư Sơn hiến kế Lê Lợi vây Nghệ An để nức lòng quân dân rồi phân đánh Đông Đô.

**Lời Lê Lợi**

Rừng rậm Chí Linh khu tuyệt quan  
Lương khô cạn thả voi về ngàn  
Đau lòng ngựa chiến phanh da thịt  
Thiếu gạo binh tàn trọng thóc dân  
Củ chuối thay khoai: trời tuyết Việt?!!  
Cao lương phó yến: nước dâng Tần?!  
Lê Lai (1) khanh có thiêng phù hộ  
Giúp trăm cùng Trung Lệnh (2) trẩy quân!  
[Đường Sơn]

(1) Lê Lai khoác áo hoàng bào theo gương Kỳ Tín cứu Hán Cao Tổ để Lê Lợi thoát khỏi vòng vây của giặc ở Chí Linh.

(2) Trung Lệnh là chức vụ Trung Thư Lệnh của Nguyễn Trãi. Lúc này đã thoát khỏi Chí Linh về đến Lư Sơn thanh thế to lớn, hai ông tính kế đánh Nghệ An, Lê Lợi mới xưng Vương để dân nức lòng theo giúp.

**Lời Nguyễn Trãi**

Nằm gai đã chọn chúa tôn thờ  
Thần thứ trào nha đầu dấm ngọc  
Bình đội đột chinh liên tiếp thắng  
Lòng dân bột khởi dậy ran cờ  
Báo cho Trần Trí tiêu hòa ước (1)  
Vây kín Nghệ An thượng thế cơ  
Khoanh chặt đối phương – Binh tách trận  
Đánh Đông Quan tẩy sạch tàn nhơ  
[Đường Sơn]

(1) Ở Lư Sơn thanh thế mạnh lên nhiều, Lê Lợi báo cho Trần Trí là không chấp nhận tạm ước đình chiến nữa và cứ vây thành Nghệ An.

5 . Nguyễn Trãi bao vây Đông Quan, trình kế đá viện ở Chi Lăng. Lê Lợi phái Nguyễn Trãi vào thành gặp Vương Thông bàn kế nghị hòa.

**Lời Lê Lợi**

Tan hoang Tuy Động giặc điều quan  
Tập kết hai thành quân vạn ngàn  
Thành Nghệ, Đông Quan đồn cứ địa  
Núi Lam, Bình Định nức lòng dân  
Vương Thông bàn nghị mong về Bắc  
Nguyễn Trãi vào dinh thử độ Tần  
Đừng để vương hầu chúng mất mặt  
Nhược hai lòng, cảm tử ra quân!  
[Đường Sơn]

**Lời Nguyễn Trãi**

Thần vào mật nghị khuyển tuân thờ  
Giải kết lui quân chớ ngó ngo  
Cho dịp toàn thân về tấu giá  
Bãi binh cơ thể khiến thâu cờ  
Hàng tâm thuyền ngựa đều công xuất  
Viện kế binh đao sẽ phục cơ  
Giấu mẹo Chi Lăng đồng hiểm ác  
Chém đầu xâm lược để bêu nhơ  
[Đường Sơn]

6 . Phá viện binh, thu lại Đông Đô, quét sạch quân xâm lược, dựng nền tự chủ, đại cáo quốc dân

**Lời Lê Lợi**

Tin mừng chiến thắng ải Nam Quan  
Lớp lớp thây phơi ngó bạt ngàn  
Mộc Thạnh viện binh lâm tử địa  
Liễu Thăng thủ cấp hiến quân dân  
Giặc Minh quét sạch ngoài biên ải  
Cờ Việt tung bay khắp hải tần  
Khanh thảo dùm ta tờ đại cáo



Mừng tân triều đại tiệc khao quân!  
[HCT]

### Lời Nguyễn Trãi

Hào kiệt tận trung nhập miếu thờ  
Giang sơn gấm vóc lẽ nào ngờ  
Mười năm kháng chiến nhiều gian khổ  
Vạn đại hiên ngang một sắc cờ  
Đoàn kết nhân tâm là mệnh cả  
Tập trung nhân lực ấy thời cơ  
Đẹp thay triết lý người dân Việt:  
Thà chết vinh quang, chẳng sống nhờ!  
[HCT]

• Kịch thơ “Rửa Hận Nam Quan” của Hồ Công Tâm và Đường Sơn được sáng tác để ghi nhớ tội bán nước của tập đoàn lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam.

## HỒ CÔNG TÂM & ĐƯỜNG SƠN ĐỖ QUÝ SÁNG

\*\*\*

Kịch thơ “Rửa Hận Nam Quan” được chấm dứt ở cao độ hào hùng Bình Ngô đại cáo trong hồi 6. Đường Sơn xin cống hiến thêm hồi 7.

**Hồi thứ 7:** Sơn Thần Cương Vực Đất  
Nước phần nộ bề lũ hậu duệ tặc Hồ nhượng  
đất lui biên

### Sơn Thần / Hồn Tướng Lê Lợi :

Ta từng trải mật giữ biên quan  
Nhử bầy Liễu Thăng chém dưới ngàn  
Hồ \* duệ móc lui rào Ngưỡng Đức\*  
Trạch\* tâm xâm thực buộc tròng dân

### Sơn Thần / Hồn Tướng Lưu Nhân Chú:

Nước nguồn dẫn ngập đồng lau sậy\*  
Bùn đọng uơm xanh bãi khúc tần\*

Liễu Tặc lún lầy sa hiểm địa  
Thoát duy Mộc Thạnh lẩn tàn quân

\* Lê Lợi tướng thủ ái bỏ chạy như  
Liễu Thăng vào đồng lầy mai phục. Đồng  
lầy được dân phu tích nước từ trong suối đổ  
ra cho thêm sinh ngập mà quân dọ thám  
Liễu Thăng không tiên liệu

\* Hồ duệ ở đây là bọn nhượng biên  
hiện tại lui biên cho tới sau nhà quán  
Ngưỡng Đức Đường ở biên giới.

\* Trạch tâm: là con tằm Trạch (Giang  
Trạch Dân) ăn lẩn biên giới

\* Khúc tần là loại rau dại mọc trên  
ruộng sau mỗi vụ lúa, nhà nông hái làm  
nhân bánh xôi khúc.

### Hồn Thị Lộ

Vườn Lệ Chi rung đạo sắc thờ  
Thiếp nhìn quan ái dạ sao ngờ

(chép miệng nói về quan Hành Khiển Thừa  
Chi Học Sĩ Nguyễn Trãi)

Đầu rơi máu uấtù sôi trùng mắt  
Môi hé hờn đau giục phát cờ

**Hồn Nguyễn Trãi** (phảng phất rít trong  
gió lời thúc giục):

Thức tỉnh lòng người lo nạn nước  
Đoạt giành cương thổ chặn nguy cơ  
Dù oan thác mấy trăm năm trước  
Chẳng chịu sơn hà để nhớp nhờ!  
(Mãn hạ)

### ĐƯỜNG SƠN ĐỖ QUÝ SÁNG

California, Feb. 26th 2002

### Ghi Chú:

Độc giả giàu kiến thức về văn học nghệ  
thuật hiện đại xin tham chiếu Kịch Thơ của  
Trúc Đường với các vai Nguyễn Trãi,  
Nguyễn Thị Lộ, Yến Nhi, Trần Nguyên

Bồi, Đặng Dung, Lê Lợi, Trần Nguyên Hãn để hiểu rõ cấu trúc thời điểm và san định tuổi tác các nhân vật và các vai hư cấu. Nguyễn Trãi khoảng 24 tuổi thì Thị Lộ được đóng vai làm liên lạc viên cho thầy trong vai một cô học trò nhỏ ở Đông Quan.

### \* Vấn đề tương quan tuổi tác giữa Thị Lộ và Nguyễn Trãi

Trong vở kịch thơ Nguyễn Trãi của Trúc Đường (Tốt nghiệp Đại Học Tổng Hợp Hà Nội) nói trên thì Thị Lộ là một cô gái liên lạc. Trong vở kịch đó có vai Đặng Dung cũng lên vào Đông Quan giả dạng người đi buôn vào trao kiếm cho Nguyễn Trãi, nhưng Nguyễn Trãi chối từ giúp khôi phục nhà Trần.

Đường Sơn viết hồi 2 kịch “Rửa Hận Nam Quan” dựa trên căn bản sử và tác phẩm văn học đã được xuất bản đó. Và Đường Sơn cho tuổi của Thị Lộ lúc đó là 12 tuổi khi đối đáp với Nguyễn Trãi, không phải là diễn tả nỗi thất vọng của người tình, mà là của người cùng chung lý tưởng phục quốc.

Bây giờ xét về thời gian trong chính sử: Nguyễn Phi Khanh bị giải qua Tàu khoảng năm 1408. Nhà Hậu Trần mất năm 1413 sau khi Trần Trùng Quang bị bắt và tự vận. Đặng Dung ngán ngẩm làm bài Thuật Hoài: “Thê sự du du nại lão hà” sau đó. Lê Lợi chính thức ra mặt kháng chiến vào năm 1418. Lê Lợi đuổi được quân Minh khởi bờ cõi năm 1428, lên ngôi vua.

Nguyễn Trãi và Thị Lộ chết trong vụ án Lê Chi Viện năm 1442. Cho rằng khi cha bị giải đi Nguyễn Trãi khoảng 20 tuổi. Khi Đặng Dung đưa tin xin hỗ trợ thì Trãi đã 24 tức là năm 1412, bốn năm sau khi từ biệt cha ở Nam Quan. Khi Lê Lợi chính

thức ra quân năm 1418, Nguyễn Trãi có thể đã tròn tròn 30 tuổi rồi.

Khi Thị Lộ làm liên lạc viên cho Trãi thì cô là một học trò khoảng 12 tuổi lúc mà Đặng Dung liên lạc năm 1412, chưa phải là người yêu gì cả của Nguyễn Trãi. Bài thơ nổi tiếng “À Ở Nơi Đâu Bán Chiếu Gon” coi như là bản mật mã nhắn tin cho nhau qua mặt quân Minh làm sau thời gian này vài năm, khi Thị Lộ tuổi đã “trăng tròn lè”. Vở kịch Rửa Hận Nam Quan Đường Sơn giả thiết cho rằng Trãi hơn Thị Lộ một giáp 12 tuổi. Hai người đối đáp không có ý trai gái gì ngoài lòng yêu nước. Vậy trong vở kịch này ta tạm cho Thị Lộ sinh năm 1400. Khi khởi nghĩa thành công (1428) sau 10 năm bình định, thì Trãi khoảng 40 tuổi. Thị Lộ là 28 tuổi.

Khi Trãi bị hãm hại năm 1442 thì ông khoảng 54 tuổi và Thị Lộ 42 tuổi.

Vua Thái Tôn có thể mê Thị Lộ già hơn mình 22 tuổi không? Nếu Thị Lộ được vở kịch cho trẻ lại 10 tuổi ở khoảng bà 32 tuổi thì hợp nhân tình hơn. Tuy nhiên như thế lại làm mất vai Thị Lộ ở thời điểm dứt nhà Hậu Trần. Cái đó phải hỏi Nguyễn Trãi có yêu Thị Lộ dù ông già hơn 22 tuổi hay không. Chắc không trở ngại. Tình yêu không biên giới nhất là khi có sự ngưỡng mộ tài ba trong đó nữa.

Do đó Thị Lộ có mặt cùng với Nguyễn Trãi sớm trong thời tiền khởi nghĩa cũng có thể có chứ không phải cần ép già đôn tuổi Thị Lộ hơn lên tới 50 tuổi. Nếu Thị Lộ trẻ hơn 50 tuổi, chẳng lẽ Thái Tôn mê một người chưa sanh ra đời, vì ông vua này mất ở tuổi 20 mà thủ phạm nghi can là Thị Lộ làm vua đấm đuổi. Vậy đáng tin hơn là chuyện vua Thái Tôn yêu bà Thị Lộ, người được vời vào cung dạy học cho cung nữ chứ

không phải vào làm phi tần ở tuổi 42, mà đã bị cho rằng “đôn lên tới 50 tuổi” hơn là chuyện bà Thị Lộ trẻ hơn 50 tuổi, chưa ra đời mà vua Thái Tôn đã chết mê chết mệt. Chánh sử lúc đó đã có Thị Lộ trong vụ Lệ

Chi Viên rành rành. Vậy bà không thể trẻ hơn 50 tuổi như sự võ đoán được. vở kịch “Rửa Hận Nam Quan” nhiều lần đôn tuổi Thị Lộ lên độ 10 tuổi, đó là câu kết luận khách quan để tạo các vai hư cấu trong kịch, chứ không thể nào bị ép già 50 năm như nhận xét không trên căn bản tiêu mốc lịch sử và thiếu thận trọng nghiêm túc khi phê phán.

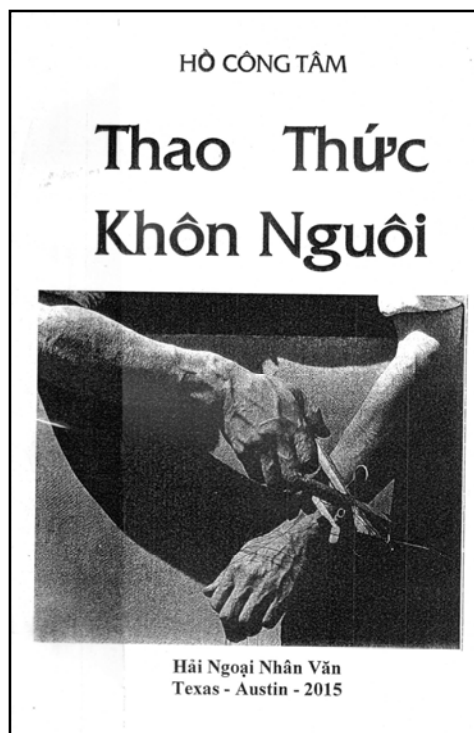
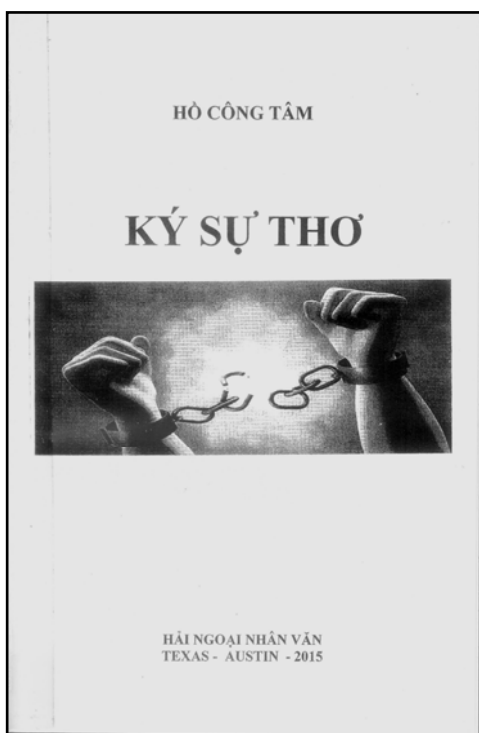
Dĩ nhiên về tuổi tác chính xác của Nguyễn Trãi đã có những sử liệu minh xác.

Trên đây chỉ là phép ước đoán khi cấu tạo những nhân vật cho phù hợp thời đại. Những người viết kịch có căn bản về sử đã nghiên cứu vấn đề này rồi. (Ví dụ như tác giả Trúc Đường dẫn thượng).

Chắc chắn Thị Lộ không thể trẻ hơn 50, tức là sinh ra vào năm 1350, điều võ đoán này sẽ đảo lộn lịch sử và Trãi với các vai khác trong vở kịch cũng như trong thật sự lịch sử không bao giờ gặp nhau được, như trong vụ án Lệ Chi Viên, mà sử liệu đã xác nhận.

**ĐƯỜNG SON ĐỖ QUÝ SÁNG**

Los Angeles Feb. 26, 2002



# SÀI GÒN CẢNH CŨ ĐƯỜNG XƯA

## Mỹ Phước Nguyễn Thanh

### Đại lộ Lê Lợi

Khu vực bên kia đường Pasteur chạy dài đến đường Công Lý là khuôn viên thuộc Bộ Công chánh và Giao thông Vận tải. Cơ quan này kế tục Sở Công chánh (hay Sở Trường tiền) thời Pháp thuộc được thiết lập tại đây từ những năm 1870. Một tòa nhà đã lâu đời nhìn ra ngã tư Lê Lợi - Pasteur được sử dụng làm Ty Bưu điện Quận Nhất. Bên ngoài bức tường của Bộ Công chánh, phía đại lộ Lê Lợi, thường xuyên có một chợ sách chiếm trọn cả vỉa hè. Các gian hàng sách xây bằng mái tôn cột gỗ, hoặc che bằng bạt vải bố, ni-lông, đứng tiếp nối nhau suốt đoạn đường. Ta đọc được vài bảng hiệu gắn trên các gian hàng như: Thu Ba, Phương Nam, Thống Nhất... Bên trong ta thấy sách, báo cũ mới đủ loại, bằng Việt ngữ lẫn ngoại ngữ, sắp từng chồng nằm trên sạp hoặc xếp đứng trên kệ. Sách bán tại đây rẻ hơn tại các tiệm phía bên đường đối diện nên thường đông người chen chúc đến tìm tòi giữa lối đi chật hẹp. Chợ sách nối dài đến đầu đường Công Lý, cạnh cổng vào Bộ Công chánh.

Trước ngày xây dựng chợ Bến Thành, chỗ ngã năm Công Lý - Nguyễn Trung Trực này là phần cuối của đại lộ Bonard. Đến khi chợ được xây xong vào năm 1914, một khúc đường mới được khai thông và mang tên là "Đại lộ Bonard nối dài". Thời ấy, phía lề

đường ta sắp đi tới hãy còn bỏ trống, nhiều năm sau nhà cửa mới được xây lên, trong đó cơ sở đầu tiên có lẽ là Nhà thương thí Sài Gòn, nay là Bệnh viện Sài Gòn vẫn nằm tại địa điểm cũ.



Rời chợ bán sách ta vượt qua đường Công Lý. Nơi tầng trệt của tòa nhà bốn tầng ngay góc đường là Nhà thuốc Tây Diệu Tâm, trước kia là Pharmacie Bonard. Kề bên ta thấy dãy cao ốc ba, bốn tầng, nơi đặt nhiều văn phòng đại diện các xí nghiệp, tư thất các nhân viên sứ quán... Trên lề đường tại đây có hai quán bán sách báo, bán nhạc.

Đi thêm vài mươi bước ta đến rạp chiếu bóng Vĩnh Lợi, được nhiều người vào xem vì giá vé không đắt và thường chiếu phim cũ nhưng giá trị. Đây là một rạp thuộc loại cũ xưa, trước kia là Cinéma Bonard, ra đời vào những năm 1930. Cách rạp Vĩnh Lợi một hẻm nhỏ là nhà hàng Thanh Bạch, thường được nhắc nhở do tài nấu nướng những món ăn ngon như páté chaud, bò kho, bánh mì gà, lại có ghé bàn đặt trên bờ hè trước tiệm, khách vừa có nơi ăn uống thoáng đãng vừa được ngắm cảnh sinh hoạt trên phố xá. Tiệm cơm Thanh Bạch nằm tại tầng trệt của tòa nhà năm tầng, lầu một đến lầu hai thuộc về nhà hàng và



## NOUS DEUX

Rien de plus merveilleux  
De vivre au jour le jour  
Guettant l'avenir plein d'espoirs  
Qui garde encore le même rêve pour nous deux.

Que nous arrive-t-il d'attendre  
Ce bonheur si proche et si lointain  
On est là, à s'aimer tout simplement  
Mais quand le passé nous rapproche  
Et nous rappelle tant de souvenirs  
Même si des fois je pense à toi  
Croire de t'oublier, mais en vain.

La nature nous oblige de vivre  
Quand nos sentiments bouleversent notre amour  
Même au delà des frontières intégrales  
Qui recueillent des mots insensés.

Combine d'amoureux sur terre  
Vivent leur bonheur sans lendemain  
Oubliant leurs querelles quotidiennes  
Abandonnant leur face cachée en ces  
mauvais jours ...



**Diễm Hoa** (Mai 2015)

kiêu vũ trường Olympia (tên cũ là Thiên Hương), nơi khách sành điệu đến mua vui còn được thưởng thức hương vị của các món ăn Nhật Bản.

Đi vài bước nữa ta đến Y viện Sài Gòn, xưa được gọi là Nhà thương thí, sau gọi là Bệnh viện Đô Thành. Cơ sở này được xây cất vào khoảng thời gian đại lộ Bonard vừa mới được nối dài tới công trường trước chợ Bến Thành. Đến năm 1937 nhà thương thí được tái thiết mang tên bác sĩ Dejean de la Bâtie, là người đã sáng lập nhà thương thí đầu tiên nằm tại vùng Chợ Đũi, sau này trở thành Y viện Bạc Hà. Bệnh viện Dejean de la Bâtie xây theo hình chữ U, từ bên trong nhìn ra đường, tòa nhà nằm phía bên phải mang tên ông Hui Bon Hoa, nhà cự phú hảo tâm đã tài trợ một phần kinh phí xây dựng, tòa nhà bên trái mang tên bác sĩ Montel, vị y sĩ tận tụy đã nhiều năm tòng sự tại đây và chứng kiến nhiều nỗi bất hạnh của kẻ không nhà cửa hoặc nghiện thuốc phiện chết gục trên đường phố. Nằm kế bên Y viện Sài Gòn là bót Cảnh sát Lê Văn Ken, tòa nhà nằm trong tường rào song sắt cạnh góc đầu đường Huỳnh Thúc Kháng, nhìn ra công trường Diên Hồng.

Chúng ta trở lại công trường Lam Sơn, lần này chọn phía lề đường bên phải (bên dãy nhà số chẵn) để tiếp tục cuộc dạo phố Lê Lợi. Ngay góc đường Tự Do, nơi tầng trệt cao ốc sáu tầng là quán cà-phê Givral, một địa chỉ nổi tiếng trong giới văn nghệ sĩ, ký giả, chính trị gia. Họ thường gặp nhau tại chốn thanh lịch này, bên tách cà-phê, ly kem hay chiếc bánh ngọt, họ vừa bàn luận, đổi trao tin tức thời sự, vừa ngắm nhìn phố xá, dinh thự sang trọng qua khung cửa kính rộng. Quán Givral tọa lạc trên một phần nền cũ của "Grand Café de la Musique", một quán giải khát nổi tiếng vào những năm 1900. Sau đó, khoảng năm 1912, quán cà-phê nhường chỗ cho nhà thuốc Âu dược Renoux, và tiếp đến là nhà thuốc Solirène, khoảng 1920. Đến năm 1950, khu phố này được tái thiết, cao ốc Eden được xây lên giữa đường Catinat và đại lộ Charner,



nhà thuốc Solirène biến mất, từ đó quán cà phê Givral ra đời.



Cách Givral không xa ta đến trước cổng vào hành lang Eden, một khu thương mại sang trọng, ăn thông qua đường Tự Do và đại lộ Nguyễn Huệ.

Vào bên trong ta gặp những cửa hàng mỹ phẩm, nữ trang, đồng hồ, y phục, dụng cụ thể thao, tem sưu tập... Tại đây ta chỉ thấy hàng hóa thuộc loại hảo hạng, đắt tiền. Ngoài ra có cả chi nhánh ngân hàng, ca vũ trường Queen Bee (trên lầu 1) và đặc biệt có rạp chiếu bóng Eden, được lấy tên đặt cho hành lang. Rạp xi-nê này thuộc hạng nhất nhì Sài Gòn, giới thiệu cho khán giả những phim Âu Mỹ chiếu lần đầu tại Việt Nam. Trên các tầng lầu vừa là cư xá, vừa là các văn phòng đại diện công ty, báo chí, truyền hình...

Cao ốc và hành lang Eden là kiến trúc mới, nhưng lấy tên của một rạp chiếu bóng Eden cũ nay không còn nữa. Vào thời Đệ nhất Thế chiến, các ông Frasseto và Sicé đã thành lập rạp chiếu bóng Eden Cinema trên đường Catinat, tại lối vào hành lang bên phía đường Tự Do. Thỉnh thoảng rạp xi-nê này được dùng làm nơi trình diễn thoại kịch, nhạc hòa tấu hoặc tổ chức khiêu vũ có dàn nhạc.

Từ cổng hành lang Eden đi về phía đại lộ Nguyễn Huệ ta có thể kể: tiệm buôn hàng vải Mai Khanh, nhà hàng Ramuntcho, tiệm tạp hóa Abdul Mohamed, và nơi góc đường có tiệm Liên Seng chuyên về thực phẩm, đồ hộp nhập cảng. Vào khoảng năm 1905, cũng tại

đây có Hôtel des Nations, nhà hàng kiêm khách sạn gồm hai tầng. Trải qua nhiều đời chủ nhân, khách sạn tồn tại đến khoảng 1935.

Bước qua bên kia đại lộ Nguyễn Huệ ta đến building Rex, tòa nhà tân kỳ này bao gồm cả rạp chiếu bóng Rex danh tiếng, khai trương vào năm 1962 với phim Ben-Hur. Sở Thông tin Hoa Kỳ, thư viện Abraham Lincoln cũng đặt trụ sở tại cao ốc này. Vào những năm trước Tết Mậu Thân, khi đi ngang đây, khách qua đường thường dừng chân bên những quày kính xem truyền hình màu chiếu phim tài liệu về văn hóa, du lịch, thể thao... Phía mặt đường kề cận rạp Rex còn có lối vào cơ quan JUSPAO của Hoa Kỳ.

Vào đầu thế kỷ trước, nơi góc Bonard - Charner ta đang đứng là khu văn phòng các luật sư và thừa phát lại. Gần chỗ rạp chiếu



bóng Rex là quán Café Saigonnais. Năm 1927, hãng xe hơi Bainier từ góc chéo đối diện bên kia ngã tư dọn đến đây. Cơ sở mới này có phòng trưng bày xe hơi xây rộng tới đường Lê Thánh Tôn ngày nay.

Đi thêm vài bước, ta thấy nhà may De Fouquières, may cắt những bộ y phục thượng



hạng, đã hành nghề tại đây từ thập niên 1930. Không xa đó là nhà hàng Phạm Thị Trước, nổi tiếng với các món bò kho, hủ tiếu, pátê chaud... Gần bên là tiệm kem Tuyết Lan. Đến góc đường Pasteur ta gặp tiệm kem Mai Hương. Vào thập kỷ 1920, chỗ tiệm kem này có Hãng Garage Central của ông Nguyễn Văn Kiệu, bán xe hơi, xe đạp và đồ phụ tùng, bán cả giường đồng, giường sắt.

Bên kia góc đường Pasteur, ta thấy Nhà hàng Kim Hoa, chuyên về các món ăn Việt, Tây, Tàu. Mặt tiền có mái chìa ra và màn sáo che nắng mưa cho thực khách ngồi ngoài hè đường. Cạnh nhà hàng Kim Hoa phía đại lộ Lê Lợi là Nhà sách Sài Gòn, chi nhánh của nhà sách Lê Phan trên đường Phạm Ngũ Lão, đối diện chợ Bến Thành. Kế bên nhà hàng Kim Hoa, phía đường Pasteur, ta thấy rạp chiếu bóng Casino Sài Gòn. Tại đây, vào khoảng 1910, ông Bernard thành lập rạp chiếu bóng Casino, cũng là nơi diễn kịch, diễn ảo thuật, hòa nhạc. Giải trí xong nếu khách muốn tìm bữa ăn ngon thì có Restaurant du Casino ở bên cạnh, hoặc tìm phòng ngủ thì có Hôtel du Casino không xa đấy. Hai nơi này chính là chỗ quán ăn Kim Hoa và nhà sách Sài Gòn vừa nói. Nhà sách Sài Gòn gồm ba căn phố hai tầng, bên trên mặt tiền ta còn thấy trán nhà, vết tích còn lại của quán Brasserie des Sports, sau trở thành Hôtel du Casino, đến thập niên 1960 là phòng trà kiêm vũ trường Kim Điệp. Đi tiếp ta còn gặp gần đây một loạt các nhà sách Văn Hữu, Nguyễn Trung, Việt Hương... và một số cửa hàng, có thể kể tiêu biểu: nhà thuốc gác Nguyễn Thị



Hai, nhà buôn thiết bị thể thao Émile Bodin, tiệm Photo Chánh Ký, Công ty Bất động sản SIDI, tiệm bán đồng hồ Thụy Sĩ, thẩm mỹ viện Mimi... Vào thời kỳ trước Thế chiến Thứ nhất, ông Bainier thành lập hãng xe hơi Auto-Hall tại quảng này, và cũng chính ông là người cho ra mắt công chúng chiếc xe bus đầu tiên tại Sài Gòn vào năm 1909, ông ta lái xe chở một số khách mời chạy biểu diễn trước mắt công chúng trên đại lộ Bonard, đánh một vòng qua đường Paul Blanchy rồi quay về đây. Thực ra phải đợi đến năm 1921 phương tiện giao thông này mới được hãng Perrin bắt đầu phổ biến tại Sài Gòn như đã nói trên đây. (Hãng xe Bainier hay được nhắc lại trong bài này vì thay đổi địa chỉ nhiều lần).

Đi về hướng đường Công Lý ta còn gặp vài nhà sách nữa như: Thanh Tuân, Khai Trí, Dân Trí. Riêng Khai Trí của ông Nguyễn Hùng Trương là nhà sách danh tiếng hơn cả, ấn phẩm dồi dào, ta có thể mất hàng giờ rảo qua các dãy kệ, giữ các trang sách báo đọc tùy thích. Vào những năm 1920, dãy phố gần nhà sách Khai Trí có tiệm chụp ảnh Khánh Ký của nhiếp ảnh gia Nguyễn Đình Khánh. Gần bên là nhà in Xưa Nay của ông Nguyễn Háo Vĩnh, nơi một dạo từng là tòa soạn các báo La Cloche Fêlée và L'Écho Annamite.

Trên đoạn phố ta vừa đi qua, từ đường Pasteur đến đường Công Lý, và cả đoạn sắp tới, từ đường Công Lý đến bùng binh chợ Bến Thành, là khu vực có lề đường thường bề bộn nhất, khách bộ hành phải chậm bước, len lỏi giữa các bảng hiệu, quầy hàng bày bán trước các cửa tiệm, gánh hàng rong, tủ kiếng của người ép plastic giấy tờ hoặc khắc chữ trên viết máy, và thỉnh thoảng còn gặp vài nhóm "sơn đồng mài vỡ" rao bán "thuốc gia truyền", lõi cuốn đấm đồng vẩy quanh khiến lề đường càng chật chội hơn.

Dừng chân tại góc đường Công Lý, trước mặt ta là một ngã năm, vì tại đây còn có đường Nguyễn Trung Trực đổ vào đại lộ Lê Lợi. Trên khúc đường ngắn của "mũi tàu" này, phía Công Lý có tiệm bán máy thu thanh Kinh Châu, phía Nguyễn Trung Trực là nhà



sách Vĩnh Bảo. Nhà hàng ca nhạc Quốc Tế chiếm trên tầng lầu, nơi thường được tổ chức tiệc cưới, tiếp tân... Theo quảng cáo thời đó nhà hàng này quy tụ các ca sĩ và dàn nhạc danh tiếng nhất, và là nơi có thể tiếp đón cùng một lúc 400 khách ăn. Sát bên cạnh nhà hàng Quốc Tế, khoảng trước Đệ nhất Thế chiến, có hãng xe hơi SIT (Société Indochinoise de Transports) được thành lập và hoạt động suốt gần 50 năm. Vào cuối thập niên 1960, tòa nhà ba tầng này bị phá bỏ, thay thế bởi thương xá Tam Đa (Crystal Palace), tòa cao ốc sáu tầng do kiến trúc sư Ngô Viết Thụ thiết kế, nơi tầng lầu 3 có nhà hàng ca vũ nhạc Pha Lê. Giới mộ điệu ca nhạc thường ghé qua khu phố Công Lý này, tìm đến các trung tâm phát hành băng nhạc Mạnh Phát, Phạm Mạnh Cương, Thúy Nga, Jo Marcel, Shotguns... hoặc đi qua trung tâm Tiếng Hát Đồi Mười của nhạc sĩ Trần Thiện Thanh phía bên đường Nguyễn Trung Trực cạnh nhà sách Vĩnh Bảo.

Ngay góc Lê Lợi - Nguyễn Trung Trực là nhà hàng Kim Sơn, thành lập vào khoảng đầu thập niên 1950, cũng thuộc loại nhà hàng danh tiếng với các món ăn Âu, Mỹ, Trung Hoa. Nhưng khi nhắc tới Kim Sơn và một nơi tương tự là nhà hàng Thanh Thế, cùng chung vỉa hè Nguyễn Trung Trực đi về phía đầu đường Tạ Thu Thâu, khách nhân du vẫn nhớ đến hàng cà-phê và dãy ghế bàn bày dưới mái hiên, nơi văn nghệ sĩ, ký giả tìm gặp nhau thân mật chia sẻ chuyện văn chương, thời sự, nhân tình thế thái... lại vừa được hòa mình vào không khí náo nhiệt của đô thị. Tại khu phố này còn một nơi giải trí về đêm khá đặc sắc, đó là nhà hàng ca nhạc Bồng Lai, nằm trên sân thượng, xung quanh trang hoàng bằng cây cảnh theo kiểu vườn treo. Cửa vào nhà hàng Bồng Lai ở phía đường Nguyễn Trung Trực, bên cạnh tiệm Kim Sơn, từ cửa có thang máy đưa lên sân thượng.

Đến năm 1975, tại đây vẫn còn địa chỉ cũ từ hơn bốn thập niên qua của Hôtel de l'Ouest mà người sáng lập là ông Nguyễn Phong

Cảnh, vì vậy ban đầu khách sạn này còn có tên gọi là "Đại Phong Cảnh Khách Lầu". Cũng vào khoảng thời gian đó (năm 1928), vị trí nhà hàng Kim Sơn là tiệm kim hoàn của ông François Sự.

Chúng ta lại tiếp tục tản bộ, đứng ra là lườn lách giữa đám đông và quày sạp chen chúc trên lề. Cách đường Công Lý vài mươi mét là dãy năm, sáu tiệm bán vải của người Ấn, chen ở giữa là nhà sách Việt Bằng, bán dụng cụ văn phòng lẫn sách vở, đặc biệt bán cả các loại sách Pháp. Từ đây đến đầu đường Phan Bội Châu, không sao nhớ hết các cửa hiệu, tiêu biểu ta có thể kể tiệm bách hóa, tiệm đồng hồ, nhà sách Việt Bằng, nhà thuốc Tiên, và ngay tại góc đường là Nhà thuốc Sài Gòn còn được biết với các tên quen thuộc như Pharmacie Nguyễn Văn Cao hay Nhà thuốc Tây Tô Ngọc Dung.

Dừng chân tại đầu đường Phan Bội Châu, chúng ta vừa kết thúc cuộc bát phố



ngắn ngủi trên đại lộ Lê Lợi. Nhìn ra công trường Diên Hồng bao la, thấy ngựa xe cuộn cuộn và người đi như trẩy hội, cảnh nhộn nhịp ấy như mời mọc ta cùng hòa nhập, chen chân vào các đường phố trong khu quanh chợ Bến Thành.

(Còn tiếp)

**Mỹ Phước Nguyễn Thanh**

# VỀ THĂM CỔ HƯƠNG

## Phạm Thị Nhung

Thật tình mà nói, chúng tôi chưa có ý định trở lại thăm cổ hương vào thời điểm 2002, nhưng vì có lá thư của chú Ba. (em lớn của ông nội các cháu) vừa gửi sang, kể chuyện chú Tư (em út) đã qua đời hôm giáp Tết năm ngoái. Chú Tư trước khi mất, nói, chỉ hận một điều là chưa được gặp lại nhà tôi, đứa cháu trai yêu quý, thân cận nhất ngày xưa của ông. Và chú Ba viết tiếp với vẻ hờn dỗi: “*Chú đã quá già, 93 tuổi rồi, chắc các cháu đợi tới lúc chú chết mới về hay sao?*”

Phía tôi, bà chị cả và gia đình 4 cháu gái vẫn cư ngụ tại Hà Nội (anh rể tôi, Giáo sư Phan Văn Sách, nổi tiếng dạy Việt Văn và Sử Địa rất hay của trường Chu Văn An Hà Nội, đã qua đời trên mười năm nay). Chị em, cô cháu đã quá lâu không được gặp mặt. Hồi chúng tôi vào Nam, cháu lớn mới 6 tuổi, cháu út chưa ra đời. Nếu về cũng là dịp cho đại gia đình sum họp. Bố Mẹ đã mất, bây giờ chị là lớn nhất trong đại gia đình sáu anh chị em còn lại. Nghĩ vậy, tôi bèn rủ tất cả anh em tôi đang sống ở hải ngoại, cả thầy năm người, ba ở Pháp, hai ở Mỹ, với hai chàng rể nữa là bấy, cùng về ăn Tết với gia đình chị. Thế rồi, tháng chạp vừa qua chúng tôi đã có mặt tại VN.

Nhớ lại hồi năm 1954, hiệp định Genève chia đôi đất nước; để tránh CS, bố mẹ đưa chúng tôi rời Hà Nội di cư vào Nam; buộc lòng phải để chị tôi ở lại, vì: - *Thuyền phải theo lái, gái phải theo chồng.* Cuộc chia ly mới nhiều nước mắt làm sao! Nhất là mẹ tôi lại đặc biệt yêu quý chị hơn

vàng, chẳng vì ba con trai đầu lòng có sinh mà không có dưỡng; trong lúc quá đau khổ, mẹ đi cầu tự bên đền Cây Đa Cửa Quyền, phố Hàng Bông, mới sinh được chị. Đồi đầu con, nuôi được, mẹ nâng niu chị quá đỗi, đúng như người xưa từng nói: -*Nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa.* Vì thế, khi cả gia đình vào Nam, bỏ chị ở lại, bảo sao mẹ không đứt ruột?

Thời gian trôi qua... trôi qua... Anh trai tôi, kỹ sư Công Chánh, được sang Pháp tu nghiệp. Tôi cũng đã trưởng thành, dạy học ở Trường Nữ Trung Học Gia-Long; và nhà tôi, sau năm năm quân vụ được biệt phái về giảng dạy tại Đại Học Dược Khoa Sài Gòn.

Năm 1974, nhà tôi được học bổng sang Pháp làm luận án Tiến sĩ Dược. Học bổng thì đã có nhưng phải trầy vẩy mới thoát được cửa ải An ninh Phủ Tổng Thống. Tôi, ngày xưa đã một lần can anh đi du học dù học bổng đã ở tầm tay, vì sắp tới ngày cưới; nay con cái đã đùm đê, tôi vui lòng để nhà tôi đi Pháp học thêm cho thỏa chí binh sinh. Đầu niên khóa 74-75 nhà tôi lên đường.

Ngờ đâu sang đến năm 1975, tình hình chiến sự ở miền Nam mỗi ngày một trở nên đen tối, Việt cộng đêm đêm pháo kích bừa bãi vào Sài Gòn, nhiều người đã bỏ nước ra đi. Giữa lúc thế nước chông chênh, dân tình hoảng loạn, sớm ngày 28 tháng 4, năm mẹ con tôi may mắn được người chị gái của cô em dâu, làm việc tại toà Đại Sứ Mỹ cho đi theo, đã tới được đảo Guam.

Hơn ba tuần sau, bản giấy Ủy Hội Quốc Tế được thiết lập để lo cho những ai muốn di cư tới một đệ tam quốc gia; tôi vội

vàng đến trình bày hoàn cảnh, xin được sang Pháp sum họp với chồng. Nhìn thấy một bà mẹ trẻ (38 tuổi) với bốn con dại, đứa lớn nhất 13 tuổi rưỡi, đứa nhỏ nhất 13 tháng, họ sợ quá phải thu xếp cho năm mẹ con tôi đi Paris bằng chuyến bay đầu tiên, không tốn một xu teng!

Những năm tháng đầu ở xứ người, dù ngay chôn phồn hoa đô hội Paris, tôi buồn khổ vô cùng. Chồng thì còn ở Marseille tiếp tục việc học, chỉ về thăm vợ con hai, ba tuần một lần. Mấy mẹ con ở thuê trong một cái studio. Tôi, ngày ngày vật lộn với việc nhà, và trông nom con nhỏ. Từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến nay có bao giờ biết cơm nước là gì ; thời con gái , trong nhà lúc nào cũng ba, bốn người làm, đến khi lấy chồng thì chị bếp của mẹ tôi đi theo giúp việc, con thơ đã có người bế ẵm. Vậy mà giờ đây phải gánh lấy tất. Mùa đông giá lạnh, không dám cho bé ra đường sớm, đứa con gái lớn, mới chín tuổi đầu, phải giúp mẹ đưa em đi học rồi mới được đến trường. Đứng trên lầu cao, tầm 11, nhìn xuống thấy con chạy tất tả ngược xuôi mà rớt nước mắt. Tôi đến phải chăm lo thúc giục bày trẻ học hành...

Ban đêm, khi các con đã yên giấc thì mẹ bắt đầu nước mắt tuôn rơi. Nhớ đến ngôi trường Gia-Long với cuộc đời dạy học đầy hứng thú và rất nhiều hạnh phúc ; các em nữ sinh thật ngoan và thương cô cũng thật nhiều.... Dạy học vốn là một nghề lý tưởng mà tôi hằng mơ ước ngay từ thời còn học lớp Nhất trường Nữ Tiểu học Thanh quan với cô giáo Mai Thị Trí. Bao năm tháng đeo đuổi mới thực hiện được, nay bỗng dưng mất hết ...Tôi bị hẫng, cảm thấy cuộc sống trống rỗng. Tiếc nuôi quá!

Nhiều đêm ngủ mơ, thấy mình vẫn còn dạy học. Chuông đã reo báo đổi giờ, mà vị giáo sư nào đó cứ giữ mãi lớp, không ra cho tôi vào. Đang ức ối là ức thì bừng tỉnh dậy, nước mắt chứa chan.... Lắm buổi đi ngang qua các trường Trung học cũng vậy, thấy học trò riu rít túa ra cổng trường, động lòng nhớ trường xưa, mắt lại đỏ hoe.

Không nhớ trường thì nhớ ối là nhớ ngôi nhà ngát hương hoa ngọc lan, có cái sân rộng thênh thang... nay ở trong một căn hộ chật chội, trên tầng cao, chẳng khác nào cái lồng chim! Có khi mơ về ngôi nhà cũ, nhà vẫn đó, cây ngọc lan vẫn kia mà sao cổng mở mãi không được? Trời ối là trời!... Chợt thức giấc...Tất cả biến đâu hết. Tôi không khỏi bàng hoàng thảng thốt :

*Ngôi nhà ai rợp mát  
Mái rêu phong nghiêng nghiêng  
Cây ngọc lan cao ngất  
Hoa trắng rải đầy thềm.  
-Nay quê người xa lắc  
Xuân thu mỗi độ hoa  
Trong mơ còn thảng thốt  
Đâu ngọc lan ngày qua ?*

Thời gian lặng lẽ trôi, cuộc sống gia đình chúng tôi dần dần ổn định. Nhà tôi sau khi giạt được mảnh bằng Tiến sĩ Quốc gia Khoa học Dược của Pháp, đã được nhận vào dạy ngay tại trường Đại Học Dược Khoa Paris. Cháu trai lớn đã tốt nghiệp Y Khoa Đại Học, các cháu gái học hành tiến triển khả quan. Tưởng đâu mỗi sào xa xứ đã tạm nguôi ngoai... Bỗng một ngày kia, có cuốn Đặc san Gia Long từ một vùng trời Mỹ quốc gửi đến, Tôi mừng như được gặp lại người bạn cố tri. Mở báo ra xem tới trang Kỷ Niệm Gia Long... Một em học sinh nào đó đang nhắc đến tên tôi... tim tôi

nhảy lên, trống ngực đánh loạn xạ, tôi lướt nhanh trên trang giấy... "Dòng hồi tưởng trôi lan man đưa tôi trở vào lớp học để thấy lại cô Nhung, Giáo sư Việt văn năm Đệ Tam, giảng Kiều với một giọng thật ngọt ngào, dễ thương :

*Làn thu thủy, nét xuân sơn  
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.*

.....  
Không biết vì cô giảng quá hay, hay vì học trò mơ mộng quá nhiều, lãng đãng giữa mộng và thực, mà tôi cứ nhìn cô giáo mình lúc giống Thúy-Kiều, khi giống nàng chinh phụ, lúc khác lại giống nàng cung phi trong Cung Oán Ngâm Khúc. Cô gần như giống hết mọi nhân vật nữ trong các tác phẩm mà cô đang dạy ... (BảoVinh, Giai phẩm Gia Long Bắc Cali, Xuân Canh ngọ 1990).

Đọc cảm động quá, vết thương xưa lại rỉ máu, gây nhức nhối... Trường xưa đâu? học trò thân yêu đâu? ngôi nhà ngát hương hoa ngọc lan đâu?... Sao tôi mãi lưu lạc nơi đây? Từ đó bài thơ *Gia long Trăm Thương Ngàn Nhớ* ra đời.

Tối hôm đó, tôi ngồi co chân ngay đầu giường, kê vở trên hai đầu gối, viết một mạch 76 câu thơ liên tiếp. Ý thơ theo nước mắt được dịp tuôn chảy lai láng, cho thoát ra bao nhiêu tâm sự u uất bấy lâu nay :  
Tâm sự mười lăm năm tưởng chừng lắng đọng  
Bỗng chiều nay em gọi vết thương xưa  
Ôi Gia Long thương biết mấy cho vừa!  
Theo mệnh nước nổi trôi, sẩy đàn tan ghé.

.....  
Trường Gia Long, nơi Cô vừa tuyển đến  
Buổi dạy đầu tiên Cô gặp các em  
Chao dễ thương trong tà áo dài trắng hồn nhiên  
Miệng hỏi líu lo, mắt cười rạng rỡ!  
Thầy trò ta gặp nhau không phút giây bờ ngõ  
Các em mừng vui tay rộng mở đón cô về

Thiên đường Gia Long từ thưở đó mà đi...

.....  
Đoạn cuối bài thơ được kết thúc :  
Ai xui khiến quê hương mình nhuốm đỏ?  
Tan tác hết rồi, Gia Long từ đó  
Chim lạc bầy bay loạn bốn phương trời  
Ôi Gia Long, trăm thương ngàn nhớ của ta ơi!

Từ ngày cùng anh em quyết định trở về thăm cố hương, sau gần 30 năm xa cách Sài Gòn và nửa thế kỷ xa cách Hà Nội, tôi trở nên yêu đời, mạch máu xôn xang, tâm hồn phơi phới, khác nào người vừa qua một cơn bệnh trầm kha, ngắc ngoải lâu ngày, nay bỗng gặp thuốc tiên lành bệnh. Mỗi khi nghĩ tới, chỉ nghĩ tới thôi cái hạnh phúc khi được nhìn lại quê xưa, lòng tôi đã xiết bao bồi hồi xúc động:

Tết này trở lại cố hương  
Bên chị yêu, cùng bạn mến  
Đạo phố phường Hà Nội thân quen...  
Chao ơi khắc khoải tiếng quyên  
Năm mươi năm hạn hán  
Trận mưa hiền chứa chan!

Tôi sẽ về thăm... Tôi sẽ về thăm... Tôi tưởng chừng như mình phải nằm lăn xuống bãi cỏ, xoa tay ôm lấy mặt đất mà hít sâu vào buồng phổi hơi thở nồng ấm của đất mẹ, cho chan hòa vào các mạch máu, dội xuống khắp châu thân, mới thỏa được tấm lòng khao khát nhớ thương quê xưa, tích lũy từ bao nhiêu năm tháng nơi quê người của tôi. Nhưng sự thật đã không diễn ra như thế!

Không kể những chuyện bất bình xảy ra ngoài xã hội được tai nghe hay mắt thấy, nội chuyện tìm về chốn cũ cũng đủ làm tôi đau lòng khôn xiết.

Trở lại ngôi nhà xưa, cây hoa ngọc lan cổ thụ ngát hương tại 38 Đinh Tiên Hoàng Dakao đã bị người ta chặt mất, một toà nhà

ba tầng lầu đã sừng sững dựng lên, choáng hết cả vùng sân trước. Tôi đứng giương mắt nhìn mà lòng tan nát, như vừa đánh rơi chiếc bình pha lê quý giá xuống mặt đất, mảnh vỡ tan tành...

Đường phố Sài Gòn khi xưa so với Hà Nội rộng thênh thang, không khí trong lành là thế, nay trở nên chật chội và bị ô nhiễm trầm trọng, vì dân số quá cao. Nghe nói, trước năm 1975, dân Sài Gòn chưa tới 2 triệu đầu người, năm 1989 vọt lên 3 triệu bảy, năm 1999 lên 5 triệu một, nay vượt quá 7 triệu! Hèn chi phố xá lúc nào cũng đông như kiến !

Xe gắn máy nhiều vô số kể, xe chạy ào ào như thác lũ, khói bụi mù trời, tiếng động cơ đinh tai nhức óc. Đã vậy, xe còn chạy vô kỷ luật, gây cảnh tắc nghẽn là sự thường. Giữa dòng thác xe ấy lại được điểm xuyết bởi những bóng hồng, nói mà tủi chữ, những nàng đi xe máy cũng ào ào chẳng kém gì ai, trang phục thì thật kỳ lạ, quần tây áo cộc, đầu đội mũ, mặt bịt khăn kín mít chỉ để hở hai con mắt, còn tay thì đeo găng cao quá khuỷu tay.

Những con đường đi dạo Nguyễn Huệ, Lê Lợi thân quen xưa, nay cũng mang bộ mặt khác. Phụ nữ hầu hết đều diện tây, thàng có người mặc đầm; gần như vắng bóng những tà áo dài lụa đủ màu, tha thướt tung bay trước gió.

Tôi cảm thấy mình quá lạc lõng, lòng lạnh tanh, chẳng còn chút gì gắn bó với nơi xưa, nghĩ thật đau lòng !

(Tôi đã không dám thăm lại ngôi trường yêu dấu xưa, cũng vì sợ phải chứng kiến bao sự đổi thay đáng buồn. Thiên đường Gia Long ngày nào, với hình ảnh

toàn những nữ sinh áo dài trắng, tóc thề dịu dàng, nón lá nên thơ ... cùng với bao kỷ niệm một thời phấn trắng bâng đen, sẽ còn sống mãi trong lòng tưởng nhớ của tôi).

Trở ra Hà Nội, Hồ Tây, Hồ Gươm vẫn đó, nhưng Hồ Tây đã bị rất nhiều quán ăn xâm lấn mặt hồ ; đã thế, phía bên kia hồ, đối diện với chùa Trấn Quốc, cả chục khách sạn cao ngệu với những biển quảng cáo thương mại san sát đã làm hồ Tây mất hẳn vẻ đẹp thiên nhiên bao la sẵn có từ ngàn xưa. Còn Hồ Gươm yêu kiều của tôi ngày nào thì sao? Dãy quán bán hoa bằng gỗ sơn đỏ duyên dáng, chiếm ngự một khu bờ hồ, góc phố Tràng Tiền – Hàng Khay, nay đã chẳng còn; hai ngôi nhà cao tầng, Trụ Sở Ủy Ban nhân Dân Thành Phố và cái khách sạn đầu đường Cầu Gỗ, lưng lửng đã làm giảm thiểu vẻ đẹp êm đềm, thơ mộng của cảnh trí nơi đây. Thật muôn vàn đáng tiếc!

Về làng Yên Quyết ( làng Cót), thuộc tỉnh Hà Đông, quê nội tôi, còn thảm não hơn. Cây si cổ thụ cùng chiếc cầu đúc bắc ngang con sông Tô Lịch biến đâu mất, nói chi đến đầm sen, ao bèo, ngô trúc..., tất cả không còn mấy may dấu vết. Trước mắt tôi chỉ những nhà và nhà san sát. Mặt đường nào cửa ngõ cũng bung ra thành những hàng quán ngổn ngang, chắn cả lối đi. Ngay chị cả tôi ở Hà Nội cũng không biết đường vào làng. Chị em chúng tôi thăm hỏi loanh quanh mãi mới tới được mấy ngôi mộ của tổ tiên để thắp vài nén nhang tưởng niệm.

Trở lại quê lần thứ hai, chị em tôi tìm được ngôi chùa xưa bèn vào thăm, nhưng nay công ngõ, miếu mạo... nhiều nơi đã

son phết hai màu vàng, đồ chói chang, làm mất hết vẻ cổ kính, tôn nghiêm cũ. Tới nhà trai, chúng tôi ngạc nhiên hết sức, vì nhìn thấy trên tường treo bức chân dung to tướng của một diễn viên hát chèo! Với khăn đóng, áo gấm lam rực rỡ, mặt mày phấn son loè loẹt, miệng cười toe toét, và chiếc quạt lông chim màu đào rộng mở trên tay. Sau khi vào lễ Phật nơi chánh điện, chúng tôi trở lại nhà trai thì vừa lúc một sư ông, tuổi chạc ngũ tuần, trong chiếc áo thụng nâu trắng nếp, miệng nhai trầu bồm bồm, cùng với một cán bộ, xã trưởng gì đó, từ căn phòng bên kia sân bước sang. Tôi giương mắt hết nhìn bức hình trên tường lại nhìn nhà sư. Như đoán được điều thắc mắc của chúng tôi, nhà sư lên tiếng:

“Đúng, đây là hình tôi. Tôi vừa là Sư Ông trụ trì ngôi chùa này, vừa là Trưởng đoàn hát chèo nhân dân, do chùa sáng lập.

Khi được chú tiểu thưa lại, chúng tôi vốn là người làng Cót, từ hải ngoại về thăm quê hương, viên cán bộ cười giả lả:

-Xin các anh chỉ đóng góp đề tu bổ chùa làng.

Tôi đáp ứng : - Xin... thông cảm, chúng tôi chỉ muốn đóng góp cho những ngôi chùa thuần túy...của các vị.. chuyên tu.( tôi muôn nói tới các vị chân tu). Còn..còn...

Tôi, miệng vừa nói, chân vừa bước xuống thêm; nhìn ra thì mấy anh chị em tôi đã chuồn ra cổng chùa tự bao giờ!

Tôi trở gót ra về mà lòng buồn thiu. Hình ảnh quê xưa nơi đây đã hoàn toàn mất hết, còn chẳng là kỷ niệm? Bài thơ *VỀ THĂM CỔ HƯƠNG* đêm đó ra đời:

*Quá nửa đời người biệt cổ hương  
Bao đêm trở giấc khóc trong hồn.  
Đảo điên thế cuộc trời quê mẹ*

*Ai, kẻ ra đi, chẳng đoạn trường !*

*Bốn tám năm háo hức trở về  
Ngẩn ngơ Từ Thức lạc đường quê  
Cây si cổng Hạ nào đâu thấy  
Thôn xóm không còn rợp bóng tre.  
Chốn cũ ta tìm thưở ấu thơ  
Ao bèo, ngõ trúc, mái chùa xưa...  
Quần quanh chỉ những nhà san sát  
Bên vông đâu còn điệu hát xưa.  
Hỏi thăm tin tức bạn thân, quen  
Ngơ ngác không người biết đến tên.  
Chao ôi ! nhân thế vô thường quá  
Trở gót, lòng nghe nặng nỗi niềm...*

*Thôi thế từ nay hết ngóng trông  
Cổ hương, kỷ niệm ở trong lòng  
Cổ hương, trọn kiếp còn thương mãi  
Trọn kiếp ai hoài khách viễn phương !*  
(PTN)

Vớt vát lại, chúng tôi còn nhận được những chân tình thăm thiết của người xưa.

Trong Nam, một số đông các bạn cựu Giáo sư và cựu học sinh Gia Long đã tụ họp tại nhà GS Lê Hạnh để đón tiếp chúng tôi. Một ngày khác, đám bạn ĐHSPT đã có mặt nơi nhà anh Phan Hồng Lạc để cùng chị Vũ Thị Ngọc Mai từ Mỹ về, và tôi từ Pháp qua, trong một bữa tiệc tái ngộ vui vẻ. Sau nữa là những buổi bù khú với mấy người bạn cố tri Trần Thị Mai, Trần Thu Thủy, Lương Bích Liên, Hà Bích Loan... đã một thời học chung tại trường Nữ Trung Học Trưng Vương với bao kỷ niệm khó quên. Quỳnh Giao, cô học trò Đệ Nhị ngày xưa, từng si mê cô giáo Việt văn, hễ hôm nào không có giờ học với tôi, thì thế nào sắp đến giờ tan học em cũng lại tìm có chuồn ra hành lang, lảng vảng nơi cửa lớp

tôi đang dạy, khê gọi- Cô! Tôi quay ra nhìn , em mới yên tâm ra về. Vừa biết tin tôi có mặt ở Sài Gòn, em đã tới nhà cháu gái tôi, bắt cóc tôi một tối. Hai thầy trò ngồi bên đĩa bánh xèo, nhắc lại những kỷ niệm Gia long xưa, lòng còn xao động mãi.

Vợ chồng tôi ở Sài Gòn có mấy ngày, sau đó đi Hà Nội ngay. Trước hết về nhà chị cả tôi. Hai chị em gái vừa trông thấy nhau, cảm động quá chẳng nói được lời nào, cứ nức nở khóc; các cháu tôi đứng loang quanh hai bà già, nước mắt cũng lưng tròng.

Suốt thời gian ở Hà Nội, năm anh em cùng hai chàng rể từ ngoại quốc về, đã chia nhau ở hai khách sạn gần nhà chị cho tiện đường đi lại.

Chúng tôi đã được chị cả ân cần chăm sóc từng bữa quà sáng, từng buổi cơm chiều như hồi chúng tôi còn bé bỏng sống bên gối bố mẹ.

Buổi tối nào ăn cơm xong, chị em tôi cũng trò chuyện tới khuya. Các cháu ngồi châu tuần quanh đó, nghe người lớn nhắc lại chuyện xưa như nghe kể truyện cổ tích.

Mấy ngày Tết Nguyên Đán, bàn thờ bố mẹ luôn luôn nghi ngút khói hương. Nếu biết được chị em chúng tôi rất mực thương yêu nhau, chắc các người cũng mỉm cười nơi chín suối.

Buổi chia tay xiết bao bịn rịn. Nước mắt chị em tôi chảy dài suốt dọc con đường Ngõ Huyện ra đến Phủ Doãn, nơi xe ca đón chúng tôi ra phi trường; ngồi trên xe rồi lòng tôi còn thổn thức mãi.

Các bạn Trung-Vương Hà Nội thân thiết cũ thì họp nhau tại nhà Minh Tâm để đón mừng tôi. Nhìn mặt, tôi gọi tên trúng phúc từng bạn. Nào Mỹ Hạnh, Kim Nội..., nào Kim Anh, Kim Loan, Thục, Bạch

## Thu Về Gọi Nhớ Thương

Đường thu chiếc lá nhẹ rơi  
Sắc vàng, hồng, đỏ, đất trời hoang liêu  
Bâng khuâng trong bóng nắng chiều  
Mênh mang niềm nhớ ít nhiều chơi vơi  
Ngày xưa em tóc buông lơì  
Xa trường hai đũa, hai nơi đượm buồn  
Anh đi bỏ phố xa nguồn  
Tâm tư nặng giọt mưa tuôn phương nào  
Thu về lòng chợt xuyên xao  
Người em năm cũ má đào còn không?  
Môi xinh vẫn nét ửng hồng?  
Tay thon bạn bịu ăm bồng con thơ...  
Ngẩn ngơ lá úa đường mơ  
Riêng mình mặc niệm bơ vơ thu về  
Vi vu gió thoảng đôi bề  
Ngõ tre xào xạc bên đê quê hiền  
Ước gì tìm thuở thần tiên  
Ấm vòng tay mộng ru liên khúc trầm.

**Đỗ Thị Minh Giang**

Ngọc, Ngọc Hoàn... , nào Minh Phượng, Lan Anh , Nghi, Minh Tâm, Kim Dung... ai nấy đều ngạc nhiên. Thật ra có giới gì đâu, khi tôi vào Nam thì chúng tôi đã học xong bậc Trung Học Đệ nhất cấp, mọi người đã lớn, đã được định hình. Nửa thế kỷ trôi qua với cuộc sống khó khăn chồng chất, tuy có để lại những dấu ấn trên mái tóc, làn da và trong vóc dáng nhiều bạn, nhưng vẫn không xóa hết được những



nét cá thể trên khuôn mặt mỗi người, do đó tôi đã nhận ra các bạn dễ dàng.

Và nhà tôi đã đưa tôi về Phùng ( cách Hà Nội khoảng 20 cây số ) để ra mắt cô chú và các anh chị em bà con bên nội, đứng vào ngày giỗ đầu chú Tư cho được đông đủ họ hàng. Nhìn thấy nhà tôi gục đầu bên bàn thờ chú, khóc nức lên, tôi cảm động quá, nước mắt cũng giàn giụa.

Tất cả họ hàng gia đình bên nội đều tỏ rõ nhiệt tình đối với vợ chồng tôi. Trong thời gian ở Hà Nội, chúng tôi còn trở đi trở lại Phùng nhiều lần nữa. Cậu em con chú thường hay nhắc lại chuyện xưa, hồi đất nước còn nhiều khó khăn, ai cũng nghèo rớt mùng tơi. Mỗi khi nhận được thùng quà của chúng tôi gửi về, gia đình nào cũng có phần, cả xóm vui như ngày hội. Tôi nghe mà cảm động. Các người chắc sẽ phải cảm động nhiều hơn nữa, nếu biết rằng, hồi ấy chúng tôi mới định cư ở Pháp, cũng còn nghèo lắm !

Có được ngày chị em, bà con, bạn bè trùng phùng, tay bắt mặt mừng như thế này quả là niềm an ủi lớn lao đối với chúng tôi. Tôi cảm thấy mình có diễm phúc hơn mấy anh chàng Từ Thức hay Lưu Thần, Nguyễn Triệu trong các truyện ngày xưa nhiều lắm. Các nhân vật kia khi trở về cố quận, thì:

- Cảnh xưa không còn mà người xưa cũng mất.

Còn chúng tôi :

- Cảnh xưa không còn nhưng tình xưa vẫn đó.

Tôi trở về cố hương lần này chỉ tiếc hận một điều là không được gặp lại anh rể tôi, Anh Phan văn Sách, một trong mấy Cử Nhân giáo khoa Việt Hán đầu tiên tại trường Đại Học Văn khoa Hà Nội; trong đó

có cô Mai thị Từ, cô Nguyễn thị Tiến, Giáo Sư văn nổi tiếng của Trung Vương ; còn anh Phan văn Sách, Giáo Sư văn nổi tiếng của Chu văn An Hà Nội xưa.

Ngày xưa, chính anh là người đã truyền cho tôi lòng yêu văn chương chữ nghĩa Việt Nam. Mới mười hai, mười ba tuổi đầu, tôi đã hiểu gì đâu, vậy mà mỗi khi có diễn thuyết tại Đại Học Văn Khoa Hà Nội, anh lại mời bố mẹ tôi đi nghe và không quên nhắc tôi đi theo. Thuở ấy dù không hiểu các vị khoa bảng hay văn nhân thời danh nói gì, nhưng tôi cảm thấy thích thú vô cùng. Một hôm, chân đang bước lên mấy bậc thềm vào giảng đường, bỗng dung trong lòng tôi thoáng dấy lên một điều mơ ước -Giá một ngày nào tôi cũng trở thành một vị giáo sư văn chương như anh, và đi diễn thuyết, được mọi người ngưỡng mộ như các vị kia. Thật là một điều mơ ước không tưởng của một cô bé quá thơ ngây, phải không hả anh?

Chắc anh chẳng thể ngờ được rằng, mười mấy năm sau, cô em vợ bé bỏng ngày xưa của anh đã là một Giáo Sư văn chương có hạng của mấy trường Nữ Trung Học nổi tiếng ở miền Nam nước Việt. Rồi thời thế đẩy đưa, cùng cả triệu đồng bào phiêu bạt xứ người, cô em vợ anh, do nhu cầu giải trí và bồi dưỡng món ăn tinh thần cho người đồng hương, đã trở thành một thuyết trình viên văn học, văn hóa trong các cộng đồng người Việt từ trời Âu đến trời Mỹ. Mới đây em lại được các Hội Ái Hữu Gia Long bên Úc, từ Sydney đến Melbourne, mời sang diễn thuyết về đề tài :Giá trị bất hủ của truyện Kiều, một đại tác phẩm của Thi hào Nguyễn Du. Em nghĩ đến anh và gửi đến anh nén tâm hương của người em vợ rất ngưỡng mộ anh.

**PHẠM THỊ NHUNG**

# HAI BÀI THƠ MÙA THU BẤT HỦ.

Phạm Trọng Lê

chọn và dịch

Văn chương Anh có hai bài thơ nổi tiếng về mùa Thu được các nhà phê bình coi là có nghệ thuật cao và được dạy tại trung học và đại học. Đó là bài Tụng ca (Ode) “To Autumn” của John Keats làm năm 1819 và bài tình thi Sonnet số 73 của William Shakespeare, một trong 154 bài làm trong khoảng 1592-1598 và in năm 1609.

Phần đầu bài viết này giải thích cách dùng chữ tỉ mỉ của bài thơ của Keats, cách gieo vần và cũng dịch xuôi ý nghĩa bài thơ. Cũng đăng bản dịch sang thơ Việt của David Lý Lăng Nhân, cựu giáo sư Anh văn tại Hội Việt Mỹ. Phần hai của bài viết là bài Sonnet 73, một bài tình thi nổi tiếng của Shakespeare về cách dùng ẩn dụ (metaphor), so sánh những chiếc lá vàng run rẩy trước cái lạnh cuối thu trên cành cây khẳng khiu như đàn chim đậu ở bực hát thánh ca trong giáo đường mục nát. Sonnet 73 được xếp hạng thứ 4 trong 500 bài thơ tiếng Anh được chọn in trong những tuyển tập anthologies cho học sinh và sinh viên. Có ba bài dịch bài sonnet này sang thơ Việt: ngoài bản dịch của người viết bài còn bản dịch của g.s. Lý Lăng Nhân và của luật sư Tâm Minh Ngô Tằng Giao.

*To Autumn*  
John Keats (1795-1821)

## I

*Season of mists and mellow fruitfulness,  
Close bosom-friend of the maturing sun:*

*Conspiring with him how to load and bless  
With fruit the vines that round the thatch-  
eaves run;*

*To bend with apples the mossed cottage-trees,  
And fill all fruit with ripeness to the core;  
To swell the gourd, and plump the hazel shells  
With a sweet kernel; to set budding more,  
And still more, later flowers for the bees,  
Until they think warm days will never cease,  
For Summer has o’er-brimmed their  
clammy cells.*

## II

*Who hath not seen thee oft amid thy store?  
Sometimes whoever seeks abroad may find  
Thee sitting careless on a granary floor,  
Thy hair soft-lifted by the winnowing wind;  
Or on a half-reaped furrow sound asleep,  
Drowsed with the fume of poppies, while  
thy hook*

*Sparses the next swath and all its twineød flowers:  
And sometimes like a gleaner thou dost keep  
Steady thy laden head across a brook;  
Or by a cider-press, with patient look,  
Thou watchest the last oozings hours by hours.*

## III

*Where are the songs of Spring? Ay, where  
are they?  
Think not of them, thou hast thy music too,-  
While barrèd clouds bloom the soft-dying day,  
And touch the stubble-plains with rosy hue;*

*Then in a wailful choir the small gnats  
mourn  
And the river shallows, borne aloft  
Or sinking as the light wind lives or dies;  
And full-grown lambs loud bleat from  
hilly bourn;  
Hedge-cricket sing; and now with treble soft  
The red-breast whistles from a garden-croft;  
And gathering swallows twitter in the skies.*

Được xếp hạng ba trong 500 bài thơ viết bằng tiếng Anh được trích dẫn nhiều nhất, theo William Harmon trong cuốn THE TOP 500 POEMS (New York: Columbia University Press, 1992), “To Autumn” là một trong số năm bài thơ ca ngợi gọi là “odes” (Tụng ca) mà John Keats viết hôm 19 tháng 9, 1819, vài ngày trước ngày Thu phân (22 tháng 9, 1819), lúc thi sĩ gần 24 tuổi. Bài thơ gợi hình, gợi cảnh, màu sắc và hương vị. Đoạn đầu và đoạn hai tả hương thơm của trái chín, mùi nước cốt táo ép ra và mùi mật ong. Đoạn ba tả nhiều âm thanh như tiếng muỗi vo-ve, tiếng cừu be-be, tiếng dê, tiếng chim nhận ríu rít. Người đọc thơ tai như nghe thấy âm thanh, mắt như thấy cảnh vật, mũi như ngửi thấy mùi vị của táo chín, mật ong của cảnh thu sống động, tương phản và biến đổi.

Trong lá thư gửi người bạn tên là Reynolds, ngày 21 September 1819, Keats, tuy bệnh nhưng phần khởi thấy không khí trong lành và tinh khiết của mùa thu: “How beautiful the season is now—How fine the air. A temperate sharpness about it. Really, without joking, chaste weather—Dian skies—I never lik’d stubble fields so much as now—Aye that the chilly green of the spring.” (Lilia Melani, Department of English, Brooklyn College Home Page,

trong website <http://www.academic.brooklyn.cuny.edu/english/melani/johnkeats.html>).

Keats viết bài thơ này 2 năm trước khi chết vì lao phổi.

**Dịch xuôi:**

### Thu Ca

I  
Mùa của sương mù và trái cây chín mồm  
Bạn thân thiết của mặt trời già dặn;  
Cùng nhau toa rập để tìm cách chắt đầy và  
ban phúc lành  
Bằng những quả chín cho giầy nhọ chạy  
quanh chái nhà lợp mái rạ;  
Làm những cây táo có rêu bám quanh mái  
tranh cong xuống vì trĩu quả,  
Làm quả nào cũng chín đến tận lõi;  
Làm phình quả bầu, và làm căng vỏ hạt dẻ  
Bằng hạt ngọt; làm nở thêm nụ,  
Và còn thêm nhiều nụ những bông hoa nở  
muộn cho ong mật  
Tuồng những ngày âm không bao giờ tàn  
Vì mùa hạ làm tràn những tổ ong đầy ắp  
mật ướm.

II  
Ai không thường thấy Nàng Thu trong vựa  
trữ lúa?  
Đôi khi bất cứ ai tìm ở bên ngoài cũng có thể  
Thấy nàng ngồi vô tư lự trên sàn vựa thóc,  
Tóc nàng được vén nhẹ lên bằng những cơn  
gió người ta dùng để sàng sảy;  
Hay trên luống ruộng mới gặt xong một  
nửa, Nàng ngủ say.  
Ngất ngậy vì khói thuốc nha phiến, trong  
khí lười hái của nàng

Tha không cắt tiếp những bông hoa quấn  
vào nhau;  
Và đôi khi, giống người đi mót lúa, nằng  
ngũng  
đầu đội nặng trĩu bước qua dòng suối;  
Hay cạnh máy ép nước táo,  
Hàng giờ kiên nhẫn ngồi ngắm những giọt  
nước cốt cuối cùng nhả ra.

### III

Còn đâu những bài ca mùa hạ? Ừ nhỉ,  
những bài ca mùa hạ đâu rồi?  
Thôi đừng nghĩ đến những bài ca đó, mùa  
thu cũng có nhạc thu,--  
Khi những áng mây thành làm rục rờ ngày  
đang tàn nhẹ.  
Và vượt ve cánh đồng rạ bằng màu hồng;  
Lúc đó, bằng một hợp ca ai oán, những con  
muỗi mất than khốc  
Và rặng liễu ven hồ được gió thổi bốc lên  
Hay rạp thấp xuống khi gió nhẹ cất lên hay  
hạ đi;  
Và những con cừu to kêu be-be âm ỉ từ khu đồi;  
Đế cất tiếng ca trong bụi rậm và bây giờ  
bằng giọng cao nhẹ  
Chim hồng tước cổ đỏ từ vườn cây cất tiếng  
thánh thót,  
Và đàn chim nhạn xúm quanh nhau ríu rít  
trên bầu trời.

(Phạm Trọng Lê dịch xuôi)

### **Bản dịch sang thơ của Lý Lăng Nhân**

**John Keats**  
**Ca đề tặng mùa Thu**

Mùa sương mù, trái chín cây mềm mọng  
Bạn chí thân nồng thắm của mặt trời  
Đã rắp tâm ban ân sủng tuyệt vời

Dem hoa quả vẫn vòng quanh mái rạ.  
Cành táo đỏ, cội rêu phong êm ả  
Trĩu nặng oằn đầy những quả chín mòng  
Bầu vun tròn, và trái dẻ căng phồng  
Với hạt ngọt – và nụ non càng đượm  
Rồi hoa muện trở thêm cho ong bướm  
Tưởng rằng ngày nắng ấm mãi còn dài  
Vi Hè đong tổ ong mật tràn đầy

Ai cũng biết đáng người ta thường thấy  
Giữa kho tàng hay thơ thần ngoài đồng  
Ngồi vô tư bên vựa thóc mơ mòng  
Gió sảy lúa thổi bênh bông mái tóc  
Hoặc bên nửa luống cây vừa mới gặt  
Còn ngủ say ngây ngất bởi mùi hoa  
Liềm hái người còn chừa lại khóm hoa  
Hoặc đôi lúc như người đi mót nhặt  
Đầu đội đầy đang vượt khúc suối con  
Hay tần ngần nhìn máy ép táo dòn  
Cho đến lúc quả kia nhường giọt chót

Tìm đâu thấy những bài ca Xuân ngọt?  
Tưởng mơ chi, người có nhạc của mình!  
Kìa mây giăng nở dịu cuối ngày xanh  
Tô điểm đồng rạ khô màu hồng nhạt  
Rồi loài muỗi vo ve thương tiếng hát  
Dọc bờ sông liễu rủ, lượn trên không  
Hay đắm chìm theo gió thoảng lịm dần  
Bên dốc suối đàn cừu lành cất giọng  
Tiếng đế hát hoà âm thanh lồng lộng  
Với tiếng ca chim đỏ phía sau vườn  
Bây én về tíu tít cuối trời sương.

(Bản dịch Việt ngữ do David Lý Lăng Nhân  
Madison, AL, July 31, 2008, in trên  
**Firmament**).

## Tóm Lược:

Đây là lời ca về những bước nhẹ nhưng nhộn nhịp của mùa thu. Thế giới thiên nhiên bên ngoài: quả chín mẫm, cuối thu dần dần chuyển sang đầu đông. Dường hình ảnh, âm thanh, mùi vị, thi sĩ nhân cách hoá Nàng Thu như đang nói với một nàng tiên.

Trong đoạn đầu, thi sĩ nói với mùa thu, tả sự thân mật giữa mùa thu và mặt trời cùng toa rập với nhau (conspiring) làm trái chín nhanh và mọng, làm táo chín khiến cây trĩu xuống; làm trái bầu phình to lên (swell) và làm hạt dẻ mập ra (pump). Sự phong phú dồi dào được mô tả ở hình ảnh nhiều hoa và ong. Ong không kịp lấy mật nên những lỗ trên tổ ong đã tràn mật (o'er-brimmed), ướt nhẹp. Chữ « clammy » gợi hình và gợi cảm giác như khi cậ một con sò.

Trong đoạn hai của bài thơ, thi sĩ ví mùa thu như một nàng thiếu nữ thường thấy ngồi trên nền vựa lúa, tóc nàng gió thổi bông-bềnh (soft-lifted), và nàng thường ngủ trên cánh đồng hay ngồi gần máy ép nước táo hàng giờ nhìn những giọt nước cốt nhả ra.

Trong đoạn ba của bài thơ, thi sĩ khuyên mùa thu đừng tiếc mấy bài ca mùa hạ đã qua, mà hãy lắng nghe tiếng nhạc riêng của mùa thu. Vào lúc hoàng hôn, những con muỗi mát (small gnats) bay vo-ve, than vãn vì thu sắp hết, và những con cừu đã lớn rồi (full-grown lambs) kêu be-be trên đồi; tiếng dế ca, tiếng chim cổ đỏ hót trong vườn cây. Và những con chim nhạn ríu rít trên bầu trời như muốn bay về vùng ấm hơn. Nhóm chữ « lambs loud bleat » là một thí dụ về điệp âm alliteration.

## Cấu trúc của bài thơ:

Bài thơ viết làm ba khổ (stanzas) mỗi khổ 11 câu thơ, với nhịp thơ iambic pentameter, mỗi câu 10 âm tiết, nhấn vào nhịp nhì, mỗi câu 5 metrical feet, và gieo vần như sau : bốn câu đầu đoạn một theo vần ABAB (fruitfulness, sun, bless, run). Phần hai của đoạn thơ đầu có 7 câu dài hơn và vần hơi biến đổi là CDEDCCE (trees, core, shells, more, bees, cease, cells). Phần hai của khổ thơ thứ hai và phần hai khổ thơ thứ ba gieo vần hơi khác : CDECDDE (asleep, hook, flowers, keep, brook, look, hours).

Chủ đề của bài thơ là ca ngợi mùa thu với vẻ đẹp riêng của nó, cùng nói lên cái ngắn ngủi của cuộc đời và sự thay đổi của thời gian (temporality, mortality and change). Mùa thu của Keats là thời gian của khí trời ấm áp và cây cỏ vẫn còn lá, quả chín mọng, nhưng cũng ngập ngập sự hiện diện của mùa đông, khi những con ong bay đi hút mật từ những bông hoa nở muộn (late-flowers). Lúa gặt hái đã xong, những con cừu nhỏ mới đẻ vào mùa xuân nay đã lớn (full-grown), và ở cuối bài thơ, những con chim nhạn đã tụ họp để bay đi nơi khác trước khi mùa đông tới. Thi sĩ lạc quan và yêu đời, tận hưởng cái đẹp của mùa thu ở nhà quê: quán quanh mái rạ, trái cây chín mồm-mòm, nặng trĩu. Lời thơ không buồn bã, không háo hức, bình lặng và nhẹ nhàng... Công việc đồng áng đã xong, nhưng người đọc cũng cảm thấy sự mất mát sắp tới: tiếng ríu rít của chim nhạn, tiếng ca của dế, của muỗi vo-ve than vãn, khiến ta cảm thấy sự luân lưu của thời gian, đoạn cuối của mùa thu và những biến đổi của đời người. [Chi tiết trong phần này rút gọn từ

<http://www.sparknotes.com/poetry/keats/section6.html>. Cũng xem thêm: Brooklyn College Website; <http://academic.brooklyn.cuny.edu/english/melani/cs6/autumn.html>.

Và xem thêm phần Questions, trong Cleanth Brooks and Robert Penn Warren. *Understanding Poetry*. New York: Holt, Rinehart and Winston, 1980, pp. 109-111.]

### Chữ dùng trong bài thơ:

Người ta thường nghĩ là mùa thu tượng trưng sự sâu thẳm. Thí dụ, Paul Verlaine đã viết trong bài Chanson d'automne: « Les sanglots longs des violons de l'automne.» (Đàn thu thồn thức giọt sầu). Phạm Duy cũng bắt đầu bài ca Mùa Thu Chết: “Ta ngắt đi một cụm hoa thạch thảo/em nhớ cho mùa thu đã chết rồi” lấy ý từ bài “Adieu” của Apollinaire: “J’ai cueilli ce brin de bruyère/l’automne est morte souviens-t’en”.

Ngược lại, Keats lạc quan hơn, cho ta hay mùa thu cũng có những hình ảnh, âm thanh, và hương vị độc đáo mà ta có thể thưởng thức.

Đoạn đầu tả mùa thu trái cây chín mọng, nặng trĩu trên mái rạ. Cũng ở đoạn đầu maturing sun=mặt trời già dặn. Chữ maturing chỉ một tiến trình, cũng chỉ trái cây đang được ánh nắng mặt trời làm chín thêm. Những từ ngữ của đồng quê: Thatch=rạ. Cottage: nhà tranh. Eaves, hay tiếng cổ eves chỉ mái nhà. Mossed: có bám rêu; gourd=trái bầu hay bí. O'er=viết tắt của over; o'er-brimmed=tràn đầy mật.

Đoạn 2: dòng 1: store=vừa chứa ngũ cốc. Dòng 3: granary=vừa thóc. Dòng 4:

winnowing: sàng sảy thóc (lọc lấy thóc khỏi cọng lúa bằng cách đập hay dùng sức gió.)

Dòng 5: furrow= luống cày; dòng 6: drowsed=say, buồn ngủ; hook=lưỡi hái hay liềm để gặt lúa. Poppies=cây thuốc phiện có hoa đỏ rực; dòng 7: swath=một lần phạt gang của lưỡi hái hay liềm khi cắt cỏ hay gặt lúa; twined=từ chữ entwined hay twisted=cuốn vào nhau; dòng 8: gleaner=người mót lúa (nhặt lúa rớt trên ruộng); dòng 10: cider-press=máy ép táo lấy nước cốt làm rượu.

-Đoạn ba: Dòng 3: barrèd clouds=giải mây mỏng ngang chân trời; dòng 4: stubble=gốc rạ; dòng 6: sallows=duyong liễu; borne aloft=gió thổi lên cao, hình ảnh mái tóc bông bênh của Nàng Thu; croft=trang trại nhỏ, thửa đất nhỏ có rào chung quanh.

Tất cả những chữ trên dùng để tả cảnh đồng quê mùa thu bên Anh. Lại thêm vài tiếng cổ như bourn (lạch, suối nhỏ), và croft (trang trại nhỏ). Cái khéo là thi sĩ đã nhân cách hoá mùa thu để lời thơ ca tụng nàng, giọng vừa thân mật, vừa nghiêm trang hợp với một bài thơ vịnh gọi là ode. Ông lại dùng vần lạ và khí khoeo; cách gieo vần thay đổi, tránh nhàm chán. Cả bài không có chút nào ngụ ý luân lý, chỉ khách quan tả cảnh vật, màu sắc, âm thanh, hương vị. Thiên nhiên hiện ra sống động: trái chín mọng, làm mái tranh nặng trĩu, những con ong vẫn lấy mật dù tổ ong tràn đầy.

Đây là một bài thơ rất khéo, mà giáo sư và phê bình gia Harold Bloom gọi là “One of the subtlest and most beautiful of all Keats odes, and as close to perfect as any shorter

poem in the English Language.” (Một trong những bài thơ tình tế nhất và diễm lệ nhất trong tất cả những bài odes của Keats). [Theo Brooklyn College Website đã dẫn ở trên. Xem thêm: John Keats: Complete Poems, edited by Jack Stillinger. Cambridge, MA: Harvard University Press, 1978, 9<sup>th</sup> printing 2003, page 300.]

(Virginia 10/1/07; bổ chính 5/5/15--PTLệ)

### Sonnet 73 của William Shakespeare

Bài sonnet 73 của Shakespeare là bài tình thơ sôn-nê phần lớn học sinh trung học và sinh viên Anh Mỹ đều thuộc lòng, nhất là cách dùng ẩn dụ (metaphor) ví mấy chiếc lá vàng khô trên cành khẳng khiu như mấy con chim run rẩy vì lạnh đang đậu trên bụi hát thánh ca mục nát trong giáo đường. Những hình ảnh tả mùa thu gần tàn: vài lá thu vàng còn dính trên cành khẳng khiu; ánh hoàng hôn từ từ nhạt dần ở phương tây; đêm đen bao trùm tất cả; ánh ngời của than hồng dần tàn, tất cả là hình ảnh tuổi già và những ngày cuối.

Bài sonnet nổi tiếng về mùa thu này của Shakespeare được **xếp hạng 4** trong 500 bài thơ tiếng Anh phổ thông nhất. Lối thơ sonnet theo kiểu Shakespeare gồm 14 câu, mỗi câu 10 âm tiết, 5 metrical feet, âm đầu nhẹ, âm thứ nhì mạnh, gọi là iambic pentameter, gieo vần ABABCDCDEFEGG, với hai cặp câu cuối gọi là couplet số chữ bằng nhau và có vần.

### Sonnet LXXIII

*That time of year thou mayst in me behold*

*When yellow leaves, or none, or few, do hang  
Upon those boughs which shake against  
the cold,  
Bare ruin'd choirs, where late the sweet  
birds sang.  
In me thou see'st the twilight of such day  
As after sunset fadeth in the west,  
Which by and by black night doth take away,  
Death's second self that seals up all in rest.  
In me thou see'st the glowing of such fire,  
That on the ashes of his youth doth lie,  
As the deah-bed whereon it must expire,  
Consum'd with that which it was  
nourished by.*

*This thou perceiv'st, which makes thy  
love more strong,*

*To love that well which thou must leave  
ere long.*

William Shakespeare

### -Dịch xuôi:

Hàng năm cứ vào mùa này, khi em nhìn ta, khi vài chiếc lá vàng, hay không còn lá nào dính trên cành, run rẩy vì lạnh, như chỗ hát thánh ca trong giáo đường tro troi và mục nát mà những con chim có giọng ngọt ngào mới đây hót. Nơi ta thấy ánh hoàng hôn hôm ấy sau khi mặt trời đã nhạt màu ở phương Tây, dần dần bị bóng đêm dập tắt đi—hình ảnh của cái chết gắn kín tất cả trong giấc ngủ. Nơi ta, em thấy ánh ngời của than hồng, tro tàn của tuổi xuân, đang lụi dần như trên giường người chết, bị lửa đốt hết mà lửa làm than hồng lên và thổi thêm sức sống cho than. Thấy cảnh như vậy, em sẽ yêu ta hơn và quý tình ta hơn mà chẳng bao lâu nữa em phải già từ.



-Bản dịch 1:

“Mùa này hằng năm”

Nhìn ta em thấy hằng năm,  
Khi vài lá úa tên cành cô đơn.  
Gió rung lá khăng khiu buồn,  
Thánh ca chim hót giáo đường mới đây.  
Nhìn ta em thấy phương tây,  
Màu chiều bằng láng đêm dày cuốn đi.  
Bóng đêm thần chết phủ vi,  
Trong ta ánh lửa xuân thì tàn tro.  
Nguội trên manh chiếu xác khô,  
Lửa nuôi than sống trước giờ lụi tiêu.  
Cùng ta cho trọn thương yêu,  
Cho thêm khăng khít trước chiều chia phôi.

(**Phạm Trọng Lệ** dịch,  
Virginia 4/1/1993)

Bản dịch 2:

“Mùa ấy trong năm”

Người hãy nhớ trong năm mùa đang đến  
Khi lá vàng còn mắc vướng cành thô  
Gió lạnh về run rẩy nhánh cây khô  
Đôi chim lẻ hợp ca bài hát muộn.

Trong tôi, bóng ngày đi vừa buông xuống  
Ánh hoàng hôn dần nhạt phía Tây phương  
Đêm từng đêm nghe đen tối thê lương  
Về đóng kín liệm đời trong hoang mộng  
Trong tôi, ngọn lửa hồng còn rực nóng  
Trên tro tàn tuổi trẻ đã đi qua  
Giường lâm chung khi hơi thở buông ra  
Lửa thiêu đốt sức sinh tồn đã kiệt.  
Người thấy chẳng, tình yêu càng mãnh liệt  
Yêu nồng nàn từ biệt chẳng còn xa.

(Bản dịch của **David Lý Lăng Nhân**  
Madison, AL March 2005).

(Nguồn: Thế Hữu Văn Đàn, Vol.1, No.3,  
Oct. 2008, p. 157)

Bản dịch 3:

“Giờ Này Hàng Năm”

Giờ này hàng năm nàng thấy ta  
Khi cây xơ xác, gió lạnh qua  
Giáo đường bụi cũ chim đua hót  
Nay đã hoang phế trụi tro ra.

Nàng thấy nơi ta bóng hoàng hôn  
Ngày đó phương Tây ngã sắc buồn  
Đề dân phai lạt cùng đêm tối  
Yên giấc đời theo bóng tử thần.

Nàng thấy nơi ta ánh lửa nồng  
Hấp hối trong tro tuổi thanh xuân  
Trên giường tử biệt than tàn lụi  
Lửa đỏ ngày xưa thổi than hồng.

Nàng thấy chẳng nàng những cảnh trên  
Khiến tình nàng mãnh liệt thêm lên  
Yêu ta hơn nhé! Yêu say đắm!  
Kìa bóng biệt ly đã kề bên.

(**Tâm Minh Ngô Tăng Giao**  
chuyển ngữ, 2001)

(Viết xong tại Virginia 4/1/1993; bổ chính  
7/22/2015--PTLệ)

# TÔ GIÀ CÂY

## Phạm Bá

*“Anh đi qua tận trời Tây  
Nhớ quê hương, nhớ Giã Cây Giò Heo”*

Hè năm ngoái, chúng tôi trở về làng xã ngoài Bắc, mục đích trước tiên là để tảo mộ Cụ Tổ năm đời dòng họ chúng tôi ở Hạ Long, sau mới đến thăm hỏi họ hàng thân quyến ai còn ai mất sau một cuộc chiến tranh dài phân cách. Nhưng chương trình có phần nào thay đổi khi chúng tôi đến Hà Nội trước tiên. Vì cùng đi với chúng tôi trong chuyến này, còn có người cháu gái đi theo muốn chúng tôi đưa về thăm gia đình nhà chồng ở Nam Định. Được một người em họ bên chồng của cô cháu gái đang làm việc ở Hà Nội hướng dẫn về nhà quê Nam Định, chúng tôi cảm thấy an tâm vì có người quen dẫn đường chỉ lối.

Đường đi vào làng bây giờ khá rộng, xe taxi sáu chỗ ngồi đã dễ dàng len lách dọc theo đường đất dẫn đến tận cổng nhà, mà chúng tôi cứ nghĩ là chỉ có xe gắn máy mới đi được. Mặc dù vào ngày cuối tuần nhưng đường xá vẫn bị kẹt xe, cuối cùng chúng tôi đã gặp được gia đình bên chồng của cô cháu trong một cảnh tiếp đón thật ân cần đầm ấm của người dân quê Miền Bắc.

Sau khi trao đổi đôi lời chào hỏi và hàn huyên chuyện xưa tích cũ là đến bữa cơm chiều. Thôi thì một mâm đầy ắp toàn đồ ăn rất là hương đồng cỏ nội còn bốc khói: món gà giò luộc da vàng tươi mà tôi chắc là loại gà vườn mà ở ngoại quốc chúng ta thường

gọi là gà đi bộ; món lòng gà sào ướp cùng với mộc nhĩ nầm hương, vốn là một đặc sản trong những ngày giỗ chạp ở nhà quê đất Bắc; dưa cải chua và một món đặc biệt mà tôi muốn nói tới là món Giã Cây Giò Heo - một món ăn đặc biệt xuất phát từ miền Bắc.

Trước bữa ăn, bà chủ nhà đã giới thiệu với chúng tôi về món này và nhà tôi đã hóm hỉnh hỏi lại, “Đó là giã cây thật hay giã cây giả?”. Bà chủ nhà vô tư trả lời, “Đã gọi là giã cây thì làm gì có thật?”. Thế là mọi người, cả chủ lẫn khách, ngồi trước mâm cơm truyền thống ở nhà quê VN với tất cả các món ăn dân dã đặt trong một chiếc mâm đồng đã ố mầu với thời gian mà đã gần nửa thế kỷ trôi qua, tôi chưa một lần được nhìn thấy. Nhìn vào tô giã cây đang bốc khói, tôi được ông chủ nhà tiếp xúc cho vài thìa vào bát của mình ... Ôi ! quê hương ơi, sao đượm tình dân tộc đến thế nhỉ...Có lẽ ông chủ nhà đã quên tôi vốn là gốc dân Bắc “9 nút” và lại là “người nước ngoài mới về thăm quê hương...” Tôi nhâm nhi nhai từng miếng thịt, nuốt từng miếng bì thơm thơm dòn khậu ...hình như đã được thui bằng rơm khô ...Giã Cây, chao ôi ! thơm ngon thật ! da heo được thui vàng, thịt mềm quyện với mùi mắm tôm Bắc cùng cái vị chua chua của mẻ. Tôi tiếp tục thưởng thức với bún vắt mua ở chợ quê Nam Định và rau ngổ trồng ngoài vườn. Vừa ăn vừa huyền thoại trao đổi với chủ nhà về sinh hoạt của chúng tôi ở Mỹ từ ngày đi tản đến sau ngày về hưu. Riêng về món Giã Cây này, về mùa hè, đôi khi tôi cũng có nấu khoản đãi bạn bè. Giò heo thì quá rẻ, mà phải là thứ giò heo căng sau mới có nạc, mua về nướng trong lò hay trên lò than quả bằng ngoài vườn để đạt được màu vàng da đồng. Sau đó, cạo rửa sạch, ướp với đầy đủ

gia vị: mắm tôm, nước mắm, bột nghệ, tiêu, hành lá, riềng giã nát, trừ món mè truyền thống là không có, nên tôi thường ướp bằng bột mè Thái Lan và rượu vang. Dĩ nhiên vẫn có vị chua nhưng không có mùi mè. Thực ra, nhà có thể nuôi mè dễ dàng bằng cháo và cơm nguội, nhưng nhớ lại lời Mẹ tôi dặn lúc còn sinh thời, Cụ không cho nuôi mè trong nhà. Cụ nói, “Bình thường thì chẳng sao, nhưng đến lúc con mè chết thì nhà dễ gặp nhiều chuyện xui xẻo lắm...”, nên tôi sợ. Tôi kiêng. Có kiêng có lành mà... Khi nấu có người còn đem thêm măng tươi vào, có người khi ăn, ăn với hoa chuối thái nhỏ hoặc có người còn cho hoa chuối thái nhỏ thả vào nồi giả cây lúc vừa chín tới với một chút huyết heo cho giống màu rựa mặn (dựa mặn). Ăn món này, xin đừng quên ăn với rau ngổ (ngổ ôm) và bánh đa nướng giòn.

Nhưng trong lúc rượu vào lời ra, đôi khi tôi cũng hỏi về thời gian máy bay Mỹ tấn công Bắc Việt. Chủ nhà đều né tránh, có lẽ...ky, không muốn nhắc tới chiến tranh vì khách lạ chúng tôi là “người nước ngoài” mà cũng vì được biết nữ chủ nhân thời thiếu nữ ngày xưa đã từng là dân quân ngày ngày vác súng trường (?) ra bắn máy bay Mỹ...Thỉnh thoảng đôi đứa được chuyển qua vài miếng gà mái dầu luộc chấm muối tiêu lá chanh... với đôi ba ngum “Hanoi Beer” cho hợp với một bữa ăn có đồ nhắm ngon. Chao ôi ! Thú vị làm sao ! Dĩ nhiên, gà công nghiệp ở Mỹ làm sao so sánh được với gà “dân tộc”, được cho ăn thóc ăn ngô và suốt ngày ngoài vườn cào bới kiếm con giun con sâu, nên thịt thơm ngon hơn. Khỏi chê !

Sáng hôm sau, hai đứa chúng tôi tản bộ ra sau vườn coi vườn cây trái của chủ nhân, bà xã tôi bất chợt hỏi, “Hôm qua anh ăn giả

cây ra làm sao, ngon không?”. Dĩ nhiên là hết ý...”Anh có biết hôm qua anh đã ăn thịt gì không?”. Nghe đến đây, tôi khựng lại ... vì cái câu hỏi thật bất ngờ, nhưng vô tình vì cái gì đó... đã đánh thức cái vị giác của tôi. “Thịt chó đấy...”. Lúc này tôi như trên trời rớt xuống. Lặng người ...Mà có lẽ là thịt chó thật. Vì ngay lúc nhai miếng thịt đầu tiên trong miệng, tôi không quên là mình đã cảm thấy cái mùi thịt được thui bằng rơm, tôi tính khen chủ nhân mùi vị giả cây thật là tuyệt diệu: giò heo thui bằng than đã là “đúng điệu” nay lại được thui bằng rơm thì thật là chẳng còn chê vào đâu được nữa. Nhưng nghĩ lại, mình hỏi thế hóa ra tò mò quá, nên thôi. Nay được vợ tôi bất chợt hỏi như “khai thị” cho tôi, tôi biết ăn nói sao bây giờ...Rùng mình ! Thôi đành phải “sám hối với mình” vì mình không một chút chủ tâm. Riêng bà vợ tôi, bà nói, ngay khi vừa đụng miếng đầu tiên, khi nhai bà ta đã thấy cái khang khác. Biết là đã gặp “sự cố”, bà ta phải tìm cách nhè ra rồi lấy dũa đưa xuống cạnh mâm đồng. Nhưng bà ta không thể si-nhan cho tôi biết đó là thịt chó chánh hiệu. Bà ấy cứ để tôi thoải mái đánh chén món “giả cây thiệt” với chủ nhà. Bà xã tôi giải thích thêm: “Anh phải tinh ý một chút, có thứ giả cây nào mà lại chẳng thấy xương giò heo đâu, mà chỉ thấy toàn là thịt, thêm vào đó, da heo sao quá mỏng và giòn thế...”. Nghĩ lại...thấy đúng quá! Nhưng biết làm sao bây giờ...

Nhưng chuyện giả cây chưa hết ở đây. Nếu chỉ nói đến Giả Cây giả thì còn quá thiếu sót trong buổi tọa đàm này. Hẳn có nhiều bạn thắc mắc: Giả thì phải có Thiệt chứ ? Thế còn Giả Cây “Thiệt” đâu ? Tôi hiểu. Đó là có người muốn nhắc tới cái chuyện “Nó đây rồi”. Ôi ! Thật là thú vị ở

cái tuổi học trò...Có thể nói là lúc còn đi học, mấy thằng Bắc Kỳ chúng tôi cứ lâu lâu lại rủ nhau đi hạ Cờ Tây ở Ngã Ba Ông Tạ. Thấy ...mê ly thật ! mà lại còn rẻ nữa vì tụi học sinh chúng tôi đâu có nhiều tiền... Sau đó, một thằng tìm ra quán “Cây Còn” ở Ngã Ba Cây Thị Gò Vấp do cha con một ông già người Bắc di cư làm chủ. Đây mới chính là quán bán giả cây chính hiệu. Ông ta vốn là dân Bắc Kỳ 54, sống bằng nghề hạ Cờ Tây. Quán rất đơn sơ mộc mạc vốn vẹn chỉ có một cái bàn gỗ mộc với bốn chiếc ghế đầu trong nhà và ngoài hang hiên có kê sẵn một cái phản gỗ ọp ẹp đủ cho bốn người ngồi. Nói thiệt, đánh chẵn, đánh tổ tôm...hay hạ Cờ Tây, phải ngồi xếp bằng tròn trên sập hay trên chõng tre mới cảm nhận được cái thú vị của nếp văn hóa dân gian Bắc Bộ.

Về sau này, khi tụi tôi ra trường, được phân phối làm việc tại nhiều cơ quan khác nhau, nên ít có dịp hàn huyên. Hơn nữa, kip đến tuổi đi Động Viên, mỗi thằng thay phiên nhau đi phục vụ tại 4 Vùng Chiến Thuật, lại càng xa cách nhau hơn. Cũng có thời gian đặng đặng hàng hai ba năm mới liên lạc được với nhau một lần. Do đó, cái ngón Cây Tơ cũng dần dần mai một trong đầu óc chúng tôi. Riêng tôi, vì Mẹ tôi đã qui y Phật, đi Chùa hàng tuần, Cụ không muốn con cái nói tới cái dụ ăn uống lang bang đó, và cũng nhờ cái phương cách khẩu giáo và thân giáo của Mẹ tôi mà sau đó ít lâu, tôi không còn màng đến cái thú Cây Còn đó nữa dù đôi khi bạn bè có nài nỉ rủ đi thăm thú Giáo Xứ Tam Hiệp Biên Hoà lai rai với Vĩnh Tồn Tâm hoặc còn nói khích nhau, “Đàn ông biết đánh Tổ Tôm, Biết ăn thịt chó, xem nôm Thúy Kiều”, tôi cũng mặc...

Tuy nhiên có một chuyện khó mà quên được là thời gian còn trong quân ngũ, lúc tôi phục vụ tại một đơn vị chuyên môn đồn trú ở Hóc Môn vào giữa thời gian đầu sôi lửa bỏng Tết Mậu Thân, đơn vị tôi luôn luôn được sự yểm trợ mạnh mẽ của các Cố Vấn QS Mỹ. Tôi còn nhớ, vào khoảng thời gian có biến động, nhiều Cố Vấn Liên Đoàn và Tiểu Đoàn họp với các sĩ quan Ban Tham Mưu chúng tôi liên miên, dĩ nhiên không thể không có màn ăn nhậu với Johny Walker do các vị Cố Vấn mua trong PX mang đến. Doanh trại chúng tôi vốn là một đơn vị cấp Liên Đoàn chiếm một diện tích rất lớn, ước chừng bằng hai vườn dinh Độc Lập, anh Đại Đội Trưởng Đại Đội Công Vụ có cho thả vài con dê, chúng thường lang thang đi kiếm ăn sát hàng rào phòng thủ. Hiển nhiên các Cố Vấn Mỹ cũng biết thế. Có một bữa đơn vị ra lệnh cấm trại 100%, vị Chỉ Huy Phó rỉ tai một quân nhân: “hạ Cờ Tây” để mời tất cả các sĩ quan tham mưu và Cố Vấn ăn nhậu. Nhưng tuyệt đối phải theo một chỉ thị tối mật: “Đây là thịt dê”. Phải công nhận người lính gốc Bắc di cư, ngoài cái tài đánh giặc, còn có tài nấu thịt “dê” hết xẩy: cũng rựa mận, chả chia, thịt nướng, dồi nướng than... Trước khi nâng chén, vị chỉ huy giới thiệu, đây là món “thịt dê cái cách”. Sau bữa ăn, các vị cố vấn và cả chúng tôi ai nấy đều ngắc ngư con tâu đi vì phương cách nấu “dê” của anh nhà binh VN. Mãi về sau, tôi mới biết rõ chuyện vì anh chàng nấu bếp hôm đó là một Hạ Sĩ thân cận của tôi đã “thành khẩn khai báo”. Đến bây giờ, hơn bốn mươi năm sau cuộc chiến, tôi mới dám tiết lộ một bí mật có tính cách “phòng thủ” của đơn vị...

Tản mạn dông dài cho vui câu chuyện với bạn đọc. Nhưng không thể bỏ qua sinh hoạt của các tiệm “Giả Cây Thiệt” ở Sài Gòn mọc lên như nấm sau 75. Tôi đã trở về thăm gia đình nhiều lần, nhưng thú thực, có đôi khi đã thoáng thấy “Nó đây rồi”, tôi vẫn không dám bước vào tiệm cho dù đi từ xa đã bắt được cái hương vị đầy quyến rũ của chả chia, dồi nướng...đến điếc cả mũi và cho dù đã xa cách mấy chục năm, tôi vẫn chưa quên được lời dạy của người xưa: “Bất thực cầu nhục; Bất tri thiên hạ đại vị” (Người chưa bao giờ thương thức cây-côn, hiền nhiên đã không biết miếng ngon trong thiên hạ). Ghê gớm thật!

Có lần về Sài Gòn, vẫn còn tính tò mò như hồi còn trẻ, bạn tôi chở Honda đi khắp các nơi ngày xưa đám học trò chúng tôi đã một thời tung hoành vung xích chó. Sau năm 75, món ẩm thực này còn bạo phát hơn thế nữa. Nhất là xuất hiện nhiều tên mới như Thịt Chó Nhật Tân, Nó Đây Rồi...ở khu vực Cầu Thị Nghè, đường Nguyễn thị Minh Khai, Cư xá Thanh Đa... Ngoài cái chuyện Bìa Ôm, Hớt Tóc ôm ...”xưa như diễm”...cũng còn có cả chiêu Cây Tơ Ôm, nhưng nay tất cả đã bước vào thời điểm suy tàn theo tình hình “kinh tế thị trường định hướng theo Xã Hội Chủ Nghĩa”. Thịnh suy là luật của tạo hóa... Hiện chỉ còn khu vực gần phi trường TSN và khu Phố Cổ Ngã Ba Ông Tạ là vẫn còn có dấu hiệu hưng phát do có chợ bán Cây Tơ. Phải chăng vì lý do đó mà nạn cầu tặc vẫn hoành hành khắp các quận ven đô?



Vâng! Cũng chính vì cái số điều đứng của “Giả Cây Thiệt” đã một thời vàng son oanh liệt, nay bước vào thời đại a công @ khiến “Giả Cây Giò Heo” mới tạo được thế vùng lên bên cạnh các “...kỹ thuật số’...”. Chuyện Giả Cây Giò Heo là món ăn rất đặc trưng của một góc ẩm thực miền Sông Hồng từ ngày xưa, nhưng nay Giả Cây đã mang nhiều biến tấu khôn lường. Người ta làm cả Giả Cây Vịt Xiêm, Giả Cây Gà Tây cũng chỉ vì cái hương vị Riêng Mẻ, Mắm Tôm Bắc khiến cho món ăn truyền thống này vẫn làm mê hoặc người đời.

Nói cho cùng, nếu như Phở, hiện đã đang trên đà thống lĩnh một địa vị xứng đáng trong văn hóa ẩm thực xứ người, thiết tưởng khi Giả Cây Thiệt không có đất đứng ở đây như hôm nay, thì Giả Cây Giò Heo phải được tôn vinh vì ở nơi đất khách quê người, Giả Cây Thiệt không thể nào là Thật được. Tuy nhiên người viết cũng đang mò mẫm đi tìm giải đáp cho một nghi vấn, “Chồn Mướp, Chồn Hương, Cây, Cáo ...là những giống sống trong hang trong hốc, thuộc cùng một Họ, trong khi Chó là con vật vốn rất gần gũi với người, được hầu hết mọi người yêu thương, thì tại sao lại phải hăm hiu mang Họ nhà Cây?”

Chắc chắn đây sẽ là một đề tài tản mạn lý thú cho lần gặp gỡ với bạn đọc kỳ tới. Cứ như thế nhé !

**Phạm Bá**

N. Potomac 2015

## YÊU

Gió Xuân thoang thoảng mát  
Chờ em dưới tàn cây  
Lòng nhớ thương dào dạt  
Trong ao ước tràn đầy

Đã bao tháng ngày qua  
Mật ngọt tình đậm đà  
Đời ngập tràn hạnh phúc  
Càng yêu, càng thiết tha

Anh thương những phút này  
Đợi em ngày lại ngày  
Không gian sao lộng lẫy  
Thời gian sao mê say

Trời xanh gieo nắng Hạ  
Đát vàng trên lối đi  
Tay trong tay quyến luyến  
Tình si! Ôi! Tình si!

Trên thảm cỏ nồng nàn  
Trong nụ hôn mê man  
Bướm vờn hoa trên lá  
Lặng nghe gió than van

Hơi nóng buổi trưa hè  
Đã làm ấm tình em  
Trong vòng tay cuồng nhiệt  
Quấn quít trên môi mềm

Rồi những chiều Thu muộn  
Lá rơi, vàng úa rơi!  
Đếm thời gian trên lá  
Bên em, dạ bồi hồi

Em đến với nụ cười  
Với ánh mắt rạng ngời  
Trên vai anh, em nguyện  
Yêu nhau đến trọn đời

Lòng anh riêng mơ ước  
Cứ mỗi độ thu sang  
Tình ta lên cung bậc  
Vĩnh viễn với thu vàng

Những đêm đông giá lạnh  
Ngoài trời mưa tuyết bay  
Yêu nhau trong hạnh phúc  
Trong ân ái tràn đầy

Gió bắc rét căm căm  
Trong ánh lửa bếp hồng  
Cành khô trụi lá  
Đốt lên tình mặn nồng

Em ao ước ngày mai  
Cùng anh lo đường dài  
Cùng đắp xây mộng ước  
Cùng tính chuyện tương lai

*Tặng những lúa đôi đang ngập tràn hạnh  
phúc*

**NGUYỄN LÂN**

# NGƯỜI VIỆT LÀM THƠ TIẾNG ANH

(THƠ SONG-NGỮ VIỆT-ANH)

## LÊ XUÂN NHUẬN

**C**húng ta đã bước vào thiên-niên-kỷ thứ ba, và sống trong một thời-đại mà các sinh-hoạt chính của mỗi nước, và do đó của mỗi người, đều có chiều-hướng *toàn-cầu-hóa*, nói nôm-na là mở cửa để tiếp-thu từ toàn-cầu, đồng-thời dần thân để hòa-nhập vào toàn-cầu.

Trong hoàn-cảnh đó, thơ là một trong các sinh-hoạt nói trên. Bởi thế, đã có khá nhiều bài thơ, tập thơ, hợp/tuyển-tập thơ, của khá nhiều nhà thơ, từ tiếng nước mình được dịch sang tiếng nước ngoài.

Một trong những ngôn-ngữ thông-dụng nhất trên thế-giới hiện nay là tiếng Anh. Cho nên, ngoài thơ của các tác-giả nói-tiếng-Anh (như Anh, Mĩ, Úc...) từ lâu đã có khá nhiều thơ của các người nước khác được dịch sang tiếng Anh.

Trong thời-gian qua, Việt-Nam cũng đã bắt đầu giới-thiệu thơ của mình với người nước khác, bằng cách sáng-tác trực-tiếp, hoặc phiên-dịch (hay chuyên-ngữ) từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

Có sáng-tác bằng tiếng Anh hay phiên-dịch qua tiếng Anh, thì mới mong được người nước ngoài đọc đến, chia-sẻ với chúng ta những gì mỗi một nhà thơ, đại-diện phần nào cho dân-tộc Việt-Nam, tâm-hồn Việt-Nam, dù trong một hoàn-cảnh nhất-định, gửi-gắm trong từng vần điệu thi-ca.

### I

**Về thơ tiếng Anh của Người Việt Hải-Ngoại, ta thấy có hai nguồn song-song:**

► thơ trực-tiếp *sáng-tác* bằng tiếng Anh, và

► thơ *phiên-dịch* hay *chuyên-ngữ* sang tiếng Anh.

Thơ trực-tiếp sáng-tác bằng tiếng Anh thì được phổ-biến qua ba con đường: đăng-tải rời-rạc, in chung trong các tuyển-tập, và xuất-bản thành tập riêng.

Vi là thơ sáng-tác bằng tiếng Anh, nên các tác-giả đã đi thẳng vào các tạp-chí thi-ca của Mĩ, các diễn-đàn/nhà-mạng thi-ca của Mĩ thực-hiện trên mạng lưới thông-tin toàn-cầu, các tuyển-tập thơ quốc-tế của Mĩ, Anh; cũng như xuất-bản thành tập theo cung-cách của phương Tây.

Riêng thơ tiếng Anh đã được ấn-hành thành tập, thì ta thấy có các tác-giả và dịch-giả cũng như tuyển-tập sau đây:

Barbara Tran với thi-tập *sáng-tác* “*IN THE MYNAH BIRD’S OWN WORDS*” xuất-bản ở Hoa-Kì năm 2002;

Bright Quang với các thi-tập *sáng-tác* “*POETRY AND ART*” ấn-hành ở Redwood City, Bắc California (USA) năm 1998, “*MY TORCH*” (*Ngọn Đuốc của Tôi*) năm 2003;

Christine Sa với thi-tập *sáng-tác* “*THE PARTING YEAR*” xuất-bản ở Toronto, Canada;

Du Tử Lê với một số thi-tập: “*HOA NÀO TIN QUÁ ĐÁNG ĐẾN KHÔNG NGỜ*”



/ FLOWERS CAN'T BELIEVE FRUITS WOULD GROW THAT BITTER” do Như Hạnh, Nhan Chung *chuyển-ngữ*, xuất-bản ở Mỹ năm 1999, “TRƯỜNG KHÚC MẸ VỀ BIỂN ĐÔNG/ TRIBUTES TO MOTHER ON HER WAY HOME VIA PACIFIC OCEAN” do Thiên Nhất Phương và Trần Lệ Khánh *chuyển-ngữ*, năm 2002, v.v...;

Đình Linh với các thi-tập sáng-tác “ALL AROUND WHAT EMPTIES OUT” xuất-bản năm 2004, “AMERICAN TATTS” năm 2005, “BORDERLESS BODIES” năm 2006;

Đỗ Vinh [Joseph Đỗ Vinh Tài] với thi-tập *sáng-tác* “GREEN PLUMS” xuất-bản ở California (USA) năm 2005;

“FLOWERS OF LOVE / FLEURS D’AMOUR” (Cụm Hoa Tình Yêu), tuyển-tập tam-ngữ Việt-Anh-Pháp, *sáng-tác* trực-tiếp lần *chuyển-ngữ*, Tập I (40 tác-giả), Tập II (45 tác-giả), Tập III (66 tác-giả); Tập IV (32 tác-giả); với các *tác-giả tiếng Anh*: Đình Duy Phương, Doan Nam Nhan, Hoài Việt, Hoàng Hoa, Hồng Phương, Hương Nam, Kim Phuong Tran, Lê Khắc Lý, Lê Sỹ Đông, Lê Trọng Nghĩa, Lê Văn Ba, Lưu Hoài, Lưu Trần Nguyễn, Ly Châu, Như-Hoa, Nguyễn Phúc Sông Hương, Nguyễn Thị Sen Trắng, Nguyễn Thùy Linh, Paul Cao, Phạm Ngọc, Phạm Nhã Dự, Thanh-Thanh, Thu-Vân, Tina Thanh Hương, Trac Pham, Trần Tịnh Như, Tyna, Vinh Hồ,; với các *dịch-giả*: Ali Smaoui, Be Davison Herrera, Charles Nguyen, Christopher Vũ, Du Phước Long, Duy Tường, Đào Thanh Khiết, Elsie Whitlow Feliz, Hoài Việt, Huỳnh Sanh Thông, Joyce Odam, Lê Cao Phan, Lê Sỹ Đông, Ngọc Nguyệt, Ngô Đa Thiện, Nguyễn Đại Thanh, Nguyễn Đắc Khoa, Nguyễn Trọng Bình, Nhã Dự, Như Hoa, Nhựt Nguyệt, Phạm Ngọc, Phạm Phan

Thị Bạch Nga, Thanh-Thanh, Thu Vân, Trần Minh Hiền, Vo Tinh, Võ Thị Xuân Hiệp, Vũ Đức Tô Châu, Vũ Lang, Ý Nga; do “Hội Thơ Tài-Tử Việt-Nam” của Như-Hoa Lê Quang Sinh ấn-hành, ở Sacramento, Bắc California (nay đã dời qua Dallas, Texas), USA;

Hà Huyền Chi với tập thơ song-ngữ “SHARPENING THE SWORD ON THE SIDELINE” (Bên Trờì Mài Kiếm) do Ngô Đình Chương *phiên-dịch*, Đàm Trung Pháp hiệu-đính, ấn-loát ở Washington, và “THE BEST OF HA HUYEN CHI” do Bình Nhung *phiên-dịch*; xuất-bản ở Hoa-Kì;

Hạ Ái Khanh với thi-tập “SPEECHLESS (NGHEN NGÁO)” *sáng-tác* và tự *chuyển-ngữ* dưới bút-danh Dien Viet Duong [Duong Viêt Điền], xuất-bản năm 1998;

Hoa Nguyen với các thi-tập *sáng-tác* “YOUR ANCIENT SEE THROUGH” năm 2002, “AS LONG AS TREES LAST” xuất-bản tại Hoa-Kì năm 2012, “HECATE LOCHIA” năm 2012, RED JUICE năm 2014;

Hoàng Du Thụy trong các tuyển-tập *sáng-tác*: “A BREAK IN THE CLOUD” xuất-bản năm 1993, và “DANCE ON THE HORIZON” năm 1994;

Hoàng Ngọc Văn với thi-tập *sáng-tác* và tự *chuyển-ngữ* “CUỘC ĐỜI (ONE'S LIFE)” ra mắt tại San Jose, California (USA);

Huyền Chương Quý với tập thơ tự *chuyển-ngữ* “KHÁT VỌNG TỰ DO” (*The War and The Americas in My Country*);

Huỳnh Sanh Thông biên-khảo *phiên-dịch* “AN ANTHOLOGY OF VIETNAMESE POEMS - FROM THE ELEVENTH THROUGH THE TWENTIETH CENTURIES” xuất bản ở New Haven, Connecticut (USA) và London (Anh);

Joseph Do Vinh Tài với các tập thơ Mi-

Việt sáng-tác và chuyển-ngữ “GREEN PLUMS” (Đào Non) “APOLOGIES TO THE MOON” (Tạ Tội Cùng Trăng), do Broken-Heart Press ấn-hành năm 2008;

Khê Iêm với tác-phẩm “BLANK VERSE (THƠ KHÔNG VẤN)” cùng Đỗ Vinh phiên-dịch ấn-hành ở California (USA) năm 2006;

Kim Vũ với các thi-tập Việt-Anh sáng-tác và tự chuyển-ngữ “SUCH IS MY LOVE, SWEETHEART” (Tình Anh Như Thế Đây), “WHEN I LOVE YOU” (Khi Yêu Em); và các tuyển-tập “VIETNAMESE POETRY: A SAMPLER” (Việt Nam: Những Áng Thơ Tuyệt Tác), “THE FINEST PIECES OF MODERN VIETNAMESE POETRY” (Những Áng Thơ Tuyệt Tác Hiện Đại) do Kim Vũ phiên-dịch, tự xuất-bản, ở San Jose, Bắc California, (USA);

Lại Thanh Hà sáng-tác “INSIDE OUT & BACK AGAIN” (Đi Rồi Lại Về) tiểu-thuyết bằng 121 bài thơ, xuất-bản năm 2011;

Lê Phạm Lê với các thi-tập sáng-tác “FROM WHERE THE WIND BLOWS” (Gió Thổi Phương Nào) và “WAVES BEYOND WAVES” ấn-hành ở San Francisco, Bắc California (USA);

Lê Thị Thâm Vân (Lê Thị Hoàng Mai) với thi-tập sáng-tác “YELLOW LIGHT” xuất-bản năm 1998;

Lê Văn Tài với tuyển-tập sáng-tác “EMPTY ARMS SURROUNDED BY WARM BREATH” ra mắt năm 1987;

Linh Đinh (Đinh Hoàng Linh) với các tác-phẩm sáng-tác “DRUNKARD BOXING” (Võ Say) xuất-bản năm 1998, “A SMALL TRIUMPH OVER LASSITUDE”, “A GLASS OF WATER”, đều ở Philadelphia, Pennsylvania (USA), năm 2001;

“LOVE POEMS” (Thơ Tình), tuyển-tập

chuyển-ngữ, xuất-bản ở Nam California (USA);

Mai Nguyên với tuyển-tập-thơ sáng-tác và phiên-dịch “VAP” (?);

Minh Viên với các thi-phẩm “THE UNHEALED WOUND” (Vết Thương Chưa Lành), “A NIGHTMARE WAR” (Cuộc Chiến Ác-Mộng), “BLUE RAIN” (Mưa Xanh), sáng-tác, ấn-hành ở San Francisco, Bắc California, Hoa-Kì, v.v...;

Mộng Lan với thi-tập sáng-tác “SONG OF THE CICADAS” xuất-bản ở Massachusetts (USA) năm 2001;

Ngô Đình Chương với “QUIET ALLEY IN THE EVENING” (Chiều Đêm Xóm Vắng), song-ngữ, do tác-giả sáng-tác và tự chuyển-ngữ, ấn-hành ở San Jose, Bắc California (USA);

Nguyễn Đỗ với hợp-tuyển-tập “THƠ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI” cùng Paul Hoover chuyển-ngữ, do University of Iowa ấn-hành;

Nguyễn Mạnh Quang với “A POEM FOR MY CHILDREN” (Bài Thơ Cho Con) do tác-giả sáng-tác và tự chuyển-ngữ, xuất-bản ở Tacoma, Washington (USA);

Nguyễn Phúc Sông Hương (Thái Luân) với “AMONG PEOPLE” (Giữa Những Con Người), sáng-tác trực-tiếp, xuất-bản ở Sacramento, Bắc California (USA) năm 1995;

Như-Hoa Lê Quang Sinh với “THE OLD DAYS / LE VIEUX TEMPS” (“Chuyện Ngày Xưa”), thi-tập tam-ngữ Việt-Anh-Pháp, với các dịch-giả: Duy Tường, Lê Sỹ Đông, Như Hoa, Thanh-Thanh, Thu Vân; do “Hội Thơ Tài-Tử Việt-Nam Quốc-Tế” xuất-bản, ở Sacramento, Bắc California (USA);

Ngô Tăng Giao tự chuyển-ngữ các tập thơ “MƯA XUÂN” ấn-hành năm 2000,

“*HƯƠNG MÙA VU LAN*” năm 2007;

Nguyễn Chí Thiện với các tác-phẩm được Nguyễn Ngọc Bích *phiên-dịch* sang tiếng Anh: “*NGỤC CA / PRISON SONGS*” xuất-bản năm 1982, “*HOA ĐỊA NGỤC / THE FLOWERS OF HELL*” năm 1996, “*HẠT MÁU THƠ / BLOOD SEEDS BECOME POETRY*” năm 1996;

Nguyễn Hữu Lý đã *chuyển-ngữ* và cho ra đời các tác-phẩm: “*TÌNH MẸ TRONG THƠ VIỆT NAM: Collection of Poems on Motherly Love*”, “*QUÊ HƯƠNG QUA THI CA: Anthology of Homeland in Vietnamese Poetry and Songs*”, “*XUÂN VÀ TUỔI TRÉ VIỆT NAM: Anthology of Springs and Youth of Vietnam*”, do Nhóm Văn Hóa Pháp-Việt ở Paris giới-thiệu, và “*NHỮNG CON ĐƯỜNG LƯU VONG: Les Sentiers de l'Exile - The Paths of Exile*”, do Hội Thơ Tài Tử Việt Nam của Như Hoa phổ-biến;

Nguyễn Ngọc Bích với các tác-phẩm biên-khảo và *phiên-dịch*: “*THE POETRY OF VIETNAM*” xuất-bản năm 1969, “*A THOUSAND YEARS OF VIETNAMESE POETRY*” năm 1975, “*A MOTHER'S LULLABY*” (“*Trường Ca Lời Mẹ Ru*” của Trương Anh Thụy) năm 1989, “*THE FLOWERS OF HELL*” (“*Hoa Địa Ngục*” của Nguyễn Chí Thiện) năm 1995, “*BLOOD SEEDS BECOME POETRY*” (“*Hạt Máu Thơ*” của Nguyễn Chí Thiện) năm 1996, v.v...;

Phan Nhiên Hạo với các thi-tập *sáng-tác* “*PARADISE OF PAPER BELLS*” xuất-bản năm 1998, “*MANUFACTURING POETRY*” năm 2004, v.v...;

Song Hồ (Nguyễn Thanh Dam) với “*ROCK AND FLOWER*” tự *phiên-dịch* từ “*Đá và Hoa*” (1992), xuất-bản năm 2000;

Thanh-Thanh (Nhuan Xuan Le) với

“*VIETNAMESE CHOICE POEMS*” (tuyển-tập 146 bài *thơ* tiếng Anh, dịch từ nguyên-tác *thơ* tiếng Việt của 81 tác-giả hiện sống tại Mỹ, Gia-Nã-Đại, Úc, Pháp, Đức, Bỉ, Na-Uy, Việt-Nam), là tập-hợp *hiều nhất* số thi-sĩ và số bài dịch sang *thơ* Anh, do Nhà Xlibris ở Indiana (USA) xuất-bản năm 2013; được Nhà Tổng-Phát-Hành Amazon đưa vào danh-sách “*Favorite Books of the Year*” trong Mục “*Best Books of 2014*”;

“*THE SILENCE OF YESTERDAY*” (*Sự Im-Lặng của Ngày Hôm Qua*), song-ngữ, *sáng-tác* trực-tiếp lần *chuyên-ngữ*, của 22 tác-giả, với các *tác-giả tiếng Anh*: Ngô Đức Diễm, Ngô Đa Thiện, Nguyễn Phúc Sông Hương, Phạm Ngọc, Song Nhị, Thanh-Thanh, Ý Yên; với các *dịch-giả*: Hoài Vân Tử, Huỳnh Sanh Thông, Ngô Đa Thiện, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Phúc Sông Hương, Phạm Ngọc, Song Nhị, Thanh-Thanh, Thy Vũ, Vĩnh Sinh, Vi-Khuê, Võ Đình, Ý Yên; do “*Cơ-Sở Thi Văn Cội Nguồn*” của Song Nhị và Diên Nghị giới-thiệu, ấn-hành ở San Jose, Bắc California (USA);

Thoại Q. Tran (Trần Quý Thoại) có các thi-tập *sáng-tác*: “*RANDOM THOUGHTS*” xuất-bản năm 2000), “*QUE SERA*” năm 2001, “*REFLECTIONS*” năm 2001;

“*TÌNH YÊU, CUỘC SỐNG VÀ LƯU ĐÀY (LOVE, LIFE, and...)*” *thơ* Việt-Anh;

Trang Đài Glassey-Trầnnguyễn với 3 tập *thơ*: “*ANH HOA*” Anh-Việt tự *chuyển-ngữ*, ấn-hành ở Saigon năm 1967, tái-bản ở Mỹ năm 2005; “*MARS & VENUS*” *sáng-tác*, ở Hoa Kỳ năm 2001; “*IN HARMONY*” *sáng-tác*, ở Hoa Kỳ năm 2008;

Trần Mộng Tú với 2 bài *thơ* “*THE GIFT IN WARTIME*” (*Quà Tặng Trong Chiến Tranh*) và “*DREAM OF PEACE*” (*Giấc Mơ Hòa Bình*) do Vann Phan *phiên-dịch* sang

Anh-ngữ; bài trước được in trong “*American Literature Textbook*” (sách giáo-khoa, của nhà xuất-bản Mĩ Glencoe/Mc.Graw-Hill), bài sau được in trong “*Vision of War, Dream of Peace*” là tuyển-tập thơ của các cựu Nữ Quân-Nhân và Y-Tá phục-vụ trong Chiến-Tranh Việt-Nam;

Trúc Lang [Vĩnh Đỗ] với thi-tập *sáng-tác* “*SEA AND SKY*” do Ngày Nay xuất-bản năm 2005;

Trương Anh Thụy với thi-tập song-ngữ “*GỬI MUA CHO NẮNG*” tự *chuyển-ngữ* sang tiếng Anh;

Vĩ Khuê với “*POEMS IN RAIN & FLOWERS*” (*Thơ Trong Mưa & Hoa*), thi-tập song-ngữ, với các *dịch-giả*: Bernard Detrez, Chử Nhất Anh, Chử Nhị Anh, Huỳnh Sanh Thông, Nguyễn Huỳnh Diệp, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Phương Viên, Thanh-Thanh, Trần Nhã Hoa, Tường Minh, Vĩ Khuê, Võ Đình, Vũ Đức; do “Sao” xuất-bản, ở Virginia (USA);

Vĩnh Liêm với tập thơ “*WITHOUT BEGINNING WITHOUT END*” (*Vô Thủy Vô Chung*), do Nhà Lulu xuất-bản năm 2008;

Võ Đình (Võ Đình Mai) *phiên-dịch* sang Anh-ngữ: tập thơ Thiền của Thích Nhất Hạnh “*ZEN POEMS OF NHAT HANH*” xuất-bản ở N. Carolina, năm 1976; 18 bài thơ thiền từ chữ Hán “*FRAGRANCE OF ZEN / HUONG THIÊN*” ở Los Angeles, năm 1981; (cùng Công Huyền Tôn nữ Nha Trang) 30 bài thơ Thiền và Kệ (của các Thiền sư Việt Nam) “*MỘT CẢNH MẠP*” ở Paris và San Jose, California (USA) năm 2005;

Vũ Hối có tập thơ “*VÂN THO MÀU TRẮNG*” (*La Poesie de Couleur Blanche*) *phiên-dịch* sang Anh- và Pháp-ngữ, xuất-bản tại Sài-Gòn năm 1959;

\*

“*WORLD POETRY*” (*Thơ Thế-Giới*) do “*Quality Paperback Book Club*” (Câu-Lạc-Bộ Sách Bìa Mỏng) ở New York xuất-bản, là một hợp-tuyển-tập thơ, trong đó có một số bài do Nguyễn Ngọc Bích *chuyển-ngữ* từ tác-phẩm của một số tác-giả Việt-Nam, từ xưa như Hồ Xuân Hương, Khuông Việt, Lê Thánh Tông, Mãn Giác, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Trãi, Trần Nhân Tông, Trần Tế Xương Vạn Hạnh, đến *tiền-chiến* (Đệ-Nhị Thế-Chiến) như Thế Lữ, Tú Mỡ, đến cả những tác-giả *mới* như Đoàn Văn Khâm, Hà Thị Thào, Lê Ngọc Hiệp, Nguyễn Văn Lạc. Trong số những nhà thơ kê trên, có một tác-giả còn sống, được nhiều người chú ý, mà lại là thành-viên của Cộng-Đồng Người Việt Tị-Nạn tại Hải-Ngoại, đó là Du Tử Lê.

V.v...

## II

Sách nói chung, thơ nói riêng, mà được kí-nạp tại *Thư-Viện* của *Quốc-Hội Hoa-Kỳ*, thư-viện của các trường đại-học Mĩ cũng như các nước khác, là một hình-thức và phương-tiện phổ-biến văn-hóa, nếu không muốn nói là tuyên-truyền, rất hữu-hiệu.

Hiện nay, số sách [trong đó có thơ] của Việt-Nam *nội-địa* thì đã hiện-diện tại các nơi ấy rất nhiều, trong lúc sách của *Cộng-Đồng Người Việt Tị-Nạn Cộng-Sản ở Hải-Ngoại* thì ít hơn.

Riêng *Thư-Viện* của *Quốc-Hội Hoa-Ki* được xem như là thư-viện chung cho cả

hoàn-cầu.

Do đó, có một số nhà thơ, và nhà xuất-bản, muốn phổ-biến rộng-rãi tác-phẩm của mình, đã không chỉ trông-cậy vào các buổi trình-mại sách, các bài giới-thiệu trên báo & đài, các sạp bày bán, mà còn gửi tặng cho càng nhiều thư-viện càng tốt – hiển-nhiên *Thư-Viện Quốc-Hội Hoa-Kì* là nơi lí-tưởng nhất.

Các thi-sĩ, và nhà xuất-bản mà chỉ lâu lâu mới xuất-bản một tập thơ, thì việc có hay không có kí-nạp sách của mình vào *Thư-Viện Quốc-Hội Hoa-Kì*, không thành vấn-đề; nhưng có một số nhà xuất-bản *in sách thường-xuyên* mà lại không chú-í đến vấn-đề này thì là một nhược-điểm. Nhà xuất-bản “*Xây-Dựng*” của Thanh-Thanh, Cơ-Sở Thi Văn “*Cội Nguồn*” của Song Nhị, nhà xuất-bản “*Sao*” của Vi Khuê, thì có lưu-tâm đến nơi lưu-trữ bảo-đảm và trường-cửu ấy cho tác-phẩm của mình; còn “*Hội Thơ Tài-Tử Việt-Nam*” của Như Hoa, nhà xuất-bản “*Phương Đông*” của Dương Huệ Anh, Tủ Sách “*Phụ Nữ Thời Nay*” của Diễm Châu, thì không kí-nạp sách của mình vào kho tàng văn-học và văn-hóa ấy của toàn-cầu, thật là đáng tiếc.

Để giải-quyết vấn-đề này, chúng tôi đề-nghị các tác-giả, các Hội Văn-Học Nghệ-Thuật, các nhà xuất-bản, dù là chuyên-nghiệp hay tùy-hứng, của Người Việt Hải-Ngoại, lưu-í kí-nạp ân-phẩm của mình vào *Thư-Viện* nói trên (vì có khá nhiều tác-phẩm giá-trị hiện-diện trên thị-trường mà không có mặt trong thư-viện ấy).

Riêng về việc ghi danh vào *Thư-Mục Quốc-Tế* và kí-nạp vào *Thư-Viện*, xin đề-nghị lập thủ-tục xin số “ISBN” (*International Standard Book Number*) và cả số “LCCN” (*Library of Congress*

*Control Number*), để người nghiên-cứu dễ tìm thấy sách của mình trong thư-viện minh-mông.

### III

Đã nói về thơ thì không thể không nói về *thể thơ, văn thơ*.

Thơ Anh cũng như thơ Việt đều có cả *thơ-có-vần* lẫn *thơ-không-vần* (tức *thơ tự-do, thơ buông, thơ văn xuôi*, v.v...).

Nhìn qua các bài tiếng Anh đã có, dù là *sáng-tác* trực-tiếp hay *phiên-dịch*, chúng tôi thấy rõ phần nhiều đều *không có vần*. Có thể tác-giả và dịch-giả cho đó là *thơ tự-do*; nhưng, theo chúng tôi nghĩ, tuy có hình-thức là câu văn xuôi như nhau, nhưng các câu *thơ* phải có cái gì khác hơn một đoạn *văn xuôi* – vì nếu chỉ là văn xuôi thì hóa ra đoạn văn nào, trong một bài dài, trong một đoạn dài, mà chỉ cần được ngắt câu xuống hàng, thì cũng đều là *thơ-không-vần*?

Đó là chưa kể, dù là văn xuôi, trong nhiều trường-hợp, chính các tác-giả là người Mĩ (Anh, Úc) chính-thống mà cũng còn cần phải được các *nhà viết thuê* (ghost-writer) hiệu-chỉnh, huớng gì chúng ta đa-số không phải là dân sinh ra đã nói/viết tiếng Anh, mà nay lại làm *thơ tiếng Anh*. (Xin xem về nạn dùng sai chữ, dịch phản nghĩa, viết trật văn-phạm tiếng Anh ở phần dưới).

Tuy nhiên, nói thế không phải là để chúng ta ngại-ngân trong việc làm *thơ tiếng Anh* hay dịch *thơ tiếng mình sang thơ tiếng Anh*.

Xin đề-nghị các bạn hãy mạnh-dạn *sáng-tác* trực-tiếp, hoặc đẩy mạnh việc *chuyển-ngữ* các tác-phẩm của mình qua tiếng Anh, bắt đầu bằng từng bài một. Có ai mà không có dịp gặp-gỡ chuyện-trò với người nước ngoài; và nếu

mình được giới-thiệu là một nhà-thơ mà lại có sẵn cả bản tiếng Anh để đưa cho họ đọc thì cả họ lẫn mình sẽ thích-thú đến ngần nào; huống hồ đăng lên báo, in thành sách, gửi vào thư-viện cho mọi người có thể đọc được, tức là góp phần giới-thiệu văn-học, văn-hóa của nước mình, đến độc-giả các nước ngoài

\*

Về việc *phiên-dịch/chuyển-ngữ* thơ, dịch-giả không phải chỉ cần *giỏi tiếng Anh*, mà còn cần phải *sành thơ, biết thêm đặc-ngữ, điển-tích*, v.v...

Xin đơn-cử vài thí-dụ:

1) Trong cuốn “The Silence of Yesterday” (*Sự Im Lặng của Ngày Hôm Qua*) của “Cội Nguồn”, có bài thơ tiếng Việt “*Lui Về Tiên Sĩ*” của Khang Lang, trong đó có đoạn “Ta, hề!” Một dịch-giả được gọi là học-giả, đã dịch 2 chữ “*Ta, hề*” ra là “*It's laughable!*” (Nực cười thay!). Người rành thơ Việt hẳn biết giai-thoại Kinh Kha với các câu “Phong tiêu tiêu *hề*, Dịch thủy hàn, Tráng sĩ nhất khứ *hề*, bất phục hoàn” (*Gió hiu hắt thổi, sóng Dịch lạnh, Tráng sĩ ra đi không trở về*). Nhiều thi-sĩ Việt đã dùng chữ “*hề*”, thí-dụ Trần Hoan Trinh trong bài “Tráng Sĩ Hành Ca”:

Vung kiếm ta ca, *hề*, Sát Thát  
Vỗ gươm ta hát, *hề*, Nam chinh  
Vẫy súng ta thề, *hề*, Bắc phạt  
Gãy đàn, ta mơ, *hề*, thái bình...

Có người Việt-hóa (Nôm-hóa) chữ “*hề*” thành chữ “*chừ*”, thí-dụ Minh Đức dịch bài “*Phóng Cuồng Ngâm*” của Tuệ Trung Thượng Sĩ, với các câu:

Trời đất liếc trông *chừ*, ôi mệnh mang!

Chống gậy rong chơi *chừ*, phương ngoài phương

Dạo chôn cao cao *chừ*, mây đỉnh núi  
Hoặc nơi sâu sâu *chừ*, nước trùng dương...

Chữ “*hề*” ở đây không có nghĩa là “*làm hề*”, “*như một tên hề*”, mà là một thán-từ (interjection) tương-đương với “*Hey! Ho!*” trong tiếng Anh, dùng để nhấn mạnh một cảm-xúc, trong các lời ca, tiếng hát, thí-dụ Ban Nhạc The Lumineers của Mỹ nổi tiếng với bài:

(*Ho!*) I've been trying to do it right  
(*Hey!*) I've been living a lonely life  
(*Ho!*) I've been sleeping here instead  
(*Hey!*) I've been sleeping in my bed...

2) Trong cuốn “*Ru Thâm Tiếng Gọi Việt Nam*” của Ngọc An, có bài thơ “*Biển Nhớ*” trong đó có câu “Bao nhiêu hạnh phúc chất chiu, Đào Nguyên một thuở Nguyễn Lưu lạc đường”, mà người dịch, được giới-thiệu là một giáo-sư tiến-sĩ, đã dịch ra là “So much bliss had been spared, Of a happy land, now Nguyen Luu lost his way!” lại còn chú-thích là: “Nguyen Luu, an imaginary person in a historical myth who had visited the paradise in Heaven” (Nguyễn Lưu là một nhân-vật tưởng-tượng trong thần-thoại lịch-sử cho rằng ông đã viếng thăm thiên-đường trên Trời). Nguyễn Lưu thực ra à Lưu+Nguyễn, là hai nhân-vật Lưu Thần và Nguyễn Triệu, đời Hán, đã từng lạc vào Thiên-Thai, chứ không phải là một ông Nguyễn Lưu.

3) Trong tác-phẩm “*cuối đời*” của Hà Huyền Chi, “*The Best of Ha Huyen Chi*”, người dịch, cũng là nhà-thơ/nhà-văn, đã dịch bừa-bãi rất nhiều câu thơ trong nhiều bài thơ. Vài thí-dụ: Bài số 591, có câu “*Dăm thùng sách mới nằm say ngủ*”, mà lời dịch là “Some new book boxes do not open” (Mấy thùng sách mới không mở ra). “*Open*” là một ngoại/tha-động-từ (mở

[cái gì] ra), mà “thùng sách” là tĩnh-vật, không thể làm chủ-từ cho “open”, làm sao tự mở ra được. Bài số 592, có câu “*Nói gì câu đã mòn sông cạn*”, mà lời dịch là “We no need to talk about the fervid loyalty”. Nếu “need” là danh-từ thì nó phải là “We don't have the need to”; nếu nó là động-từ thì nó phải là “We don't need to”; không thể nói/viết “We no need”. Bài 594, có câu “*Yêu nhau là chuyện hoang đường, Không yêu đời lãng, lại thương tiếc đời*”, mà lời dịch là “*Falling into our affections are a fabulous story, But if we do not love We will be regret all our lives*”. Động-danh-từ “falling” là số ít, làm chủ-từ cho “to be”, thì “to be” phải ở số ít (“is”) chứ không thể ở số nhiều (“are”); “to be” là động-từ bất-quy-tắc, nếu đứng trước một động-từ thứ hai, thì động-từ thứ hai phải ở thể tiến-hành (“be regretting”) hoặc quá-khứ phân-từ (be regretted),...

\*

Riêng về việc sáng-tác trực-tiếp hoặc chuyển-ngữ thơ Việt qua tiếng Anh, mà muốn thành thơ có vần, chúng tôi xin các bạn để ý một điểm, đó là vần thơ (rhyme) trong tiếng Anh.

Lâu nay, có nhiều bài thơ tiếng Anh mà tác-giả và dịch-giả người Việt muốn viết ra như-có-vần nhưng đều thực-sự không-có-vần.

Tiếng Anh là tiếng đa-âm, tiếng Pháp cũng là tiếng đa-âm, nhưng có sự khác nhau là trong tiếng Pháp thì âm (syllable) nào cũng được phát-âm (nhấn giọng) như nhau, giống như các âm trong các từ đa-âm của tiếng Việt; ngược lại, trong tiếng Anh thì chỉ có một hoặc một số âm là được nhấn giọng (stress, emphasize), còn các âm khác thì không được nhấn

giọng cho nên không được xem là một âm trong việc chọn âm để định vần cho thơ.

Thí-dụ:

“happy” (Anh) và “heureux” (Pháp) là sường thỏa,

“merry” (Anh) và “joyeux” (Pháp) là hề-hả,

Xét trong tiếng Việt, thì “sường thỏa” và “hề-hả” ăn vần với nhau, vì ta dùng các âm cuối là “thỏa” và “hả”; cũng như trong tiếng Pháp thì “heureux” và “joyeux” ăn vần với nhau, vì Pháp dùng các âm cuối là “reux” và “yeux” để làm vần cho thơ.

Còn trong tiếng Anh thì, ngược lại, vì các âm cuối “py” (trong “happy”) và “ry” (trong “merry”) là âm không được nhấn giọng, nên không được dùng làm vần cho thơ; trong lúc đó thì “hap” (trong “happy”) và “mer” (trong “merry”) mới là âm được nhấn giọng, nhưng chúng lại không ăn vần với nhau, vì một bên là “hap” và một bên là “mer”; do đó, “happy” và “merry” tuy đều tận cùng bằng âm “y” (py vary) nhưng vì “hap” và “mer” không ăn vần với nhau, nên ta không thể dùng “happy” và “merry” làm 2 âm cuối-cùng cho 2 câu thơ có vần.

\*

Tóm lại, chúng ta cần sáng-tác trực-tiếp hoặc phiên-dịch hay chuyển-ngữ thơ tiếng Việt sang tiếng Anh, để tiếng nói đầy tình-tự dân-tộc của Người Việt nói chung, của Người Việt Hải-Ngoại nói riêng, không bị quên lãng, hoặc bị lấn-át bởi tiếng nói phi-dân-tộc, trước “bốn biển, năm châu”, trong bối-cảnh toàn-cầu-hóa mọi sinh-hoạt hiện nay.

LÊ XUÂN NHUẬN

Hội-viên Văn-Bút Quốc-Tế, PEN Center

USA



# Tại sao Hà Nội phải ra lệnh cấm nói tục

**VĂN QUANG**

Trong tuần cuối tháng 6 vừa qua, tất cả các phương tiện thông tin ở VN, từ báo lớn đến báo nhỏ, từ báo mạng đến báo in, từ các trang mạng cá nhân cũng như đoàn thể đang sôi sục bàn tán đến chuyện Hà Nội cấm nói tục. Vấn đề đáng suy nghĩ ở đây là tại sao tất cả các tỉnh thành khác không có chuyện các cơ quan công quyền và cơ quan chuyên môn như các sở Thể Thao Văn Hóa phải quan tâm đến vấn đề này. Thế ra chỉ có “thủ đô yêu quý” Hà Nội nói tục thôi sao? Mời bạn đọc cùng tìm hiểu câu trả lời.

Hà Nội xưa nay vốn nổi tiếng là “đất Thăng Long ngàn năm văn vật”, trai thanh gái lịch không đâu bằng. Ấy thế mà bỗng dưng nó trở thành nơi nói tục nhất nước. Theo bản “nghiên cứu” của nhiều tờ báo như VNNet 26-6-2015, Báo Đất Việt 25-6-2015... thì:

**“Từ công sở, trường học đến hàng quán, bến xe, ngõ hẻm, đâu đâu cũng thấy nói tục, chửi bậy. Nhiều người còn coi đó như một thói quen, không nói là thấy... thiếu thiếu”.**

Tình trạng “chửi bậy như hát hay” đang ngày càng lan rộng tại khắp các môi trường. Bởi vậy nên Phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân (UBND) TP Hà Nội mới có văn bản “xử lý người nói tục”

**Hà Nội xử lý người nói tục nơi công cộng**

Theo báo Hà Nội mới ngày 17-6-2015 đã đưa tin:

“Trước phản ánh về tình trạng một số bạn trẻ, nghệ sỹ nói thô tục nơi công cộng, Phó Chủ tịch UBND TP Hà Nội Lê Hồng Sơn giao đơn vị liên quan có biện pháp xử lý cụ thể, nhằm hạn chế cao nhất những hành vi thiếu văn hóa trong nhà trường và ngoài xã hội. Việc thành phố ra văn bản nêu trên xuất phát từ nội dung phản ánh tình trạng một bộ phận các bạn trẻ là học sinh, những ca sỹ, người dẫn chương trình... có những lời nói thô tục, ứng xử không văn hóa nơi công cộng, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn minh của thành phố.

Phó Chủ tịch UBND TP Hà Nội Lê Hồng Sơn giao Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch phối hợp cùng Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND quận, huyện, thị xã kiểm tra, xem xét, có biện pháp xử lý cụ thể, nhằm hạn chế cao nhất những hành vi thiếu văn hóa trong nhà trường và ngoài xã hội.

Trước đó, giữa năm 2014, UBND TP Hà Nội ban hành Quy chế thực hiện Kỷ cương hành chính và Văn hóa công sở tại Văn phòng UBND thành phố. Mục đích của việc ban hành quy chế trên nhằm hướng tới xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Đặc biệt nội dung quy chế yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức trong giao tiếp, ứng xử phải có thái độ lịch sự, tôn trọng,

trung thực, thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp. Ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc và không nói tục, dùng tiếng lóng, quát nạt.

Trong giao tiếp và ứng xử với nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức phải nhã nhặn, lắng nghe ý kiến, giải thích, hướng dẫn rõ ràng, cụ thể về các quy định liên quan đến giải quyết công việc”.

Quy chế đã ban hành cả năm rồi, nhưng mãi đến nay tình trạng này ngày càng trở nên nhức nhối như cái nhọt ung thư của xã hội đang chấy mủ, đó thật sự là sự xuống dốc thê thảm của văn hóa thủ đô, bộ mặt của cả nước.

Trước hết, chúng ta hãy tìm hiểu xem cái nhọt ung thư đó hình thành từ bao giờ?

### **Tình trạng chửi tục nói bậy bắt đầu từ sau năm 1975**

Tôi chứng minh điều này qua nhận định của một nhân vật là dân Hà Nội chính cống. Đó là ông Nguyễn Ngọc Tiến – ông này cũng là một nhà văn của Hà Nội ngày nay–. Ông nói:

“Tôi đã sống, trải qua quãng thời gian dài ở Hà Nội và có thể khẳng định chắc chắn, những thập niên 1960, 1970 thanh niên ra đường ăn nói rất lịch sự, đàng hoàng, không có tình trạng chửi tục tởm tràn lan trong xã hội.

Tuy nhiên, bây giờ Hà Nội không chỉ là những người sinh ra, lớn lên ở Hà Nội mà tập hợp những người đến từ rất nhiều nơi. Tôi nhận thấy sự thay đổi trong cách ứng xử, giao tiếp của những người sống ở Hà Nội bắt đầu diễn ra từ thập niên 1980 và kéo dài đến bây giờ. Tình trạng vắng tục cũng nhiều hơn trước kia”.

Và ông nhà văn Hà Nội này lý giải: “Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, bắt nguồn từ xã hội, gia đình, nhà trường. Từ thập niên 1980, bắt đầu có sự thay đổi lớn trong quan niệm của mỗi cá nhân. Người ta thấy mình được tự do ăn nói hơn mà không bị ràng buộc bởi nhiều nề nếp.

Nhà trường thì quan tâm đến điểm số, học sinh giỏi, học sinh tiên tiến nhiều hơn việc giáo dục cách ứng xử cho các em. Trong mỗi gia đình, việc mưu sinh chiếm ngày càng nhiều thời gian, gánh nặng, nên chuyện dạy dỗ con cái cũng bị hạn chế phần nào.

Nhưng còn một nguyên nhân nữa đó là việc giáo dục cộng đồng hiện đang bị mất dần. Ngày xưa, nếu người lớn ra đường thấy trẻ con nói tục, chửi bậy có thể nhắc nhở, thậm chí trách mắng chúng, cho dù đó là những đứa trẻ xa lạ. Và những đứa trẻ ấy chỉ còn cách nhận lỗi chứ không dám cãi lại, dù đó là người lớn chưa quen biết.

Nhưng bây giờ, sự giáo dục của người lớn với con trẻ trong cộng đồng không còn nữa. Nếu người lớn xa lạ thấy trẻ con vắng tục mà nhắc nhở thì rất dễ gặp phải sự phản ứng tiêu cực của chúng.

Nên những người lớn tuổi cũng không mấy ai nhắc nhở con trẻ những chuyện đó ở nơi công cộng nữa. Vì thế, trong cách ứng xử đã mất đi một kênh giáo dục cộng đồng có hiệu quả. Hay nói cách khác, người lớn đang tạo cơ hội hơn cho con trẻ nói tục, chửi bậy.

Cũng cần nói thêm, ngày trước trong nếp sống của người Hà Nội, rất nhiều cá nhân có lòng tự trọng, biết xấu hổ, rất nhiều gia đình có gia phong, nề nếp và họ cảm thấy xấu hổ trước đám đông nếu nói ra những từ tục tởm trước mặt người khác.

Nhưng bây giờ, lòng tự trọng của các cá

nhân mất đi quá nhiều, nên họ sẵn sàng vắng tục, chửi bậy mà không cảm thấy xấu hổ”.

Có một nguyên nhân chính ông Nguyễn Ngọc Tiên quên chưa nói là tại sao lòng tự trọng mất đi? Bởi một xã hội sống giả dối quá nhiều, bởi đồng tiền đã trở thành “vua” của lý tưởng sống. Các thứ đạo đức, gia phong, nề nếp đã trở thành “đồ cổ”, anh nào xài tới là lạc hậu, là dói nhãn răng. Cứ thế mài mòn hết nhân cách con người, còn trơ lại cái vỏ ngoài cố làm ra vẻ sang trọng nhưng rỗng tuếch.

### **Chửi tục ngay từ khi còn mới cắp sách đi học**

Không khó để có thể bắt gặp hình ảnh những cô cậu học sinh cấp 2, cấp 3 còn mặc đồng phục tùm ba tùm bảy buông những từ ngữ tục tĩu chốn công cộng. Nhưng điều đáng báo động là “căn bệnh” này đã “lây” lan sang ra cả học sinh tiểu học.

Chị Vân, một chủ quán internet trên Quốc lộ 32 (Hà Nội) cho biết, cứ đến giờ tan học là nhiều học sinh cấp 2, cấp 3 kéo nhau vào quán. Và vừa chơi, các “ông trời” này vừa liên mồm chửi bậy.

Thậm chí, trên một số mạng xã hội, các em còn lập hẳn hội “thích nói tục, chửi thề” để vào đó cùng phô diễn “tài nghệ” nói tục. Nhiều em còn lôi thầy cô, cha mẹ ra chửi. Kinh khủng nhất khi ông bố dạy thằng con trai không được nói tục, thằng con trả lời tỉnh queo: “ông nội còn nói tục hơn cơ bố ạ”. Ngay cả đến một số “sao của làng giải trí” cũng chửi tục. Tiêu biểu là người mẫu Nguyễn Thùy Trang (tên nghề là Trang Trần) vừa bị truy tố vì đi xe ngựa chiều bị cảnh sát đưa về trụ sở công an quận Hoàn Kiếm nhưng vẫn tiếp tục chửi bới luôn cả cảnh sát.

### **Hai “thánh chửi” Hà Nội vẫn sống nhẵn**

Từ rất lâu rồi tôi đã nghe danh mấy cái quán ăn ở Hà Nội gọi là “bún măng, cháo chửi”. Nói cho rõ là vào ăn bún thì bị bà chủ măng xa xả, vào ăn cháo thì bị bà chủ chửi mỗi khi đòi thêm tí hành tí ớt... “Danh tiếng” của hai thánh chửi này đã vang rền trên khắp các trang báo, cả nước đều biết, có lẽ các bạn ở nước ngoài cũng biết.

Chủ quán bún ở Ngô Sĩ Liên và quán cháo gà ở Lý Quốc Sư là hai “thánh chửi trứ danh” ở Hà Nội.

- Vào quán bún măng ăn gì?

Nằm tại số 41 Ngô Sĩ Liên (Văn Miếu – Đống Đa – Hà Nội) quán bún dọc mùng giò - lười heo, quán này do bà Hán Kim Thảo (60 tuổi) làm chủ được nhiều người gọi là “quán bún măng”.

Theo lời kể từ chính những nhân viên trong quán, khoảng thời gian 12h trưa là lúc bà Thảo sẽ nổi cơn lôi đình với khách – và khi đó các thượng đế sẽ ăn đủ các thứ ngôn từ phát ra từ miệng bà chủ quán. Nhẹ nhàng nhất cũng là: “Ăn bún gì, tìm chỗ ngồi đi, ăn xong rồi thì biến... Nói gì nói lắm thế, không ăn thì biến, bà cô, ông hoàng, không bán...”

- Vào quán cháo chửi

Quán cháo bà Mỹ tại phố Lý Quốc Sư (Hoàn Kiếm – Hà Nội) cũng được mang danh là “cháo chửi”. Bà Vũ Kim Ngọc (61 tuổi) hiện là chủ của quán. Biệt danh đó bắt nguồn từ nhiều năm trước khi mẹ bà là cụ Mỹ (79 tuổi) còn đứng quán. Vì quá đông khách nên bà Mỹ sinh bực tức. Cón bây giờ bà Ngọc thanh minh: “Tính tôi sớm nắng chiều mưa tối bão, nên những lúc nóng giận thì có quát tháo, mắng chửi khách hàng. Làm nghề này không khác gì làm dâu trăm họ nên hầu như việc chế biến để hợp miệng

khách tôi phải tự tay làm hết. Mỗi ngày quán tiếp cả trăm lượt khách ra vào, có lúc bực tức trong người nên nói hơi nặng lời. Đó là tính cách của tôi rồi nhưng bụng dạ không có ý gì cả”.

### Khách hàng vẫn thản nhiên

Dù đã có nhiều bài viết nêu rõ về thái độ phục vụ cũng như phê phán thói quen mắng chửi khách thậm tệ của chủ quán nhưng quán vẫn nườm nượp khách. Dường như vì “quen bị chửi mắng” nên nhiều người cảm thấy bình thường, vẫn cười đùa và ăn ngon lành. Quả thật tôi không thể hiểu được thái độ này. Thực khách coi miếng ăn to hơn cả thể diện của chính mình. Nếu tất cả cùng tẩy chay cả hai quán “thành chửi” này chắc

chấn sẽ có tác dụng ngay. Nhưng họ... không dám rời xa một món ăn ngon dù bị chửi vào mặt. Đó là thứ văn hóa gì?!

Nhưng làm thế nào để “xử lý” người nói tục lại là chuyện không dễ dàng, lời nói gió bay, không bằng không có, không luật, làm sao mà xử và xử như thế nào? Phạt tiền, phạt tù hay phạt... cảnh cáo? Quá khó. Như thế Hà Nội sẽ còn nói tục dài dài!

Đến đây tôi thấy cần phải xin lỗi một số ít người Hà Nội không nói tục, còn giữ được chút nền nếp gia phong của người dân Việt.

Văn Quang – ngày 03- Tháng 7- 2015

# BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

**Board-Certified Internal Medicine**  
Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)  
Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York  
Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

**CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT**

5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304  
Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



**GIỜ LÀM VIỆC**  
Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM  
Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

# Con Nuôi...

## Cát Đơn Sa (Diễm Châu)

Từ ngày bà Hường bị chồng chê chồng bỏ, đi cưới một bà vợ trẻ mới có hai mươi hai, thua bà đến cả ba mươi tuổi, trong lúc ông Thành đã gần bảy mươi, tất nhiên là lấy ở Việt Nam... bà Hường thấy sự đời thế gian này chường quá, hết muốn giao lưu hay tiếp thị với ai nữa cả!

Dĩ nhiên là bà buồn rồi đó! Cho dù khi bà ở với ông, ít khi hai ông bà nói chuyện với nhau, mạnh ai nấy làm... một ông chồng dưới mắt bà vừa già, vừa xấu, vừa lười, “chẳng nên cái tích sự gì”... một năm chỉ tám khoảng mười hai lần... đỡ tốn nước! Nhưng sự có mặt trong nhà của ông cũng thành quen...

Bây giờ dùng một cái ông chia của, lấy từ cái nồi cái cốc, đôi đũa, chần mền... cái gì cũng chia hai, không bỏ sót thứ gì... khiến cho bà Hường mờ mắt to ra ngạc nhiên, không ngờ ông chồng mình lâu nay đâu có “ngu” như lời bà hay nhiếc ông những khi cãi nhau, mà biết “tính toán” chi ly từng thứ...

Thì ra người ta lo cho cô vợ bé bỏng như thế đó... Nghĩ vậy nên bà Hường càng tức...

- Tui tưởng ông đâu cần ngó ngang tới những thứ này!

Ông dài miệng:

- Sao không? phải lấy đẻ mà dùng chứ!

À há, đôi đáp nghe cũng có lý lắm!

- Đây rồi số kiếp ông chắc cũng phải hầu nó ngày đêm chứ hay ho gì... đúng là già đầu còn đại gái! thứ người gì....

- Này nhá... tôi cảm bà nói nữa! Tôi không cần bà ý kiến ý cò chuyện người

khác.. Tôi có thân tôi biết lo... anh Luật sư Tôn đã nói rồi, giúp cho tôi với bà chia tay ít tốn kém, thì cứ theo đó mà làm, không có quyền xâm phạm vào đời tư của người ta...

Nghe ông nói, bà Hường nghẹn họng! Phải rồi, đã ưng thuận ký giấy ly dị, việc gì mà bà cứ tức tối lòng lộn như thế! Thân ai người nấy lo!

Ông cưới vợ trẻ nó có “đày” cho chết... thì kệ tí ông, mắc mớ gì tới bà! Có thể ông thích thực hành cho đúng câu:

*- Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt*

*Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm...*

Ông luật sư Tôn là bạn của hai người. Khi biết chuyện ông Thành mê gái trẻ, chỉ đáng tuổi cháu của mình về nhà đòi bỏ vợ, ông Tôn và những người bạn “không bị con lóc gái trẻ, chân dài cuốn hút”... cũng đã khuyên can nhiều lần, nhưng sức mạnh của ái tình quả là mạnh, cho nên “nước chảy đầu vịt”, ông Thành cứ làm theo ý của ông...

Đời ông cho đến tuổi này mới có ánh hào quang le lói, được gái trẻ trong nước mơn trớn gọi là anh, một danh từ có “mơ ước” cũng không bao giờ được ở hải ngoại! Nếu cô gái nào mà dám gọi như thế, sẽ bị thiên hạ chửi cho là lão khoét, hỗn hào, con nhà không có giáo dục!

Thế mới biết hai nền luân lý Đông Tây nó chõi nhau đến dường nào, nhưng lại có thể thay đổi dễ dàng bởi sức mạnh đồng tiền!

Một bên Đạo lý Khổng - Mạnh, tổ tiên gia tộc chặt chẽ lại chấp nhận sự kiện tệ hại, còn đua nhau mà tìm đường cho con gái được kết nghĩa với bất cứ một “cụ ông” hay giống đực nào có tí tiền... một bên thì thế giới văn minh tự do, nhưng không bao giờ thuận theo những điều nghịch lý!

Khi trở về Mỹ, cái Cell của ông Thành đeo

bên lưng quần nó cứ kêu to lên bất kể ngày đêm, kèm theo những lời êm ái nhõng nhẽo, vởi vĩnh của cô bạn gái hơ hớ mắng non nhiều kinh nghiệm trên “chiến trường tình dục”, làm cho ông Thành bần và sốt, trong người lúc nào cũng bồn chồn làm sao ấy, chỉ muốn có cơ hội là bay về ngay với em, bất chấp ngồi máy bay lâu thì tê giò, và cũng khá tốn kém tài chính cho mỗi chuyến đi, tiền máy bay thì ít mà chi cho em thì nhiều.

Chuyện cũ rích đó có không ít “lão ông” qua cầu mắc nạn, nhưng rồi vì thể diện người ta giấu kín, để các đàn ông già trẻ khác lại lao vào... chắc chắn rằng khúc đầu mê đắm hấp dẫn lắm, nên một số ông “điếc không sợ súng” muốn thử làm “thieu thân” lao vào ánh sáng tìm cảm giác lạ!

Lúc đầu thì còn cay cú, nhưng thời gian là phương thuốc nhiệm màu! Bà Hường đã biết cam chịu cuộc sống lẻ loi cô độc một mình.

- Anh nhớ nhé, cái gì cũng lấy hết, nhất là những đồ quý giá, máy móc... không nhường bả thứ gì, vì khi qua đó em cũng cần... mình khỏi tốn tiền đi sắm lại...

Câu này bà tình cờ nghe được khi ông đứng hút thuốc sau nhà và để Speakerphone cho dễ nghe... Cô ta xúi ông Thành dành của để khi qua, sau hai năm đã có thể xanh, cô ta sẽ lấy theo chứ tốt lành gì!

Nghĩ thế nên bà Hường chia hết, còn thêm cả giẻ cùn, rế rách, bà chất lại từng thùng cạc tông cột cẩn thận cho ông mang đi! Làm ông có ý nghĩ “bà này cũng được”!

- Đây là những đồ dùng trong bếp, tui chia mỗi người một nửa...

Hai đứa con trai của ông bà đã ra trường từ lâu, chúng đi làm ở các tiểu bang xa, có trông mong gì được! Đây rồi khi chúng lấy vợ, có con..., thì kể như chuyện nhớ tới cha mẹ lại càng xa vời.

Nhiều lúc bà nghĩ hay là bà nhận nuôi một đứa con nuôi cho vui cửa vui nhà...

Từ lúc tập quên hình bóng của ông chồng, bà Hường hay ra sau vườn ngồi sấm soi mấy gốc cây rau thơm. Cây nào cây nấy giờ mọc rất tốt... nhưng nhiều quá ai ăn cho hết! Sau cùng bà nghĩ ra cách tới các hội đoàn tham gia, mang theo những thứ rau bà có chia cho ai cần.

Hội phụ nữ là bà Hường tham dự chặt chẽ nhất. Coi như tuần nào bà cũng đi. Bà tới đó để gặp bà Cung nói chuyện, vì bà Cung là người đang làm việc cho Sở Xã Hội, am hiểu nhiều trong cộng đồng, lại là người bạn thân của bà Hường từ thời đi học.

- Hôm nay bà nấu cái gì ăn chiều?

- Có mình tui để lắm... tui ăn lại đồ thừa ngày hôm qua cho hết, để chậ tú lạnh!

- Một mình như bà cũng sướng...

- Sướng gì, buồn thấy bà!

- Vậy thì nhận nuôi một người con nuôi đi...

Bà Hường gật:

- Thì tui cũng có ý muốn xin một đứa khoảng năm tuổi về nuôi...

- Thôi, những chuyện đó khó lắm... nhiều điều kiện... bà nên nhận nuôi một đứa con mới đến Mỹ, nhưng gặp trường hợp bất khả kháng trở nên bơ vơ nơi xứ người... hoặc là nuôi những đứa bị cha mẹ bạc đãi, bỏ rơi ở bên đây... nhiều đứa tội nghiệp lắm... thành ra hận đời thành phá phách, cũng có đứa rầu rĩ, bất thường như thần kinh... hông biết bà có nuôi nổi không đây chứ?

Câu nói của bà Cung làm bà Hường hơi sợ, nhưng rồi bà cười:

- Gì mà dữ vậy... tui nghĩ mình đối tốt với tụi nó thì nó tốt lại với mình... Chứ thời xưa nhiều bà làm ơn thì ít, mà tỏ ra quyền uy thì nhiều... không có tình thương con nít

nó dễ biết lắm! Nhưng sao lại phải nuôi đứa lớn mà không nuôi đứa nhỏ hả bà?

- Thì bà nghĩ coi, nuôi một đứa còn nhỏ không phải dễ, vì bà phải chăm sóc lẫn cung cấp tiền bạc cho nó được no ấm... rùi mà bà có đau yếu hay có chuyện gì thì cũng không xoay sở dễ, ai lo cho nó... trong lúc đó tui mình cũng không còn nhỏ tuổi và có sức mạnh như xưa nữa... còn đứa mười mấy tuổi thì dĩ nhiên là lớn rồi, có trí khôn rồi, có thể đỡ đần cho mình nhiều việc... có nghĩa là đằng nào cũng có cái lợi và cái không lợi... tui nó cũng có dòng máu Việt Nam...

- Vậy sao!

- Đã làm tốt thì giúp cho lứa tuổi nào cũng tốt...

Rồi bà Cung giải thích cặn kẽ thêm với bà Hường sự việc này, sau cùng rùi bà Hường đến Sở Xã Hội một ngày gần nhất, để tham dự những buổi hội thảo về sự nhận nuôi một đứa con, cho bà Hường thấy sự việc này cũng dễ, chứ không khó khăn như bà nghĩ, mà số trẻ bơ vơ cũng không phải là ít!

- Mình biết có một con bé lai tên Xuân Lai, tính nết hơi lạ lùng, nghe nói vì bị đối xử dã man bởi người dưỡng ghê, hoàn cảnh nó tội lắm... mình chưa đọc kỹ hồ sơ... cho dù nó cộc, nhưng sao mình thấy muốn giúp con nhỏ này... ngặt cái là nhà mình đã nhận nuôi hai đứa rồi, nhận thêm cũng khó! Không có phòng cho nó ở, sợ nó tủi thân! Bà nhận con Lai nghe.

- Nó lai hả bà?

- Ừ, nhưng nhìn tèm lem như một con diên! Nói trước nghe, nó không đẹp như bà nghĩ đâu, mà tóc tai rối beng, không cho ai đụng tới! Im lặng suốt ngày...

Bà Hường suy nghĩ mông lung... bây giờ mang về nhà một đứa không bình thường,

chẳng biết bà có cảm hoá nó nổi với tình thương, sự lo lắng nhiệt thành của bà? hay rốt cuộc nhà cửa đảo lộn tanh bành, bà lại nổi điên theo nó... thì có mà chết!

Hay là lựa đứa tính nết bình thường?

Sau một tuần suy đi nghĩ lại, bà gọi cho bạn ưng thuận. Bà muốn thử thách ngay chính mình, làm một việc không phải dễ, để thuần hoá một tâm hồn được cho là vừa khùng vừa cứng đầu! vì đó cũng là tình thương con người với con người, cũng như chứng tỏ bản năng nhiều cố gắng của bà.

Ít lâu sau, bà Cung cho bà Hường biết là đã làm xong thủ tục. Cuối tuần sẽ giao con bé cho bà Hường.

Ngay khi gặp mặt con Xuân Lai, dù đã nghĩ về nó và có chuẩn bị tinh thần đằng hoàng, nhưng phải nói là bà Hường quá thất vọng khi nhìn thấy bề ngoài của nó!

Tóc tai vàng hoe lúi xùi che rùi cả khuôn mặt! đến nỗi bà Hường cũng không thấy rõ xấu đẹp thế nào! Bà Cung bảo nó chào một tiếng, nó cũng cứ cúi gầm mặt xuống không nghe! Thái độ rất lãnh cảm!

Khi đưa nó ra xe, bà Hường muốn cho không khí thân quen một chút, mới nói:

- Lai à, tối nay con muốn ăn món gì, cứ nói với di, di sẽ nấu cho con ăn, đừng ngại...

Cái mặt con bé vẫn cúi gầm xuống, miệng mím lại như lúc đầu!

Bà Cung có nói cho bà Hường biết là con Xuân Lai thích ăn đồ Việt Nam hơn đồ Mỹ, nên về đến nhà, sau khi đưa con bé vào phòng dành cho nó, bà xuống bếp lấy miếng thịt heo đã ướp sẵn ra nướng trong lò, rồi nấu cơm tấm và chiên trứng, làm chút đồ chua cho nó ăn tối.

Gần năm giờ chiều, bà Hường lên phòng kêu nó tắm rửa trước khi xuống ăn cơm. Bà thấy con bé đang nằm ngủ trên giường.



Lúc này khuôn mặt nó lộ rõ. Thì ra nó cũng xinh xắn chứ không dị tật gì...

Bà Hường lay nhẹ vào người nó, con bé giật bản mình, ngồi lên vội vàng và ôm lấy ngực có vẻ hoảng hốt...

- Con dậy đi tắm cho mát rồi xuống ăn cơm, dì đã nấu xong rồi...

Nói xong bà đi ra ngay để nó được tự nhiên. Bà vào trong một phòng sát ngay bên cạnh chờ đợi coi nó có nghe lời bà mà đi tắm không? Khi nghe tiếng nước vắn rào rào, thì bà mới yên tâm trở xuống dưới nhà bếp.

Con Lai không phải là đứa lì lợm hay ngổ ngáo gì, có điều nó không hoà mình vào đám đông. Lai thích nhốt mình trong phòng, cửa khoá chặt... dù nhiều lần bà Hường nhắc:

- Con chỉ đóng cửa chứ không cần khoá, dì không vào phòng con khi chưa gõ cửa... con đừng có lo. Trong nhà này không có ai ngoài dì cả.

Nhưng lần nào bà Hường check cửa phòng, thì đều được khoá bên trong!

Bà không hiểu nó làm gì bên trong mà phải khoá cửa? Bà định bụng hôm nào sẽ điều tra xem tại sao nó lại thích khoá cửa phòng?

Bên trên cao cửa phòng của Lai có những ô trống design nhỏ nhỏ, có thể nhìn vào từ chỗ đó. Một buổi tối, bà Hường bắc chiếc ghế leo lên quan sát, bà ngạc nhiên khi thấy Lai không làm gì cả, chỉ nằm yên trên giường nhắm mắt lại.

Bà “check” như vậy vài lần, lần nào cũng giống nhau. Sự việc này khiến bà rất thắc mắc! Vậy nó khoá cửa làm gì?

Vài tuần sau, Lai có vẻ không còn rụt rè với bà Hường như trước nữa! Những gì bà nói, nó nghe theo, nhưng không trả lời trả vốn gì cả.

Một hôm sau giờ cơm, đang dọn dẹp thì

Vinh, con trai của bà Hường về thăm mẹ. Lúc đó Lai đã lên phòng. Bà Hường hỏi nhỏ Vinh:

- Sao con về bất ngờ vậy? Có chuyện gì không?

- Con đi công việc cho sở ở thành phố cách đây hai tiếng lái xe. Ngày mới bắt đầu làm nên con về thăm bố mẹ trước. Con nghe nói mẹ có một cô con nuôi bị khủng hoảng?

- Ai nói con vậy?

- Bố.

- Cái gì bố nói thì tin 25 phần trăm thôi.

- Mà con nhỏ mẹ nuôi có khủng hoảng?

Bà Hường nạt:

- Nói tầm bậy không... Con cứ gặp nó hỏi chuyện thì biết.

- Nó đâu rồi? Sao ở không ở đây giúp mẹ dọn dẹp...

- Mẹ chia việc rồi, nó giúp nấu ăn và thu dọn, mẹ rửa chén... Ồ, để mẹ gọi nó xuống đây... con nhỏ nhút nhát lắm... cuộc đời nó trước đây nghe nói cũng bi thảm và tội nghiệp lắm... mà con nói chuyện tử tế với nó giùm mẹ nhé, nói sao cho nó thấy màu hồng trước mặt là được rồi...

- Mẹ muốn con an ủi nó hả?

- Không, nói chuyện tử tế với nó, coi như một người anh sẵn sàng hỏi han em gái thôi... còn lại để mẹ lo...

- Con làm được... Mẹ lên gọi nó đi...

Lai xuống lầu, gật đầu chào Vinh, rồi vào bếp bung ba tách nước đặt lên bàn ăn. Hôm nay con bé đã nhìn sạch sẽ, tóc tai gọn gàng, áo quần thơm mát trong bộ đồ màu hồng mặc nhà, mà bà Hường đã dẫn nó đi lựa ở shopping.

Bà Hường bung tách nước uống một ngụm, sau đó đứng lên:

- Lai, con ngồi đây nói chuyện với anh Vinh một chút, đi ra vườn tưới cây.

Đi ra sân sau, bà Hường hy vọng Vinh trẻ trung, hoạt bát... sẽ làm cho Lai yên lòng mở miệng là bà vui rồi...

Lúc bà vào lại bếp, thì bà thấy Vinh đang lấy mấy tấm giấy trắng vẽ hình Lai trên đó. Vẽ chơi thôi mà Lai có vẻ hớn hờ, chăm chú nhìn với ánh mắt thích thú. Tuy vậy, con bé cũng chẳng có vẻ gì là muốn mở miệng làm thân với ai cả.

Tối hôm đó, Vinh ngủ lại một đêm rồi sáng hôm sau từ giả bà Hường và Lai để đi thăm bố, rồi trở lại sở làm.

Mấy ngày trôi qua, cuối cùng bà Hường nghĩ ra một cách, và bà quyết định thực hiện cách đó...

- Lai ơi, anh Vinh hỏi địa chỉ Email của con để viết thư thăm đó.

Lai nghe bà nói, mặt tươi lên một chút, mở học bếp lấy cây bút viết lên một mảnh giấy, rồi đưa cho bà Hường. Tối đó, trước khi đi ngủ, Lai thấy mình có thư... Lai hỏi hộp mở ra:

*“Lai thân mến,*

*Bữa hôm về nhà gặp em, anh thấy mình vui mừng vì có thêm một người thân trong gia đình. Em sẽ thay các anh để gần gũi với mẹ, làm cho mẹ bớt cô đơn... tụi anh mang ơn em nhiều lắm. thỉnh thoảng khi nào rảnh em nhớ viết thư cho anh nhé, có gì buồn vui kể anh nghe với, anh sẽ vẫn kể cho em... em tin tưởng anh đi, anh em mình không nói cho ai biết chuyện này, OK.*

*Khi nào anh về thăm, muốn cái gì cứ nói, anh sẽ mua tặng người em gái út dễ thương của các anh nhé...”*

Chưa bao giờ Lai thấy vui như vậy. Nhưng Lai chưa trả lời thư vội. Lai để dành cho ngày mai, tối nay Lai đem mấy tấm hình anh Vinh vẽ ra nhìn, dù anh bảo vứt đi, nhưng Lai vẫn quý và giữ lại trong phòng...

Chỉ vài ba tháng sau, Lai đã trở lại là một người con gái bình thường. Có người hỏi han tâm sự đáng tin tưởng, Lai đã chịu quên đi dĩ vãng tối tăm, để viết những dòng trên Email, gửi cho anh Vinh như sau:

*“Anh Vinh mến,*

*Cuộc đời của em trước đây rất bi ai! Em chưa từng nói với ai, kể cả dì, trừ những người trong cuộc biết... Ai cũng nghĩ em là đứa khùng, làm li, bắt cần đời và v.v... toàn là những ý nghĩ xấu khi nghĩ đến em, mà họ đâu cần biết lý do tại sao!*

*Anh đã cho em sự tin tưởng của người anh che chở và bảo bọc đưa em lạc loài... Tình thương của anh và cả dì lâu nay đã làm em cảm thấy gia đình này là trụ cột để em tin tưởng, bầu vùi bây giờ và tương lai.*

*Em cảm ơn anh đã mang lại ánh sáng đời em ....”*

Bà Hường tưới cây xong từ vườn đi vào, thì Lai đến gần bên, thỏ thẻ:

- Dì, con gọi dì là... mẹ được không?

Bà cảm động trở mặt ra nhìn:

- Được chứ, con muốn là dì... à quên, mẹ vui rồi...

- Dạ... cảm ơn mẹ... con muốn kể với mẹ chuyện của con trước đây...

- Tùy con nhé... mẹ con mình ra ngoài phòng khách ngồi cho thoải mái, đi con...

Hai mẹ con ra ngoài ghé xa lông. Lai nắm tay bà Hường bắt đầu kể... Nhiều đoạn Lai ngừng lại thôn thức, còn bà Hường thì lau nước mắt không ngừng!

Quả thật bà không ngờ cuộc đời Lai lại khốn khổ như thế! Cha của Lai bị mất tích trong chiến tranh, mẹ Lai cặp với một người đàn ông trẻ tuổi hơn bà. Những khi bà đi làm thì Lai đi học, ba giờ chiều trở về nhà gặp ông dượng ngồi đó chờ, để sai khiến làm cho Lai rất sợ và ghét.

Một hôm anh ta uống rượu rồi lôi Lai vào phòng cưỡng hiếp dã man! Xong việc hắn còn đánh đập Lai một trận nên thân, mục đích để dàn cảnh với mẹ nếu Lai mách lại.

Quả như hắn muốn. Khi Lai kể lại chuyện và xin mẹ giúp mình, thì bất ngờ mẹ Lai lại tát vào mặt Lai nhiều cái tát nẩy lửa, bà mù quát ghen tương với con gái, vì tin lời tên dượng cho rằng Lai mò vào phòng ăn cắp tiền của bà, bị dượng bắt gặp nên sau khi dụ dỗ tổng tình dượng không được, đã hỗn hào nhảy vào đánh dượng, bây giờ lại còn đặt điều vu khống để mẹ đuổi dượng đi, cho Lai dễ tác oai tác quái!

Dưới mắt mẹ, Lai là đứa con gái ngựa!

Lai bị mẹ ghét và sau đó, những khi đi học về vẫn bị ông dượng tiếp tục hiếp! Lai chịu không nổi phải bỏ nhà trốn đi, dúi khất cả tuần ngoài đường... cuối cùng Lai mò tới nhà cô giáo xin tá túc, lại gặp chồng cô giáo cũng là 1 tên dê xồm ác ôn, hắn đã hiếp Lai ngay đêm đầu tiên ở phòng dưới gara! rồi lấy gối đè lên mũi Lai cho chết ngạt, sau đó bỏ Lai lên xe chở đi xa, vất Lai ở ngoài bãi rác...

Hoá ra tên này vốn là người kỳ thị chủng tộc thuộc băng nhóm KKK!

Lai được cảnh sát cứu sống với thân hình máu me trầy trụa đầy người, sau đó Lai ký tên tố cáo chồng cô giáo lần tên dượng... nhưng tên dượng đã lấy hết tiền của mẹ cao bay xa chạy, vậy mà mẹ của Lai khi nghe nhắc đến tên con, vẫn còn căm thù chửi Lai thậm tệ, bà cho Lai đã phá hạnh phúc nhà bà... còn chồng cô giáo thì quen lớn, hắn cũng chẳng hề hấn gì, vẫn nhờn như như không vì có tiền bảo lãnh ra!

Lai trở nên thù hận bất cần đời từ đó, lúc nào cũng lạnh lùng xa vắng, căm ghét loài

người! Lai không tin tưởng vào ai nữa... ngay đến mẹ ruột của Lai mà còn đối xử với con gái như vậy! Cho nên khi về nhà bà Hường, làm sao Lai mở lòng ra cho được!

Bà Hường ôm Lai trong vòng tay... không ngờ tội nghiệp cho số phận của Lai quá! Nếu bà không nghĩ cách giả lấy tên của Vinh để viết thư Email an ủi, thì thậm tâm sự với Lai hàng đêm, thì chưa chắc Lai đã hoà nhập cuộc sống như bây giờ!

Hoàn cảnh của Lai làm bà Hường vừa chảy những giọt nước mắt thương cảm, vừa mừng vì Lai đã có niềm tin trở lại! Từ đó bà nuôi và dạy Lai cẩn thận trong sự thương yêu, đùm bọc... như một người mẹ ruột chính tông.

Hôm nay là ngày Lai ra trường 4 năm về ngành Tâm Lý Học. Nhìn con đứng trên bục gỗ đọc diễn văn đại diện cho các bạn cùng khoá, bà Hường hãnh diện hân hoan vui sướng. Lai bây giờ hoạt bát, xinh đẹp... khác hẳn khi bà gặp lần đầu.

Vinh rủ cả anh mình về thăm mẹ, nhân tiện dự tiệc mừng em Lai ra trường, có "Job" thơm chờ sẵn trong một tháng nữa ở New York với mức lương khá cao.

Bà Hường nhìn lên trời xanh... Bây giờ bà đã cao tuổi hơn hồi xưa, nhưng vẫn còn có sức lực để tự lo thân chứ chưa bị tuổi già hành hạ. Bà thầm cảm ơn Thượng Đế đã cho bà sức khoẻ tốt, cũng như làm được việc hữu ích cho đời.

Chợt bà nở nụ cười trên môi lúc nghĩ:

Bé Lai đi làm xa, chắc bà phải đến gặp bà Cung để xin nuôi một đứa khác.... Nuôi không khó, chỉ việc mở lòng ra thôi...

## **Cát Đơn Sa (Diễm Châu)**

# VACLAV HAVEL VÀ CÁCH MẠNG NHUNG Ở TIỆP KHẮC

## Đoàn Thanh Liêm

Tài liệu tham khảo chính yếu :

**HAVEL: A Life by Michael Zantovsky do Grove Press New York ấn hành năm 2014, sách dày 543 trang**

Năm 1989, lịch sử thế giới đã ghi nhận một biến cố cực kỳ quan trọng: đó là sự sụp đổ của chế độ cộng sản tại khu vực Đông Âu để rồi kéo theo sự giải thể của Liên Bang Xô Viết vào cuối năm 1991. Và kể từ đó là sự kết thúc cuộc Chiến Tranh



Vaclav Havel

(Source: britannica.com)

Lạnh (The Cold War) giữa hai khối Cộng sản và Tư bản – cuộc đối đầu thật căng thẳng liên miên giữa hai siêu cường Mỹ và Nga khởi sự ngay sau khi thế chiến II chấm dứt vào năm 1945.

Trong bối cảnh chính trị xã hội sôi động của Đông Âu vào thời kỳ đó, thì tuy chỉ là một nước nhỏ với dân số tổng cộng chỉ vào khoảng 15 triệu người, thì Tiệp khắc đã được cả thế giới chú ý và ca ngợi vì thành tích tranh đấu bền bỉ để dành lại Tự do và Nhân quyền thông qua Phong trào Hiến chương 77 khởi sự từ đầu năm 1977 (The Charter 77 Movement). Và đặc biệt là cuộc Cách Mạng Nhung diễn ra trong các năm 1988 - 1989 (The Velvet Revolution) cùng với một nhân vật lãnh đạo xuất chúng: đó là Vaclav Havel – người sau này được bầu vào chức vụ Tổng thống suốt mấy nhiệm kỳ kéo dài trên 13 năm.

Bài viết này được xây dựng dựa trên những thông tin và tư liệu rất phong phú được chứa đựng trong cuốn sách có nhan đề là: “Havel : A Life” do tác giả Michael Zantovsky biên soạn và cho ấn hành mới đây vào năm 2014 - sau khi Vaclav Havel qua đời vào cuối năm 2011.

I – Sơ lược về tác giả Michael Zantovsky. Michael Zantovsky hiện đang là Đại sứ của Cộng hòa Czech tại Anh quốc và là Chủ tịch của Viện Aspen Praha. Ông là một trong những thành viên sáng lập phong trào điều hợp công cuộc lật đổ chế độ cộng sản ở Tiệp khắc.

Năm 1990, ông trở thành phát ngôn viên, tùy viên báo chí và cố vấn cho Tổng

thống Vaclav Havel. Sau đó, ông giữ chức vụ Đại sứ của Czech tại Washington và Tel Aviv. Ông hoạt động trên lãnh vực chính trị, ngoại giao và còn là một tác giả và dịch giả chuyên giới thiệu tác phẩm của các tác giả đương đại của Anh và Mỹ cho độc giả người Tiệp khắc.

## II – Giới thiệu tổng quát về cuốn sách “Havel: A Life”.

Là một bạn chiến hữu thân thiết đã từng sát cánh lâu năm với Havel, nên tác giả Zantovsky đã có thể cống hiến cho chúng ta rất nhiều tư liệu và thông tin về đời tư và nhất là về những hoạt động thật hăng say sôi động của Vaclav Havel (1936 – 2011), đó là một nhân vật cực kỳ nổi danh của Tiệp khắc vào cuối thế kỷ XX qua đầu thế kỷ XXI.

Cuốn sách trải dài 543 trang, được phân chia thành 47 đề mục với mỗi tiêu đề riêng cho từng mục. Tuy vậy, tác giả lại không chia thành những chương, những phân đoạn như thường gặp trong các sách khác và cũng không chịu ghi số thứ tự của mỗi mục. Vì thế mà người đọc gặp khó khăn trong việc theo dõi diễn biến của các sự việc với vô số chi tiết xảy ra xung quanh cuộc sống và hoạt động của Havel là nhân vật chính yếu của tác phẩm.

Đại cương, ta có thể ghi nhận tóm lược về cuộc đời của Havel với mấy nét nổi bật như sau:

21 – Trong thế chiến II, gia đình của Havel đã phải trải qua những đày đọa do chế độ độc tài Đức Quốc Xã gây ra cho toàn thể nước Tiệp Khắc. Rồi sau khi hết chiến tranh chẳng bao lâu, thì kể từ năm 1948 chế độ cộng sản do Stalin lãnh đạo đã bao trùm lên toàn thể khu vực Đông Âu và cậu bé Havel vừa đến tuổi 12, thì đã bị gạt ra ngoài lề xã

hội, không được tiếp tục đi học và cũng thật khó mà kiếm được một việc làm tương đối ổn định - vì lý do là cậu xuất thân từ một gia đình tư sản địa chủ được coi như là một thứ “kẻ thù của cách mạng vô sản”.

Tuy vậy, do cố gắng vượt bậc vào độ tuổi 30 Havel đã trở thành một nhà viết kịch có tên tuổi với nhiều vở kịch được công chúng trong nước cũng như ngoài nước yêu chuộng – nhờ vậy mà ông đã có thể sống tự túc được bằng công việc sáng tác.



Michael Zantovsky

(Source: en.wikipedia.org)

22 – Biên cố Mùa Xuân Praha năm 1968 và tiếp theo là cuộc “xâm lăng ào ạt” của các đạo quân thuộc khối Liên minh Quân sự Varsava do Liên Xô điều động để xâm nhập vào Tiệp khắc - nhằm dẹp bỏ cái chủ trương “Xã hội chủ nghĩa với bộ mặt nhân bản” (Socialism with Human Face) do giới lãnh đạo cộng sản địa phương phát động – đã khơi dậy tinh thần quật cường yêu nước của đa số nhân dân Tiệp khắc. Diễn hình là vụ tự thiêu vào đầu năm 1969 của sinh viên Jan Palach tại công trường Wenceslav nơi

trung tâm thủ đô Praha.

Và rồi với Thỏa ước Helsinki năm 1975, phong trào tranh đấu nhân quyền trong các quốc gia do cộng sản Liên Xô cầm trịch đã nhất loạt vùng lên – sự kiện này lại càng tiếp sức cho công cuộc đòi hỏi tự do và nhân quyền ở Tiệp khắc kể từ ngày nước này bị Liên Xô chiếm đóng sau vụ

Mùa Xuân Praha như đã ghi ở trên.

Và chính trong bối cảnh chính trị xã hội sôi động đó mà Havel đã dần thân nhập cuộc cùng với các bạn đồng chí hướng với mình trong việc đòi hỏi nhà nước cộng sản đương quyền phải trả tự do cho những tù nhân lương tâm bị giam giữ vô lý - điển hình như vụ các nghệ sĩ bị đàn áp vì lý do trình diễn loại nhạc theo trào lưu Rock N Roll ở các nước Tây phương. Đó là điểm xuất phát của Phong trào Hiến chương 77 với sự phổ biến toàn văn Bản Hiến chương này được gửi đến chính quyền cộng sản. Ta sẽ bàn thảo chi tiết về biến cố cực kỳ quan trọng này khởi sự từ đầu năm 1977 ở mục sau.

23 – Tiếp theo là cuộc Cách Mạng Nhung phát động vào năm 1988 – 89 đưa đến thắng lợi cuối cùng là giải thể được chế độ cộng sản vào cuối năm 1989 và sau đó Vaclav Havel được dân chúng tín nhiệm giao cho trách nhiệm lèo lái con thuyền quốc gia Tiệp khắc trong giai đoạn xây dựng và tái thiết đất nước kể từ đầu thập niên 1990.

Lãnh tụ Havel đã được cả thế giới biết đến và yêu chuộng vì phong cách hòa ái nhân hậu khi điều hành guồng máy nhà nước – mà cũng vì lập trường tranh đấu bất bạo động và hết sức kiên cường chống lại chế độ độc tài chuyên chế cộng sản. Ta sẽ ghi thêm chi tiết về hoạt động của người nghệ sĩ và chiến sĩ Havel trong mục sau.

III - Vaclav Havel là một nghệ sĩ mà cũng là một chiến sĩ nữa.

Là người soạn kịch (playwright) với nhiều tác phẩm được công chúng tán thưởng yêu chuộng, Havel luôn cố gắng trau dồi về học thuật tư tưởng theo truyền thống nhân bản của Âu châu. Nhờ vậy mà ông đã có được một căn bản sở học vững vàng để hội nhập được với trào lưu văn hóa tiên bộ của thế giới.

Và mặc dầu phải sống trong khung cảnh ngột ngạt do sự kềm kẹp của Liên Xô sau biến cố Mùa Xuân Praha năm 1968, Havel vẫn tìm cách liên hệ được với giới văn nghệ sĩ trí thức tại các nước Âu Mỹ qua những vở kịch được trình diễn ở nước ngoài. Nhờ đó, mà ông được sự yểm trợ và bênh đỡ tận tình của những nhân vật có tên tuổi trên thế giới - mỗi khi bị nhà cầm quyền cộng sản đàn áp, bắt giam vì những hoạt động tranh đấu cho Tự do và Nhân quyền. Dưới đây, ta sẽ xem xét chi tiết hơn về sự nhập cuộc của Havel khi bước vào tuổi 30. Và sau đó, cũng điếm qua một số thành tích nổi bật nhất của ông trong thời giam giữ chức vụ Tổng thống của Tiệp khắc tự do dân chủ.

31 – Cuộc tranh đấu kiên cường ròng rã suốt trên 20 năm (1968 – 1989)

Nói chung, sau vụ khởi Liên Xô kéo quân đội vào Tiệp khắc năm 1948, thì giới trí thức văn nghệ sĩ tại xứ này cũng như tại Đông Âu lại càng trở nên bất mãn và chống đối lại chính quyền cộng sản do Liên Xô áp đặt để kềm kẹp dân chúng chặt chẽ, khắc nghiệt hơn nữa – theo chính sách mà họ gọi là “bình thường hóa” (normalisation) để tái

## LOVELIEST OF TREES

*Loveliest of trees the cherry now  
Is hung with bloom along the bough  
And stands about the woodland ride  
Wearing white for Eastertide.*

*Now of my **three score years and ten**,  
twenty will not come again.  
And take from seventy years a score,  
It only leaves me fifty more.*

*And since to look at **things in bloom**,  
Fifty Springs is little room,  
About the woodlands I will go  
To see the cherry hung with snow.*

**A. E. HOUSMAN**

## ĐẸP NHẤT RỪNG CÂY

*Giờ đây đẹp nhất anh đào  
Trên cành hoa nở khoe màu nhẹ rung  
Ngay bên lối dạo ven rừng  
Đào phô sắc trắng đón mừng Phục Sinh.*

*Bảy mươi tuổi cuộc đời mình  
Hai mươi năm đã trôi nhanh qua rồi  
Cuốn đi trong số bảy mươi  
Chỉ còn lưu lại quãng đời năm mươi.*

*Nên khi ngắm cảnh hoa tươi  
Năm mươi Xuân nữa thấy thời ngắn thôi,  
Rừng cây ta sẽ dạo chơi  
Ngắm anh đào phủ tuyết trời lòng vui.*

**TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO**

lập quyền thống trị toàn diện của đảng cộng sản chống lại khuynh hướng cải cách (reformist). Havel đã mỗi ngày tham gia nhiệt thành hơn vào cuộc tranh đấu của những phần tử cấp tiến nhất trong giới văn nghệ sĩ trí thức tại quê hương mình.

Nổi bật nhất là việc Havel góp phần soạn thảo bản văn của Hiến Chương 77 và rồi được giao phó trách nhiệm là một trong ba người phát ngôn viên của tổ chức này (spokeman). Lời văn nhẹ nhàng, khiêm tốn, nhưng nội dung thật dứt khoát tập chú vào việc đòi hỏi chính quyền phải tôn trọng nhân quyền bằng cách thả những người bị bắt giữ vì lý do chính kiến bất đồng (dissident).

Cũng vì tích cực hành động như vậy mà Havel đã bị giam giữ ngặt nghèo liên tục đến gần 5 năm từ năm 1978 đến 1983.

Tiếp đến là vào năm 1988, nhân kỷ niệm 40 năm ngày công bố Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền (1948 – 1988), giới tranh đấu lại quy tụ với nhau dưới danh nghĩa “Diễn Đàn Công Dân” (Civic Forum) để đẩy mạnh hơn nữa cuộc tranh đấu cho Tự do và Nhân quyền. Và đó là căn nguyên của cuộc Cách Mạng Nhung đưa đến sự sụp đổ dứt khoát của chế độ cộng sản ở Tiệp Khắc vào cuối năm 1989. Gọi là Cách Mạng Nhung bởi vì không hề có bạo động đổ máu và cũng không có sự trả thù của bên thắng cuộc là phe tự do dân chủ của Havel đối với những cựu đảng viên cán bộ cộng sản ở bên thua cuộc.

Tổng thống Havel được quốc tế ca ngợi và mến phục vì thái độ trượng phu quân tử khi nắm quyền lãnh đạo quốc gia sau khi chế độ cộng sản sụp đổ năm 1989 đó vậy, mặc dầu ông cũng bị một số bà con đồng bào ám ức bất mãn vì chuyện quá ư nhân đạo bao dung cho kẻ đã từng gây ra bao nhiêu tội ác trong suốt hơn 40 năm đảng



cộng sản nắm giữ quyền hành.

32 – Một vị Tổng thống được nhiều người mến mộ.

Từ sau năm 1990, ít có vị lãnh đạo quốc gia nào mà lại được toàn thể chính giới quốc tế ca ngợi mến chuộng như là đối với Tổng thống Havel của Tiệp khắc, một nước nhỏ mà vừa mới thoát khỏi ách cộng sản do thắng lợi kỳ diệu của cuộc Cách Mạng Nhung. Nhưng thành tích nổi bật nhất của Tổng thống Havel là ông đã thật khôn ngoan nhiệt thành trong việc vận động để Tiệp khắc được gia nhập minh ước phòng thủ NATO và tiếp theo là gia nhập vào Liên Hiệp Âu Châu (EU = European Union).

Đó quả thật là một kỳ công để Tiệp khắc có thể trở về trong vòng tay ấm cúng của đại gia đình Âu châu vốn có truyền thống văn hóa lịch sử cũng như học thuật tư tưởng sáng chói - mà nước này cũng như Ba Lan, Hungary ở Đông Âu đã chia sẻ chung với nhau từ cả ngàn năm trước. Chỉ có tầm nhìn thật bao quát rộng lớn của người nghệ sĩ trí thức như Vaclav Havel mới có thể lôi cuốn thuyết phục được giới lãnh đạo chính quyền cũng như xã hội dân sự tại các nước Tây Âu và Hoa kỳ chấp thuận cho Tiệp khắc hội nhập êm thấm với cộng đồng Tây Âu như vậy mà thôi.

33 – Một số tác phẩm tiêu biểu của Vaclav Havel.

Tại cuối sách “Havel: A Life”, tác giả Michael Zantovsky đã ghi ra khá nhiều tác phẩm của Havel mà ông đã trích dẫn trong sách. Xin ghi nơi đây một số tác phẩm tiêu biểu;

A – “Disturbing the Peace” do Paul Wilson dịch, ấn hành năm 1990.

B - “Letters to Olga” cũng do P.Wilson dịch, ấn hành 1990. Olga là bà vợ lâu năm

của Havel, hai người không có con với nhau. Bà chết vì bệnh ung thư năm 1995. Sau khi Olga mất, Havel tục huyền với Dasa Dagmar.

C – “Toward a Civil Society” do P. Wilson và những người khác dịch, ấn hành năm 1995.

D - “The Power of the Powerless” tiểu luận viết năm 1978 (có đề tặng và tưởng niệm triết gia Jan Patočka người bị chết sau cuộc điều tra của công an mật vụ vì là đồng tác giả và phát ngôn nhân của Hiến chương 77). Bản dịch tiếng Anh ấn hành năm 1985 tại London.

E - “Selected Plays, 1963 – 83”, do Vera Blackwell dịch ấn hành tại London năm 1992

\* \* Tóm tắt lại, Vaclav Havel là một nhân vật xuất chúng của Tiệp khắc vào cuối thế kỷ XX sang đầu thế kỷ XXI. Ông là một đại diện nổi trội nhất của tầng lớp trí thức văn nghệ sĩ tại Đông Âu với lòng dũng cảm kiên trì trong phong trào tranh đấu bất bạo động cho Tự do, Dân chủ và Nhân quyền để đạt tới thắng lợi cuối cùng vào năm 1989 - là dẹp bỏ dứt khoát được chế độ cộng sản độc tài toàn trị do Liên Xô áp đặt trên quê hương đất nước ông từ năm 1948. Cả thế giới đều ngưỡng mộ con người kiệt xuất này của thời đại chúng ta ngày nay vậy./

Costa Mesa California, Tháng Sáu 2015

**Đoàn Thanh Liêm**

# LAM PHƯƠNG: người nhạc sĩ tài hoa, bình dị, hiền hòa và khiêm tốn

Phan Anh Dũng



**Lam Phương** là một nhạc sĩ sinh trưởng ở miền Nam Việt Nam. Dòng nhạc của ông được phổ biến rộng rãi và được nhiều tầng lớp yêu mến. Giới thưởng ngoạn âm nhạc, dù khó tính nhất, cũng sẽ chọn được một vài bài trong số 200 đóa hoa muôn màu, muôn dạng, kỳ diệu của ông. Lam Phương được biết đến như một người nhạc sĩ tài hoa, hiền hòa, nhiều tình cảm, bình dị, có sức chịu đựng, tinh thần phấn đấu và có đức tính khiêm tốn để mến.

Trải qua nhiều thăng trầm, Nhạc sĩ Lam Phương, 78 tuổi, hiện đang sống với gia đình cô em gái và đang hưởng những ngày tạm gọi là thánh thời tại miền Nam California, với tình thương của nhiều văn nghệ sĩ và người ái mộ khắp nơi. Được biết

trong vài năm gần đây "Câu Lạc Bộ Tình Nghệ Sĩ" và nhóm "Nhân Ảnh Tân Văn" đã tổ chức những buổi họp mặt tại tư gia hay tại nhà hàng để vinh danh hay mừng sinh nhật của ông.

Từ năm 1993, Trung tâm Thúy Nga Paris đã phát hành 4 DVD về dòng nhạc của Lam Phương. Một số ca nhạc sĩ cũng đã ra mắt CD chỉ toàn nhạc của Lam Phương như: Hương Lan & Elvis Phương, Khánh Hà, Thùy Dương, Bạch Yến (Paris), Lưu Hồng, Vân Khánh, Thanh Hà, Họa Mi, Hương Lan & Huy Sinh, Nguyễn Đức Đạt, Ngọc Anh, Hạ Vy, Cẩm Ly & Quốc Đại, Hương Lan & Vũ Khanh ... Cuối năm 2015, nhóm "Nhân Ảnh Tân Văn" ở Hoa

Kỳ sẽ xuất bản một tuyển tập về Nhạc sĩ Lam Phương, với bài vở từ thân hữu và người ái mộ. Trung tâm Asia cũng sẽ thực hiện một show nhạc ở Long Beach, California vào tháng 8, 2015 và sau đó sẽ ra mắt DVD về dòng nhạc Lam Phương và Anh Bằng.

Người viết chỉ mong ghi lại vài cảm nghĩ chủ quan của mình về Lam Phương, người nhạc sĩ đàn anh mà mình ngưỡng mộ, chứ không thể nào bàn luận hết tất cả công trình của ông trong bài viết ngắn này. Mời quý vị xem trang nhạc đầy đủ hơn về ông với nhiều hình ảnh, video, lời ca, tiếng nhạc và bản nhạc ở website Cỏ Thơm: [http://cothommagazine.com/index.php?option=com\\_content&task=view&id=1252&Itemid=47](http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=1252&Itemid=47)

Nhạc sĩ Lam Phương tên thật là **Lâm Đình Phùng**, sinh năm 1937 tại Rạch Giá. Năm 10 tuổi theo gia đình lên Sài Gòn. Ông tự học nhạc lúc 13 tuổi và bắt đầu sáng tác từ năm 15 tuổi, may mắn có được 2 người hướng dẫn, đó là Nhạc sĩ Hoàng Lang và Nhạc sĩ Lê Thương. Trong một bài phỏng vấn với nhà văn Lê Văn Phúc năm 2004, ông tỏ lòng tri ân Thầy Hoàng Lang đã dẫn dắt ông vào con đường âm nhạc và nhớ Thầy Lê Thương đã nhắn nhủ: "*Thầy dạy cho em những gì thầy biết về âm nhạc nhưng không huấn luyện được tâm hồn. Đó là của Trời cho chứ không ai cho em được*". Trong mấy chục năm sáng tác, ông vẫn tiếp tục trau dồi kiến thức về nhạc Tây phương và Quốc nhạc: "*mong sao đến lúc tôi đủ sức sáng tác những ca khúc lớn, những bản đại hòa tấu, thì chừng ấy, đa số quần chúng nước ta đã có thể thưởng thức loại nhạc này*" (phỏng vấn của Nguyễn Ngũ Í, 1969).

Ông đã từng thi hành nghĩa vụ quân dịch, tuy chỉ khiêm nhường là "lính hậu phương" nhưng rất đặc lực và tận tâm trong Biệt Đoàn Văn Nghệ Trung Ương, Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị với những sáng tác nổi tiếng về người lính Việt Nam Cộng Hòa và tình nghĩa quân dân.

Bút hiệu Lam Phương do ông tự đặt, từ 2 chữ trong tên thật của mình (Lâm và Phùng), với ý nghĩa: "hướng về phương trời màu xanh (lam) hy vọng". Có lẽ vì vậy mà ông đã cố gắng khắc phục mọi hoàn cảnh khó khăn, về vật chất cũng như tinh thần, để tiếp tục vui sống và sáng tác nhạc.

Ngày 30 tháng 4, 1975 ông và gia đình có mặt trên con tàu Trường Xuân cùng với khoảng 3600 người ra khơi khi Sài Gòn thất thủ vào tay Cộng sản. Sau trại tị nạn Hồng Kông, ông được định cư tại tiểu bang Virginia Hoa Kỳ. Sau đó, có lẽ vì "kiếp phiêu bồng" nên ông đã di chuyển về tiểu bang Texas rồi California và có một quyết định lớn: rời Hoa Kỳ sang Paris, Pháp sinh sống một thời gian khá dài, sau khi ly dị với kịch sĩ Túy Hồng. Ra hải ngoại và nhất là tại Paris, ông đã có thêm cảm hứng để viết rất nhiều nhạc phẩm phong cách mới lạ, trẻ trung ...

Qua những video do Trung tâm Thúy Nga Paris thực hiện, tôi nhận xét cách nói chuyện của ông rất thành thật, lịch sự, khéo léo, khiêm tốn và lúc nào cũng vui vẻ với nụ cười trên môi, cho dù câu hỏi có nhắc đến những chuyện buồn ông vừa trải qua.

Nhạc sĩ Lam Phương là một trong rất ít nhạc sĩ không "phổ nhạc từ thơ", vì e rằng không thể chấp cánh cho bài thơ bay xa hơn với nhạc của ông: "*Thơ của người ta đang*

hay, bỏ vào nhạc của tôi nhờ không hay thì có phải là tôi mang tội, làm hại người ta không chứ! Nên tôi không dám..." Ông đã sáng tác trên dưới 200 bài, rất dễ dàng, từ nhạc phẩm đầu tay năm 1952 "Chiều Thu Ấy" và tiếp nối cho đến khi ông lâm trọng bệnh vào năm 1999. Nhạc của Lam Phương đa dạng với nhiều thể điệu và đề tài về: tình quê hương, người lính chiến VNCH, tình mẫu tử, tình yêu lứa đôi ... Ông cho biết nguồn cảm hứng sáng tác rất thật - từ chính cuộc đời của ông hay cảm nhận được từ đời thường qua báo chí, thân hữu.

Tuy phải chật vật để mượn tiền in và phải tự đem đi bán tác phẩm đầu tay năm 1952 nhưng chỉ sau 3 năm, các nhạc phẩm của ông đã được những nhà xuất bản nhạc mua bản quyền và phổ biến, trong đó có Nhà xuất bản Tinh Hoa: **Chiều Thu Ấy** (*Chiều thu ấy, ngồi bên em dưới ánh trăng vai kề vai. Nhìn mây bay, hồn lâng lâng theo gió lay hương mùa say. Chiều thu ấy, nhìn nhau tay nắm tay, mắt hoen lệ tràn. Buồn ngao ngán, nắng xa cách, duyên tình ta ôi bẽ bàng...*); **Khúc Ca Ngày Mùa** (*Kìa thôn quê dưới trăng vàng bát ngát. Ánh trăng thanh chiếu qua làng xơ xác. Chiếu hồn quê bao khúc ca yêu đời. Mừng trăng lên chúng ta cùng múa hát. Ước mong sao lúa hai mùa thơm ngát. Lúa về mang bao khúc ca tuyệt vời...*); **Trăng Thanh Bình** (*Ngày nào súng biên cương rền nổ khắp đồng xanh. Bao la súng rền vang xa xa. Xác thù tràn đầy khắp sơn hà. Tựa hồn ai trong đêm trăng tà?...*); **Nhạc Rừng Khuya** (*Nhạc đêm tàn hòa cùng ngàn cây trầm lắng. Nhạc reo buồn hòa cùng đường tơ rùng vắng. Sương trời khuya rơi khắp đó đây rừng ơi!...*); **Tình Cổ Đô** (lời: Mạnh Thường - *Buồn nhìn về xa xôi, Hà Nội ơi*

*đã xa thật rồi. Mịt mù ngàn trùng khơi, thành phố cũ lắng sau núi đồi. Đâu Thăng Long năm xưa, cùng tháp cũ rêu phai mờ. Còn tìm đâu nên thơ, cảnh liêu úa rữ bên ven hồ...*)

Trong lúc viết bài này, tôi đã nghe lại một số tác phẩm của ông thuộc dạng ít được người bây giờ nhớ đến, trong số đó là 2 bản nhạc Chiều Thu Ấy - Sĩ Phú hát và Tình Cổ Đô - Mỹ Thể trình bày. Tôi không khỏi ngạc nhiên vì hồn nhạc và kỹ thuật của người nhạc sĩ rất trẻ tuổi đã "chững chạc", không kém gì các nhạc sĩ thành danh thời đó - báo hiệu sự xuất hiện lâu dài một chân tài của nền tân nhạc Việt Nam.

Tôi cũng thích thú khi nghe: **Chiều Tàn** - ban tứ ca Nhật Trường hợp ca (*Chiều tàn, trời man mác nắng thom lạnh đã dần phai. Màn đêm sao chưa buông còn thơ thẩn. Tựa đời mong bóng ai. Bóng đôi chim non tìm đường về. Ngại ngừng tung cánh theo làn gió đông vừa sang...*); **Kiếp Tha Hương** - Thanh Thúy hát (*Chiều đi lặng lẽ màn đêm dần trôi. Bâng khuâng vì gió đông đến tim cô. Ngã mình che lá khô nhẹ rơi. Thấy lòng bớt cô đơn. Giữa ánh đèn kinh đô sáng soi...*); **Tình Mẹ** tức Lòng Mẹ Thương Con - Lê Thanh hát (*Đêm khuya rồi à ơi con yên ngủ. Trăng xa vời đèn gầy nào soi kiếp người. Mái tranh nghèo lạnh lũng tạt gió sương rơi. Được nhìn con thân mẹ đường ấm khôn nguôi...*); **Thương Con** - Hoàng Oanh hát (*Trời khuya, quá canh ba tiếng gà gáy vang thôn nghèo. Đâu hiu ánh trăng rằm qua vách soi con yêu. Đêm vắng âm vang lời ru. Nhìn lệ con chứa chan, Mẹ nhớ hôm nao lúc con ra đời. Người người nhìn vào nôi. Tiếng khóc ban sơ gây gia đình thêm vui. Ầu ơ Ầu ơ. Tiếng khóc con thêm phần mẹ lo. Lo sao bát sữa con vẫn*

đầy. Lo vì nhà mình thiếu cơm chiều...); **Rừng Xưa** - Anh Khoa hát (Người về đâu hỏi người về đâu? Có nhớ chăng một chiều bên suối mơ? Nghe gió cuốn mây trôi về nơi xa tím chân trời: Tình đã trao không lời...); Những tuyệt tình ca như **Mưa Lệ** - Thanh Hà hát (Lệ mãi thương về cố hương xa vời. Lệ nhớ mong ai mờ trang giấy. Mưa tuôn trong tim suốt năm canh dài. Từng hạt buồn đau tí tách hiện ngoài...); **Cỏ Úa** - Ý Lan hát (Còn nhớ tên nhau xin gọi trong giấc mộng. Còn chút thương yêu xin đưa vào dư âm. Có phải còn yêu vì đôi lần thăm nhớ. Mình đã thật quên có sao lòng vẫn chờ...); **Cho Em Quên Tuổi Ngọc** - Bạch Yến hát (Cho em quên cơn mộng ảo xa xôi thơ ngây ngày nào. Em quên được phút trong tay mưa bay dạt dào. Đến muôn đời sau em không còn nhớ yêu thương bên nhau lần đầu...); **Sầu Ly Hương** - Lệ Thu hát (Nhạc sầu buồn trầm lắng. Xa quê bao ngày tháng. Mang theo nỗi niềm đau xót chia phôi. Hà Nội xa vời lắm. Nơi quê hương chìm đắm. Ai ra đi mà không thương nhớ về...); **Một Mình** - Khánh Hà hát (Sớm mai thức giấc, nhìn quanh một mình. Ngoài hiên nắng lóa, đàn chim giạt mình. Biết lời tỏ tình, đã có người nghe...); **Em Đi Rồi**, viết theo tâm sự buồn của nhạc sĩ saxophone Lê Tấn Quốc & ca sĩ Họa Mi (Em đi rồi, đường xưa có nắng không anh? Lá hoa còn xanh, hay tàn theo tháng ngày? Giờ một mình anh, lẻ bước trong sương mai. Người tình còn đâu, chỉ đón đau con tim...); những bản hùng ca như **Nhạc Rừng Khuya** - Ngọc Minh hát (Nhạc đêm tàn hòa cùng ngàn cây trầm lắng. Nhạc reo buồn hòa cùng đường tơ rùng rắng. Sương trời khuya rơi khắp đó đây rừng ơi!...); **Đoàn Người Lữ Thứ** (Kìa là rừng sâu âm u dưới

sương trời khuya. Một đoàn tàu đi quanh co giữa đêm trăng đầy. Lòng tràn niềm vui đêm nay chúng ta cùng sum vầy. Bên nhau ta hát hát mãi hát quên đường xa...); Dĩ nhiên chúng ta không thể quên những nhạc khúc ông viết cho 4 mùa Xuân Hạ Thu Đông như: **Xuân Mộng** - Diễm Liên hát (Trông Anh Đào bừng nở, nàng Lan cũng mỉm cười Ấu yếm bên nàng Huệ, là Cúc sắc hương vàng tươi Năm ngón tay ngọc nữ, nhẹ đưa xuân vào cõi đời Trông nắng xuân vời vời, cõi áo cho nàng Hồng vui...); **Ngày Tam Biệt** - Túy Hồng hát (Hôm nay đây còn vui trông thấy nhau. Bên tiếng ca tiếng đàn vượt trời cao, lời vui thắm thiết đưa trao như khi mới gặp nhau...); **Thu Sầu** - Thái Thanh hát (Mùa thu thừa nắng gió mang niềm nhớ. Trời chiều man mác buồn nát con tim. Lệ tình đầm ướt tà áo trinh nguyên. Kỷ niệm êm đềm còn in trên giấy...); **Mùa Thu Yêu Đương** - Don Hồ & Ngọc Huệ song ca (Anh muốn đôi ta mãi như người tình. Vui đời hẹn hò. Khi bên giòng suối, khi trên đồi buồn. Nửa đêm thanh vắng điu đến công viên. Đôi trẻ lạc loài trên xác lá vàng. Mùa thu yêu đương...); **Tình Chết Cho Mùa Đông** - Elvis Phương hát (Chiều buồn ngồi một mình. Nhìn mây trôi mênh mang. Nhìn đôi chim lang thang, lang thang. Trời buồn người càng buồn. Trông mây nước thêm bàng khuâng. Nhớ em từng phút mong từng giây em ơi...)

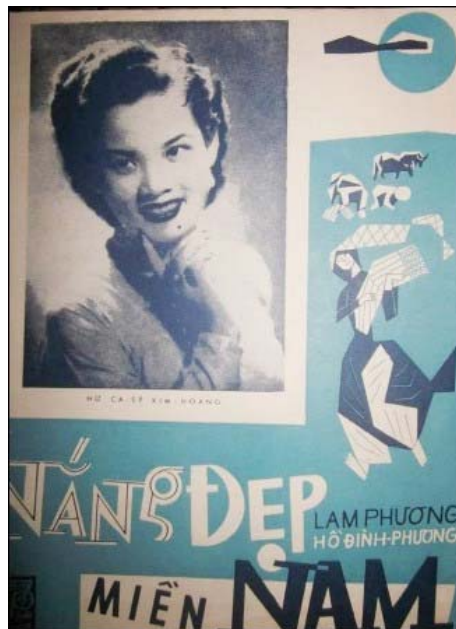
Gần đây, tôi tình cờ được nghe ca khúc “**Bài Thơ Không Đoạn Kết**” do Thu Phương trình bày (Em gửi cho anh đôi môi hồng đào ngày xưa. Một nụ hôn tha thiết của thuở mây mưa. Một tình yêu muôn kiếp thoáng mãi hương xưa. Và em gửi cho anh ánh mắt nôn nao đầu tiên ...). Nét nhạc đẹp

và có những chỗ kỹ thuật “lạ” mà Lam Phương cho biết là đã học hỏi được thêm khi ra hải ngoại.

Vào tháng 5, 2015, trong lúc sửa soạn cho một buổi họp mặt nhân dịp sinh nhật thứ 20 của Cơ Sở Cỏ Thom, nam ca sĩ tài tử Xuân Thương vùng Hoa Thịnh Đốn muốn tham dự với bài "**Nắng Đẹp Miền Nam**" - Hoàng Oanh hát (*Đấy trời bao la ánh nắng mai hé đầu ghènh lan dần tới đồng xanh. Ta cùng chen vai đem tay góp sức tăng gia cho người người vui hòa...*). Tôi lên internet tìm bản nhạc rời ấn hành trước 1975. Tuy có nhiều bài khác của Lam Phương nhưng không tìm ra "**Nắng Đẹp Miền Nam**"! Tôi buộc lòng viết email hỏi vài người quen. Đông Thương, một người bạn chuyên sưu tầm "nhạc xưa", cho biết bài này thuộc loại hiếm quý, khó tìm. Tôi chợt nghĩ không biết có phải là vì nội dung của bản nhạc nên "**Nắng Đẹp Miền Nam**" đã hầu như không còn tồn tại trong chiến dịch "tận diệt văn hóa phản động và đồi trụy của miền Nam" sau biến cố 30 tháng 4, 1975 chăng? Nhưng sau cùng, nhạc sĩ Nguyễn Tường Vân ở Maryland đã tìm được và gởi cho tôi bản nhạc, may mắn còn lưu trữ trong “thư viện” của cố nhạc sĩ Nguyễn Túc mà ông đem qua Hoa Kỳ trước 1975.

Những lần biên khảo về một nhạc sĩ, tôi có thể dễ dàng tìm được phần thu âm do ca sĩ trình bày nhưng nhiều khi không có bản nhạc "gốc" để kiểm chứng: 1/ lời ca sĩ hát có đúng với lời ca trong bản nhạc; 2/ nhịp điệu và nốt nhạc; 3/ quan trọng nhất: tác giả thật sự là ai? (có nhiều bản nhạc cùng chung tựa đề hay tài liệu trên internet viết sai); và bản nhạc được sáng tác chung với một tác giả nào khác hay không? Một số bản nhạc gốc còn in ở bìa mặt sau: ngày

được kiểm duyệt, hình tác giả và những tác phẩm đã ấn hành ... đó cũng là những dữ kiện rất tốt cho biên khảo.



Hầu hết các nhạc phẩm của Lam Phương đều do ông viết nhạc và lời. Chỉ có một số ít bài như: "**Nắng Đẹp Miền Nam**" và "**Lá Thư Miền Trung**" được thi sĩ Hồ Đình Phương viết lời; "**Mùa Hoa Phượng**" và "**Tình Cổ Đô**" do Mạnh Thường viết lời...

Theo thiên ý, chỉ cần những ca khúc sáng tác trong những năm đầu (1952-1957) cũng đủ để tên tuổi Lam Phương được người đời biết đến và ca tụng, nhưng người nhạc sĩ nhà nghề vẫn nhả tư cho đến lúc sức khỏe không cho phép tiếp tục.

Để tạm kết thúc bài viết này, tôi xin được mượn lời của nhà văn, nhạc sĩ Nguyễn Đình Toàn phát biểu ngắn gọn về dòng nhạc Lam Phương:



Bìa sau của bản nhạc "Trăng Thanh Bình" - Tinh Hoa xuất bản 1955

*“Con kênh đầy voi với thủy triều. Trước khi nước rút đi, nó phơi bày đến cả sự khô cạn, như một tấm lòng khi cho hết và cũng chẳng còn gì để che giấu.*

*Lúc thủy triều trở lại, kênh lại tràn đầy, nhậy bờ. Nhạc của Lam Phuong, tình ca của Lam Phuong đầy ắp cái cho đi đã hết và chờ đợi phút phục sinh để có thể cho đi thêm nữa...”*

Thành thật tri ân Nhạc sĩ Lam Phuong đã đem niềm vui đến cho mọi người qua những sáng tác bất hủ. Cũng xin cảm ơn những người đẹp đã đi qua đời ông, tuy không “đi trọn đường tình” nhưng đã tạo nguồn cảm hứng đặc biệt làm thăng hoa tình ca Lam Phuong và làm phong phú nền tân nhạc Việt Nam.

Cầu mong Trời Phật ban cho ông bình yên như ông đã từng mong ước, cộng thêm sức khỏe, niềm tin và hạnh phúc.

## Phan Anh Dũng

(Richmond, Virginia USA - 21 tháng 7, 2015)

### Tài liệu tham khảo:

- Video Thúy Nga Paris 22, 28, 88, 102 về dòng nhạc của Lam Phuong.
- Nhạc của Lam Phuong được nhiều ca, nhạc sĩ thu âm và đăng ở một số website trên internet.
- Bài viết về Nhạc sĩ Lam Phuong của Nguyễn Ngọc Ngạn, Lê Văn Phúc, Nguyễn Ngu Í, Trương Kỳ ...
- Tập nhạc số 3 "Những bản tình ca của Lam Phuong - Tuổi Trẻ và Tình Yêu" - Nam Á xuất bản năm 1990.
- Tập nhạc số 4 "20 tình khúc của Nhạc sĩ Lam Phuong" - Thúy Nga xuất bản và phát hành năm 1992.
- Bản nhạc "Nắng Đẹp Miền Nam" - Tinh Hoa xuất bản năm 1957.
- Bản nhạc "Trăng Thanh Bình" - Tinh Hoa xuất bản năm 1955.
- Tiểu sử Lam Phuong – wikipedia

**TẠP CHÍ CỎ THƠM**  
có bán tại  
**WASHINGTON MUSIC**  
Eden Center  
6795 Wilson Blvd. #26  
Falls Church, VA 22044  
Tel. 703 538 4979



# Chiều Thu Ấy

RUMBA



Chiều Thu ấy ngồi bên em dưới ánh trăng vai kề vai



nhìn mây bay, hồn l lâng lâng theo gió lay hương mùa say. Chiều Thu



ấy, nhìn nhau tay nắm tay. mắt hoe lệ trần. Buồn ngao



ngán. Nàng xa cách duyên tình ta ôi bể bàng



Ngày nào còn thơ, say sưa trắng mơ Nơi đây ta chung cùng vui sống.



Rồi ngày dần qua, duyên xưa phơi pha Trên sông êm lảng trôi đò



ngang Chiều Thu ấy, lòng say sưa ước mong chung xây mộng vàng.

Rồi hôm nay, nâng xa cách duyên tình ta ôi bể băng.

Mùa trăng mờ chiều Thu xa vắng. Sương tuyết rơi nơi lòng giá băng

Mùa vui êm những chiều say trắng. Nàng ôi, nàng ôi có thâu chăng?

Nhìn trăng mờ sâu vương năm tháng Duyên tình năm xưa. Hôn lằng lằng

lân hương Thu sang. Tình đời chán thay. Chiều Thu chóng phai tàn.

....ngán. Nâng xa cách duyên tình ta ôi nát tan.

(Ca khúc đầu tay “Chiều Thu Ấy” - trích từ tập nhạc “Lam Phương - Tuổi Trẻ & Tình Yêu”  
- Nam Á xuất bản - Paris, 1990)

# Bài Thơ Không Đoạn Kết

Recitativo  
(con amoroso)



Xin gửi cho anh đôi môi hồng đào ngày



xưa. Một nu hôn tha thiết của thuở mây mưa. Một tình



yêu muốn kiếp thoát mãi hưởng xưa. Và



xin tìm cho anh ánh mắt nồn nao đầu tiên. Tìm dùm



anh câu kết lá sớ tơ duyên. Tình xôn xao thế mấy em ơi giờ



cũng ngủ yên. Từ ngày có em anh mong sao duyên êm

như lời thơ Đồi đá không cho anh xây trọn niềm  
 mở. Một bài thơ yêu không đoạn kết.  
 Một cuộc tình tan giữa sông Seine. Đồi buồn như đêm vắng không  
 đèn. Thời cũng dành. Thời cũng  
 dành. Xin gửi cho anh câu kinh vang trong hồi  
 chuông. Và từ đây xa lánh phút giây yêu đương. Để câu  
 kinh sám hối đưa anh vào cõi bình yên.

(Ca khúc “Bài Thơ Không Đoạn Kết” – trích từ tập nhạc “Tình Yêu Và Tuổi Trẻ” – Nam Á xuất bản - Paris, 1990)

# NẮNG ĐẸP MIỀN NAM

**Ngâm :** Miền Nam có nắng thanh bình  
Có lòng lúa đẹp, có tình quê hương  
Anh ơi ! mau sớm lên đường  
Bình minh còn đợi, ruộng nương còn chờ...

**NHẠC :** LAM - PHƯƠNG

**LỜI :** HỒ-ĐÌNH-PHƯƠNG

*Rumba*

Đấy trời bao la ánh nắng mai hé  
đầu ghềnh lan dần tới đồng xanh . . . Ta cùng  
chen vai đem tay góp sức tăng - gia cho người người vui hòa .  
— Đường cây hôm qua nay lên tràn bông lúa mới ôi duyên dáng đồng  
oi ! Đến mai sẽ là ngày muôn hạt chín là  
loi : mình ngắm nhau cười . . . Kia đì  
chim quê chim tung bay về đâu mang tin rằng giờ đây ta sống với bình  
minh , Tiếng ca trong lành tiếng ngát lưng trời xanh đẹp biết bao tâm



tình ! Tình là tình nồng thắm buộc lòng mình vào  
núi sông : tình mến quê - hương Ngàn bóng đêm phai  
rời vầng dương lên soi đời làng ta nay rạng ngời ! Khi người  
lính chiến đã đấu - tranh hiến hòa - bình cho Đờng - Tháp Cà - Mau  
— Ta người nông thôn quên sương gió góp gian - lao lo được mùa mong  
cầu . Nhờ tình quân - dân gây hao niềm thương  
ấm cúng non sông đón bình minh , Gắng lên với  
ngày này ta cùng tươi đờng xanh rồi sống no lành .  
— Đây trời . . . lành . Đây quê hương thân yêu miền  
Nam nắng lên huy - hoàng đẹp mùa vui sang . . .

(Bản nhạc “Nắng Đẹp Miền Nam” - Tinh Hoa xuất bản - Huế, 1957)

# LÃY CHỒNG XA

**Phượng Lan**

(Tiếp theo)

Trong lúc cha tôi mải mê với những mộng ước tưởng tượng, bác Cả để tâm lo cho tôi từ quần áo, đồ chơi, đến sách vở, cặp da để đi học, cả tiền quà bánh, hoặc thuốc men khi đau ốm. Năm tôi lên chín, học lớp ba trường làng, bác bảo tôi:

- Cháu chịu khó học cho giỏi, đậu xong tiểu học, bác cho ra Hà Nội học.

Được ra Hà Nội học là giấc mơ vĩ đại nhất của trẻ con ở trong làng thời bấy giờ, tôi nhìn bác bằng con mắt ngưỡng mộ và biết ơn. Có lần tôi buột miệng nói với mẹ:

- Ước gì cha cũng được như bác Cả, mẹ nhỉ?

Bà sợ hãi vội bịt miệng tôi lại:

- Đừng nói thế, cha con nghe được lại buồn.

Nhưng mẹ làm sao ngăn cấm được tôi có ý nghĩ so sánh giữa người cha quên bản phận và người bác có lòng, chăm lo, săn sóc cho tôi từng ly từng tí. Nhiều lúc tôi tự hỏi, liệu trong lòng cha có còn hình bóng của mẹ con tôi? Đạo này ông đi biệt cả ngày, lúc về ít khi nói chuyện với vợ con.

Để có tiền tiêu vặt, cha phụ với bà nội và cô Liên trông coi cửa hàng tạp hoá, ông làm sổ sách chỉ, thu, tính toán những món hàng có lợi. Mỗi tháng một, hai lần, ông đi Hà Nội hoặc các tỉnh lân cận để mua hàng về bán, đồng thời cũng đem những sản phẩm của nhà quê như bánh gai, bánh cốm đem bỏ mồi ở trên tỉnh. Những lần đi xa như vậy giúp ông khuây khoả.

Một lần sau chuyến đi, ông dẫn về nhà hai

người bạn, họ vào nhà kho đem những bức tranh ra ngắm nghía. Chẳng biết họ nói với nhau những gì, chỉ thấy cha vui lộ ra nét mặt, hy vọng thấp sáng trong ánh mắt.

Nhưng chỉ một thoáng, cha trở lại thái độ khép kín, ông dấu giếm chuyện riêng, không nói với ai. Những ngày sau đó, ông chỉ ở nhà, cầm chổi lau chùi các bức tranh, tô vẽ lại những chỗ phai màu, làm khung cho vài bức mới... Mẹ hỏi, cha trả lời vắn tắt:

- Sửa soạn cho cuộc triển lãm.

Ông nói với giọng cố làm ra vẻ bình thản, nhưng nhìn về mặt ông, mẹ biết ông hồi hộp lắm, có hoạ sĩ nào lại không hồi hộp lần đầu tiên mang những tác phẩm của mình đi triển lãm? Trước ngày khai mạc mấy hôm, cha thuê một chuyến xe ngựa, chất lên đầy toàn bộ những bức tranh của ông, đem ra bến xe, chở đi Hà Nội. Ông nói với mẹ:

- Anh vắng nhà vài tuần, em đừng chờ. Hy vọng lần này bán được tranh, sẽ có ít tiền cho mẹ con em.

Ông ngưng lại, nhìn mẹ, nói với giọng tự tin:

- Hai người hôm nọ là những nhà phê bình đứng đắn, họ khen tranh anh đẹp và anh có thể thành công...

- Hai ông đó cũng là hoạ sĩ à?

- Ừ, họ là những người bạn tốt đã hết lòng khuyến khích, giúp đỡ, thuê hộ phòng triển lãm... Họ khuyên anh nên thử thời vận một lần xem sao.

- Phải đấy, mẹ vui về, bao giờ thì khai trương hả mình?

- Ngày mốt, nhưng anh phải đi sớm vì còn phải lo trưng bày và trang hoàng. Thôi, mình ở nhà, anh đi nhé.

- Khoan, đợi em một chút.

Mẹ nói xong chạy vụt vào nhà, một lúc sau trở ra, mẹ dúm cho ông tất cả số tiền dành dụm được:

- Mình cầm lấy mà tiêu, lên trên ấy lạ nước lạ cái, không có tiền khổ lắm.

Cha ngượng nghịu cầm tiền nhét vào túi:

- Anh sẽ trả lại cho mình, anh đi kỳ này về, mình sẽ có tiền.

Nói xong, ông cúi xuống hôn lên trán tôi, dặn dò:

- Trung ở nhà ngoan, hai mẹ con chờ bố về...

Ông nắm lấy tay mẹ xiết chặt, bịn rịn một hồi rồi mới quay bước. Đó là lần cuối cùng ông biểu lộ tình thương yêu với mẹ con tôi.

Hơn một tháng sau, cha mới trở về với nguyên đồng tranh cao nghệu. Lặng lẽ không nói một câu, ông đem tranh chất trở lại trong nhà kho. Mẹ nhìn cha, không đấu được về thất vọng, nhưng vẫn dịu dàng an ủi:

- Không sao đâu mình à, thua keo này ta bày keo khác...

Cha cúi gằm đầu, không trả lời. Không bao giờ tôi quên được nét mặt tuyệt vọng của cha lúc đó, nó biểu lộ một vẻ đau đớn, xấu hổ lẫn nhục nhã, thê thảm tới mức làm tôi rùng mình, linh cảm một chuyện chẳng lành sắp xảy tới. Quả vậy, mấy hôm sau, lựa lúc cả nhà đi vắng hết, ông khuan hết những bức tranh ra sân, chất thành một đống, châm lửa đốt.

Khi mọi người về đến nhà, bao nhiêu bức tranh tâm huyết cả một đời của cha chỉ còn là một đống tro tàn, còn cha thì biến mất cùng với một ít quần áo và những vật dụng cá nhân. Cha đã bỏ nhà ra đi biệt tích, không một lời từ biệt, ông đi luôn, không bao giờ trở về nữa.

Biến cố này làm mẹ đau khổ, mất hết

niềm tin vào cuộc đời, mẹ cạn nước mắt khóc cho duyên kiếp bẽ bàng. Thời gian đầu, mẹ gắng gượng chờ đợi, sau biết là hoài công, mẹ ngó ý muốn đem tôi về quê ngoại, nhưng bà nội không bằng lòng:

- Mợ muốn đi đâu tùy ý, nhưng thằng Trung thì phải ở lại, nó là đích tôn của gia đình này.

Cô Liên nói với về khinh miệt:

- Chị thì làm gì được để nuôi nó? lại không đói rã họng ra à? Đang yên ấm không muốn, lại cứ sinh chuyện... Chị ăn ở làm sao mà chồng cũng chán, đến phải bỏ đi? Thật đúng là không biết điều, cứ tưởng quý hoá lắm, chị đi đâu thì đi một mình.

Bác Cả cũng không đồng ý, tuy vẫn bênh vực mẹ:

- Con Liên chỉ được cái ác khẩu, đừng thèm cháp. Thím chẳng việc gì phải đi đâu hết, nhà này thím cứ việc ở, thằng Trung để tôi dạy dỗ, sau này nó sẽ thừa hưởng gia tài của tôi.

Mẹ thờ dài, chẳng phải vì ham gia tài mà ở lại, nhưng mẹ không thể bỏ trốn khi không biết đường đi nước bước và trong tay không có một đồng xu, cắc bạc. Tội nghiệp mẹ, một người đàn bà yếu đuối, nhút nhát, từ dạo theo chồng về làm dâu nơi xứ lạ, mẹ chưa bao giờ ra khỏi cái lũy tre làng... Có những đêm hai mẹ con ôm nhau thủ thỉ, mẹ khóc, nước mắt mẹ rơi ướt tóc tôi, mẹ nói mẹ ước mơ được về quê ngoại, dù chỉ một lần, nhưng mẹ không đành rời xa đứa con duy nhất. Tôi thương mẹ, chỉ biết ngoan ngoãn vâng lời và học thật chăm, mong một ngày nào đó có thể tự lập, tôi sẽ đem mẹ ra khỏi ngôi nhà không tình thương này.

Sau biến cố đó ít lâu thì chú Đức đột ngột xuất hiện, chú trở về nhà sau bao nhiêu năm phiêu bạt giang hồ. Chú Đức vẫn còn độc

thân, nghe nói có đạo chú mê một cô đào hát, hai người ăn ở như vợ chồng một thời gian rồi rã đám, đường ai nấy đi. Tính chú vốn lãng mạn, bay bướm, không muốn bị cột chân, chú chỉ thích cặp kè nay người này, mai người khác...

Cảm tưởng đầu tiên của tôi, chú là một người đàn ông còn trẻ và rất đẹp trai, ngoài cái chân đi hơi khập khễnh, chú vui tính, ăn nói bật thiệp, có duyên, đặc biệt chú có cặp mắt lãng lơ, nhìn ai là như thu hút lấy người đó. Chú bây giờ là một soạn giả danh tiếng, chuyên viết tuồng cho gánh bầu Thành, đồng thời cũng là diễn viên chính trên sân khấu. Tuồng của chú ăn khách nên tuy không giàu có, nhưng chú kiếm được khá bộn bạc, chú mua quà cho cả nhà và biếu bà nội một số tiền lớn. Trong khi cha tôi bỏ nhà ra đi trong thất bại, thì chú trở về trong vinh quang, mọi người vui vẻ đón mừng, nhanh chóng quên đi con người kém may mắn là cha tôi.

Chú Đức về, đem theo một làn gió lạ, căn nhà từ trước vẫn lạnh lẽo, nay ấm áp hẳn lên với những tiếng nói cười rộn rã, tiếng đàn hát và những câu pha trò dí dỏm, có duyên. Chú Đức cũng là một người lịch lãm, hiểu đời, chú cảm thông hoàn cảnh trái ngang của mẹ, nên thường nhìn bà bằng cặp mắt triu mến, xót thương. Đạo này mẹ hơi gầy đi, nét buồn tạo cho mẹ một vẻ đẹp nào nùng. Từ ánh mắt đầu tiên của chú khi nhìn mẹ, tôi thấy bà hơi giật mình, à phải rồi, cặp mắt đa tình của chú Đức có những nét phảng phất giống cha. Mẹ cúi mặt trốn tia nhìn như có lửa làm bà nóng ran cả hai má, khi xưa, ánh mắt đăm đúi của cha cũng đã làm mẹ phải bối rối như thế. Với bản tính lãng mạn, ảnh hưởng của những tiểu thuyết tình đợc thời còn con gái, mẹ vẫn muốn sống lại cái thuở

ban đầu. Nhưng đã từ lâu, ánh mắt nồng ấm của cha đã nguội theo với những thất bại trong cuộc đời của ông, mẹ thờ dài, cố nén những khát vọng xuống tận đáy lòng. Tôi nghiệp mẹ, mới hơn ba mươi tuổi đầu, ở tuổi này, người đàn bà nào cũng còn nhiều mộng mơ lắm.

Chú Đức và mẹ ít khi nói chuyện, thỉnh thoảng ra vào chạm mặt, chỉ trao đổi vài câu ngắn ngủi:

- Chào chị!

- Chào chú!

Có lần cao hứng chú thổ lộ với mọi người là chú đang sáng tác một vở tuồng mới có tên là *Lấy chồng xa xứ*, chú nói với mẹ:

- Chị là nguồn cảm hứng cho tôi sáng tác, chị giúp tôi diễn tả những cảm nghĩ của chị nhé?

Mẹ lắc đầu:

- Tôi thấy không tiện, tâm sự của tôi chú biết mà làm gì?

- Tôi hiểu, nhưng không sao cả, chị không nói tôi cũng có thể tưởng tượng được.

Là người sành tâm lý, chú hiểu rất rõ nỗi cô đơn của mẹ và chinh phục cảm tình của bà không mấy khó khăn. Hai người ngầm hiểu những ý nghĩ của nhau, tuy không ai nói ra, nhưng những ánh mắt lạng lẽ nhìn nhau đã nói lên một tình yêu câm nín. Mẹ làm việc quần quật suốt ngày, nhưng vẫn để ý săn sóc chú Đức một cách kín đáo, ngoài những món ăn hợp khẩu vị, phòng chú lúc nào cũng sạch sẽ, ngăn nắp, quần áo được là ủi phẳng phiu.

- Tôi thấy chị vất vả quá! Chú nhìn mẹ ái ngại.

Mẹ cười buồn:

- Quen rồi, chú đừng lo cho tôi.

Nói xong, mẹ xoay lưng, đi thật nhanh ra khỏi phòng, chú Đức nhìn theo dáng đi liêu



xiêu của mẹ, thờ dài. Mẹ cố tránh gặp mặt chú, dường như mẹ sợ không chống lại được những cảm dỗ, và mẹ cũng sợ cả điều ong, tiếng ve. Tôi còn nhỏ, không hiểu được những bão táp trong lòng mẹ, chỉ biết là mẹ rất buồn.

Chú Đức gởi tâm tư vào tiếng đàn, lời ca. Chú có làn hơi phong phú và giọng ca trầm ấm, ngọt ngào. Những đêm trăng, chú thường đem đàn ra gảy, tiếng đàn réo rất quyện với lời ca, câu hò buồn nào nuốt:

**Hồ ơ... Chim xa rừng còn thương mây nhớ cội**

*Người xa người tội lắm người ơi, hờ...*

*Chẳng tha không biết thì thôi*

*Biết rồi mỗi đũa mỗi nơi ơ...ơ... thêm buồn*

Giọng hò của chú trầm trầm ngân dài, loãng tan trong ánh trăng, nghe như tiếng thở than. Tôi ngồi im, thả hồn vào dĩ vãng, sống lại thuở năm nôi, tiếng võng kẽo kẹt, tiếng mẹ ru ầu ơ ngọt ngào. Mẹ chảy nước mắt, quê mẹ miền Hậu Giang, làm sao mẹ quên được những tiếng hò trên sông nước?

Mùa hè qua nhanh, gánh bầu Thành sắp rời đi lưu diễn ở miền Trung, chú Đức phải đi theo đoàn, mẹ buồn, ra ngăn vào ngõ. Ngày chú sắp sửa từ giã lên đường, hai người lén lút bàn nhau:

- Tôi có thể đưa chị và cháu đi nếu chị muốn.
- Rồi dư luận sẽ ra sao?
- Cần gì dư luận, tôi đi kỳ này sẽ không về nữa.
- Chú long đong nay đây mai đó, làm sao cuu mang được mẹ con tôi?
- Ta cứ liệu đi trốn, tôi sẽ đưa chị về xứ.
- Tôi sợ lắm, rui không đi thoát thì hậu quả sẽ không biết thế nào mà lường. Lại nữa nếu mai kia anh chú sẽ về...
- Chị chờ đến bao giờ? tuổi xuân qua mau, chẳng mấy chốc chúng ta sẽ già.

Mẹ thờ dài buồn bã:

- Đời tôi coi như bỏ đi, nhưng thằng Trung nó cần có cha... Bao lâu tôi cũng đợi.

- Chị quyết định như vậy là tùy ý chị.

- Dù sao cũng cảm ơn chú, mấy tháng nay tôi đã rất sung sướng, như thế cũng đủ.

Nói xong mẹ gạt lệ quay đi. Sau cùng mẹ đã chọn, mẹ chọn sự hy sinh, mẹ không nghĩ đến thân mẹ, mà chỉ nghĩ đến tôi, mẹ chỉ vì tôi...

Nhưng sự việc không êm đẹp như ý mẹ mong muốn, và một thảm kịch đã xảy ra. Bác Cả tỉnh ý nhận thấy những thay đổi của người em dâu, nên một hôm gọi mẹ lên phòng tra gan:

- Mấy lúc này thím buồn lắm, phải không?

Mẹ cúi đầu, cố tránh ánh mắt đầy quyền uy của người anh chồng:

- Anh tính từ ngày nhà em bỏ đi... Mẹ ngưng nửa chừng, nghẹn lời.

- Tôi hiểu, thím còn trẻ quá... Bác gặt gù, nhưng đừng làm điều gì đại dột, có chuyện gì khó nghĩ, thím cứ nói với tôi, may ra tôi có thể giúp.

- Thưa anh, không có chuyện gì cả.

- Thế sao mấy đêm nay thím mất ngủ? nhìn cặp mắt thâm quầng của thím, tôi hiểu ngay. Thím coi chừng người nhà để ý, bàn ra tán vào không tốt.

Mẹ giật mình sợ hãi, cái lối nói như đi guốc vào bụng người khác chứng tỏ bác đã hiểu tất cả. Quả vậy, bác nở một nụ cười mang nhiều ý nghĩa:

- Chuyện đó cũng là sự thường thôi, tôi thông cảm, nhưng đừng đi xa hơn. Thím phải nghĩ đến tương lai thằng Trung, nó cần được học hành tới nơi tới chốn, nó thiếu một người cha, và từ lâu tôi vẫn xem nó như con. Người long đong nay đây mai đó, đâu có thể lo cho nó được?

Bác quay sang tôi:

- Trung, nói đi cháu! có phải cháu vẫn muốn được làm con bác, phải không?

Tôi ngập ngừng, trước đây tôi vẫn ao ước có một người cha như bác, nhưng bây giờ tôi đã lớn, biết suy nghĩ, tôi nhìn mẹ buồn rầu:

- Con biết là mẹ thương con, nhưng mẹ cứ chọn con đường nào mẹ thích.

Bác hơi cau mày rồi cười nhạt:

- Cái thằng bé này cần phải uốn nắn lại, hy vọng cháu không phải là một người bạc bẽo. Quay sang mẹ, bác nói tiếp, tôi không tin là thím ngu ngốc mà đi nhầm đường. Thôi được rồi, bây giờ thím đi ra đi, tôi để cho thím suy nghĩ, tương lai của thằng Trung tùy vào sự lựa chọn của thím.

Mẹ ôm mặt rên rỉ:

- Tại sao tôi lại phải chọn? Trời ơi! tôi chỉ muốn yên thân, sao mấy người không để cho tôi yên?

Mẹ lao đảo đi ra, bà vấp ngã nơi ngưỡng cửa, bác Cả vội đưa tay ra đỡ, cả thân hình gầy gò của mẹ rơi gọn trong hai cánh tay của bác. Vừa lúc đó, cửa chốt mở toang, bà nội từ đâu xuất hiện, trước cảnh đó bà đứng ngây người vài giây rồi kêu rú lên:

- Mấy người làm gì thế kia? Trời ơi! sao lại có cảnh loạn luân như thế này xảy ra ngay trong nhà tôi hả trời?

Mẹ run rẩy, phải bám vào cánh cửa mới đứng vững, có trời mới hiểu được những oan khuất của mẹ. Tôi vội níu lấy áo bà nội, lấp bắp:

- Không phải đâu bà, mẹ cháu bị ngã...

Nhưng bà gạt tay tôi ra, quay sang mẹ, gần từng tiếng:

- Mợ vào đây làm gì hả? Kia, mợ nói đi chứ? nếu là người phụ nữ chính chuyên, sao mợ lại vào phòng một người đàn ông không phải là chồng mợ trong giờ này?

Nghe tiếng ồn ào, mọi người chạy cả lên, đứng lối nhỏ ngoài hành lang. Cô Liên liếc xéo mẹ, cười mỉa:

- Tôi tưởng chị mê anh Đức? thì ra tôi nhầm à? hay là chị định bắt cả hai tay? Hừm, đời thuở nào chồng mới đi vắng chưa đầy một năm mà chị đã dờ trò chim chuột ở ngay trong nhà, thật là nhơ nhuốc, xấu hổ.

Câu nói đó như đổ thêm dầu vào lửa, bà nội mặt phùng phùng lửa giận, trở mặt mẹ, quát:

- Con đi rạc! nhà có ba người đàn ông, mày định lấy cả ba à? Thứ đàn bà lằng lảnh như mày không thể để trong nhà, hãy cút ra khỏi nhà tao!

- Con sẽ đi... Mẹ tôi thù thào, nhưng lạy mẹ cho con đem theo cháu Trung, con không thể xa nó, con sẽ đưa nó về ngoại.

- Không được, thằng Trung là máu huyết của con trai tôi, chị không thể đem nó đi, tôi không muốn cháu tôi sống chung với người mẹ hư đốn là chị. Tôi ký hẹn ba ngày, chị phải rời khỏi nơi đây, nếu không tôi sẽ trình lý trưởng và làng nước sẽ gọt đầu bôi vôi chị.

- Van mẹ, đừng làm vậy, con chết mất.

Mẹ phủ phục xuống đất lạy, nhưng bà nội quay lưng, giằng lấy tay tôi kéo đi, tôi trì lại và gào lên, nhưng vô ích. Không bao giờ tôi quên được vẻ mặt thâm, tuyệt vọng, và ánh mắt ai oán của mẹ lúc nhìn theo tôi bị người ta kéo xềnh, lỏi đi. Đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy bà.

Tôi được gửi ở tạm nhà một ông chú họ, một tuần sau mới được về nhà. Nhưng về nhà là để đi đưa đám mẹ, bởi vì bà đã thất cổ tự tử chết ngay đêm hôm đó. Người ta đưa tôi vào nhìn mặt mẹ một lần cuối cùng trước khi nắp quan tài được đóng lại. Mẹ nằm im lìm, mình mặc áo nâu, hai tay chấp lại để trước bụng, tóc mẹ xoắn dài thành một

dòng đen nhánh, mặt mẹ tím bầm, còn in những nét hãi hùng. Cho đến lúc chết, mẹ vẫn chưa nguôi được oán hờn. Tôi vuốt cặp mắt vẫn mờ trũng của mẹ, thì thắm khăn vải mẹ ra đi bình yên, lạ lùng thay, mắt mẹ khép lại và nét mặt trở nên thanh thản. Tôi nằm bên quan tài, ở với mẹ suốt đêm hôm đó. Sáng hôm sau, tôi đưa mẹ ra mộ, ở ngoài đồng, trời lất phất mưa phùn, lạnh và rất buồn, theo sau hai con bò kéo xe tang, chỉ có tôi và vài người hàng xóm. Bà nội bị con đột quỵ nằm liệt giường không đi được, nhưng còn bác Cả giàu có, đầy quyền uy, còn chú Đức, con người lãng mạn đa tình, háo thắng, chỉ thích đi chinh phục, và người cha vô trách nhiệm của tôi, đâu cả rồi? Họ là những người trực tiếp và gián tiếp gây ra cái chết của mẹ tôi, bây giờ tất cả đều chạy trốn, không ai lãnh trách nhiệm

cả, họ phủ tay trước cái chết đầy oan khuất. Thương cho mẹ một đời mệnh bạc, lúc chết lại phải gởi xương nơi xứ lạ.

Tôi bỏ nhà ra đi ngay ngày hôm sau, đem theo độc nhất có một tấm hình của mẹ. Qua bao nhiêu gian khổ, tôi lần mò tìm về quê ngoại. Phải mãi đến hơn mười năm sau, khi lớn khôn, tôi mới trở lại để thực hiện lời hứa cuối cùng trước quan tài mẹ là đem bà về quê. Ngủ yên nhé mẹ, bây giờ mẹ đã được về xứ rồi đó.

**PHƯƠNG - LAN**

- Trích trong tác phẩm Lấy Chồng Xa do nhà sách Tự Lực ở Garden Grove, CA phát hành)

- Nghe đọc truyện, xem video youtube, xin bấm vào Google: youtube lấy chồng xa

- Phương Lan.



**BÁC SĨ**  
**NGUYỄN QUỐC QUÂN**

**CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA**

4217 Evergreen Lane  
Annandale, Va 22003  
(703) 354-2629

**KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN**

# LỄ HỘI CHÉM LỢN, ĐÂM TRÂU 'TRÁI LUẬT'

Nguyễn Thị Dương Hà

Từ năm 2000, dân làng Ném Thượng (tên cũ là Niệm Thượng), tỉnh Bắc Ninh đã khôi phục một lễ hội gọi là «lễ hội chém lợn» được tổ chức vào mùng 6 tháng Giêng âm lịch. Tại lễ hội này, những đao thủ được dân làng chọn ra chém những con lợn khỏe mạnh ra làm đôi trước đám đông, trong đó có cả trẻ em. Sau đó những người dự lễ lấy tiền nhúng vào máu lợn tung tóe trên mặt đất để cầu may. Theo dân làng, lễ hội là để tưởng niệm tướng quân Đoàn Thượng, thời Lý, đánh giặc ngoại xâm bị thua trận, chạy về vùng này và phải chém lợn rừng để nuôi quân.

Thế nhưng từ ba năm nay Tổ chức bảo vệ động vật châu Á (Animals Asia) đã phản đối quyết liệt lễ hội này khi gửi Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch Thông báo theo đó "việc chém những con lợn còn đang sống khỏe mạnh là một lối đối xử tàn ác đối với động vật, nó làm trở ngại cảm xúc của người xem khi chứng kiến cách thức động vật bị đối xử dã man, đặc biệt là đối với trẻ em, đối tượng có tâm lý chưa hoàn thiện ổn định và dễ bị ảnh hưởng." Quan điểm này ngay lập tức vấp phải phản ứng quyết liệt không kém của những người đại diện cho dân làng Ném Thượng và một số quan chức và nhà nghiên cứu văn hóa dân gian. Đại để lập luận của những người này như sau.



Những lễ hội "Chém Lợn Đâm Trâu" mang tính cách tàn ác với súc vật là một hủ tục. Không những vậy nó còn khuyến khích tính bạo hành của con người (Hình: Lao Động)

Thứ nhất, lễ hội tôn vinh một viên tướng chống ngoại xâm nên việc bỏ lễ hội sẽ tác động tiêu cực đến lòng yêu nước của người dân Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, lễ hội không dã man. Bà Đại biểu Quốc Hội Trần Thị Quốc Khánh phát biểu: "việc giết mổ không gây đau đớn cho động vật thì rõ ràng đâm trâu một nhát vào tim, chặt phăng thủ cấp lợn sẽ dẫn tới cái chết nhanh chóng hơn hẳn so với đưa chúng vào phòng hơi ngạt như phương Tây".

Thứ ba, phải tôn trọng tín ngưỡng. Giáo sư Trần

Lâm Biền cho rằng: "Máu đỏ trong tín ngưỡng nguyên thủy là biểu trưng cho sự sống, sinh khí. Vì thế, người dân làng Ném Thượng thực hiện nghi thức chém lợn để máu đỏ chảy ra sân đình nơi thờ Lý thành hoàng, là nhằm gợi ý với bậc thánh thần hãy mang sinh khí, sự phát triển đến

nơi đây. Phong tục này là để cầu may cho mọi người, nó vượt qua cả khái niệm đã man hãy không đã man. Văn hoá nếu chỉ nhìn hình thức có thể tưởng là đã man nhưng đằng sau lại là tính nhân đạo mệnh mông".

Thứ tư, bỏ lễ hội là ảnh hưởng đến truyền thống văn hóa, làm nghèo văn hóa. Tiến sĩ dân tộc học, Đại biểu Quốc Hội Trần Hữu Sơn cho rằng: "Nếu cái nào cũng phải thay đổi theo cuộc sống mới thì còn đâu ra các phong tục và sẽ làm nghèo văn hoá." Đại biểu Quốc Hội Trần Thị Quốc Khánh có cùng quan điểm: "Nếu cái gì ta cũng thay thế thì dần dà chúng ta sẽ giữ lại được điều gì? Đồng bào Tây Nguyên thay vì đâm trâu thì đua trâu và nhân dân Bắc Ninh thay vì chém lợn sẽ vật nhau với lợn chằng?"

Thứ năm, đó là lễ hội riêng, chuyện nội bộ của người dân làng Ném Thượng, người ngoài không có quyền can thiệp. Tiến sĩ Ngô Đức Thịnh, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Bảo tồn Văn hóa tín ngưỡng Việt Nam, khẳng định: "Không thể yêu cầu ban hành một luật lệ nào để áp vào việc tổ chức lễ hội truyền thống, để ngăn cấm người dân tổ chức lễ hội, quyền tiến hành các văn hóa truyền thống tâm linh là phụ thuộc vào suy nghĩ của người dân trong xóm, phường, làng xã đó".



Hủ tục đâm trâu ở Tây Nguyên (Hình: Nguyễn Tiến Quang)

### 'Lý lẽ thuyết phục?'

Vậy "cái lý" của những người bảo vệ "lễ hội chém lợn" có thuyết phục?

Theo Đại Việt sử lược và Đại Việt sử ký toàn thư, nhân lúc lòng dân chán Nhà Lý, khoảng năm 1207 Đoàn Thượng nổi dậy và đã nhiều lần bị đánh bại. Năm 1228, Đoàn Thượng bị sứ quân Nguyễn Nộn giết chết.

Như vậy, việc Đoàn Thượng thua trận, dạt về khu vực Ném Thượng hiện nay và phải săn lợn rừng để nuôi quân là có cơ sở. Ngược lại, thuyết Đoàn Thượng chống ngoại xâm là hoàn toàn bịa đặt vì đã không có "giặc ngoại xâm" nào, cụ thể là không có giặc nào đến từ nước Tống (Trung Quốc ngày nay) trong suốt thời gian Đoàn Thượng dấy binh. Nói cách khác, các cuộc chiến mà Đoàn Thượng tham gia đều là nội chiến giữa những người Việt.

Quan điểm coi việc chém lợn cũng như đâm trâu là việc giết mổ gia súc để làm thực phẩm và do đó không đã man là đánh tráo khái niệm. Thực vậy, việc giết gia súc như vậy là để mua vui cho đám đông, đúng như cái tên "lễ hội".

Trên thực tế, không có trường hợp nào là lợn bị "chặt phăng thủ cấp" tức bằng một nhát đao hay trâu bị "đâm một nhát vào tim" để chết nhanh chóng cả. Ngược lại là đằng khác, nhát là trong lễ đâm trâu, cái chết của con vật được kéo dài để người xem "thưởng thức". Thực tình chỉ riêng



những từ ngữ mà bà Đại biểu Quốc Hội Khánh dùng để mô tả cách giết chết các con vật đã đủ làm người nghe ghê rợn. Việc mua vui bằng cảnh giết chóc chỉ có thể là dã man, là tàn bạo.

Lấy tín ngưỡng để biện hộ cũng không thuyết phục. Bảo “lễ hội chém lợn” là để lấy máu cầu may vì máu đỏ là “biểu trưng cho sự sống, sinh khí” thì “sự sống, sinh khí” đâu chưa thấy mà đã thấy cái chết rình rập con người bởi chính tính hiếu sát mà lễ hội gieo mầm và kích động nơi người xem trong đó có trẻ nhỏ, vì suy cho cùng máu người cũng đỏ! Tóm lại, lễ hội chém lợn là man rợ, là thú tính, là ở cực kia của “tính nhân đạo mệnh mông” như lời lẽ của Giáo sư Trần Lâm Biên.

Còn nói bỏ “lễ hội chém lợn” là làm nghèo văn hóa thì đó là tư duy số học chứ không phải tư duy văn hóa. Văn hóa là “gạn đục khơi trong”, những gì tôn vinh và phát huy nhân tính, quyền con người hay mỹ tục thì được giữ lại, ngược lại là hủ tục phải bỏ. Nói cách khác, văn hóa song hành với các giá trị nhân văn. Bởi “lễ hội chém lợn” đồng nhất với hiếu sát, tức phản nhân văn thì việc loại bỏ nó chỉ có thể là đúng quy trình đào thải của văn hóa, của văn minh nhân loại.

### **'Không còn chỗ đứng'**

Quan điểm “lễ hội chém lợn là lễ hội riêng, chuyện nội bộ của người dân làng Ném Thượng, người ngoài không có quyền can thiệp” cũng sai nốt. Cần khẳng định ngay rằng lễ hội nói riêng, văn hóa nói chung không phải là một phạm trù “kín cổng cao tường”, chủ thể lễ hội không chỉ là những người đã tạo ra nó mà còn là những người chia sẻ nó. Trên thực tế “lễ hội chém lợn” chưa bao giờ được giới hạn trong khuôn khổ làng Ném Thượng, nếu không muốn nói được tổ chức nhằm thu hút người ngoài làng bao gồm cả người nước ngoài đến xem.

Do đó ý kiến phản đối lễ hội, nếu có, là sản phẩm tự nhiên của lễ hội hay sản phẩm nội sinh, tuyệt nhiên không phải là một sự can thiệp. Còn chính quyền địa phương hay chính phủ có ý kiến về lễ hội thì đó là thực thi chức năng quản lý xã hội miễn là ý kiến này phải dựa trên luật pháp và phù hợp với lợi ích chính đáng của toàn thể xã hội. Tóm lại, lối nghĩ “Phép vua thua lệ làng” không có chỗ đứng trong một xã hội hiện đại cai trị bởi luật pháp.

Cuối cùng, về quan điểm “lễ hội chém lợn” không vi phạm pháp luật thì người viết bài này khẳng định lễ hội này vi phạm Luật Di sản văn hóa (LDSVH).

Trước hết, theo Khoản 1 Điều 4 LDSVH lễ hội là di sản văn hóa phi vật thể, tức thuộc diện điều chỉnh của Luật này.

Tiếp đó, Khoản 1 Điều 12 LDSVH quy định: “Di sản văn hóa Việt Nam được sử dụng nhằm mục đích phát huy giá trị di sản văn hóa vì lợi ích của toàn xã hội”. Như vậy, “lễ hội chém lợn” và “đâm trâu” reo rắc tính hiếu sát hay kích động bạo lực rõ ràng đi ngược lại lợi ích của toàn xã hội và vì vậy là hủ tục.

Do đó, căn cứ Điều 25 LDSVH theo đó “Nhà nước bài trừ các hủ tục và chống các biểu hiện tiêu cực, thương mại hóa trong tổ chức và hoạt động lễ hội”, chính quyền tỉnh Bắc Ninh cần khẩn trương ra quyết định cấm việc tổ chức “lễ hội chém lợn”. Tương tự như vậy, chính quyền địa phương những nơi “lễ hội đâm trâu” diễn ra cần thuyết phục người dân từ bỏ tổ chức lễ hội đẫm máu, kích động bạo lực này bởi trong mọi trường hợp biện pháp hành chính chỉ nên là giải pháp cuối cùng.

Mặc dù “lễ hội chém lợn” cần bị loại bỏ nhưng không vì thế mà ta quay lưng với lịch sử của dân làng Ném Thượng. Như trên đã nói, tên cũ của làng Ném Thượng là Niệm Thượng và theo tôi, “Niệm Thượng” hẳn là cái tên mà người dân đặt ra để tưởng niệm tướng quân Đoàn Thượng, người có công khai khẩn vùng đất này cho dù ông đến đây là để lánh quan quân nhà Lý. Trên cơ sở này tôi đề nghị dân làng Ném Thượng tổ chức “Lễ hội Niệm Thượng” vào mùng 6 Tết nhằm tôn vinh công lao của tiền nhân trong hình thành xứ sở.

## CHANSON D'AUTOMNE

Les sanglots longs  
Des violons  
De l'automne  
Blessent mon coeur  
D'une langueur  
Monotone.

Tout suffocant  
Et blême, quand  
Sonne l'heure.  
Je me souviens  
Des jours anciens  
Et je pleure

Et je m'en vais  
Au vent mauvais  
Qui m'emporte  
Deçà, delà.  
Pareil à la  
Feuille morte.

**Paul Verlaine (1844-1896)**

### Vài bài dịch:

#### **Bài 1 - CA KHÚC MÙA THU**

Đàn thu lê thê  
Thổn thức đê mê  
Lòng ta rã rượi  
Điêu hiu não nề  
Tê tái nghẹn ngào  
Giây phút nao nao  
Nhớ về ngày cũ  
Dòng lệ dâng trào  
Dấn bước trên đường  
Cơn gió phũ phàng  
Cuốn đi xào xạc  
Lả tả tơ vàng

**Lãng Nhân Phùng Tất Đắc  
(Học giả Phùng Tất Đắc)**

#### **Bài 2 - CA KHÚC MÙA THU**

Cây vĩ cầm nức nở mãi  
Xuyên tới tim  
Vết thương đau nhói  
Tiếng đàn thu uể oải  
Râm rì  
Buồn ơi là buồn  
Lê thê

Ta tê tái nghệt thờ  
Chuông đồng hồ điểm nhắc nhở  
Lệ dâng dâng chan chứa hàng mi  
Thế rồi ta ra đi  
Cuốn theo chiều gió  
Nay đây mai đó  
Như chiếc lá vàng khô  
Ác nghiệt thay  
Ngọn gió thu

**GS Thi sĩ Bằng Vân Trần Văn Bằng**

#### **Bài 3 - NHẠC THU**

Nhạc thu buồn thảm lê thê  
Vĩ cầm nức nở, não nề lòng ta.  
Chuông reo gọi nhớ ngày qua  
Nghẹn ngào, xanh mặt, lệ sa đôi bờ.  
Ta đi như lá vàng khô  
Nương theo tà gió, vật vờ đó đây.  
**Phương Du Nguyễn Bá Hậu**

#### **Bài 4 - NHẠC THU**

Nhạc thu êm nghe  
Buồn thảm lê thê  
Vĩ cầm nức nở  
Lòng ta não nề  
  
Tiếng chuông ngân xa  
Gọi nhớ ngày qua  
Nghẹn ngào mặt tái  
Đôi bờ lệ sa

Như lá vàng khô  
Ta đi bơ vơ  
Nương theo tà gió  
Đó đây vật vờ.  
**Phương Du Nguyễn Bá Hậu**

# Về Thành ...

## Ỡ NGUYÊN

Bố mẹ tôi quá tuyệt vọng về cuộc sống tại đất Thanh sau gần 6 năm trời xoay sở chật vật tìm kế sinh nhai. Bố mẹ đã mở hết quán ăn này đến quán ăn khác tại Hàm Rồng rồi lên đến Đầm. Cuối cùng cảnh thiếu thốn, nheo nhóc vẫn không sao vượt qua được. Vì thế cho nên, khi gặp một gia đình người bạn rủ về Hà Nội, bố mẹ tôi đồng ý liền.

Bố tôi bàn với ông bà Liên nên ra đi lúc này - mùa hè năm 1951- là thời gian thuận tiện nhất, chắc sẽ không phải chống chọi với những trận mưa rừng, thác lũ khi đi xuyên qua vùng núi non hiểm trở. Vậy là cuộc hành trình khởi điểm từ thị xã Đầm, Thanh Hóa về Hà Nội được hoạch định ngay. Giờ chỉ còn một thời gian ngắn để sửa soạn hành trang. Cả hai gia đình, già trẻ, lớn bé gồm 11 người, ai nấy đều hăm hở chuẩn bị đem theo những gì cần thiết.

Mấy người lớn nói với nhau là phải đi bộ nhiều ngày, có thể cả tháng không chừng, mới về tới thành phố, chưa kể đến những điều bất trắc có thể xảy đến trong cuộc hành trình gian nan này. Chắc chắn không thể nào dùng xe lửa hay đường bộ thông thường như cách đây gần 6 năm khi gia đình chúng tôi tản cư từ Hải Phòng vào Thanh Hóa. Đường xe lửa và cầu cống đã bị phá huỷ từ lâu. Hiện thời, giao tranh giữa Việt Minh và Pháp vẫn đang tiếp diễn ngày đêm trên lộ trình này. Đoàn lữ hành chúng tôi sẽ phải vượt đèo băng suối là điều không thể tránh khỏi. Ngày đi đêm nghỉ. Lương thực đem theo gồm gạo rang, khoai khô, sắn khô, vừng rang và cơm nắm.

Bom đạn của Pháp vẫn tới tấp đổ xuống các căn cứ quân sự cũng như làng mạc của dân lành tại Chiến Khu Tư. Hàng ngày, chúng tôi đã chứng kiến cảnh bộ đội Việt Minh cũng như người dân vô tội chết, bị thương bởi bom Napalm của Pháp, nằm la liệt ở hai bên ven rừng, nơi chúng tôi đi qua. Người bị băng nơi đầu, kẻ ở chân tay. Có người bị cụt cả hai chân, máu me bê bết cùng mình. Họ rên xiết, lăn lóc vì đau đớn. Các nữ cứu thương, tay đeo băng chữ thập đỏ, băng bó vết thương cho nạn nhân. Phương tiện tải thương vẫn là cáng và võng. Nhìn cảnh tượng này tôi lại liên tưởng đến thằng em Đạt của tôi mà lòng những thương nhớ và xót xa quá đỗi. Máu vẫn chảy, ruột vẫn quặn đau! Ai đã gây ra cảnh huống này! Tôi đã thấy tận mắt, đã nghe tận tai những gì xảy ra cho người dân Việt Nam mình. Lúc đó tôi cảm thù thực dân Pháp đến tận xương tủy.

Mặc cho bom rơi lửa cháy, đoàn người hồi cư chúng tôi vẫn tiếp tục nhập bọn với những toán bộ đội Việt Minh, xuyên qua rừng qua suối, di chuyển không ngừng. Núi Ba Vì lúc đó là căn cứ then chốt của bộ đội du kích kháng chiến. Chúng tôi sẽ phải đi ngang qua đây, quả là một sự thử thách cam go, sinh tử. Để tự an ủi và giữ vững niềm tin, mọi người chỉ còn biết cầu Trời, khẩn Phật mong sao cho sớm thoát ra khỏi vùng lửa đạn.

Trên đoạn đường đi qua, chung quanh vẫn là núi non trùng trùng điệp điệp, rừng rậm xanh um, bát ngát, bao la. Những tàng cây cổ thụ chằng chịt lá phủ kín những con đường mòn, trải dài dưới chân chúng tôi. Chúng tôi không nhìn thấy trời xanh mây trắng hay ánh nắng rọi qua kẽ lá, chỉ trừ khi đi qua những đoạn đường không có bóng cây. Bởi vậy, nếu không có "chỉ điểm" mà người ta gọi là "Việt gian" thì không thể



nào máy bay Pháp phát hiện được mọi sự di động ở phía dưới đất để thả bom.

Trong chuyến hành trình này, ngoài gia đình chúng tôi và gia đình ông bà Liên, còn có nhiều gia đình khác nữa. Không biết họ khởi hành từ đâu nhưng bây giờ đã nhập vào nhóm của chúng tôi, hợp thành một đoàn người đông đảo, lũ lượt theo chân nhau miệt mài dẫn bước. Cũng như gia đình nhà tôi, họ là những người tản cư từ thành thị năm 1946 khi Việt Minh nổi dậy chống Pháp, tất cả giờ muốn trở về quê hương bản quán. Có lẽ chính quyền Việt Minh biết mọi người tìm đường về thành nhưng làm ngơ. Họ không thể nào ngăn cản được làn sóng người đi tìm sự sống. Nền kinh tế ở chiến khu Tư lúc bấy giờ quá kiệt quệ và suy sụp. Không ai muốn kéo dài cuộc sống khổ cực thêm mãi được. Ai cũng biết rằng ở lại trong Chiến Khu Tư chắc chắn sẽ không tránh khỏi cảnh dở sống dở chết vì thiếu ăn thiếu mặc, hoặc không chết vì đói thì cũng chết vì bom của Pháp.

Có nhẽ trời thương đám người hồi cư chúng tôi, nên cho dù dầm mưa giải nắng, lặn lội trong rừng sâu, thiếu lương thực, phải uống nước suối cả gần tháng trời mà không ai bị đau ốm hay sốt rét ngã nước. Ngay cả các cụ già như bà ngoại tôi, mẹ bà Liên cùng mấy đứa trẻ nhỏ như thằng Đức con trai của ông bà Liên và Khôi em tôi, đều khoẻ khoắn bình thường. Thực là kỳ diệu! Trung bình mỗi ngày đi bộ tới gần 8 giờ đồng hồ. Đêm xuống, người người đều rã rời, mỏi mệt. Khi mặt trời lặn, đoàn lũ hành buộc lòng phải dừng chân để nghỉ lại trong mấy túp nhà sàn, mái tranh vách lá của người Mường, người Mọi. Những đêm ngủ trong rừng là những đêm chị Mai tôi sợ nhất. Chị sợ thú rừng nên cố xen vào giữa mọi người để nằm cho yên ổn. Bố tôi và ông Liên sáng ra phải điếm danh mọi người

trong hai gia đình xem có thiếu vắng ai không? Ở giữa chốn rừng rú hoang vu, vắng vẻ như thế, biết sao mà lường được những bất trắc có thể xảy ra. Chẳng hạn như bị chặn đường cướp bóc, lúc đó cũng đành bó tay chứ còn biết kêu gọi vào đâu. Thực là sợ. Cũng có lần đoàn lũ hành chúng tôi đi qua các khu làng ở rải rác ven rừng, mọi người được dịp nghỉ ngơi cho giãn gân giãn cốt và được ăn uống ngon lành vì mượn được nồi niêu để nấu nướng. Viết tới đoạn này, tôi chợt nghĩ tới cảnh mọi người phải cố ăn những miếng cơm bị dính dầu hoả (dầu hôi). Nguyên do là túi gạo tẻ mà bố mẹ tôi đem theo không hiểu sao bị cây đèn dầu đổ vào, đem đi vo đi đãi không sao hết mùi, nếu đem đổ gạo này đi lấy gì mà ăn, nên ai nấy đều phải nhắm mắt bịt mũi mà nuốt.

Rồi cuộc hành trình lại tiếp tục...

Trước khi tới được tỉnh Phủ Lý, chúng tôi phải đi dò ngang qua một con sông khá rộng từ vùng Việt Minh chiếm đóng để đến vùng Tề, khu vực thuộc quân đội Pháp kiểm soát, phía bên kia sông. Qua được sông, lên được bờ bên này mới biết mình thoát chết. Bố mẹ tôi nghe người ta nói lại như vậy, vì trước đó vài ngày, đã có nhiều gia đình hồi cư bị trúng đạn khi qua sông trong lúc đang có giao tranh giữa Pháp và Việt Minh.

Vào một buổi sáng đẹp trời, đoàn lũ hành chúng tôi đã đến được đích. Chúng tôi đã có mặt tại tỉnh Phủ Lý mà lúc đó người ta gọi là vùng "xôi đậu", "vùng tề" hay "đình tề". Mọi người bấy giờ mới cảm thấy như được hồi sinh. Và giấc mơ về thành của chúng tôi đã thành sự thật.

Như đã có lần tôi đề cập tới, bố tôi lúc xưa đã từng làm việc với người Pháp nhiều năm nên cụ thông thạo Pháp ngữ khỏi chê. Vậy nên khi vừa đặt chân tới tỉnh Phủ Lý

bố tôi được dịp xỏ tiếng Pháp với các viên chức tại đây khiến họ cũng nê nang. Họ đã dành mọi sự ưu ái cho gia đình chúng tôi. Tại đây chúng tôi nhận được quần áo cứu trợ để thay thế những quần áo đã mặc cả tháng nay trong suốt chuyến hành trình vừa qua. Ngoài ra họ còn cấp đỡ những vật dụng cần thiết như đồ ăn hộp, sữa đặc, ba-tê, súc xích, bánh bích qui, xà phòng, thuốc đánh răng, bàn chải v.v... Thôi tha hồ mà ăn mà tắm gội thoải thể sau những ngày lặn lội trong rừng. Tôi có cảm tưởng một ngày phải tắm đến 2, 3 lần mới gột rửa được hết lớp bụi đường dính trên người hàng bao nhiêu tuần lễ! Qua sự giúp đỡ và chăm sóc ân cần của cơ quan tiếp nhận người hồi cư của Pháp, quả thực tôi đã quên hẳn chuyện thù ghét Pháp mà lúc còn ở Chiến Khu Tư tôi đã nguyện rửa họ thậm tệ!

Sau khi hoàn tất mọi thủ tục giấy tờ tại Phủ Lý, gia đình chúng tôi theo làn sóng người hồi cư tìm về Hà Nội. Lần này mọi người không phải đi bộ nữa. May quá! Cả nhà đáp xe ca về thành phố.

Ngày xưa chúng tôi đã từng sinh sống ở thành thị, vậy mà mới có gần 6 năm xa chốn phồn hoa, nay trở về đây, ai nấy cũng đều ngỡ ngàng, ngỡ nghêch như mán rừng. Ngó lại những tấm ảnh ngày đó trông ai cũng ngỡ ngàng đến tức cười. Nhìn ánh đèn điện đủ màu, nhìn mấy ông lính tây Lê Dương cặp tay các cô gái Việt Nam môi son má phấn, nói cười toé toét, ăn mặc lòe loẹt, giày cao gót, tay sách ví đầm, tóc phi dê quần teo, nhìn lại mình mới thấy quá là quê mùa, kịch cỡm, hết chỗ nói. Rồi khi nghe mấy cô me Tây, người ta gọi như thế, chuyện trò bí bô với mấy ông Tây mũi lõ mà phục quá. Tôi nhớ, lúc ấy tôi mới độ 12 tuổi nên còn ngỡ ngàng, khờ khạo chẳng giống ai. Hôm ấy cả nhà phải đi chụp ảnh để lấy thẻ căn cước. Tại tiệm chụp ảnh tôi

nhắc thấy một lọ Brillantine để cạnh tủ gương mà người ta dùng để bôi lên tóc cho bóng mượt. Trông trước trông sau không có ai, tôi vội quệt một ít lên đầu ngón tay rồi bôi vội vàng lên quần áo cho thơm, nghĩ đó là nước hoa. Sau này biết ra, tôi thấy mình quê ơi là quê!

Thời gian định cư ở Hà Nội quá ngắn ngủi nên tôi không có nhiều kỷ niệm như khi xuống Hải Phòng và vào Nam sau này. Tuy nhiên có một vài sự kiện xảy ra cho tôi tại Hà Nội mà mỗi lần nghĩ tới tôi không sao nhịn được cười bởi cái sự ngây dại của mình. Tôi muốn nói đến một mẩu chuyện về "*nhảy tàu điện*"... Lúc mới hồi cư về Hà Nội, bố mẹ tôi thuê một căn phòng tại chợ Con Bò trên phố Cát Ninh, khu ngoại ô thành phố. Những ngày không đi học tôi thường rong chơi với mấy đứa trẻ con hàng xóm rù rê, la cà ra tận Hồ Hoàn Kiếm hay lên khu phố Tràng Tiền để xem cinéma lậu tại sở Thông Tin Văn Hoá của thành phố. Hay có khi theo chúng bạn đi xem lễ rước đèn đêm Trung Thu, xem đốt pháo bông trước nhà Thủy Tạ, dọc theo những con phố nhỏ bao quanh Hồ Gươm. Len lỏi vào trong đền Ngọc Sơn xem người ta xì xụp lễ bái. Chúng kiến cảnh "thần kim qui" nổi trên mặt hồ. Vào thời kỳ đó xe cộ không đông đúc như sau này. Chưa có xe taxi, ô tô cũng ít ỏi, hầu hết là xe tay có người kéo và xe đạp thì vô số kể. Xe điện lại rất thịnh hành. Những người buôn bán tại các chợ Sắt, chợ Hôm, chợ Đồng Xuân đều dùng phương tiện xe điện. Những lúc loanh quanh ở gần Hồ Hoàn Kiếm với bạn bè tôi đã thấy nhiều đứa trẻ chừng tuổi tôi hay nhảy lên xe điện khi xe đỗ tại bến, đến khi xe chạy được một quãng, tụi nó mới nhảy xuống, trông thấy lạ quá, thích thú quá. Đầu óc tôi tự nhiên nảy ra một sự tò mò và muốn thử học cái lối nhảy tàu điện như

chúng xem sao. Thế là có lần tôi leo lên một chiếc xe điện như thể đang đậu ở gần Hồ Gươm mà trong túi không có lấy một xu, vậy mới gan dạ và liều lĩnh chứ! Đến lúc xe điện chuyển bánh tôi nhón nhác lo sợ vì mình không biết xe này sẽ chạy đi đâu? Mà nhảy xuống lại không dám. Hóa ra xe chạy tới chợ Đông Xuân. Sợ quá, tôi không biết mình sẽ phải đáp xe nào mà về nhà. Đang suy nghĩ và lo lắng, ông soát vé xe điện chợt xuất hiện, hỏi vé... tôi sợ quá đến phát run lên, oà khóc! Trống ngực đập thình thình. Tôi trả lời ấp úng vì không có tiền để trả tiền vé khi ông ta gặng hỏi. Ông ta còn dọa sẽ đưa tôi về bót Cảnh Sát, lại càng làm cho sự sợ hãi của tôi tăng thêm. Giữa lúc ấy, mấy bà lái buôn tại chợ Đông Xuân đang ngồi cạnh mấy chiếc lồng gà, lồng vịt hôi hám cùng quang gánh ngón ngang, nhìn tôi ái ngại và có nhẽ họ tội nghiệp cho sự ngu xuẩn của tôi nên có một bà đứng ra trả tiền vé xe điện cho tôi, bảo tôi từ nay đừng dại dột mà nhảy xe điện như thế rất nguy hiểm, có khi còn gãy chân gãy cẳng nữa. Rồi bà ta lại còn trả tiền vé xe điện lượt về cho tôi. Tôi mừng quá và cảm ơn bà ta rối rít. Thời gian đã qua thật lâu rồi, nhưng người đàn bà gia ân cho tôi ngày ấy dù gì cũng là ân nhân trong ký ức của tôi, ngay từ khi tôi còn nhỏ dại. Sau này câu chuyện đó đã nhắc nhở tôi đến việc đền ơn, cũng như gia ơn cho bất cứ ai trong quãng đường đời tôi trải qua.

Nhớ lại khi ở trong Nam, có lần ra thăm bố tôi lúc đó đang làm việc cho một công ty xây cất doanh trại cho phái bộ cố vấn Mỹ tại Sông Cầu ngoài miền Trung. Ngày trở về Saigon, tôi đáp xe lửa trên một chặng đường dài khoảng 2, 3 giờ đồng hồ. Khi xe lửa ngừng lại ở ga Sông Mao, trước khi tới ga Biên Hoà, tôi gặp trường hợp một hành khách đi xe lửa mà không mua vé, y như

cảnh "nhảy tàu điện" của tôi trước kia. Ông soát vé xe tiến gần lại một người hành khách mù, tôi đoán vậy, đang quờ quạng ở một góc tàu, đôi mắt kính đen xậm lông trên khuôn mặt đen đúa, óm yếu của ông, một tay ông cầm cây đàn nhị, vai đeo một cái túi vải nhỏ, tay kia cầm một cây gậy. Ông ta đứng không xa chỗ tôi ngồi là mấy nên tôi đã để ý quan sát, không phải vì tò mò mà chỉ là một cử chỉ bình thường tự nhiên thôi. Bỗng tôi nghe người soát vé hỏi người đàn ông này cho xem vé. Cử chỉ lưỡng lự, lời nói rụt rè lấp bắp, ông ta nói với người soát vé:

- Ông ơi đã tới ga Biên Hoà chưa? Tôi sẽ xuống ở ga này.

Người soát vé gằn giọng:

- Chưa tới... Nhưng vé đi xe lửa của ông đâu?

- Thưa ông, tôi không mua vé. Tôi không có tiền ...

Tôi tặc nguyện, xin ông cho tôi đi nhờ, người khiếm thị trả lời

Người soát vé dường như không quan tâm đến câu trả lời của người hành khách, nên vẫn đặt câu hỏi.

- Vậy ra từ sáng tới giờ ông lên xe mà không có vé, ông đi xe lửa lậu hả? Ông phải xuống ngay ga này đi. Vừa nói ông ta vừa đẩy người khuyết tật này ra lối cầu thang nơi cửa xe đi xuống. Từ nãy tới giờ tôi đã theo dõi mẫu chuyện giữa hai người. Tự nhiên, tôi thấy thương cảm cho hoàn cảnh của người hành khách này, nên đứng phất dậy và tiến gần lại người soát vé:

- Xin lỗi, tôi muốn biết tiền vé xe mà người đàn ông này phải trả là bao nhiêu?

- Tiền vé là ... đồng, người soát vé cho tôi hay qua ánh mắt ngạc nhiên của ông ta.

Sẵn trong ví có dư số tiền này, tôi mạnh dạn đưa trọn tiền vé xe cho người kiểm soát vé. Ngay lúc đó tôi quay sang

người đàn ông mà tôi vừa giúp đỡ:

- Thôi, chú cứ ngồi lại trên tàu cho tới ga Biên Hoà mới phải xuống, tôi đã trả tiền vé xe cho chú rồi, đừng lo.

Lúc ấy, tôi cảm thấy mặt và hai tai mình nóng bừng, vì chung quanh tôi có nhiều cặp mắt của người lớn đang nhìn tôi ngạc nhiên. Tai tôi như ù đi, nhưng tôi vẫn còn nghe được lời cảm ơn chân thật của người nghệ sĩ hát rong khiêm thị ấy.

- Xin đội ơn cô. Xin Trời Phật phủ hộ độ trì cho cô. Nếu không có cô giúp đỡ chắc chắn tôi phải xuống ở ga này.

- Chú yên tâm đi, mọi chuyện sẽ tốt đẹp thôi, tôi nói với ông ta như vậy .

Thực hiện được điều này tôi cảm thấy sung sướng ghê gớm, đầu óc nhẹ nhõm khoan khoái làm sao! Phải chăng đây cũng là tâm niệm của tôi ngay từ khi tôi được người đàn bà bán gà trên chuyến xe điện tại chợ Đồng Xuân ngày nào đã đứng trả tiền vé xe cho tôi hay chính vì lòng từ tâm và cảm thông cảnh ngộ đã khiến tôi hành động như vậy.

Trở lại câu chuyện hồi cư về thành năm 1951. Cuộc sống bắt đầu tại Hà Nội của gia đình tôi vẫn vất vả như bao giờ. Tôi rất quan tâm đến sự túng quẫn của gia đình mà bố mẹ tôi phải đối diện. Thời gian đó, những khu nhà đi thuê nơi chúng tôi ở thiếu thốn đủ mọi tiện nghi nên tôi phải đi gánh nước về cho cả nhà dùng. Tôi chưa đủ sức gánh 2 thùng sắt tây nước nên chỉ gánh được nửa thùng. Biết vậy, mẹ tôi mua cho một đôi thùng thiếc dung tích bằng nửa thùng sắt tây để không quá nặng cho tôi. Một cái đòn gánh xinh xinh vừa cho

đôi vai bé nhỏ của tôi. Tôi thích lắm, có lẽ tôi đã quen với công việc lao động này thì phải. Ngày nào cũng vậy, đi học về, tôi xắn quần lên tới háng, hí hửng quẩy đôi thùng ra máy nước đầu đường, xếp hàng đợi tới lượt mình. Tôi phải gánh đến mười mấy lần mới đổ đầy thùng phi lớn. Hàng xóm đội khi cũng nhờ tôi đổ nước cho họ và trả tiền công. Cũng vì đi chân đất gánh nước nên hai gót chân của tôi bị nứt nẻ đến chảy máu về mùa lạnh chẳng khác gì hồi ở Thanh Hoá. Bố nói số tôi vất vả có lẽ cũng đúng. Tôi có anh, có chị mà không hiểu sao bao nhiêu việc nặng nhọc trong nhà như chẻ củi, gánh nước và giặt giũ áo quần tôi đều tự nguyện làm hết. Có thể thời gian cực khổ ở Thanh Hóa đã luyện tôi thành con người siêng năng, chịu đựng và lam lũ do đó tôi không nề hà làm bất cứ việc gì cho gia đình mình.

Sau hơn một năm tạm cư tại Hà Nội, bố tôi quyết định trở lại thành phố cảng Hải Phòng. Anh em chúng tôi đã bị thiệt thòi quá nhiều trong thời gian chạy loạn cùng những tháng ngày di chuyển bất định nên việc học hành bị gián đoạn, dở dang. Giờ thì tạm yên, chúng tôi bắt buộc phải tiếp tục việc sách đèn. Riêng tôi, luôn luôn ấp ủ ước mơ của mình là một ngày nào đó tôi sẽ học hành giỏi giang và đỗ đạt, để có cơ hội đỡ đần bố mẹ qua khỏi cảnh bần hàn mà hình như ông trời đã xếp đặt cho gia đình chúng tôi, nhưng... phải đợi đến ngày nào đây?

(Trích "Từ Một Vùng Ký Ức")

**Ỗ Nguyên**

Maryland, August 2015



## THIÊN THU HÔN BÓNG

Thu đi rồi thu lại về  
Cùng trắng má tựa vai kề hững hoa  
Sao người còn bỏ mình ta  
Tối ôm hương nhớ sáng ra khói ngày

Đau lòng gió cuốn chim bay  
Run vòng tay đối tóc dài ngây thơ  
Đường say ngổ tình bao giờ  
Con tầm đứt ruột xác xơ không đầu

Tiền bồng chỗ cũ biết đâu  
Hôn mê cung cấm bắc cầu đèn yêu  
Vòng lưng đòi sớm mộng chiều  
Chân trời góc bể dâu diu nhau trong

Chim quỳên nhớ trái nhãn lồng  
Lia thia thương chậu mưa hồng trần ai  
Tìm trầm ngậm ngải đầu thai  
Thiên thu hôn bóng liêu trai câu thề

Thu đi chưa thu vội về  
Cùng em má tựa vai kề bướm hoa  
Sao hôm mình sao mai ta  
Tối ôm gối sách sáng ra chờ ngày ....

MD.07/24/15

**Luân Tâm**

## CHIỀU THU TÍM

Chiều thu tím rơi rơi muôn lá vàng,  
Lòng vương vấn dang tơ sầu mênh mang.  
Quê xưa làng cũ bao tình lưu luyến,  
Ngày ấy chia xa mỗi duyên bể bàng.

Màu mây xám lênh đênh nơi cuối trời,  
Làm sao nhắn theo mây buồn viễn khơi?  
Bên cầu soi bóng, nhấp nhô làn sóng,  
Mưa thu hiu hắt, gió thu toại bời.

Chiều thu đứng bên sông nghe gió về,  
Lòng viễn khách tha hương buồn tái tê.  
Nơi xưa, còn có ai người mong nhớ?  
Tàn giấc mơ hoa đành lỗi câu thề.

Chiều thu tím nhắc chi lời ước nguyện,  
Đời phiêu lãng biết đâu tìm hương duyên.  
Chim trời vỗ cánh bay về xa tít,  
Làm ơn cho nhắn đôi câu hàn huyên.

Chiều thu tím bơ vơ theo bước về,  
Niềm thương nỗi nhớ xót xa tình quê.  
Đường dài sương gió mơ cùng năm tháng  
Cành thu trút lá ru hồn đê mê.

(Paris, 10/08/2015)

**Nguyễn Mây Thu**

# Giòng Sông Tuổi Thơ

## TIỂU THU

Tin bà chị dâu bị stroke lần thứ hai, được các con cấp tốc mang lên bệnh viện trên Sài Gòn, khiến Thơ ăn ngủ không yên. Trong điện thoại giọng cô cháu nghẹn ngào:

- Con sợ má con không qua khỏi cô ơi. Lần này bác sĩ nói nặng lắm. Má con vẫn còn hôn mê. Mấy chị em con thay phiên nhau ở trong bệnh viện để săn sóc má. Cầu Trời cho má con mau tỉnh lại.

Thơ vội trấn an cô cháu gái:

- Chắc không sao đâu. Ngày mai cô đi gọi chút đỉnh tiền về để tụi con xoay sở. Lúc này mới bắt đầu mùa thu, học trò đã đi học lại nên tiệm cũng bớt đông. Để cô thu xếp nghỉ hai tuần về thăm má con.

Tiếng cô cháu gái bên kia đầu giây tươi hẳn lên:

- Thiệt hả cô? Nếu má con tỉnh lại, gặp mặt cô bà sẽ mừng lắm đó.

Nói vậy chớ cũng phải mất hai tuần Thơ mới thu xếp xong công chuyện và có vé máy bay trong tay. Thơ làm chủ một tiệm ăn. Nhỏ thôi, nhưng xinh xắn, ấm cúng và nhất là nấu đúng khẩu vị Việt Nam. Không lai căng, chạy theo khẩu vị dân bản xứ. Nhưng chính vì vậy mà tiệm Thơ đông khách. Khách Việt và một số khách ngoại quốc sành ăn. Thơ có khiếu nấu ăn giống mẹ. Bà Tân ngày xưa nổi tiếng là người nấu ăn khéo. Bà đã truyền lại cho Thơ những bí quyết để chế biến thành công những món ăn ngon. Ngoài sự nêm nếm vừa miệng,

Thơ còn có tài trình bày những đĩa thức ăn tuyệt đẹp. Nhìn thôi là đã muốn ăn liền, khách nói vậy.

May mắn người phụ bếp tên Vĩnh, tuy tương đối trẻ, nhưng đã có gần mười năm kinh nghiệm. Thơ tự tay pha chế mọi thứ sẵn sàng, như nước sauce để làm món cá kho tộ, gia vị bỏ vào nồi nước súp để làm món canh chua, sauce ướp thịt nướng...vv... nên cũng an tâm giao cho Vĩnh thay nạng trong suốt hai tuần lễ vắng mặt.

Thơ không bận bịu chuyện gia đình gì lắm, vì đã cùng chồng chia tay năm năm rồi. Khương tuy rất hiền lành, nhưng thích đàn đúm với đám bạn ăn nhậu và đam mê trò đỏ đen. Chẳng giúp đỡ gì cho vợ, trái lại nhiều lần Thơ còn phải đứng ra trả những món nợ trời ơi đất hỡi do Khương gây ra. Cuối cùng Thơ đành dứt áo chia tay, mặc cho Khương năn nỉ. Nàng đã cho Khương rất nhiều cơ hội để sửa chữa, nhưng kết quả vẫn là con số không. Thơ nuôi bé Kim, đứa con gái duy nhất của hai người. Bé Kim xinh đẹp giống mẹ và rất ngoan. Ngoài giờ học còn biết ra tiệm giúp mẹ tính tiền, làm sổ sách. Con bé đang học năm thứ hai Đại học, ngành kế toán.

Bé Kim lái xe đưa mẹ ra phi trường. Thơ hôn con rồi đẩy hành lý vào khu dành cho Air Canada. Nàng bảo bé Kim về ngay cho kịp giờ đi học. Gửi 2 valises xong xuôi, Thơ kéo chiếc valise nhỏ vào sập hàng để qua trạm kiểm soát. Hành khách đủ mọi quốc tịch đông không thể tả. Xếp hàng rỗng rảnh, ngoằn ngoèo dậm đến cả cây số! Lần này Thơ đi qua ngã Vancouver, Hồng Kông rồi mới vào Việt Nam. Xuống phi trường

Vancouver để chờ máy bay đi HongKong, nhìn ra ngoài cửa kính, sau làn mưa lất phất là dãy núi chạy dài theo bờ biển màu lam nhạt. Bầu trời màu xám chì trông buồn hiu hắt! Thơ không thích mưa. Nàng yêu biết mấy bầu trời xanh lơ, đầy mây trắng và rực rỡ nắng vàng. Nhất là mùa thu Québec. Nắng vàng óng như lụa, trong veo và dịu dàng khiến cho lòng người ngây ngất... Ngay cả những trận mưa thu cũng nhẹ nhàng, thanh thoát. Những sợi mưa nhỏ, mong manh như tơ trời, không làm ướt nổi một mái tóc mây! Vì thế, dù Vancouver là một thành phố có cuộc sống tốt nhất Canada, Thơ cũng không bao giờ ao ước được sống nơi đó.

Sau bốn tiếng chờ đợi ở phi trường Hong Kong, cuối cùng chuyến máy bay Air Cathay cũng đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất. Thơ đây hành lý ra ngoài đảo đạc tìm cô cháu gái. Người đi đón đông như cái chợ, nhìn hoa cả mắt. Tiếng Kim Nhung kêu "cô Tư...cô Tư...con đây nè" khiến Thơ mừng rỡ. Dũng, chồng Kim Nhung chạy tới giành đẩy chiếc xe chở hành lý khá nặng cho bà cô. Cô cháu vẫn vậy, từ ngày sinh hai thằng con, Kim Nhung ngày một đầy đà và tuy ở Việt Nam nắng hừng hực như đổ lửa, nước da cô nàng vẫn trắng nõn.

Thơ về nhà cháu gái cất hành lý, rửa sơ mặt mũi cho bớt mệt rồi hỏi vợ chồng Kim Nhung đưa nàng vào bệnh viện thăm chị dâu. Bệnh viện Đại học Y Dược nằm trên đường Hồng Bàng. Bệnh nhân hai người nằm một giường, quay đầu ngược lại. Người nhà nuôi bệnh nhân ngồi la liệt ngoài hành lang, trong phòng bệnh. Trên xe, từ phi trường về nhà, Kim Nhung đã cho Thơ hay chị Thiên đã tỉnh, nhưng đầu

óc vẫn còn mơ mơ hồ hồ, ký ức chưa trở về như trước.

Kim Anh, con gái út chị Thiên từ Cao Lãnh lên nuôi mẹ, thấy Thơ vào mừng quá chạy tới nắm tay, miệng cười rạng rỡ. Con bé này chưa lập gia đình, dù rất xinh. Oanh nắm tay Thơ dẫn đến giường chị Thiên. Nhìn thân hình gầy gò, lép xẹp của chị dâu Thơ ứa nước mắt. Thương chị quá đỗi. Cả một cuộc đời làm vợ, làm mẹ của chị vất vả biết bao với đàn con đông đúc. May mà chúng đều ngoan. Ngay từ bé không đứa nào bệnh hoạn để ba mẹ phải lo lắng. Anh Thiên mất đã lâu, giờ chị ở với đứa con gái út. Con bé có tiệm uốn tóc rất khang trang. Tuy bận rộn nhưng cũng hết lòng chăm lo cho mẹ thật cẩn thận. Trước kia chị Thiên thuộc dạng đầy đà, nhưng tính thích ăn ngọt, ăn béo khiến chị mắc bệnh tiểu đường rất nặng. Bao nhiêu thuốc Thơ gởi về, chị uống rất "dè sẻn" nên bệnh không bao giờ khá! Từ đó sinh ra nhiều chứng khác và cuối cùng chị bị tai biến mạch máu não lần thứ hai. Lần này nặng gấp đôi lần trước.

Thơ cầm bàn tay xương xẩu của chị Thiên bóp nhẹ. Chị mở cặp mắt lơ lơ nhìn Thơ rồi nhắm lại. Có vẻ như chị không nhận ra cô em chồng. Kim Anh nói, giọng lo lắng:

- Má con mới tỉnh lại 3 hôm nay thôi cô. Ngay cả tụi con má cũng chưa nhìn ra. Ăn uống cũng không được, chỉ chuyên nước biển thôi. Bác sĩ nói cứ từ từ má con sẽ nhớ lại, chớ bây giờ họ cũng không làm gì được.

- Thì đành vậy chớ sao hả con. Thơ an ủi cháu. Má con cũng hơn sáu mươi, sức lực đâu bằng hồi trẻ. Để cô nói bác sĩ dùng thuốc nhập cảng tốt nhất cho má con. Hy vọng bệnh sẽ mau lành.

Một tuần sau bệnh tình chị Thiên thuyên giảm rất nhiều. Thờ và các cháu mừng lắm. Vợ chồng Kim Nhung lái xe đưa cả phái đoàn về Cao Lãnh. Đường xá năm nay cũng tốt hơn mấy năm trước. Hai bên đường từ gã ba Trung Lương rẽ về thị xã Cao Lãnh được trồng đầy nhãn hột tiêu. Loại này cơm dày và hột nhỏ xíu. Chẳng bù với nhãn hột xưa cơm mỏng dính, lột ra toàn là nước. Nhưng bù lại ngọt gắt và rất thơm. Có những cây soài đang trở bông đầy cành. Nhưng cái Thờ mê nhất là hầu như trước sân nhà nào cũng trồng một bụi bông giấy màu sắc rực rỡ. Đỏ, hồng, tím, trắng...thỉnh thoảng có cây màu vàng hoàng yến rất lạ. So với những năm trước bảy lăm, thị xã Cao Lãnh lớn hơn gấp nhiều lần. Thờ nhớ đến cái trường tiểu học bên kia bờ sông, đối diện với ngôi chợ cũ. Nơi đó Thờ đã học lớp tư, lúc ba má từ Sài Gòn trở về quê sinh sống. Khi Kim Anh ghé chợ mua vài món để về nhà làm cơm chiều, Thờ đi xuống bờ sông nhìn qua bờ bên kia tìm kiếm. Nhưng ngôi trường không còn nữa, thay vào đó là một căn biệt thự khá lớn. Nàng thờ dài. Vậy là một phần tuổi thơ của nàng đã vĩnh viễn biến vào hư vô!

Ngôi nhà nền đúc đồ sộ của ông bà nội Thờ đã bị phá bỏ. Thay vào đó là một căn nhà nhỏ, cất trên nền nhà cũ dùng làm phủ thờ. Bên trong chỉ có 3 chiếc bàn thờ bằng gỗ tốt cân xà cừ lộng lẫy. Trên bàn thờ bày đầy đủ hình của những người quá cố trong họ, chính giữa là hình ông bà nội. Con cháu ở khắp nơi về, việc trước tiên là đến đây thắp hương và kể đến là đi thăm mồ mả ông bà ở nghĩa trang gia đình. Anh chị Thiên cũng được chia một lô đất gần phủ thờ để cất nhà. Sau bảy lăm, anh chị rất vất vả đưa đàn con từ miền Trung xa xôi về sinh sống

tại quê nhà. Dù sao có bà con thân thích cũng dễ thờ hơn. Căn nhà ban đầu cất sập xệ, sau nhờ tiền của các em ở ngoại quốc gửi về, anh chị sửa từ từ khang trang hơn lên. Đến lúc tụi nhỏ trưởng thành, lập gia đình rồi tứ tán khắp nơi để mưu sinh, nhà chỉ còn hai mẹ con hủ hỉ. Kim Anh làm ăn khấm khá, căn nhà được thay phòng tắm hiện đại hơn, phòng ngủ có gắn máy điều hòa không khí mát rượi.

Nằm nghỉ một lát, Thờ bước xuống giường mở cửa sổ nhìn ra khu vườn nhỏ trồng cây ăn trái. Có vài cây soài đang trở bông trắng xóa, cây mận hồng đào trái màu đỏ bóng lộn, những trái bưởi tròn trịa da màu xanh thẫm ... Bụi chuối tiêu ở cuối vườn, trĩu nặng một buồng chuối to, trái đang chín bói. Trong góc vườn có cây mít giống Thái lan chi chít trái. Nghe nói giống này ngon hơn mít Việt Nam rất nhiều. Mà thật lạ, hầu như trái cây nào của Thái Lan, Mã Lai cũng ngon hơn của Việt Nam. Có lẽ tại thổ nhưỡng bên ấy tốt hơn. Có lần đi chơi Mã Lai, Thờ được ăn những trái sầu riêng bản địa nhỏ nhỏ xinh xinh, nhưng ngon tuyệt vời.

Cạnh cửa sổ có trồng cây hoa ngọc lan. Những búp hoa tỏa mùi hương dịu dịu. Hương ngọc lan kéo Thờ lùi về dĩ vãng, những ngày thần tiên hoa mộng của tuổi đại khờ. Thờ chột mỉm cười, nhớ đến những búp hoa ngọc lan trắng muốt mà Bảo vẫn hái cho nàng. Ôi cái con bé Thờ mới sắp xỉ mười hai tuổi. Ngây ngô và khờ dại. Bảo lớn hơn nàng một tuổi. Ở nhà quê, ảnh hưởng chiến tranh nay tản cư chỗ này, mai chỗ khác nên tuy cùng lớp mà học trò có đủ mọi hạng tuổi. Nhỏ nhất ngôi bàn đầu và những hàng cuối lớp có những anh, những chị ...mười lăm mười sáu tuổi đời!



Bảo, con Lành và thằng Mạnh là những đứa bạn thân của Thơ ngày ấy. Nhà Bảo chỉ cách nhà Thơ mấy căn. Nhưng ở quê, nhà nào cũng có vườn rộng bao quanh, nên tuy nói mấy căn mà cũng không phải gần. Nhà Bảo có trồng cây hoa ngọc lan nên cứ cách vài hôm là Bảo lại hái cho Thơ cả túi. Thơ đem vào lớp chia cho Hà và Ngọc. Hai đứa bạn ngồi cùng bàn trên Thơ "nhứt định thằng Bảo thích mày rồi!", nhưng Thơ thì nằng nặc phản đối, tuy trong lòng cũng cảm thấy vui vui. Những lần cả lớp đi dã ngoại, bao giờ Bảo cũng tỏ ra săn sóc Thơ đặc biệt. Bảo đem cho nàng những trái cây tươi nhất, những miếng bánh ngon nhất mặc cho Hà và Ngọc háy nguýt, nhieéc móc...Bảo chỉ nghe răng ra cười hìhì!

Đang thả hồn mộng lung, tiếng Kim Anh gọi khiến Thơ choàng tỉnh:

- Cô ơi, cơm chiều xong rồi. Mời cô ra ăn.

Thơ chải sơ mái tóc rồi đi ra ngoài. Có vợ chồng Kim Nhung, Kim Anh và vợ chồng Thanh, cậu em họ của Thơ. Thanh nghe tin nàng về vội vàng đến thăm và được mời ăn cơm luôn. Cậu ta là người trông coi phủ thờ và chăm sóc nghĩa trang gia đình. Chuyện làng trên xóm dưới gì cậu cũng rành như chuyện trong nhà. Nhìn mâm cơm có món canh chua cá lóc nấu với bông điên điển, cá rô kho tộ với tóp mỡ và đĩa tôm chấy thịt ba rọi Thơ cảm thấy bụng đói cồn cào. Đang ăn, Thanh chợt nói:

- Chị Thơ còn nhớ anh Bảo không? Anh ấy vừa từ Mỹ về thăm bác Năm được 2 tuần rồi. Năm nay bác Năm yếu lắm. May mà có chị Hạnh săn sóc cho bác. Chồng chị mới mất cách đây 1 năm, bị ung thư gan.

Nghe tên Bảo, tự nhiên Thơ thấy rất vui. Nàng có cảm tưởng như tìm lại được món đồ quý giá bị mất lâu ngày. Thơ hơn

hỏi thăm thêm tin tức về Bảo. Thì ra Bảo vượt biên năm tám hai, sau khi đi tù cải tạo 6 năm ròng rã. Đến Thái Lan chàng được nhận qua Mỹ ngay sau đó, vì trong quân đội, Bảo có dính dáng đến chiến dịch Phụng Hoàng. Bảo lập gia đình khá muộn nên lúc đi con còn nhỏ. Bảo vượt biên một mình và sau đó bảo lãnh vợ con qua sau. Thanh nói em nghe anh Bảo ở tiểu bang gì đó nóng lắm. Nóng như sa mạc vậy đó. Thư đoán chắc là tiểu bang Arizona. Cơm chiều xong trời bắt đầu sụp tối. Thơ bỗng tò mò muốn biết bây giờ Bảo ra sao. Từ khi theo mẹ ra miền Trung làm ăn, Thơ không bao giờ gặp lại người bạn thời ấu thơ này lần nào nữa. Nghe cô nói muốn gọi cho cô Hạnh, Kim Anh vội bấm số điện thoại. Có tiếng a lô ở đầu giây bên kia. Kim Anh nói:

-Cô Hạnh ơi, con là Kim Anh đây. Chú Bảo ở đó không cô? Có người quen muốn nói chuyện với chú ấy nè.

Kim Anh đưa điện thoại cho Thơ. Tự dưng tim nàng nhảy thình thịch khi nghe một giọng trầm trầm bên kia đầu giây:

-Tôi là Bảo đây. Xin lỗi ai muốn nói chuyện với tôi vậy?

Im lặng một giây Thơ mới lên tiếng, giọng không tự nhiên lắm:

-Thơ đây anh Bảo.

Bất ngờ đầu dây bên kia có tiếng reo đầu ngạc nhiên và vui mừng:

-Anh Thơ đó hả? Trời ơi, mừng quá!

Thơ cười khẽ, cảm động trước sự biểu lộ tình cảm quá nồng nhiệt của Bảo:

-Dạ, Thơ mới từ Canada về. Không ngờ anh Bảo còn nhớ đến Thơ...

Bảo cắt ngang:

-Quên sao được. Trong đầu Bảo, hình ảnh Thơ ngồi bàn đầu bên tay trái, mảnh mai, trắng trẻo, nụ cười tươi, cặp mắt trong

veo không bao giờ phai mờ! Mà Thơ còn nhớ Bảo hả?

Lúc này Thơ đã lấy lại được bình tĩnh, nằng cũng đùa:

-Thì giống như anh. Bảo trong ký ức của Thơ là một anh chàng ốm tong teo, cao ngồng, giọng vịt đực, chỉ được cái mỗi cái núm đồng tiền trên má phải...

-Trời ơi, đến bây giờ Thơ vẫn còn nhớ cái núm đồng tiền trên má anh. Bảo đột ngột xưng anh, nhưng Thơ không thấy bực mà còn thấy... thích. Kỳ ghê! Thơ cười, chống chế:

-Tại anh là đứa con trai duy nhất trong lớp có núm đồng tiền mà. Bây giờ vẫn còn y nguyên chứ hả?

Bảo cười, giọng ga găm:

-Muốn biết thì ngày mai gặp nha. Thơ muốn mình gặp nhau chỗ nào?

Thơ ngẫm nghĩ một chút rồi nói:

-Chỗ cây sung nơi bến đò hồi xưa đó. Anh Bảo còn nhớ không?

-Dĩ nhiên là nhớ. Nhưng tiếc quá, bến đò xưa không còn nữa, thay vào đó là căn nhà cháu của anh. Con gái chị Hạnh đó. Cháu có cất thêm một nhà mát phía sau nhìn ra sông thơ mộng lắm. Sáng mai 7 giờ mình gặp nhau ở đó nha. Anh mời Thơ ăn sáng. Trời ơi, chắc đêm nay anh mất ngủ quá. Thật tình rất nôn nóng gặp lại Thơ. Lúc này Anh Thơ ra sao? Vẫn trắng trẻo, mảnh mai như xưa?

Thơ cười dòn:

-Thơ mảnh mai chỉ còn trong trí tưởng tượng của anh Bảo thôi. Thơ bây giờ tròn như hột mít. Mai gặp đừng thất vọng nha. Còn anh Bảo có giống cây tre miếu như hồi xưa không?

Bảo trả lời, giọng bí mật:

-Không tiết lộ. Ngày mai gặp sẽ thấy.

## Ngoại Không Màng

Ngoại không màng trời nắng gắt gay  
Disney tháng bảy đi chơi cùng con cháu  
Ngoại không màng phải đợi chờ lâu  
Khi cảnh thần tiên sẽ là phần thưởng  
Ngoại không màng những buổi thức khuya  
Khi nhạc vang và trời đất bỗng sáng ngời  
bông pháo

Ngoại không màng bỏ buổi điếm tâm  
Khi bữa ăn chiều như linh đình dạ tiệc  
Ngoại không màng đi nhanh như gió  
Khi biết sẽ thưởng thức thêm cuộc vui  
Ngoại không màng một giấc ngủ trưa  
Khi ở ngoài trời sẽ phải tắm mồ hôi  
Ngoại không màng dậy sớm ban mai  
Khi ngái ngủ nhưng trong lòng háo hức đi chơi  
Ngoại không màng ngồi tuốt hàng trên  
Coi biểu diễn The Lion King Đại Hội  
Khi cháu được lên sân khấu giúp vui  
Đi một vòng tròn lắc chuỗi hạt thật oai  
Ngoại không màng đi thêm lần nữa  
Khi It's a Small World cháu mê man  
Ngoại không màng ngồi cùng với cháu  
Khi bà cháu mình thật nhiều thú vui  
Nào dự bị đi chơi xa trong hư tưởng của  
tương lai

Hay bắn đạn trong khi quay vòng vòng  
chong chóng

Ngoại không màng ôm cháu trong lòng  
Để cháu biết ngoại vẫn kề bên  
Khi sấm đánh sét gào làm cháu sợ  
Hay Barnstormer Roller Coaster làm cháu khóc  
Ngoại không màng xin nghỉ vài hôm  
Tuy bận rộn nhưng cháu vẫn là nhất  
Nếu tương lai cháu hỏi Ngoại ơi Ngoại có nhớ  
ngày nào...

Thì Ngoại trả lời những ngày tháng bảy Ngoại  
chẳng hề quên

### DIỆM TRÂN

*Viết cho Nhỏ Con Rồng  
Tháng 7 năm 2015*

Hai người nói chuyện thêm một chút thì Thơ cúp máy. Ở nhà quê mọi người đều đi ngủ sớm. Thơ nằm trần trố, những kỷ niệm xưa tràn ngập trong đầu. Cuối cùng nàng phải ngồi dậy uống nửa viên thuốc ngủ. Thơ không muốn thức trễ hoặc mất ngủ cả đêm, mặt mày hốc hác, xấu xí. Dù gì cũng là lần đầu... hội ngộ với cố nhân. Rồi thì bản hòa tấu đều đều của lũ ếch nhái ngoài vườn cũng đưa Thơ vào giấc ngủ đầy mộng mị. Nàng mơ hồ nghe có tiếng gà gáy, nhưng ảnh hưởng của thuốc khiến Thơ ngủ luôn tới sáng. Mới 6 giờ mà Kim Oanh và vợ chồng Kim Nhung đã thức. Thơ mở cửa sổ cho ánh bình minh ủa vào phòng. Có tiếng chim hót véo von trong vườn. Buổi sáng trời mát dịu, không khí thơm mùi ngọc lan khiến Thơ nhớ đến cái hẹn với Bảo sáng nay. Đánh răng rửa mặt xong Thơ đi ra phòng ăn. Cả nhà đang ăn sáng. Kim Nhung đang múc từng muỗng cháo dứt cho mẹ. Bà Thiên đã hơi tỉnh táo, nhận ra cô em chồng dù chưa nói được. Nhưng ánh mắt bà nhìn Thơ đã có hồn. Thơ cầm hai bàn tay chị dâu bóp nhẹ nhẹ và dịu dàng chúc bà một ngày bình an, vui vẻ.

Biết Thơ được mời nên Kim Oanh không chuẩn bị đồ ăn sáng cho cô. Nhưng mùi cà phê thơm phức khiến nàng không nhịn nổi:

-Oanh cho cô một ly cà phê. Thức dậy mà thiếu thân được này là cô không làm gì ra trò. Ngày phải đúng 3 ly!

Kim Oanh bưng ly cà phê phin đặt trước mặt Thơ:

-Con biết rồi nên trước khi về đây con đã mua cà phê xay sẵn chánh hiệu Pháp quốc đó cô.

-Con nhỏ này giỏi! Thơ khen- đưa nào có phức mới cưới được cháu cô đó nghe.

-Thôi cô ơi. Con thấy ở vậy sướng hơn, chẳng bị ràng buộc chồng con gì cả. Muốn đi đâu, muốn làm gì cũng chẳng bị ai có ý kiến ý cò phiền phức.

Thơ trêu cháu:

-Nói thì dễ lắm. Cô chỉ sợ lúc gặp người vừa ý con cũng sẽ bất chấp ý kiến ý cò của người chung quanh. Thôi cô đi thay đồ rồi đến nhà con gái chị Hạnh. Kim Oanh chỉ đường cho cô nha.

-Để con dẫn cô tới đó. Gần đây thôi mà. Gặp lại chú Bảo cô nhớ đừng khóc nha cô. Hi hi!

Thơ cười hi hi:

-Cô chỉ sợ chú Bảo khóc vì thất vọng. Cô bây giờ già khăn, xấu xí như ma lem.

Kim Nhung giờ mới lên tiếng:

-Nói thật lòng, con chỉ mong được xấu xí như cô! Nhìn cô ai dám nói cô đã năm mươi. Cô mướt rướt như con gái!

Tuy ngoài miệng nói "mấy đứa chỉ nịnh cho cô vui" nhưng trong lòng Thơ cũng nở hoa. Nàng biết mình không xấu. Tuy nhiên sắc đẹp tùy người đối diện. Người này thấy đẹp, nhưng có thể người kia thấy xấu. Nhưng xấu đẹp thì đã sao? Thơ là Thơ. Bảo thấy nàng đẹp hay xấu cũng không quan trọng. Chẳng chỉ là "người bạn thời niên thiếu" thôi mà.

Thấy cô bước ra, hai đứa cháu đều buột miệng:

-Cô đẹp quá cô ơi. Cháu là đàn ông cũng sẽ mê cô tí thò lò!

Mà thật vậy, trong chiếc quần bó bằng thun đen, chiếc áo ngắn tay màu kem có những nụ hồng hàm tiếu nhỏ nhỏ trang nhã, cổ hở vừa phải làm nổi bật làn da trắng mịn của chiếc cổ thon dài. Gương mặt trang điểm phơn phớt và mái tóc cắt ngắn chấm vai đơn sơ, khiến Thơ như một cô gái mới

ngoài ba mươi. Nhờ chăm chỉ tập thể hình nên con người Thơ vòng nào ra vòng nấy. Đôi khi đứng với bé Kim, nhiều người còn không phân biệt được ai là mẹ, ai là con...và dĩ nhiên là từ khi chia tay Khương, ong bướm cũng dập diu, nhưng Thơ chưa từng rung động trước một ai.

Hai cô cháu đi trên con đường sát bờ sông. Bây giờ hai bên nhà cửa san sát nên không còn nhìn thấy giòng sông như trước. Thuở xưa, mé bờ sông chỉ có cây cối mọc chen chúc chứ không có nhà ở. Từ nhà ông nội đi ra con đường đất, queo tay phải là bến đò chú Nhiên. Có cây sung già thân chỉ chít trái màu xanh ngọc. Cây sung tỏa bóng mát cho những hành khách chờ đò. Dưới gốc sung có cái sạp bán nước uống và vài loại bánh kẹo. Đi xa hơn là ngôi Đình làng cổ kính, tọa lạc gần Vàm sông Cái. Tụi học trò thỉnh thoảng cũng kéo lên đây chơi, vì trong khu vườn có vài cây sa bô chê, lúc chín ai hái cũng được.

Tới trước căn nhà gạch khá đẹp, có cổng sắt kiên cố, Kim Oanh nói:

-Nhà con gái cô Hạnh đây cô. Cô cứ vô chơi. Con phải về vì có khách hẹn. Trưa cô về nhà ăn cơm với tụi con.

Nói xong, Kim Oanh kêu với vào trong nhà. Một cô trạc tuổi Kim Oanh chạy ra mở cổng, tự xưng là Lệ Lan, lễ phép mời Thơ bước vào. Trong nhà bày biện tửu thờ, salon, bàn ăn bằng gỗ quý cần xà cừ lộng lẫy, chứng tỏ gia chủ làm ăn khá khá. Hỏi ra mới biết chồng Lệ Lan buôn bán vật dụng xây cất. Khá là phải, vì lúc này ai cũng thích sửa sang nhà cửa. Lệ Lan đưa thơ đi thẳng ra phía sau. Người đàn ông dáng cao dong dong, mặc cái áo polo ngắn tay màu xanh dương đậm, đang đứng dựa tay vào lan can, nhìn qua bên kia bờ sông, nghe

tiếng bước vội quay lại. Ông ta hoàn toàn xa lạ với cái nhìn đầu tiên của Thơ, tới khi thấy nụ cười khoe núm đồng tiền trên má là Thơ nhận ra ngay người bạn cũ. Bảo bước tới nắm nhẹ hai bàn tay của Thơ, nghiêng đầu ngó nằng giọng đầy cảm xúc:

-Trời ơi gặp lại Anh Thơ mừng quá! Thật không ngờ còn có ngày này. Ngoài sức tưởng tượng của anh!.

Thơ mỉm cười:

-Thơ cũng vui lắm. Hơn ba mươi năm mới gặp lại anh. Cũng vẫn "cây tre miếu" như xưa. Thơ thay đổi nhiều phải không anh?

-Thơ còn đẹp hơn anh tưởng tượng nhiều. Vậy mà tôi qua nói giống hệt mít. Làm anh cứ tưởng...

-Cứ tưởng sẽ gặp một bà nái xè phải không?

-Nhưng cặp mắt và nụ cười vẫn không thay đổi. Thơ cười là anh nhận ra ngay. Hồi xưa nhiều thằng trong lớp thú thật với anh là tụi nó "mết" nụ cười của Thơ đó. Bé tí mà đã lộ vẻ quyến rũ rồi!

Cả hai cười xòa. Bảo tự nhiên cầm tay Thơ kéo đến chiếc bàn gần đó. Chỉ có hai chiếc ghế mây, với nệm ngồi êm ái. Thơ thắc mắc:

-Chỉ có hai đứa mình thôi sao? Còn vợ chồng Lệ Lan?

Bảo nhìn Thơ với ánh mắt không giấu được vẻ nồng nàn:

-Sáng nay chỉ có hai đứa mình. Vợ chồng Lệ Lan phải ra tiệm.

Bảo cố tình nhấn mạnh "hai đứa mình" khiến Thơ không khỏi đỏ mặt, nhưng trong lòng bỗng nhiên thấy vui vui. Ủ thì hai đứa mình. Vui ít hôm có sao đâu. Rồi ai về nhà nấy, sống nốt kiếp đọa đầy!

Lệ Lan bung 2 tô bánh canh cua nóng hôi và 2 phin cà phê đặt trước mặt Bảo và Thơ rồi chào:

-Cô Thơ và cậu Bảo cứ ở đây chơi thoải mái. Con phải ra tiệm phụ với chồng con chiều mới về. Thôi con xin phép cô và cậu.

Trong khi ăn Thơ kể cho Bảo nghe hoàn cảnh gia đình mình và hỏi Bảo sao không thấy bà xã về chung. Bảo nhìn ra giòng sông loang loáng nắng, giọng buồn buồn:

-Bà xã anh mất gần bốn năm rồi. Cô ấy bị bệnh tim. Cứ lo làm ăn mãi không chịu đi kiểm tra dù đã thấy sức khỏe không được tốt. Đến lúc bị ngất nhiều lần mới chịu đi khám, thì bệnh đã nặng rồi. Có giải phẫu, nhưng cũng chỉ được hơn một năm thì mất. Anh còn hai đứa con song sinh, một trai một gái. Chúng đang học năm đầu đại học và rất ngoan. Sở dĩ anh về là để thăm má anh. Bà vừa bị truy tìm tưởng chết. Nhưng may quá con nguy kịch đã qua. Anh cũng có nghe nói chị hai Thiên bị stroke khá nặng. Chắc bữa nay chị ấy cũng khá rồi phải không Thơ?

Thơ thở dài, giọng đầy xót xa:

-Người lớn tuổi sống trong xã hội này không biết chết nay sống mai ra sao nữa. Thơ từ Canada về là cũng để lo cho chị Thiên. Bữa nay chị ấy hơi tỉnh táo một chút. Chỉ còn một tuần nữa là Thơ phải trở lại Montréal. Bỏ tiệm lâu quá không được. Chừng nào anh Bảo trở về Mỹ?

-Anh cũng còn một tuần nữa thôi. Anh lấy 2 tuần nghỉ thường niên và một tuần nghỉ không lương. Về để còn đi cày nuôi con. Anh bây giờ thân gà trống nuôi con, nhiều khi cũng oải lắm! Mà lạ, càng buồn anh càng nhớ về dĩ vãng. Nói ra không biết em có tin không, nhưng trong rất nhiều giấc mơ, anh thấy mình sống lại thuở còn nhỏ ở đây. Thấy mình tắm lội thỏa thuê trong giòng sông này. Trong giấc mơ có Thơ, Lành và cả thằng Mạnh. Y như ngày xưa.

Em có bao giờ mơ thấy giống như anh không Thơ?

Thơ đứng lên tỳ tay vào lan can, đưa mắt nhìn giòng nước lấp lánh dưới ánh mặt trời. Một vài đám lục bình đeo trên lưng những bông hoa tím, lười biếng trôi.

-Không hiểu tại sao em có cảm tưởng như con sông này ngày nay thu hẹp lại rất nhiều. Hay tại ngày xưa mình nhỏ quá nên nhìn vật gì cũng thấy lớn? Em nhớ tụi mình với con Lành, thằng Mạnh lội rất lâu mới tới bờ bên kia. Lội qua đó để hái cây bông bong mọc dọc theo bờ nước, chà lên người nổi bọt giống như xà bông. Sau đó còn hái trộm mận, bẻ trộm mía rồi lội về bên này ăn với nhau. Vui ời là vui.

Bảo cười lớn:

-Có lần thằng Mạnh hái mận nhiều quá, đội cái rổ trên đầu, boi có một tay suýt chìm theo giòng nước. May có chú Hiến lôi nó lên bờ. Hôm đó nó còn bị một trận đòn toi bời! Giọng chàng bỗng chùng xuống, Mạnh bị mất tích trong trận Hạ Lào. Tội nghiệp nó mới cưới vợ được mấy tháng. May mà chưa có con. Trong thời chiến, sinh mạng con người như chỉ mảnh treo chuông! Ngày nào cũng có vài ngàn tử sĩ. Anh thật may mắn sống sót cho đến ngày tàn chiến tranh. Tuổi thơ đã qua, nhưng kỷ niệm thì như khắc vào tim không bao giờ phai nhạt.

Thơ cũng cất giọng ngậm ngùi:

-Giòng sông này chứa biết bao nhiêu kỷ niệm vui buồn của tụi mình thời thơ ấu. Cũng như anh, Thơ thường nằm mơ thấy nó. Thấy cả cây dừa lửa chú Bảy của Thơ trồng sát bờ sông. Những quày dừa màu đỏ, nước ngọt lịm như pha đường. Cả cái bờ thả xuống sông chắt đầy chà, cứ hai ba ngày chú bảy kéo lên. Cá tôm cả thúng gia

nhảy soi soi. Thơ còn nhớ những hôm nước ròng, mấy đứa tụi mình chạy đuổi theo mấy con cá nhỏ tí tẹo, có sọc đen rất đẹp. Những con cá này lội nhanh như tên bắn, nên cả bọn vừa chạy theo vừa reo hò vang cả bờ sông mà chẳng bắt được con nào! Nhớ lại vui thật là vui. Thương quá giòng sông chứa đựng cả tuổi thần tiên của chúng mình phải không anh. Dĩ nhiên Thơ chưa bao giờ quên những kỷ niệm đó.

-Sau khi em theo cô chú Tân ra miền Trung, anh cũng mất cả hứng thú đi chơi với bọn thằng Mạnh con Lành. Anh nhớ Thơ rất lâu...rất lâu mới nguôi ngoai. May mà năm sau anh xuống Cao Lãnh học Trung học. Rồi giòng đời cũng trôi như giòng sông. Khi Thơ về đây thăm ông bà nội thì anh lại đang ở Sài Gòn và chúng mình đã không còn cơ hội nào gặp lại nhau nữa. Nhưng chuyện đời bao giờ cũng có những "bất ngờ" thú vị phải không em? Vừa nói Bảo vừa nhìn Thơ, đôi mắt chứa đựng cả một trời thương mến. Tự nhiên Thơ cảm thấy bồi rối trước một thứ tình cảm nhẹ nhàng, lâng lâng và ấm áp đang xâm chiếm tim nàng. Thơ cố giữ bình tĩnh, nhưng khi bàn tay của Bảo đặt lên vai nàng Thơ bỗng run lên. Giọng Bảo dịu dàng:

-Anh chưa bao giờ quên những ngày tháng chúng mình vui đùa bên nhau lúc còn nhỏ. Những kỷ niệm đó nằm thật sâu trong tim anh. Thịnh thoảng nó lại trôi lên, giống như mình cất một viên kẹo, lâu lâu lấy ra mút. Cảm giác thật là ngọt ngào, hạnh phúc! Anh ao ước chúng mình nối lại tình bạn năm xưa. Biết đâu chừng...Bảo bỏ lửng câu nói, nhưng Thơ hiểu ý của chàng. Thơ im lặng vì không biết trả lời sao cho đúng.

-Thơ, anh chỉ nói ra tình cảm của riêng anh. Thơ có toàn quyền quyết định. Hai đứa

mình còn mấy ngày nữa mới chia tay. Anh muốn Thơ từ từ hiểu anh và nhất là hiểu rõ lòng mình. Chúng ta đã qua cái thời tuổi trẻ bông bột để có những quyết định vội vàng. Nếu không có gì đi nữa thì chúng mình vẫn là bạn thân, Thơ đồng ý không?

Tất nhiên là Thơ thấy giải pháp này không tệ. Cả hai đã trải qua không ít sóng gió trong cuộc đời. Những hệ lụy đó là những trải nghiệm quý báu. Thứ tình cảm ngây thơ, trong sáng thuở nào dù sao cũng đã trôi vào quá khứ. Thôi thì hai tâm hồn đang cô đơn cứ nối lại tình bạn tưởng đã đứt từ bao nhiêu năm nay cũng tốt thôi. Ít ra là để an ủi nhau, chia sẻ nhau những buồn vui trong cuộc sống. Bắt đầu từ hôm đó Bảo và Thơ đã cùng nhau đi thăm lại tất cả những nơi mà thuở xưa cả bốn đứa thường lui tới vui đùa. Tới chỗ nào hai người cũng nhắc lại đã chơi những trò gì nơi đây, đã ăn những thứ gì ...vv...rồi cười vang, thoải mái và hạnh phúc.

Chỉ còn hai ngày nữa là Thơ phải lên máy bay trở về Montréal. Nàng rủ Bảo đi viếng lại ngôi đình cổ, nơi mà bốn đứa trước kia thường đến hái sa bô chê, vì sáng mai Thơ phải lên Sài Gòn sớm. Con đường đất dẫn vào Đình làng bây giờ được lát gạch sạch sẽ. Ngôi đình cũng được tu bổ khang trang, nhờ tiền ở ngoại quốc gửi về cúng đình. Khu vườn sa bô chê ngày xưa nay được trồng thêm nhãn và chôm chôm... Sau khi bước vào trong chánh điện thắp ba nén hương trên bàn thờ Thần, cả hai ra ngoài đi dạo loanh quanh. Không khí mát rượi, yên tĩnh. Chỉ có tiếng chim hót trong các tán cây rậm. Thật bất ngờ, khi đến gần cây sa bô chê già cỗi gần miếu Thần Hồ, Bảo chợt nhớ ra một điều, vội chạy lại khom người quan sát kỹ thân cây. Chàng

lặng người đi vì xúc động. Bốn tên Bảo, Thơ, Mạnh và Lành mà chàng đã dùng cái dao nhíp nhỏ xíu khắc vào thân cây ngày nào nay vẫn còn đó. Chẳng những vậy nó còn lớn lên theo sự tăng trưởng của thân cây. Bảo quay lại gọi Thơ đến xem. Nàng cũng không dấu được sự xúc động. Thơ đưa tay sờ lên bốn cái tên mà có cảm tưởng như sờ được tuổi thơ của mình. Nàng rung rung nhìn Bảo, muốn nói rất nhiều mà sao cứ nghẹn ngào. Bảo úp bàn tay mình lên tay Thơ, mắt nhìn nàng đắm đuối:

-Thơ không thấy đây là dấu hiệu của định mệnh hay sao? Tên hai đứa khắc ở đây, bao năm qua vẫn còn đó. Anh cho rằng cuộc đời hai đứa mình không nên chia lìa nữa.

Thơ cười, cố giấu vẻ bối rối:

-Anh giải thích có lợi cho mình quá há!

-Không phải sao. Tự nhiên Thơ và anh về cùng một lúc. Cả hai đứa mình cùng ray rứt nhớ đến giòng sông của tuổi thơ đầy kỷ niệm... Đang nói, Bảo bỗng choàng tay ôm Thơ sát vào lòng, dịu dàng hôn lên trán rồi thì thầm ... mấy ngày qua anh thấy Thơ cũng không đến nỗi lạnh nhạt với anh, phải không?

Thơ bất ngờ bị ôm hôn không khỏi giật mình bối rối, nhưng hơi ấm từ người Bảo khiến nàng cảm thấy thật dễ chịu, ngắt ngảy. Thơ chỉ còn đủ sức đưa mắt nhìn Bảo và...gật đầu. Không để mất một giây, môi chàng đã gắn liền môi Thơ đang hé mở. Nụ hôn dài, nồng nàn khiến cả hai trái tim đập rộn ràng. Lúc Bảo buông ra, Thơ phải tựa vào cây sa bô chêm mới đứng vững, đôi má đỏ hồng. Bảo cười khẽ, ngón tay vờ trên đôi môi của Thơ:

-Chưa bao giờ anh thấy Thơ đẹp như lúc này. Thơ ơi, anh có đang nằm mơ hay không? Nếu là mơ thì chính là giấc mơ đẹp

nhất đời anh. Được em yêu là hạnh phúc lớn nhất mà anh chưa bao giờ có.

Trước những lời tỏ tình chân thành của Bảo, Thơ vừa cảm động vừa thẹn thùng, chỉ biết ngước cặp mắt đầy thương yêu nhìn chàng. Hai người cứ đứng như thế, tay trong tay, lắng nghe tiếng lòng dạt dào, tựa như giòng sông ngoài kia đang êm đềm chảy. Bảo và Thơ phải nhớ ơn giòng sông, dù có sống cách xa vạn dặm... Nhờ nó mà hai người có với nhau biết bao kỷ niệm đẹp.

Kim Oanh mời Bảo đến dùng bữa cơm chiều với gia đình. Suốt bữa cơm, dù cô che dấu nhưng vẫn không qua mắt được một ai, vì hai chữ hạnh phúc hiện lồ lộ trên mặt hai người. Kim Oanh nói tình bơ:

- Cô ơi, khi nào cô và chú Bảo làm đám cưới nhớ báo tin cho tụi cháu biết đó nha.

Thơ mắc cỡ, vớ tay qua giá bộ cốc đầu Kim Oanh "Con nhỏ nhiều chuyện!" nhưng mắt lại nhìn Bảo đầy âu yếm.

Bảo cười cười và chậm rãi nói:

-Dĩ nhiên rồi. Các cháu không đợi lâu đâu. Phải không Anh Thơ?

### Tiểu Thu Mùa hè 2015



## VÀNG TRĂNG NHỚ

Nguyệt lặn đêm tàn rượu đắng môi  
Nhớ thương thăm thẳm một phương trời  
Bến xưa hiu hắt sầu riêng một  
Trăng cũ vỡ vàng mộng lúa đôi  
Gác vắng canh trường khôn vui lệ  
Song thưa khắc lụn khó vui cười  
Cho ai gửi mảnh tình thơ đến  
Muôn dặm quan hà có thành thơ?

**Văn Thị Kiều Anh**

+++++

## Chuyện tình YMCA

Sao anh chẳng tới bữa nay  
Bãi xe xơ xác, lá bay thì ào.  
Cúi đầu xách túi thể thao,  
Giày ba-ta trắng, người vào, kẻ ra.  
Anh không đến tập hôm qua  
Giá đừng vắng nữa, đâu là nhớ thêm!  
Hồ bơi nằm đợi êm đêm  
Lòng em sóng gợn hồi đêm một mình.  
Bởi chung chăn gối vô tình  
Chập chờn giấc ngủ, kia hình bóng ai.  
Thiếu nhau che giấu thờ dài!  
Âm thầm mong sáng ngày mai...lại chờ!

**Nguyễn-Phú-Long.**

## DÀI NGẮN TRĂM NĂM

ta vui một chút buồn dư  
em vui một chút ưu tư đời thường  
thôi thì dài ngắn trăm năm  
thôi thì cười khóc chỉ ngàn ấy thôi

## ĐƯA NHAU

ngiêng ly một chút bọt thừa  
liếm môi thấy nhạt như chưa bắt đầu  
đưa nhau đỏ mắt hôm nao  
đưa sầu đưa khổ đưa đau đau nhìn  
đưa nằm mắt nhắm im im  
chùm hoa phủ ngực hương chìm thiên thu!

## KHÓC NEPAL

Nhòe mực tím chữ hư hao  
Nhòe thêm mắt lệ nhìn người ra ta  
Sao mà cảnh khổ ta bà  
đời mình thắm mệt, thấy, mà thương vay  
tan hoang làng núi sông soài  
đoạn trường ca, cuộc bể dâu cõi người!  
đau lòng một kiếp tả tôi...  
em, Nepal! Khóc, bời bời bụi vương!

4/26/15

**Nguyễn Bạch**

(trích trong quyển thơ Hệ Lụy, chưa in)



# ‘Bước Lạ Quê Hương’

## ‘Người con xưa của Quê hương cũ’

**Nguyễn Thùy**

Vừa nhận được tập ‘**Bước Lạ Quê Hương**’ (\*a) bút ký của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung gửi tặng (do cô Mây Thu, đại diện Tam Cá Nguyệt san ‘Cỏ Thơm’ tại Pháp chuyển). Vốn mến mộ lối viết của nhà văn này, tôi đã đọc ngay. Ngọc Dung, qua những tác phẩm của Cô (xin gọi Cô cho trẻ trung và thân tình), nhất là qua lời của Cô nơi một số tập Cỏ Thơm do Cô làm Chủ nhiệm, tuy niên kỷ có cao nhưng giọng văn vẫn trẻ, đôi khi bông đùa rất dịu dàng, dễ mến. Phần lớn, người nghệ sĩ VN (nhà văn, nhà thơ, nhà họa, nhà nhạc,..) qua bao thăng trầm, dâu biển dồn dập theo vận nước nổi trôi (nhất là sau tháng Tư đen, phải bỏ nước ra đi), bầm giập vì thế sự, vì gian truân của phận mình và gia đình, hầu như **đã phải ‘già’ đi trong cái trẻ**. Nhưng, tinh nghệ sĩ vẫn đeo đẳng như một thứ ‘*tình nghiệp dĩ*’ (amour karmique) giúp họ như luôn được **sống trẻ nơi cái già** của mình\*. **Nghệ sĩ**, nói chung, theo tôi, **là chiếc cây mọc lên từ lòng đất để luôn tư lự về bầu trời**. Cái ‘bầu trời tư lự’ đó trở thành chất sống tiềm tại, nội sinh mặc nhiên nuôi dưỡng nơi họ một thứ ‘*lãng mạn hồn nhiên, thơ ngây*’ (romantisme naif) giữa tuổi đời chồng chất. Nói theo nhà thơ Thúy Trúc : « *Hỏi ai, ai có biết Đời đẹp hay là không Riêng tôi, tôi chợt nghĩ : Tuổi nào cũng màu hồng* ». Nơi tập Bút ký này, Ngọc Dung đã phải giới hạn cái ‘*lãng mạn*’ thường ngày để tình

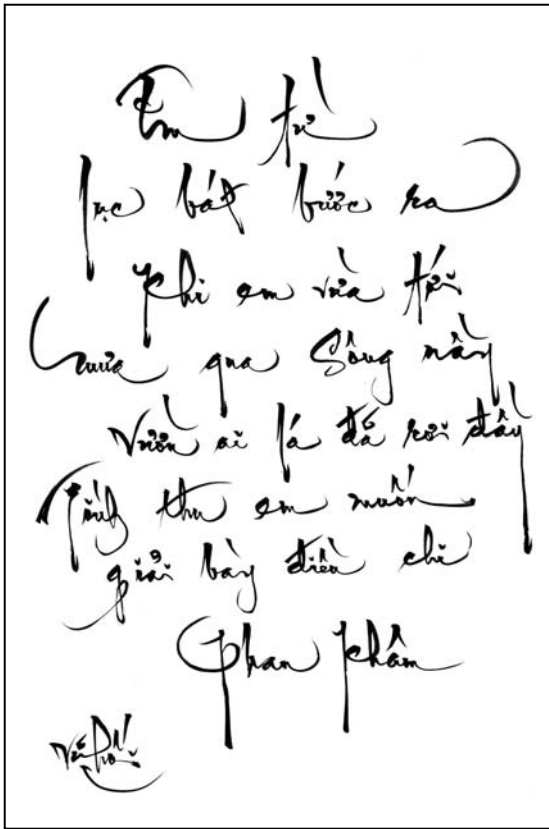
cảm bớt phiêu du vào khung trời phiêu lãng của quá khứ ngày nào, giờ đang trong một thực tại trở trêu.

‘**Bước Lạ Quê Hương**’ chỉ là một Bút ký, một ‘*sổ tay du lịch*’ (carnet de voyage, récit de voyage). Bút ký du lịch thường là ‘nhật ký’ của hành trình du lịch, chép ghi, tường thuật lại những cảnh sắc, những di tích, những thổ sản, những sự việc, nói lên được phần nào lịch sử cùng văn hóa nơi xứ sở mà người du lịch đã ngắm nhìn, thăm viếng, trao đổi, có thể cả những tìm hiểu công trình, tập quán, phong tục của từng địa phương, từng kiến trúc... rồi chụp hình, quay phim để lưu niệm hoặc để dùng làm tài liệu cho mọi viết lách khác. ‘**Bước Lạ Quê Hương**’ cũng thoáng những điều trên, không nhằm vào ‘khám phá’ nào về người, về phong thổ, địa lý, phong tục, cách sống, lịch sử của từng địa phương đã du ngoạn. Nếu có nhắc lại một đôi sự tích, một đôi công trình kiến trúc,... tác giả đều dựa vào những tài liệu trước đây chứ không chú tâm tìm tòi, khám phá. Ngọc Dung không là nhà khảo cổ, không là kẻ sưu tầm, nghiên cứu, cũng không đóng vai phóng viên, nhà văn, nhà thơ trong suốt hành trình du lịch này (điều này tác giả đã nói rõ nơi Lời Nói Đầu). Lời văn thật thà, bình dị, nói kể nhiều hơn lý luận, miêu tả. Ta không bắt gặp nơi tập sách này những ý tưởng sâu xa, những suy tư đặc biệt nào. Thêm nữa, mục đích chuyến du lịch hầu như chủ yếu nhằm gặp lại bà con, thân nhân, bạn bè ngày trước, nặng phần tình cảm riêng tư..

Vậy cái ‘hay’ của tập **Bút ký này nằm nơi đâu ?** Đọc xong tác phẩm, tôi phát hiện ra cái tâm trạng của Ngọc Dung đã cố nén giữ lòng mình, không cho bộc lộ rõ ràng khi về thăm lại VN sau nhiều chục năm trời xa cách. Ngọc Dung đã có thời tuổi trẻ vô tư, hồn nhiên, sung túc tại quê nhà Hà-Nội ; năm 1954, vào Nam, sống ở Sài-Gòn cũng vô tư, hồn nhiên, sung túc ; rồi sang Mỹ, cuộc sống của riêng mình và các con cũng sung túc, yên vui, đầy đủ. Ngọc Dung đã từng du lịch nhiều nơi, khắp cùng nước Mỹ, cả bao quốc gia khác : Bỉ, Pháp, Đức, Anh, Ý,..., ngoại trừ Trung Hoa Cộng sản. Ngọc Dung đã thấy tận mắt những cao ốc chọc trời, những xa lộ thênh thang, những khách sạn 5 sao,...những công trình kiến trúc qui mô, vĩ đại xưa nay,... ; tất cả những thứ đó không còn xa lạ với nàng. VN bây giờ cũng có đủ những thứ đó, nhưng với nàng không là những thứ hấp dẫn. Trong chuyến ‘du lịch’ VN này, Ngọc Dung không mô tả, không một lời nói đến những thứ đó để khỏi phải đề cập đến cái mặt ngoài phấn son biểu kiến trong lúc lục phủ ngũ tạng bị gặm nhấm, lở loét, rã mòn. Do đâu có thể nói thế ?

1) Trước tiên do nhan đề tập bút ký : **‘Bước Lạ Quê Hương’**. Chính cái nhan đề này đã khiến tôi đọc trọn tác phẩm trong một đêm. Chọn nhan đề như thế, hẳn Ngọc Dung đã từng đắn đo, băn khoăn, tư lự, đã ‘tự hỏi’ mình ‘phải thế nào’ đây khi về lại quê hương ?. Trong mail gởi cảm tạ Ngọc Dung đã tặng sách, tôi nghịch ngợm đảo lộn nhan đề trên thành **‘Quê Hương Bước Lạ’** \*\*. Đùa vui thôi nhưng xét ra cũng phần nào nói lên nỗi lòng u ẩn của Ngọc Dung.

Quê hương ! *‘Quê hương mãi ở lòng ta đó, Vàng đá là đây nhẩn như lời’* (câu thơ của Lê Ngọc Chấn, phu quân nữ sĩ Vân Nương). Một điều không ai phủ nhận Ngọc Dung là người yêu nước. Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm do nàng làm Chủ nhiệm đã có sự góp mặt của bao Văn Nghệ sĩ giàu lòng yêu Dân tộc, Quê hương. Trong thời gian sống xứ Mỹ, nhìn cách sống và văn hóa xứ người, Ngọc Dung hẳn đau lòng nhìn về Việt Nam ngày càng tàn tạ, héo hon với thứ ‘văn hóa đều’, ‘văn hóa nói láo’ như nhiều người đã nói, một thứ ‘văn hóa phi văn hóa’. Bước đi của nàng trên khắp vùng nước Mỹ hay du lịch nơi xa, nhìn người rồi nghĩ đến ta, tôi nghĩ Ngọc Dung luôn mang theo mình tấm lòng yêu nước đó dù không nói ra. Mỗi bước đi là *‘mỗi bước nhớ quê hương’* (*‘Bước đi từng sợi nhớ, Sầu đong từng nhịp thơ’*). Bây giờ về lại quê hương trong một chuyến du lịch, liệu Ngọc Dung có thể nói với quê hương lòng yêu nước của mình ? Nói thế nào đây và Quê hương có chấp nhận cho không ? Ba mươi ba năm xa cách, nay về thăm ít ngày ngắn ngủi, liệu Quê hương có còn nhận ra và chấp thuận đứa con thân yêu của mình hay xem chỉ là một du khách, hoặc tệ hơn, là *‘đứa con hoang’* về với quê hương ít ngày rồi lại ra đi. Ngọc Dung ngại rằng Quê hương không vui mừng đón nhận *‘đứa con hoang trở về’* (le retour de l’enfant prodigue) như câu truyện trong Thánh Kinh Tân Ước mà xem đứa con này không còn là con mình mà chỉ là người lạ mặt thôi. Quê hương sẽ nhìn chuyén trở về thăm quê hương chỉ là những bước của kẻ xa lạ chứ không còn là những bước quen thân đây



tình gắn bó, triu mến, thăm thiết như xưa. Vì thế nên *'Quê Hương bước lạ'* và Ngọc Dung băn khoăn. Quê hương còn đây nhưng là một quê hương không còn nặng tình nặng nghĩa đón tiếp nàng mà xem nàng chỉ là kẻ lạ viếng thăm. Trong tâm trạng băn khoăn đó, Ngọc Dung có thể -theo tôi nghĩ- tự nghĩ rằng quê hương sẽ xem mình là kẻ xa lạ thôi. Quê hương xa lạ với mình và mình cũng xa lạ với quê hương!. Bước chân nàng trong chuyến du lịch chỉ là ***'Bước lạ quê hương'***, bước lạ lẫm của người con quê hương trên quê hương mình. Ngọc Dung hẳn đã nhiều thao thức để chọn cái nhan đề

như thế cho tập bút ký (xem Lời Nói Đầu). **Không để ý đến nhan đề đó, không nhìn ra tâm trạng băn khoăn của nàng, ta sẽ không 'nhìn' ra cái hay của tác phẩm, để thích thú.** Xin hãy hoán vị mình vào tâm trạng tác giả mới nhìn ra, mới cảm nhận được những sâu lắng của tâm hồn tác giả mà qua tập bút ký nàng không nói ra minh thị, rõ ràng. Đọc văn, đọc thơ người nào là để *'ta được sống với ta'* (qua hệ thống qui chiếu là tác phẩm của tác giả); có thể ta mới cảm nhận ra tâm tình, ý hướng tác giả để khỏi vội vàng chê khen thế này thế nọ theo cái nhìn chủ quan của mình hay theo một thiên kiến nào đó. Tóm lại, qua nhan đề và nội dung tập Bút ký, tôi hình dung **Ngọc Dung mong sao vẫn được là 'người con xưa của quê hương cũ'** trong lần về Việt Nam này.

2) Ngọc Dung đã tự nén lòng mình, không để tình cảm yêu nước tuôn trào lúc nhìn ngắm quê hương qua từng bước đi, qua từng chặng đường 'du lịch'. Có thể từ 'du lịch' không thực đúng với tâm trạng nàng. Người VN hải ngoại về VN, lúc trở lại xứ sở đã định cư, thường có hai tâm trạng, hai ý kiến. Một số người loanh quanh nơi các phố thị, nhìn thấy nhà cửa hoành tráng, biệt thự, bin-ding, xe cộ bóng nhoáng, sang trọng, sân golf, quán xá khắp nơi, nào massage, karaoke, cà-phê internet, bia ôm, quán ôm đủ loại, bãi biển du lịch, những cơ sở doanh thương, xí nghiệp to lớn, những chiếc cầu tân tiến, nói chung là mọi tiện nghi sống đầy đủ, xa hoa rồi ca tụng VN bây giờ tân tiến, văn minh, không thua hoặc còn hơn cả các xứ Âu Tây. Số khác chịu khó đôi lần lặn lội đến đôi vùng thôn quê hay đôi nơi tối tăm nơi phố thị, rồi đối chiếu với cảnh xa hoa của thị thành, thấy rõ cách biệt quá lớn giữa giàu nghèo,

thấy rõ cảnh sống cơ cực của quần đại nhân dân (*Ngày rục rã da xương còm cõi, Đêm rụng rời khắc khoải thân đơn, Vào khuya tiếng cú gọi hồn, Vào mai trở giấc máu còn lạnh tê!*), chứng kiến cảnh dân oan, cảnh công an hà hiếp người dân, cảnh hối lộ, tham nhũng của các quan chức nhà nước, và bao tệ lậu khác,...; từ đó đau xót, than thở cho tình dân cảnh nước, lên án chế độ tàn ác, bắt lương,... đã tàn phá quê hương gấm vóc, thơ mộng ngày nào, thay vào đó là cái bề ngoài hào nhoáng nhưng vô cảm, vô hồn. Ngọc Dung hẳn biết tâm trạng hai lớp người trên nhưng nàng cố tránh tỏ bày một thái độ, một quan điểm nào về mặt chính trị, kinh tế, xã hội. Tập Bút Ký được viết xong năm 2007 (sau hai lần về thăm quê năm 2004 và 2006), được nhuận bút năm 2014 và được xuất bản năm 2015. Như vậy, sách được viết xong tại Hoa Kỳ, Ngọc Dung có thể tha hồ bày tỏ mọi thái độ, nỗi niềm cùng quan điểm về thế sự, dân tình nơi Quê hương dưới chế độ CHXHCN của Cộng sản. Nhưng Ngọc Dung không đề cập đến những điều này, để vẫn trung thực với tâm trạng **‘người con xưa của quê hương cũ’** (tuy nhiên, dù có ‘nén’ lòng cách mấy, Ngọc Dung cũng không thể nói lên một số mặt tiêu cực, đặc biệt là vấn đề vệ sinh và xe cộ mắc cửi, chen lách nhau, bóp còi inh ỏi,... cùng đôi lời thông hận chế độ CS).

3) Tập Bút ký chứa đầy hoài niệm. Suốt tập Bút ký, Ngọc Dung không hề nhắc đến những tên đường mới do Cộng sản đổi tên đường cũ trước đây. Ngọc Dung chỉ nhắc đến những con đường còn mang tên cũ, đôi khi còn nhắc lại những nơi trước kia từng là nơi công sở của VNCH (Nha Chiến tranh tâm lý, Thư viện Quốc gia, Tòa nhà Quốc

Hội, Công trường Lam Sơn, Khám lớn, Cư xá Công chức Trước Bạ,...), những nơi còn mang tên cũ (thương xá Tax, nhà sách Xuân Thu, tiệm Givral, Brodard, Pagode, Cầu Bông, Bến Bạch Đằng, Chùa Hương, Đền Ngọc Sơn, Thác Prenn,...). Chỉ duy nhất nói đến đường Đồng Khởi (Catinat ngày trước) vì đi qua đi lại nhiều lần nhưng lại thêm **‘Đồng Khởi mất tự do’**. Ngọc Dung đã nói rõ: **‘Người viết phải xin lỗi quý độc giả trong bút ký này, tôi chỉ muốn nói tên đường cũ, tên những con đường 33 năm về trước. Bởi vì tôi đang tìm về những con đường kỷ niệm và tôi không thể nhớ hay không muốn nhớ tên đường mới cho nhưc nhối khối óc đã bị thương nhiều lần trong cuộc nội chiến 20 năm máu lửa, Nam Bắc phân tranh’** (trang 35). Bất kỳ thăm viếng nơi đâu, Ngọc Dung cũng chỉ nhớ, hoặc bàng bạc hoặc rõ ràng những kỷ niệm xưa, thời còn là cô bé hay còn là nữ sinh Trưng Vương hay đã trưởng thành rồi qua xứ người năm 1972 lúc 32 tuổi đời. Điều đặc biệt, Ngọc Dung luôn nhắc đến lịch sử thời qua, những chiến công phá Tống, bình Nguyên, đuổi Thanh của bao anh hùng dân tộc cùng văn thơ bao người nổi danh (Trần Nhân Tông, Nguyễn Trãi, Đặng Trần Côn, Cao Bá Quát, Bà Huyện Thanh Quan, Đoàn Thị Điểm, Chu Mạnh Trinh, Hồ Xuân Hương,...) đã tức cảnh sinh tình, ghi lại vẻ đẹp của đất nước. Cảm động nhất là đoạn viếng thăm lại làng Mộc Thượng Đình và biệt thự Văn Khôi, nơi đã sinh ra và nuôi dưỡng nàng suốt thời thơ ấu. Nơi đây, 215 năm về trước, dân làng đã hợp lực với đoàn quân của Vua Quang Trung đánh đuổi quân nhà Thanh tại làng Ngọc Hồi... Nơi đây là một vùng đất văn hiến, quê hương của Đặng Trần Côn, của Nguyễn Bá Học (một

nhà giáo dục, một nhà báo nổi danh), của Nguyễn Thiệu Lâu (có 5 chứng chỉ cử nhân đại học Sorbonne và Paris, giáo sư đại học Văn khoa Sài-Gòn), nơi phát sinh nhiều họ lớn như họ Đỗ Lệnh, Đỗ Văn, Nguyễn Huy, Nguyễn Văn, họ Trương, họ Nghiêm,..Làng Mọc Thượng, biệt thự Văn Khôi đâu còn như xưa. Bao nhiêu biệt thự khác đã biến mất rồi. Làng Mọc, biệt thự Văn Khôi, nơi ôm ấp cả thời tuổi nhỏ của nàng, nay ‘*hết vẻ khang trang, êm đềm, thơ mộng*’.Giếng nước xưa đã bị lấp bằng ; ‘*cây đa cổ thụ, cây gạo với cái đu và cái miếu bên cạnh cây muôm xanh chua loét hoàn toàn biến mất trong thực tại*’. ‘*Ôi !..Còn đâu đồng mạ xanh rì, đồng lúa vàng thơm ! Còn đâu đường làng gạch đỏ, lũy tre xanh. Còn đâu ao bèo hoa tím, ao cá trong veo ! Còn đâu hàng rào dâm bụt, buội duối, buội găng ! Còn đâu cây hoa gạo đỏ au, đỏ ối ! Còn đâu cái đu bãi chạy của chúng tôi !*’. Và, có thể còn đâu tiếng thét thát thanh khi được hai người chị cho lên ngồi đu, đẩy mạnh ‘*đu tít lên trời, gió lồng lộng*’; còn đâu Bác Cả Vinh, thân phụ chị Khuê là ‘*người đầu tiên và duy nhất dạy ba chị em Tâm, Phương, Dung những bài về bằng tiếng Việt lấy ra từ sách Tam Thiên Tự ‘Thiên giới, địa đất, cử cát, tồn còn, tử con, tôn cháu...*’ . Được chị Khuê, người thân nhất của gia đình đưa vào xóm tìm lại vị trí biệt thự Văn Khôi xưa của gia đình. ‘*Căn biệt thự đã bị xây tường cao kín mít như nhà tù, nhem nhuốc màu sơn cũ bẩn. Ngày xưa...Còn đâu những cây ổi, chuối, khê, bưởi, na, đu đủ của bố...Còn đâu hoa ngâu, hoa huệ, hoa nhài của bà nội...còn đâu hoa lan, hoa mộc, hoa mai của mẹ.....Còn đâu...và còn đâu !...*’ . Tấm bảng đồng với ba chữ ‘Villa Văn Khôi’ không còn tìm được dấu

tích gì còn lại. Tất cả đều không còn, không còn, chỉ còn trí nhớ, nhưng để làm gì ? Ôi, nữ thần Mnémozine ! (vị thần huyền thoại của Hy Lạp, tượng trưng cho ký ức), nữ thần ác quá đi thôi! Nàng xui chi con người có trí nhớ để phải đau khổ vì nó. Quá khứ trở thành ‘gánh nặng’ cho con người, nhưng nếu không có quá khứ thì nào có lịch sử dù thương đau hay huy hoàng, tráng lệ?! Nay mai rồi tất cả cũng sẽ bị tập đoàn CS xóa đi, thay tên đổi họ để hợp với ý đồ, với cái ‘gu’ văn minh thời thượng của kẻ cầm quyền. Lịch sử, quá khứ, bao nhiêu kỳ công dựng nước, giữ nước của cha ông nào có nghĩa gì đối với ‘họ’ !Lời chị Khuê ‘*nay đã trên tám mươi, tóc bạc phơ, miệng móm mém, thế hệ già nhất trong gia đình còn sống sót*’ lúc được biết Ngọc Dung là tác giả thiên Hồi ký‘*Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*’, lau nước mắt : ‘*Các em biết không ‘Chúng nó’ định lấy hết đất đai, không cho chị mảnh nào. Chị kiệt mãi mà không được. Khi chị vào Sài-Gòn, chị được chị Nguyệt cho xem cuốn ‘Phượng’ của Dung. Chị xin đem về và đưa ra làm thêm bằng chứng rằng trong sách em có nói đến tên hai Bác và mấy chị em chị ở đây ngày xưa. Sau cùng ‘chúng nó’ mới để yên cho mẹ con chị ở yên trên miếng đất nhỏ này bên cạnh những ngôi mộ đây*’.

Chỉ riêng đoạn nói trên, Ngọc Dung mới nói lên tâm tình nhiều nhất. Còn bao đoạn khác, Ngọc Dung chỉ loáng thoáng nói qua. Vì sao ? Ngay cả lúc gặp bạn bè Trung Vương cũ, nàng cũng chỉ hỏi qua về cuộc sống hiện nay chứ không đề cập đến nhiều. Vì hẳn Ngọc Dung không muốn gây cho bạn bao buồn phiền, bao tiếc nhớ xót đau vì cuộc sống của họ, của những con người gia giáo, thiện lương từ ngày có Đảng ra sao, ai cũng

đều biết. Chỉ một câu trong Bút ký, khi biết hai người bạn gái Vân và Diệp phải cùng lên xe ôm, phải ôm tài xế, ra về trong đêm khuya *‘tôi vẫn ái ngại, những người bạn thân tôi thân gái dặm trường, cô đơn đi về trong tăm tối’* (trang 176) đủ để thấy tình Ngọc Dung ra sao. Ngọc Dung không dằn trải tình cảm mình mà cố nén giữ để không gây đau buồn cho mình, cho bạn, cho người thân quen, cho cả quê hương để giữ trọn tâm trạng *‘đứa con xưa của quê hương cũ’*.

4) Về lại quê hương lần đầu, Ngọc Dung luôn giữ tính cách bình dị, đơn sơ của ‘người con quê hương’ thưở nào. Không xa hoa lộng lẫy, không lẻo lét phần son, không nói gì về cảnh sống văn minh nơi xứ người, không tỏ ra người trí thức đọc nhiều, hiểu rộng, không hề khoe khoang gì về mình, về gia đình sung túc, phong lưu, không như bao kẻ ‘áo gấm về làng’, phô trương giàu sang, quyền quý, vung tiền hưởng thụ mọi thứ. Ngọc Dung luôn giữ vẻ mộc mạc, chơn chất của ngày xưa để luôn là *‘đứa con xưa của quê hương cũ’* để quê hương không xem mình là người xa lạ mà là đứa con ruột thịt, thân thương.

5) Ngay cả chuyện gặp lại người tình, người chồng cũ tên Nguyễn, Ngọc Dung cũng không nói gì nhiều, chỉ trao đôi món quà các đứa con, chỉ nhìn nhau mà ít nói. Nói gì với nhau đây? Không nói nhưng chan chứa thương cảm. Người chồng cũ, một sĩ quan cao cấp VNCH, từng bị tù Cộng sản bao năm, người héo hắt nhưng vẫn giữ phong độ ngày nào, giờ này sống hầu như ẩn dật nơi xa thành phố Sài-Gòn. Ngọc Dung yên tâm, có thể phần nào khỏi phải lo lắng, trăn trở buồn đau. Ngọc Dung tránh cách xưng hô ‘anh-em’ như thưở trước, chỉ gọi nhau bằng ‘ông-tôi’. Hai từ ‘ông’ và ‘tôi’ tuy nghe ra xa lạ nhưng lại hợp với tuổi

gia, và cũng phần nào biểu hiện tâm trạng *‘người con xưa của quê hương cũ’*.

Trên đây là những cảm nhận của người viết về tập Bút ký **‘Bước Lại Quê Hương’** của Ngọc Dung, một ‘thông điệp’ tình cảm mà tôi gọi là của **‘người con xưa của quê hương cũ’**, có thể không mấy sai đối với tác giả. Nhưng, thưa cô Ngọc Dung, nếu yêu quê hương chỉ bằng hoài niệm không thôi, nghe ra tiêu cực quá! Nhân đây, xin phép cho tôi được bày tỏ đôi điều về thời cuộc. Phải có gì cao hơn, sâu hơn, mạnh hơn chứ? Nhưng làm sao? Chúng ta không là những chính khách thượng thặng, những người nắm giữ trách nhiệm quốc gia, dân tộc. Chúng ta chỉ là những người bình thường, không khả năng thì biết làm gì, làm sao để rồi mỗi lần nghĩ đến quê hương phải *‘Ôi Quê hương,..Quê hương chiêm bao!’*, *‘Quê hương đâu?-Cúi mặt!’* (lời Vân Nương trong đôi bài thơ của Bà) hay *‘Lòng cứ chòng chành bên ni bên nớ’* rồi đêm đêm *‘Ta - Con tác kẻ chắt lưỡi nhớ quê cha’* (lời thơ Phan Thị Ngôn Ngữ). Lẽ nào chúng ta mãi nhìn Dân tộc, Quê hương luôn bị khổng chế bởi lũ người *‘không óc tim vì không xót đau’* (lời thơ Lê Ngọc Chân). Lẽ nào, qua mấy chục năm rồi, dân tộc, đất nước ta vẫn phải triền miên thống khổ, điêu linh? Tình hình thế giới chuyên biến ra sao, thời cuộc VN đi về hướng nào, ta không đủ tầm tay với. Tuy nhiên, tôi linh cảm rằng sứ mệnh thế giới dành quá nhiều bi đát cho sứ mệnh VN ta, để làm gì? Để, bao *‘thế lực cường toan’* đổ vào VN, cái vị trí chiến lược này để cùng bắt tay, cùng tranh chấp, cùng xung đột, cùng đày đọa dân ta để cùng ‘phá sản’ chính tại nơi cái địa bàn này (dân tộc ta phải bị tuần nạn

cho hành trình đó). Mộng hay thực, niềm tin tự tạo hay chỉ là ảo tưởng bệnh hoạn? Tùy !. Không do phép lạ nào đâu. Không do người VN tài giỏi gì đâu (dân trí người VN, quốc nội, hải ngoại chưa mấy gì cao; người trí thức yêu nước co rút trong thâm lặng, cô đơn) mà do diễn trình lịch sử thương đau sẽ phải đến hồi kết cục. Ai bền lòng đến cùng thì sẽ được cứu. Ai cứu? Sự mệnh thế giới và sự mệnh VN. Đến lúc đó, *'Nhân loại âu ca giờ sanh lại, VN hân hoan vào hội mới, Kỳ nguyên buồn nay sắp chuyển sang vui'*. Nữ thi hào E. Dickinson đã báo trước rồi \*\*\*. Nguyễn Du cũng đã nói thể *'Đoạn trường số rút tên ra'* và *'Trời còn để có hôm nay, Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời'*. Hãy cất cao lên lời ca mạnh mẽ, ý chí hào hùng để mai đây, tất cả, trong nước, hải ngoại cùng tâm, cùng ý, cùng lòng, góp tay để *'dựng lại giữa cảnh đời tan tác, bản thanh âm vang động tiếng Em cười'* (Em là hồn thiêng sông núi, là đất nước, quê hương). Tôi vui mừng thấy 'Cỏ Thơm' do Cô làm chủ nhiệm đang tiếp tay với bao phong trào yêu nước quốc nội và hải ngoại đẩy mạnh xu hướng đi lên đó của dân tộc. Mai đây, không lâu, chúng ta về lại với quê hương không còn bần khổ, lạ lẫm mà là những bước chân êm đềm, lương hảo, an bình, thấm thiết tình nước, tình dân, tình người sáng rỡ, tươi vui trên đất nước thanh bình, yên ấm, giàu đẹp như xưa và hơn xưa. Xin gửi về Cô những cảm nhận và niềm tin qua tập Bút ký cùng những hoạt động văn hóa của Cô và của bao bạn Văn Nghệ sĩ đã góp mặt cùng Cỏ Thơm.

France (Saint Cyr sur Mer) 30/07/2015

Nt

\*a "Bước Lạ Quê Hương", bút ký của Nguyễn Thị Ngọc Dung, Cỏ Thơm xuất bản, 2015.

\* Tôi đã gặp bao nghệ sĩ tuổi cao mà lời tâm hồn vẫn trẻ, đầy khí hào nhiên: Trần Thiện Hiếu, Phương Hà, Lê Mông Nguyên, Vũ Hối, Hồ Trường An, Phái nữ: Thúy Trúc, Ngọc Dung, Phong Thu, Ngọc An, Diễm Buồn,... Không kể những người trẻ hơn.

\*\* Người viết thường có thói quen tinh nghịch đảo lộn tên một bài thơ, một tác phẩm như: thi phẩm *'Buồn Xưa Bây Giờ'* của thi sĩ Thụy Khanh, đảo lại là *'Bây Giờ Buồn Xưa'*, *'Còn Vương Chút Nắng'* của Trần Kim Vy (chủ nhiệm Tuần san ĐẸP ở Houston), đảo lại là *'Chút Nắng Còn Vương'*, cả *'Đoạn Trường Tân Thanh'* đảo lại là *'Tân Thanh Đoạn Trường'*. Dĩ nhiên, điều đó không nên (tôi chỉ viết chơi thôi), nhưng sự việc đảo ngược nhan đề đó cũng gây cho tôi đôi ý mới.

\*\*\* Bài thơ Linh Cảm (pressentiment) của E. Dickinson:

'Pressentiment is that long shadow in the lawn  
Indicative that suns go down  
The notice to the startled grass  
That darkness is about to pass'.

tạm dịch:

(Linh cảm đó bóng dài trên sân cỏ  
Báo biểu rằng mọi vùng nhật sẽ phôi pha  
Là chỉ dấu nơi ngọn cỏ rùng mình biểu lộ  
Bóng đen rồi cũng sắp sửa trôi qua)

-----

# KẸ ĐI TÌM LỄ ĐẠO

**ĐỖ BÌNH**

*chẳng nghĩ đến đày thôi.)*

Manh Từ

Vũ trụ là một sự vô tận đầy huyền bí, mà cuộc đời thì nhiều biến ảo vô thường. Từ thuở hồng hoang những sinh vật sống trên trái đất muôn vẻ muôn màu và quá trình sống rất khác nhau, nhưng lại giống nhau ở chỗ sinh và tử. Con người khác loài cầm thú là biết suy tưởng, nhưng để hiểu và thông đạt đến độ thâm sâu về tư tưởng quả rất khó, tùy theo trình độ kiến thức của mỗi người. Con người sống ở trên đời vẫn thuận theo thiên nhiên và dựa vào đó để tìm chân lý hay tạo ra những phương châm sống. Lễ Đạo hiểu theo thông thường là con đường hợp đạo lý mà xã hội thừa nhận dẫn con người đến chỗ tốt đẹp, cái thiện. Luận về Tính Thiện hàng ngàn năm trước người xưa đã nói :  
«Trắc ẩn chi tâm, nhân giai hữu chi ;  
Tu ố chi tâm, nhân giai hữu chi.  
Cung kính chi tâm, nhân giai hữu chi ;  
Thị phi chi tâm, nhân giai hữu chi.  
Trắc ẩn chi tâm nhân giả,  
Tu ố chi tâm, nghĩa giả ;  
Cung kính chi tâm, lễ giả ;  
Thị phi chi tâm, tú ngã.  
Nhân, lễ, nghĩa, tú phi do ngoại thước ngã giả.  
Ngã cố hữu chi giả ;  
Ngã cố hữu chi giả, phát tư nhi hỷ. »

*(Lòng trắc ẩn mọi người đều có; lòng hổ thẹn mọi người đều có; lòng cung kính ai cũng có; lòng phải trái ai cũng có. Lòng trắc ẩn đó là nhân; lòng hổ thẹn đó là nghĩa; lòng cung kính đó là lễ, lòng phải trái đó là trí. Nhân, nghĩa, lễ, trí chẳng phải từ bên ngoài mà đến với mình; tất cả đều có sẵn trong tính cách mình, tại mình*

Từ khi con người xuất hiện trên trái đất nhờ biết suy tưởng nên làm phong phú về ý nghĩa của sự sống. Trong số hàng tỉ người, có một số người được gọi là nghệ sĩ, họ có giác quan đặc biệt, rất bén nhạy và lòng đam mê mãnh liệt. Mỗi người mỗi sáng tạo, mục đích là phụng sự những điều tốt đẹp cho đời. Họ thích theo đuổi và thực hiện những quan niệm suy tư của mình, cho dù người đời có lắm lúc chưa hiểu nên chê bai, thì họ vẫn cứ miệt mài trong đam mê. Người đời có kiến thức nhận biết về tư tưởng thì nhiều nhưng không lắm người chịu sống về mặt tư tưởng. Tôi đã may mắn từng gặp và đọc sách của Thiền sư Nhất Hạnh, Thi sĩ Bùi Giáng, Triết gia Phạm Công Thiện, Họa sĩ Hiếu Đệ, Họa sĩ Vĩnh Ấn... Đó là những người đặc biệt, sách và tranh của họ có một số điều mà cho đến hôm nay tôi vẫn chưa hiểu hết! Nhà văn Nguyễn Thùy cũng nằm trong số người đặc biệt ấy. Có lẽ tôi và Thi sĩ Phương Hà ở Bruxelles là hai người bạn thân nhất của anh ở Âu Châu. Nguyễn Thùy sinh 1936 tại Huế, quê nội Quảng Nam. Trước năm 1975 sống bằng nghề dạy học, mở trường tư. Là tác giả nhiều thể loại: Thơ, Truyện, Tiểu Luận, Biên Khảo, Phê Bình. Đã xuất bản trên 20 đầu sách. Nguyễn Thùy, dáng người nhỏ bé, tính tình hiền hòa, giản dị thêm có óc khôi hài nhìn cuộc đời dùng dụng bất cần, duy chỉ có chữ tín và sự ngay thẳng là còn tồn tại. Nguyễn Thùy có thói quen hút thuốc liên tục, bằng hữu lo sợ sẽ có hại đến sức khỏe của anh nên khuyên anh bớt hút.



Anh nói : «Đời còn một chút vui qua khỏi thuốc trong lúc viết lách mà bảo đừng hút thì thà chết sướng hơn!» Nhà văn Nguyễn Thùy có tài hùng biện, thích tranh luận những chủ đề liên quan đến văn học nghệ thuật và chính trị. Điểm đặc biệt mỗi lần nổi hứng là anh đọc thơ, ngồi đâu cũng đọc, anh thích đọc những bài trường thi của mình, đọc một cách say sưa không vấp suốt nhiều tiếng mà không thấy mệt! Các bạn văn nghệ ở phương xa đến Paris sinh hoạt có dịp gặp Nguyễn Thùy chắc hẳn đã thưởng thức thú đọc thơ của anh? Nhà văn Nguyễn Thùy thiên về mặt tư tưởng, nhưng không mấy khi nói về tư tưởng với ai. Anh thường chỉ đọc thơ, nói chuyện phiếm và bông đùa. Tôi có đọc một số trang anh viết về Phật giáo, Ki-Tô giáo, cảm thấy đôi điều thâm sâu, là lạ nhưng không để ý nhiều vì tôi thường chú trọng về thơ, nhạc, hội họa cùng một số đề tài văn chương, nghệ thuật. Đọc Nguyễn Thùy, cần phải trầm tư, suy nghiệm chứ không thể lướt qua theo lối suy nghĩ, lý luận, biện bác thông thường. Do cái Lẽ Đạo mà anh đang chú tâm khai triển, cái Lẽ Đạo không là tôn giáo, một lý thuyết triết học, khoa học, một chủ thuyết, chủ nghĩa..vvv.., cũng không là một phương pháp, một hệ thống suy tư logic về bất kỳ vấn đề nào và không nhằm giải quyết bất kỳ vấn đề gì của nhân sinh nên những bài viết của anh càng khó hiểu, nhưng ẩn trong đó có nhiều ý kiến sâu sắc. Thử còn đi học anh theo ban Triết tại Chasseloup Laubat, sau này Nguyễn Thùy lại thích đọc sách của triết gia M. Heidegger, do đó anh bị ảnh hưởng rất nhiều tư tưởng của M. Heidegger và thi sĩ Bùi Giáng, từ phong cách sống, lối suy tưởng đến văn học nghệ thuật. Tôi nói với nhà văn Nguyễn Thùy:

«Nhiều lúc thấy anh như người cỡi trên, anh có sợ những điều mình viết ra người đời không hiểu mà cho là bất thường không?»

Nguyễn Thùy: «Ai hiểu thì hiểu, không hiểu cũng không sao!. Tôi viết cho tôi !». Tôi hỏi : «Nguyên nhân nào khiến anh từ một người cầm phấn đứng trên bục giảng lại quay sang cầm bút viết văn ? » Anh kể: « Có lần đến nhà một người bạn, tình cờ thi sĩ Bùi Giáng cũng ghé qua chơi thấy tôi đang nói về Kiều, thi sĩ Bùi Giáng nạt to :“Chú mày khen Kiều như thế là chú Nguyễn Du ! Chú mày phải xỉ và Nguyễn Du, chê truyện Kiều dở ẹt thì Nguyễn Du ở dưới suối vàng sẽ sung sướng cười hả hả vì trên thế gian vẫn còn có người dám chê truyện Kiều, chú đảng này chú mày khen truyện Kiều quá mà chẳng hiểu gì hết, thì làm sao Nguyễn Du không đau lòng mà khóc ! Bị Bùi Giáng chê dốt mặt tôi nóng lên vì bị tự ái, nhưng tình cảm của chúng tôi vẫn gắn bó cho đến ngày tôi đi Pháp. Trong suốt những năm dài câu mảng của Bùi Giáng vẫn ám ảnh, tôi bỏ thì giờ nghiên cứu về truyện Kiều và các loại sách tư tưởng của Việt Nam và ngoại quốc, nhờ đọc nhiều tôi mới khám phá lời chê đó là đúng, tôi đã không hiểu được cái tinh hoa tư tưởng trong truyện Kiều ! Nhờ thế sau này tôi mới viết được cuốn sách 443 trang :Đoạn Trường Tân Thanh Tiếng Vui Trong Lời Buồn, và một loạt sách về tư tưởng. Như thế là phải cảm ơn người bạn người anh Bùi Giáng.»

Nói đến thi sĩ Bùi Giáng tôi chợt nhớ đến chuyện năm xưa sau năm 1975 tôi ở tù CS ra đang ngồi cà phê cóc lề đường Trương Minh Giảng đối diện với viện đại học Vạn Hạnh cũ nhâm nhi ly cà phê nghĩ sự đời để đợi người thân dạy học một

trường gần đây. Bỗng tôi thấy thi sĩ Bùi Giáng quần áo tả tơi nhiều mảnh vá, mồm la hét, tay cầm cây gậy đang múa máy như người điên. Tôi vội chạy ra gọi : « Ông thầy» nhớ em không? Em mời thầy uống cà phê» Dù tôi không phải là học trò của ông nhưng trước năm 75 của thế kỷ trước tôi thỉnh thoảng đi với anh Trương Phú tức nhà thơ Thanh Tuệ, chủ nhà xuất bản An Tiêm gặp Bùi Giáng nghe ông đọc thơ. Bùi Giáng nhìn tôi nheo mắt, nhún vai nói:«Không tiền !»Tôi liền kéo tay mời thi sĩ vào ngồi, ông ngồi xổm bỏ hai chân lên ghế và gọi ly cà phê không đường. Trong lúc uống tôi hỏi ông : «Sao thầy la hét lớn quá người ta tưởng mình điên ?!» Ông uống một hớp hết ly cà phê và đứng dậy, trả lời tôi :«Trong cái xã hội này còn ai tỉnh mà dám bảo tôi điên !» Nói xong ông cười khi, giơ tay chào tôi rồi quay phác đi vừa la hét vừa múa gậy.

Tôi hỏi Nguyễn Thùy :«Sau năm 1975 anh còn gặp thi sĩ Bùi Giáng không ?» Nguyễn Thùy :«Anh Bùi Giáng lúc điên lúc tỉnh, anh đến sống với tôi có khi cả tháng, có khi đôi ngày, có khi kéo dài mấy tháng, anh thì đến, không thích lại bỏ đi, rồi trở lại nhiều lần cho đến ngày tôi đi Pháp. Những năm 1975-1979, tôi sống trong tuyệt vọng. Nghèo, đói, cô đơn, tương lai mù mịt, lại bệnh tật liên miên, tôi trông sao được chết sớm vì thấy sống vô vị và quá khổ. Thêm vào thấy đất nước tang thương, người người điêu đứng vì cảnh 'đổi đời' kỳ quặc, tôi không còn thiết sống! Bao nhiêu thuốc men của vợ con ở Paris gửi về để chữa bệnh, tôi đem bán hết để mua thuốc lá, từng gói những 50 điếu không biết vấn bằng lá gì, hút liên miên, mỗi ngày uống cả ba, bốn ly cà phê nơi các quán lề đường. May sao, học sinh thương tôi và phụ huynh chúng cũng

mến tôi nên thường mời tôi về nhà dùng cơm. Có thể nói, suốt 13 năm dưới chế độ CS từ 1975 đến 1988, tôi sống được là do học sinh và phụ huynh chúng nuôi cơm !»

Tôi hỏi :«Anh sống khó khăn như thế lấy gì cho Bùi Giáng ăn ?»

Nguyễn Thùy : «Ồ, khỏi lo cho anh ấy ! Anh ấy đến bắt chọt, nhiều khi ghé ngang rồi đi. Bùi Giáng không thiết gì ăn uống. Được bao bà ở chợ cho gói xôi hay đôi trái chuối, anh không ăn mà đem chia cho bọn trẻ lúc chúng đến chọc phá anh. Có khi anh bỏ vào cái bọc 'cái bang' rồi quên lưng, đến tôi mới mở ra thì đã hôi thiu, nhão nhoét, anh vẫn ăn và tôi ép bụng nhâm nhi chút ít cho anh vui. Anh gọi đây là của Quan Âm Bồ Tát cho anh. Anh Giáng chẳng giảng cho tôi về Kiêu, về Heidegger, về Phật, Chúa. Anh chỉ đọc thơ từ thơ Nguyễn Du đến Tô Đông Pha rồi thơ Pháp, thơ Anh, thơ tiếng Hán. Tôi chẳng hiểu gì cả, ngày ấy tôi khờ khạo lắm. Tôi bảo anh cứ nói thế, làm sao tôi hiểu? Anh bảo là 'thì mày đập đầu vào đá để hiểu! Sau này, tôi nghiệm ra anh muốn dạy tôi theo lối 'giáo ngoại biệt truyền', 'tâm truyền tâm'. Lúc anh không vào con điên, anh nằm dài chẳng buồn nói gì cả. Suốt một tháng nằm hầu như tê liệt tại chùa Long Vân Gò Vấp, anh chẳng ăn uống, tắm rửa gì. Các Thầy trong chùa chăm sóc anh, anh xua tay không chịu. Tôi đến thăm, anh chỉ ậm ờ, không cho tôi nhắc đến thơ anh, đến truyện Kiêu, M. Heidegger,... Sau đó, anh vào con điên, đi lang thang bụi đời, ghé chùa Theravada, rồi đến nhà tôi. Anh hỏi đủ điều nào về Phật, Khổng, Jésus, Nietzsche, Heidegger. Tôi trả lời rồi bỗng nhiên anh ôm chặt lấy tôi, bảo: Trước" Tao tưởng chỉ có tao vào đại hải. Bây giờ chú mày cũng vào được

đại hải. Bây giờ chú mày cứ trích thơ tao, thơ Nguyễn Du, trích lời Phật, lời Khổng, lời Chúa,...rồi giảng thế nào cũng được, giảng sai đến mấy cũng thành đúng. Trước đây thì không được". Trong 'Ngụ ngôn-Trùng ngôn' tôi có nhắc lại chuyện 'đập đầu vào đá' và 'vào đại hải' lúc nói về cuộc gặp gỡ thi hào Pháp N.Boileau (bài: 'Con phải lên án ta, mới đúng chứ?') và cuộc đối thoại giữa người họ Mặc với người của Mạnh Tử (bài 'Cái học nào cao hơn?').»

Tôi hỏi : «Anh bắt đầu viết văn làm thơ từ lúc nào ?»

Nguyễn Thùy chớp đôi mắt lơ lơ nhìn ra cửa sổ, trả lời: « Sau năm 1975, do nỗi buồn đất nước và sự cô đơn đã tạo cảm hứng cho tôi làm thơ và viết văn. Tị nạn qua Pháp năm 1989, tôi tiếp tục viết biên khảo, làm thơ, viết văn và đoạt được một số giải thưởng thơ ở Mỹ và Canada. Tôi nhớ lúc còn ở quê nhà tôi rất tuyệt vọng nhưng chẳng lẽ tôi cứ rầu rĩ, tuyệt vọng mãi sao, tôi nhớ ngày còn học Triết tại Chasseloup Laubat, có đọc qua Auguste Comte, nghĩ rằng ba trạng thái tư tưởng 'thần linh, siêu hình, thực nghiệm' không đủ giải quyết được nhân sinh càng ngày càng nhầy nhụa. Tôi nghĩ phải có một thứ tư tưởng thứ tư nào khác; tôi bắt đầu khởi thảo 'một tư tưởng mới'.Viết được 30 trang thì bết tắc. May sao 'Phước cho kẻ buồn thăm vì sẽ được an ủi', mùa Phục Sinh 1979, vì chiều lòng một người bạn, tôi đành cùng cô đến dự buổi lễ tại Hội Thánh An Đông và được Mục Sư Cương cho một quyển Tân Ước lớn chừng bàn tay. Về nhà, đọc qua, chẳng thấy hứng thú gì nên vứt qua bên. Tình cờ mở lại quyển 'Đư Vang Nghệ Thuật' của người bạn Trần Nhật Tân (cao học Triết), thấy bài dân ca 'Đố ai nằm ngủ không mơ', tôi

thử giảng bài dân ca này xem. Lạ lùng sao, tôi viết không cần suy nghĩ, ngọn bút như được đầu đầu dẫn dắt. Đọc thấy thú vị và thấy sao thoảng thoảng sắc mùi tôn giáo. Tôi bèn đọc lại quyển Tân Ước, bỗng nhiên nhận ra những gì sâu xa rồi bao nhiêu lời Phật đã được đọc qua sách báo trước đây bỗng hiện về với tôi. Tôi vụt nhận ra cái 'tư tưởng thứ tư' cho nhân loại đã được Phật Chúa nói rồi. Từ đó, tôi trầm ngâm nghĩ đến lời hai Ngài tuy chẳng có tài liệu, Kinh điển nào cả. Sau khi viết một số bài giảng luận ca dao, dân ca, và làm thơ, tôi bỗng nhiên viết đôi 'Ngụ ngôn-Trùng ngôn' và hoàn thành quyển 'Tinh Thần VN', tôi phác họa đề mục một quyển khác với nhan đề 'Nhân Loại Mới: Từ Nhất Thể Khởi nguyên đến Nhất Thể hồi phục'. Dĩ nhiên, tôi chẳng có kiến thức nào nhưng hầu như được một 'nguồn sáng' nào dẫn dắt ngọn bút, viết liên miên, không suy nghĩ gì cả và hoàn thành xong vào dịp Noel 1979. Tưởng rằng viết liên miên, không ngủ, hút thuốc và cà-phê như thế, tôi sẽ 'ra đi' dễ dàng, bất ngờ. Nhưng lạ lùng là tôi vẫn khỏe và bao nhiêu chứng bệnh ngỡ rằng không thể hết, bỗng nhiên từ giả tôi và tôi luôn sức khỏe tốt mãi đến nay, chẳng phải dùng một thứ thuốc men nào. Viết những bài 'Ngụ ngôn-Trùng ngôn', tôi hầu như thấy bao thánh nhân xưa (Phật, Chúa, Lão Tử, Trang Chu, Khổng Tử, Thánh Ghandi, cả Nguyễn Du, M. Heidegger như lúc ào cũng ở bên tôi để tôi được an ủi, được tâm sự và được nghe các Ngài giảng giải cho tôi được hiểu lời các Ngài. Cứ thế, tôi tiếp tục những năm sau hoàn thành tập 'Ngụ Ngôn-Trùng Ngôn', 'Giảng luận Ca dao Dân ca', 'Đoạn Trường Tân Thanh: Tiếng Vui trong Lời Buồn', VN tân huyết sử diễn ca', và thơ cũng tuôn trào

lai láng... Sang Pháp, phải đi làm mệt mỏi nhưng tiếp tục viết theo cái hứng khởi đã có. Ngoài đôi tác phẩm giới thiệu, nhận xét thơ ca, văn học, tôi gắng hoàn thành quyển 'Hành Trình vào Nhất Thế' (hay: 'Tôi hiểu Chúa, Tôi hiểu Phật'). và loay hoay cố hoàn thành quyển 'Lẽ Đạo và Tiến hóa', bổ sung và sắp xếp lại những gì đã viết nơi các quyển sách trước. Nhưng càng viết càng thấy khó. Trong quyển này, tôi viết theo suy tư độc lập của mình về chính ngay lời Phật, lời Chúa, không hề mượn lời của ai, của sách báo nào từng đề cao hay phản bác Phật giáo và Ki-Tô giáo. Quyển này nếu được in ra sẽ gặp bao phản đối của giới tu sĩ cùng bao nhà Phật học, Ki-Tô học lâu nay vì họ sẽ nghĩ rằng tôi 'táo tợn', không biết lượng sức mình, dám bài bác mọi luận giảng lâu nay, kể cả một số điều trong Kinh điển của hai Tôn giáo. Nhưng tôi tin rằng nếu được dịch sang tiếng Anh, tiếng Pháp, quyển sách có thể đem lại cho giới trí thức nước ngoài hiểu rõ hơn lời Phật, lời Chúa.

Tôi hỏi : «Anh có thể nói rõ hơn về cuốn sách ?»

Nguyễn Thùy :

«Nội dung quyển sách nhằm vào bốn điểm sau đây:

-Giải thích và chứng minh điều Đạo học Đông phương đã bảo: Vạn vật đồng nhất thể' và 'Tất cả khởi đi từ Một để lại trở về trong Một',

- Giải thích và chứng minh lời Phật:'Vạn hữu bản lai đồng' và 'Một là tất cả, Tất cả là Một' (Nhất tức Nhất Thiết, Nhất thiết tức Nhất),

- Giải thích và chứng minh lời Chúa Jêsus: 'Ta là đầu và là rốt, Ta là alpha và Omega' và 'Ta làm mới lại hết thảy muôn vật',

-Giải thích và chứng minh diễn tiến sinh hóa của nhân sinh về mọi mặt (hình thái xã hội, chính trị, kinh tế, khoa học, triết học, văn học, nghệ thuật,...) qua vận hành của Lẽ Đạo' và 'hình dung cảnh sống của con người và của chủng loại người trong mai hậu' »

Tôi hỏi: « Anh hiểu sao về Lẽ đạo ? »

Nguyễn Thùy: «Theo tôi: Lẽ Đạo là cái Tất Định của diễn tiến nhân sinh và vạn hữu, chỉ vạch ra con đường tiến hóa là như thế, cho thấy nơi sẽ đến, sẽ về của từng chủng loại suốt dòng sinh hóa hóa sinh của mình dẫn về thời điểm 'Đoạn trường số rút tên ra'. Nơi sẽ đến, sẽ về của lịch sử từng chủng loại-của nhân sinh nói riêng- là cảnh đời thường hằng an lạc, hạnh phúc qua bao đời đời bình diện trong oan khiên, nghiệt ngã qua quá trình phát triển của mình, miễn là không tự mình thoái hóa, tự hủy hoặc bị tiêu diệt. Chính Lẽ Đạo định ra dòng tiến hóa của nhân sinh để sau bao khổ đau, trầm luân, đổ nát sẽ không còn hãi sợ cái chết, chiến thắng cái chết trong vòng 'sinh tử luân hồi' để đạt được Sự Sống đời đời. Lẽ Đạo vừa là nguyên lý tiên thiên (Đạo Thể) sinh thành vạn hữu (thuyết Tạo dựng hay Sáng tạo) vừa là con đường tiến hóa (thuyết Tiến hóa) đưa dẫn lịch sử nhân sinh hội nhập vào Đạo Thể, thay đổi hẳn dạng Hiện hữu và dạng Tồn tại hiện nay để mãi sống trong một thứ Không gian vô sở tại và một thứ Thời gian vô sở trụ. Tôi đã hiểu lời Phật, lời Chúa như thế, có khác với mọi luận giải lâu nay.»

Tôi hỏi anh: «Thế gọi anh như thế nào mới đúng, nhà văn, nhà thơ, nhà biên khảo, nhà phê bình? »

Nguyễn Thùy: «Mấy năm gần đây tôi đã ngưng hẳn làm thơ vì nghĩ rằng có làm cũng không hay hơn trước, mà còn làm thất vọng những người đã từng ái mộ thơ mình.

# NHỮNG VẦN THẤT NGÔN BÁT CÚ MÙA THU

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt

## CỐI THINH KHÔNG

Tơ trời bàng bạc lững lờ bay  
Giữa khói hoàng hôn cuốn gió mây  
Sương nhạt băng khuâng lên phủ núi  
Bóng dâm trầm mặc xuống che ngày  
Rừng hoang dã tự thiên thu trước  
Đá lạnh lòng nguyên vạn kiếp nay  
Đây chốn thần tiên riêng cõi tịnh  
Xa rời trần tục nhẹ nhàng thay!

## THƠ GIỮA ĐỈNH TRỜI

Thả một vần thơ giữa khói mây  
Bềnh bồng lơ lững trải qua ngày  
Men sầu đọng lại quanh viền mắt  
Ý đắng thấm vào tận đốt tay  
Núi vọng âm vang hồn suốt mướt  
Sông rền điệu hợp phách nồng say  
Tơ trời giăng mắc màn sương phủ  
Bóng nhạt chấp chờn thấp thoáng bay.

## NHỚ THU XƯA

Thu về hồi tưởng những mùa phong  
Thuở giấc mơ hoa ám lụa hồng  
Nào nón quai thao đi cặp cặp  
Nào khăn mỏ quạ bước song song  
Đò ngang trai gái tưng bừng họp  
Bến cũ ghe thuyền nhộn nhịp giông  
Hoài tưởng một thời nơi cổ quận  
Để đi xa vẫn vương tơ lòng!

## MỘNG TÀN

Người đi biển biệt tự thu nào  
Ta đếm thời gian gặm nỗi đau!  
Trăng lạc bóng trắng chênh nổi nhớ  
Nắng phai màu nắng sạm cơn sầu  
Gió gieo phận gió đường tơ liễu  
Sương thấm thân sương ngõ trúc đào  
Khúc dạo độc huyền thêm não ruột  
Canh tàn bóng xế hết tim nhau!

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt

# NHỚ NHẠC SỸ CUNG TIẾN VỚI TÌNH THU

## Trường Thy

Trong chu kỳ đổi thay thời tiết của vũ trụ thiên nhiên này ta bắt gặp Mùa Thu. Mỗi năm một lần, thu đến rồi thu đi, rồi thu lại đến để rồi lại giũ áo ra đi. Mỗi mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, đều có những sắc thái riêng biệt, song dường như chỉ với thu lòng người mang mang một mối hoài cảm với vợi, băng khuâng. Những tâm hồn đa cảm không tránh khỏi buồn vương theo dư ảnh “lá đổ muôn chiều, ôi lá úa”, “lá bay hàng xóm, lá bay sang” và như Xuân Diệu gọi lại cái lặng lẽ, u trầm, óng ả của thu:

- *Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang*
- *Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng*
- *Đây mùa thu tới mùa thu tới*
- *với áo mơ phai dệt lá vàng...*

Phải chăng vì thu đẹp, thu sang, từng sóng lá nhuốm màu thời gian xào xạc trên những khóm cây trong sân trường, nơi công viên hay bên bìa rừng và ý thu khơi gợi hồn người những xúc cảm, có khi vu vơ, huyền hoặc, nhưng những băng quơ ấy dù không xác định vẫn tồn tại trong những rung cảm thực. Bởi chỉ có rung cảm thực và thu có đẹp thực mới cho ta những tình tự hoài thu:

- *những đêm lá rơi xào xạc*
- *tình yêu như giấc mơ hoang*
- *lối xưa chập chờn bóng đổ*
- *hồn lay đôi cánh lờ làng....*

Người đời hoài thu có lẽ trong bốn mùa ta chỉ nghe có THU QUYÊN RŨ mà thôi.

Trong đó Đoàn Chuẩn đã phải ca lên rằng:

- *Anh mong chờ mùa thu*
- *Điêu thể nhân vào chốn thiên thai*

- *Và cánh chim ngập ngừng không muốn bay*
- *Mùa thu quyến rũ anh rồi.....*

Thu có đẹp, có quyến rũ hay không, xin hãy nghe các nghệ sỹ nói chung và các nhạc sỹ, thi sỹ nói riêng, từ đông sang tây, từ Âu sang Á, và chỉ riêng Việt Nam thôi, đã có biết bao ngòi bút ca tụng vẻ đẹp mùa thu, bao nhiêu cây đàn và tiếng đàn cùng lời ca hát lên cho mùa thu. Tình thu với vợi, ý thu lâng lâng, hồn thu men mang, và lòng thu chứa chan rung động. Mùa thu, mùa gọi cảm hơn hết; những cảm xúc mang chiều sâu kỷ niệm, u trầm trong ý nghĩ, xâm chiếm hồn người qua tiếng hát lời thơ. Mặc dù mang biệt danh ‘Vô Tình’ nhưng người thơ vẫn thấy riêng mình:

- *Gió thu – tà áo tung bay*
  - *Mùi hương thoảng nhẹ nghe say tâm hồn*
- rồi một Vĩnh Phúc qua lời thơ cũng cho ta một dung nhan trầm nhớ vẫn vương trên tà áo tím:

- *Ngàn thu đau thương vương áo em màu tím*
- *nhuộm tím những chuỗi ngày vắng nhau...*

Nói đến mùa thu, không mấy ai trong chúng ta không nghĩ tới và không muốn lắng tâm tư nghe những khúc ca tuyệt vời về thu. Trong số những nhạc sỹ tên tuổi với những sáng tác đề dòi về thu không thể không nói đến Cung Tiến. Ông, tên gọi là Cung Thúc Tiến, sinh vào cuối năm 1938, tại Hà Nội. Thời gian còn ở bậc Trung học đã có cơ may theo học nhạc với hai nhạc sư nổi danh là Chung Quân và Thẩm Oánh. Ngoài ra từ 1957 đến 1963 du học tại Úc Đại Lợi về ngành Kinh Tế Học, ông cũng đã dành thì giờ tham dự các khóa về âm nhạc tại nhạc viện Sydney và sau này từ

1970 đến 1973 du học tại Cambridge, Anh quốc, cũng tham dự các khóa về nhạc lý hiện đại tại đây.

Cung Tiến, một nhạc sỹ nổi danh theo dòng nhạc Tiền Chiến. Điều đặc biệt muốn nói ở đây, ông là một nhạc sỹ trẻ và những sáng tác đầu tay khi mới 14 tuổi, vừa mới ‘trình làng’ đã được phổ biến sâu rộng và rất nhiều thính giả hâm mộ. Cung Tiến sáng tác không nhiều nhưng đều là những tác phẩm có giá trị cao. Hầu hết là những sáng tác sau năm 1954, trừ những ca khúc đầu tay viết trước đó. Thời gian ở hải ngoại, năm 1987 ông soạn tấu khúc CHINH PHỤ NGÂM cho 21 nhạc khí, trình diễn lần đầu tại San José, California vào tháng 3 năm 1988, và đoạt giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật. Năm 1993 TỎ KHÚC BẮC NINH được ông soạn cho giàn nhạc giao hưởng, năm 1997 soạn bản hợp ca nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập ca đoàn nổi tiếng quốc tế Dale Warland Singers, và rồi năm 2003 cho ra đời tác phẩm nhạc đương thời LỜ THỜ TỔ LIỄU BUÔNG MÀNH, viết theo điệu Dân Ca Quan Họ. Đồng thời ông cũng là hội viên Hội Nhạc Sỹ Sáng Tác ở Minneapolis, Minnesota.

Ngoài lãnh vực âm nhạc, Cung Tiến, với bút hiệu Thạch Chương, còn là nhà biên khảo và dịch thuật về Văn Học và Nhạc Dân Ca Việt Nam cũng như Nhạc Hiện Đại Tây Phương.

Với thu, trở về quá khứ một chút, ai đã từng ở Hà Nội trước kia mà không yêu mùa thu, xa Hà Nội mà không nhớ mùa thu. Cung Tiến hẳn nhiên là một trong những ‘ai’ đó. Xa rời Hà Nội ngày ấy, mang theo mùa thu để viết lên ca khúc đầu tay tại Sài Gòn khi mới 13, 14 tuổi đời, ca khúc mang

tựa đề THU VÀNG. Đây cũng là tác phẩm lưu danh muôn thuở tên người viết nhạc.

Mùa thu vàng lên sóng lá, huy hoàng cho không gian và chiều sâu ý nghĩ, màu thu vương nét đài trang nên có người như Xuân Diệu đã viết:

- *gió thu hoa cúc vàng lưng dậu*
- *sắc mạnh huy hoàng áo trạng nguyên*

Trong nhạc bản THU VÀNG tác giả ghi mấy câu thơ của Thế Lữ như một sự đồng cảm nhuốm vào hồn thơ từ thuở nhỏ:

- *cơn gió thổi lá vàng rơi lác đác*
- *cùng rơi theo loạt nước đọng trên cành*
- *những cây khô đã chết cả màu xanh*
- *trong giây phút lạnh lung tê tái ấy!*

và một câu ngắn gọn mang dấu ấn của thời niên thiếu: “*Ta, Hà Nội những ngày ấu thơ.*” để rồi khi xa rời kinh đô ấy người ta bắt gặp một Cung Tiến:

- *chiều hôm qua lang thang trên đường*
- *hoàng hôn xuống chiều thắm muôn phương*
- *chiều hôm qua mình tôi băng khuâng*
- *có mùa thu về tơ vàng vương vương*
- *một mình đi lang thang trên đường*
- *buồn hiu hắt và nhớ băng khuâng.....*

Thu của Cung Tiến như có gì độc đáo, khác với THU QUYÊN RŨ của Đoàn Chuẩn, cũng không là BUỒN TÀN THU của Văn Cao, lại không là MÙA THU KHÔNG TRỞ LẠI của Phạm Trọng Cầu, cũng chẳng giống TIẾNG THU của Phạm Duy phổ thơ Lưu Trọng Lư với lời ca thiết tha:

- *Em không nghe mùa thu*
- *dưới trăng mờ thốn thức*
- *em không nghe rạo rục*
- *hình ảnh kẻ chinh phu*

ngược lại, với Ngô Thụy Miên trong MÙA THU CHO EM thì:

- *Em có nghe mùa thu mưa giăng lá đổ*
- *Em có nghe nai vàng hát khúc yêu đương*

- *Và em có nghe khi mùa thu tới.....*
- và rồi Nam Lộc lại hé cho ta tâm tình bằng khung của mùa lá thuở tình học trò:
- *Trung Vương vắng xa anh rồi*
- *Mùa thu đã qua một lần*
- *chợt nghe bằng khung lá rơi đầy sân.....*

Thu của Cung Tiến mang niềm sâu nhớ mênh mông, những nhớ nhung vẫn vương tơ vàng trong không gian đầy những bằng khung, diu gót lang thang.....đượm nét buồn thanh quý, đài trang.

Mặc dù là một nhà kinh tế học, nhưng những ca khúc của Cung Tiến không chỉ thích thú khi nghe mà còn thú vị khi thấy những nét đẹp kiêu sa, trầm lắng, những hình ảnh xưa nhưng không cũ kỹ, đẹp mãi với thời gian, vì đó là cái đẹp nghệ thuật, qua tài năng dụng ngữ của nhà viết nhạc. Phải chăng vì Cung Tiến là nhạc sỹ nhưng rất yêu thơ mà trong thơ thường có những xao xuyên, bằng khung, mơ hồ, lãng đãng và vu vơ. Trên bình diện này, Cung Tiến cho rằng những bài thơ hay tự nó đã có chỗ đứng trong văn học, song nếu đưa nhạc vô phụ họa hẳn sẽ có ảnh hưởng rộng lớn hơn vì đã trở nên ca khúc nghệ thuật (Art songs). Điển hình như nhạc khúc VẾT CHIM BAY, phổ thơ Phạm Thiên Thư:

- *Ngày xưa tôi đón em*
- *Nơi gác chuông chùa nọ*
- *Con chim nào qua đó*
- *Còn để dấu chân in*
- *Tôi một mình gọi nhỏ*
- *Chim ơi biết đâu tìm.....*

Trên một bình diện nào đó nói Cung Tiến là nhạc sỹ của mùa thu cũng không ngoa, bởi ít nhiều gì giới mộ điệu đón nhận và hâm mộ tài năng của Cung Tiến cũng là do ở mùa thu. Thu của Cung Tiến không chỉ ở THU VÀNG mà tình thu, ý thu,

huang thu và dáng thu còn phảng phất đó đây, ví như trong ĐÊM HOA ĐĂNG có “*Nhạc thu cao vút trời vui thế nhân....*”. trong ĐÔI BỜ phổ thơ Quang Dũng, thu lại hiện về trong: “*mắt kia em có sầu cô quạnh / khi chớm thu về một sớm mai.....*”

Nếu trong THU VÀNG ta thấy một nghệ sỹ lang thang trong trời hoàng hôn “*...chiều thắm muôn phương...*” thì HOÀI CẢM lại hiện lên bóng dáng một Cung Tiến giữa trời quạnh hiu, mơ hồ nghe sóng lá vàng rơi mà tưởng như dư âm ngày nào dạt dào trong tâm tư. Những thanh âm ấy đã thi vị hóa cho thành “tiếng thu”; xào xạc lá rơi trên nường chiều và dáng người ngày xưa chợt về cho lòng cuông diên vì nhớ:

- *chiều buồn len lén tâm tư*
- *mơ hồ nghe lá thu mưa*
- *dạt dào tựa những âm xưa*
- *thiết tha ngân lên lời xưa*
- *quạnh hiu về thắm không gian*
- *âm thắm như lặn vào hôn.....*

Khi hoàng hôn lắng sau núi đồi vẫn thường là bối cảnh khơi lên niềm nhớ, hơn nữa lại là chiều mùa thu “*lá rụng đầy sân*”, giữa lúc một người đang nhớ một người. Từ đó dòng nhạc Cung Tiến đã hát lên khúc ca tình tự dân gian của con người thật, con người trần thế mang trái tim nhân bản và tình yêu:

- *buổi chiều chợt nhớ cố nhân*
- *sương buồn lắng qua hoàng hôn*
- *lòng cuông diên vì nhớ*
- *ôi đâu người đâu ân tình cũ .....*

Tiết tấu trong HOÀI CẢM nghe chậm chậm như thấm vào đời, quyện vào hồn, lắng sâu trong tâm tư. Ở tuổi đời niên thiếu mà viết nên ca khúc trữ tình như HOÀI CẢM quả là có khả năng thiên phú. Điều đáng ngạc nhiên là nếu như không nghe



được những lời giải bày của tác giả thì mấy ai có thể nghĩ đây là một sáng tác hoàn toàn do tưởng tượng; khác với một số các nhạc sỹ khác là những lời ca thiết tha, những nhớ nhung đến cuồng điên ấy không cho ai, không vì một đối tượng nào có thực ngoài đời, có chăng là do ảo ảnh gây lên ấn tượng từ những áng thơ tình lãng mạn của các nhà thơ tiền chiến mà ông đã say mê đọc.

Tình ca Cung Tiến nhẹ nhàng ru ta về quê hương kỷ niệm với dĩ vãng mơ xa, với hẹn hò đầy đó thoảng qua vãn điệu ca dao. Những tình quê, tình người ấy lồng trong tiếng gọi HUƠNG XUA. Cũng như khúc ca HOÀI CẨM, HUƠNG XUA là tác phẩm điển hình cho nhạc Thánh Phòng, loại nhạc thanh cao:

- *Người ơi! một chiều nắng tơ vàng hiện hòa hôn có mơ xa*
- *Người ơi! đường xa lắm con đường về làng diu mấy thuyền đò*
- *Còn đó tiếng tre êm ru*
- *Còn đó bóng đa hẹn hò*
- *Còn đó những đêm sao mờ hôn ta mênh mông nghe sáo vi vu...*
- *.....*
- *Người ơi còn nghe mãi tiếng ru êm êm buồn trong ca dao.....*

Nói về nhạc sỹ Cung Tiến không thể không nói đến những sáng tác độc đáo, khó viết, khó hát, và nhất là khó thưởng thức, bởi ở tầm mức cao, khó nhận ra đó là nhạc hay thơ. Đây có thể nói nhạc Cung Tiến và thơ đã hòa nhập vào nhau. Điển hình như khi nghe trong LỆ ĐÁ XANH, phổ thơ Thanh Tâm Tuyền:

- *Tôi biết những người sống lẻ loi*
- *hồn không nguôi, sầu không nguôi*
- *đời quên yên bình cho người*
- *đời không yên vui là đó*

- *lệ khóc không rơi ngoài hôn.....*

hoặc như trong ca khúc NGUYỆT CẨM, phổ thơ Xuân Diệu. Đây cũng là một tác phẩm tinh hoa của Nhạc Giao Hưởng, một tiết tấu tuyệt vời giữa nhạc và lời, trắng và nghệ sỹ:

- *Trăng nhập vào giây cung nguyệt lạnh*
- *Trăng thương trăng nhớ hơi trăng ngần*
- *mỗi giọt rơi tàn như lệ ngàn*
- *đêm mùa trăng ủa làm vỡ hồn ta*
- *ngập ngừng xa suối thu dồn lá ủa trôi qua...*

Thông thường thì ai mà không có ít nhiều sở thích và Cung Tiến cũng không ngoại lệ, tuy nhiên, có lẽ âm nhạc vẫn là sở trường và là sở thích khởi đầu và sau cùng trong đời nhạc sỹ. Sự khác biệt giữa các sáng tác đầu tay và sau này có thể là do lúc đầu nhạc sỹ chỉ nghĩ đến viết nhạc phổ thông (popular songs) nhưng sau khi học hỏi về những kỹ năng hiện đại trong âm nhạc Tây phương và tìm hiểu rồi cảm nhận được những tinh hoa trong “âm giai ngũ cung” của Á Đông nên đã đề tâm khai thác, áp dụng đặc điểm này trong sáng tác các nhạc bản sau này. Nhạc bản đầu tiên ông dùng âm giai nhạc dân tộc đó là ca khúc HOÀNG HẠC LẬU, do thi hào Vũ Hoàng Chương dịch thơ Thôi Hiệu đời Đường:

- *Xưa cánh hạc bay vút bóng người*
- *Nay lâu Hoàng Hạc chút thơm rơi*
- *Vàng tung cánh hạc bay bay mãi*
- *trắng một màu mây vạn vạn đời*
- *cây bến Hán Dương còn nắng chiếu*
- *cỏ bờ Anh Vũ chẳng ai chơi*
- *gần xa chiều xuống đâu quê quán*
- *đừng giục cơn sầu nữa sóng ơi!*

Những tác phẩm của Cung Tiến phần lớn được sáng tác sau năm 1954, trừ mấy

nhạc bản đầu tay viết trong thời học sinh và thường được trình bày trên đài phát thanh trong chương trình Tiếng Hát Sinh Viên, tuy nhiên điều đáng nói là thành công của tác giả ở chỗ hầu như chưa ai với tác phẩm đầu tay vừa mới ra đời đã được đón nhận nồng nhiệt như Cung Tiến, một nhà viết nhạc vị nghệ thuật, không vì mưu sinh. Qua những ca khúc của Cung Tiến người nghe không chỉ thưởng thức nhạc điệu mà còn cảm nhận được sự chọn lọc tuyệt vời về ngôn ngữ của lời ca như rót vào hồn. Xin cùng lắng nghe trong MẮT BIẾC, những hình ảnh vừa lãng mạn vừa băng khuâng, mới lạ:

- *Tóc nghiêng bờ nắng*

- *Vai buồn trơ vơ*
  - *Mắt xưa sâu vắng*
  - *Ôi mắt xưa lệ thấm....*
- và rồi nữa, qua nhạc bản KẼ Ồ (Mai chị về), nghe thiết tha bao tình, vấn vương muôn chiều, đậm âm yêu thương, hình ảnh và tình thương quyện vào nhau:
- *Mai chị về em gửi gì không?*
  - *Mai chị về nhớ má em hồng.*
  - *Đường đi không gió lòng sao lạnh*
  - *bụi vương ngang đầu mong nhớ mong*
  - *quê chị về xa mù dậm xa*
  - *rừng thu chiều xao xác cánh gà.....*

## trường thy

### MỘT THỜI SỐNG ĐẸP

*Tặng Robert A. Senser*

Thế đã vẹn toàn một kiếp người  
 Một thời sống đẹp thật hơn đời  
 Âu Châu đại chiến cùng tham dự  
 Thế giới nhân quyền cũng góp lời  
 Lao động kết đoàn tâm chẳng rời  
 Trẻ em bảo vệ trí không rời  
 Hết lòng tranh đấu cho công lý  
 Hạnh phúc toàn dân được sáng tươi

### HẢI BÀNG HDB

(7/30/2015)

### VẤN ĐỢI CHỜ EM

*Tặng Dzung Senser*

Lau nước mắt đi em chuyện đời chưa  
 chấm dứt  
 Kỷ niệm bao nhiêu năm giúp em  
 nở nụ cười  
 Tuy ta đi ta để lại mối tình  
 Vẫn nồng thắm từ ngày em cất gót  
 Đến bên ta dưới bầu trời xanh ngát  
 Em với ta dệt bước những ngày qua  
 Lau nước mắt đi em hãy nở nụ cười  
 Vì bên kia thế giới ta vẫn đợi chờ em

*Dr. Seuss nói, "Don't cry because it's over, smile because it happened."*

### DIỆM TRÂN

*Viết thay lời Robert A. Senser*

# CẢM TẠ



Xin chân thành cảm tạ quý vị  
đã chia buồn phúng viếng và dự thánh lễ thứ sáu 7 tháng 8, 2015  
tại Nhà Thờ St. Thomas à Becket, Reston, Virginia  
cho chồng, cha chúng tôi là

## **ROBERT ANTON SENSER**

Đã về cõi thiên đàng ngày 29 tháng 7, năm 2015. Hưởng thọ 94 tuổi.  
Sự an ủi và chia sẻ nỗi đau buồn lớn lao này chúng tôi xin chân thành ghi nhận và cảm tạ.

**Dzung Senser**  
(Nguyễn Thị Ngọc Dung)  
và các con, các cháu.



# ĐÊM THƯỢNG-HẢI

## PHƯƠNG-DUY TDC

*Lời mở đầu: TẬP TRUYỆN GIÁN ĐIỆP “ĐIỆP VIÊN ZC 18” đã đăng trong CỔ-THOM số 69 bài “ĐIỆP VỤ ĐẶC BIỆT” đây là phần tiếp theo truyện trước.*

### **I- Di hành tịnh khải.**

Không Không thiền sư dẫn ZC 18 vượt qua các khu rừng thông già, rừng tùng, rừng bách phía sau Thiếu Lâm Tự sau khi đi vòng qua một con suối rất đẹp. Càng lúc chàng càng thấy sư phụ mình đi nhanh hơn và bước đi nhẹ nhàng hơn. Chàng cố gắng im lặng theo kịp bước khinh hành của lão sư. Lão sư không quay đầu lại nhìn đệ tử lần nào nhưng vẫn biết những bước theo sau của đồ đệ. Thiền sư nhận xét đệ tử mới của mình cũng thuộc loại khá dai sức.

Từ sáng sớm, hai thầy trò thức dậy, tọa thiền xong, khởi hành từ chùa Thiếu Lâm tại Thiếu Thất Sơn ở hướng tây đi lên hướng đỉnh núi. Đường đi theo triền núi lên dốc cứ lên mãi lên mãi. Nên bước đi càng lúc càng khó khăn phải vận dụng nhiều sức lực hơn. Mặt trời mỗi lúc một lên cao, hơi nóng của ánh sáng mặt trời tỏa nhiều nhiệt lượng hơn. Một già, một trẻ cắm cúi bước nhanh như có một cuộc hẹn gặp người nào trong một giờ khắc nào đã định trước.

ZC 18 bám sát theo bước đi của sư phụ. Bỗng chàng thấy Không Không thiền sư dừng lại giữa một khoảng rừng thưa. Chàng cũng dừng bước. Chàng liếc nhìn mặt sư phụ vẫn hồng hào, hơi thở vẫn điều hòa

bình thường như lúc còn ở Thiếu lâm tự, không có giọt mồ hôi nào. Trong lúc đó chàng phải dùng khăn để lau mồ hôi trán và mặt. Vì phải cố gắng đi nhanh cho kịp sư phụ nên chàng cảm thấy hơi thở cũng dồn dập và không có vật gì phản chiếu để xem thử mặt chàng đang màu gì.

Biết thầy mình ít nói, nên ZC 18 cũng im lặng chỉ lắng tai nghe lời chỉ dạy hoặc trông theo thầy làm gì trò làm theo. Từ sáng tinh mơ, lúc thức dậy, nghe Không Không Thiền Sư bảo vồn vện ba tiếng :” Chúng ta đi!”

Chàng vâng lệnh đi theo thầy. Cho đến lúc này thiền sư mới nói với đệ tử một câu nói thật dài:

“ Hôm nay đệ tử di hành cũng khá đấy, những ngày kế tiếp, chúng ta sẽ đi nhiều dặm hơn nữa. Lên cao hơn. Rồi chúng ta sẽ đặt chân trên đỉnh Thái Thất Sơn về phía đông. Vào vùng Tung Sơn này mà con nhà võ chưa đặt chân Thái Thất Sơn thì tiếc lắm! Bây giờ đệ tử nghỉ ngơi một lát. Sau đó chúng ta sẽ luyện võ.”

Nghe sư phụ nói vậy, ZC 18 rất phấn khởi. Chàng thầm khấn nguyện sẽ cố gắng tiếp thụ những gì lão sư truyền dạy và mong Phật Trời phù hộ chàng thành công vì đây là dịp may hiếm có, nghìn năm một thuở mới có cơ duyên học hỏi võ thuật bí truyền chính gốc Thiếu Lâm với một võ sư chân truyền.

### **II- Luyện võ.**

Không Không thiền sư bảo đệ tử: “ Đệ tử hãy đem tất cả thể võ mà trò đã thụ đắc được từ trước đến nay khi giao đấu thực tập với thầy để thầy biết trình độ võ công của trò mà truyền dạy bổ túc ”

ZC 18 vái chào sư phụ và xuất chiêu ngay. Chàng càng đánh, sư phụ né tránh, chống đỡ cùng lúc đưa những lời nhận xét:

“À! thái cực quyền của Đại Hàn, a... đổi sang nhu đạo của Nhật Bản; à... à... lại sambo Nga la tư, khá... vững...; à... quyền cước Thái Lan... chân tay khá nhanh nhẹn ... à đến Việt võ đạo...khá nguy hiểm...; bây giờ kongfu...khá lắm!, khá lắm!”

Thanh Bình ZC 18 nhảy ra khỏi vòng đấu võ. Ngưng đấu và cúi chào sư phụ. Nét mặt chàng và hơi thở vẫn bình thường như người mới vừa đi xe đạp dạo một vòng nơi công viên vắng vẻ với người yêu. Trong lúc thi đấu, Thanh Bình ZC 18 cố sức đem ra tất cả thể võ hiểm độc nhất của nhiều nguồn võ thuật không phải để tiêu diệt sư phụ mình mà để xem sư phụ mình phá giải như thế nào để chàng học hỏi thêm. Chàng rất ngạc nhiên, nguồn võ nào, sư phụ chàng cũng thông thạo cả, nhưng điều ngạc nhiên nhất cho ZC 18 là Không Không thiên sư đã hóa giải các độc chiêu của chàng phóng ra... hoàn toàn bằng võ công Thiếu Lâm chính phái. Như vậy thêm một bài học quý giá cho chàng: võ công thiếu lâm đã tổng hợp được những tuyệt chiêu của nhiều môn võ nổi tiếng trên thế giới.

Không Không Thiên sư nói:

“Thầy nhận xét trò có nhiều ưu điểm khi giao đấu như bình tĩnh, hơi thở điều hòa, sắc diện không đổi dù khi xuất những chiêu “giết người trong nháy mắt”, thân thể lúc nào cũng thủ kín, không để lộ những phần sơ hở, nội công thâm hậu, nhu nhiều hơn cương. Biết điều hòa công lực, không phí sức, không xuất những đòn dư thừa, biết thu đòn đúng lúc và đòn đòn chết người để kết thúc trận đấu. Trò lại thủ đắc

và biết tổng hợp tinh hoa những võ phái nhiều nước và biết đem ra sử dụng hợp thời...”

ZC 18 Thanh Bình đánh lễ sư phụ khi thu nhận những nhận xét quý báu này.

Không Không Thiên sư bảo:

“Hôm nay, ta chỉ nhận xét khả năng võ thuật của đệ tử, bắt đầu từ ngày mai ta sẽ lần lượt truyền cho đệ tử những gì ta muốn chuyển đến lớp võ sinh hậu bối.”

\*\*\*

Thanh Bình ZC 18 chào từ giả Lão sư Không Không sau thời gian thụ huấn võ công chân truyền của phái Thiếu Lâm. Thiên sư rất bằng lòng về người đệ tử của mình.

Thầy nói: “ Về mặt võ công, học bao nhiêu cũng không đủ, nhưng nếu biết triển khai những thể võ đã học được, ta có thể biến hóa thành nhiều chiêu khác nhau khi lâm trận. Chỉ dùng võ để làm những công việc giết ác, trừ bạo. Thầy cho anh danh tính những sư huynh, sư đệ để khi cần anh có thể liên lạc phối hợp hành động.”

Thầy nói tiếp:

“Ngày nay kể từ năm 1950 tại Thiếu Lâm tự không trực tiếp đào tạo võ sinh. Việc dạy võ cùng văn hóa do bốn mươi sáu trường dạy võ tọa lạc phía dưới núi đảm nhiệm. Thầy sẽ đưa đệ tử đến tận các võ đường để quan sát những sinh hoạt. Lối tuyển võ sinh cũng như phương pháp huấn luyện không nghiêm ngặt như xưa. Võ sinh cũng là học sinh nên theo quy chế do nhà nước ấn định. Trong cả nước, một số phụ huynh đã gửi con em về vùng Thiếu Lâm này gần bốn mươi ngàn học viên để học tập. Cho thầy gửi lời chúc thân tâm an lạc đến nghĩa huynh của thầy.”

Rời Thiếu Lâm Tự, Thanh Bình đi Thượng Hải để tiếp tục những công tác do

ông tổng giám đốc hãng điện tử Viet-Tech của chàng đã giao phó.

### **III- Thượng Hải mỹ nhân.**

ZC 18 tuy đã biết trước, thành phố Shanghai (Thượng Hải) ngày nay đã đổi khác. Nhưng chàng vẫn không ngờ nơi đây đã thay đổi nhanh chóng và hiện đại hóa quá sức tưởng tượng. Thành phố cũ mà ngày xưa đã nhiều lần chàng đã đến công tác vẫn còn đó, được gọi bằng tên mới Nanpu (Nam phố), thành phố hướng nam của Thượng-Hải, để phân biệt phần mới xây dựng rất hiện đại sau này được gọi Pudong (Phố Đông), nằm về hướng đông. Thượng Hải là thành phố cảng nằm bên bờ sông Huangpu (Hoàng phố). Thành phố thương mại và công nghệ lớn nhất Trung Quốc với dân số trên mười tám triệu. Thời đệ nhị thế chiến, Shanghai đã có mỹ danh “Paris của Đông Phương” nhưng đó chỉ là phía thành phố nay gọi là Nanpu (Nam phố), trông cũ kỹ, còn khu Pudong với những nhà chọc trời cao ngất và hiện đại. Nơi tọa lạc một khách sạn Năm Sao trên trên đường Maoming Road đã từng là chỗ ghé chân của những nhân vật lừng danh trên thế giới đã để lại những hình ảnh như Tổng thống Hoa Kỳ Ronald Reagan, Nữ hoàng Anh Quốc Elizabeth Đệ II, tổng thống Nga Vladimir Putin, ngoại trưởng Koa Kỳ Henry Kissinger... cùng những lãnh tụ cao cấp của nước chủ nhà như Mao Chủ Tịch... Chàng biết những giới chức đã lãnh đạo thành công tại thành phố Thượng Hải có nhiều cơ hội đôn lên lãnh đạo Trung Cộng như chủ tịch Giang Trạch Dân, thủ tướng Chu Dung Cơ... cũng tương tự như các nhân vật cầm đầu thành phố Saigon sau

1975 lên giữ chức vụ lãnh đạo chớp bu nhà nước cộng sản Việt Nam vậy.

Ngôi nhà chọc trời Jinmao 88 tầng, cao 421 m được xếp hạng cao ốc đứng hàng thứ tư trên thế giới là niềm hãnh diện của người dân ở thành phố này.

Ngoài ra hệ thống Transrapid tàu điện cao tốc chạy trên đệm từ trường tốc độ 431 km/ giờ thuộc loại nhanh nhất thế giới do Đức chế tạo đã bắt đầu sử dụng từ năm 2003.

ZC 18 đến đây không phải để đi du lịch nên chàng không quan tâm nhiều đến nhà cao, cửa hàng lớn mà với nhiệm vụ một điệp viên, chàng tìm cách liên lạc với đồng nghiệp và thu thập những bí mật về quân sự, chính trị, kinh tế... của “con hổ giấy” (thật sự là mãnh hổ đang vờ ngủ, cả thế giới đều ngán!)

Đang nằm trong phòng ngủ ở một khách sạn xếp hạng năm sao Jinjiang hotel, chàng nghe tiếng gõ cửa.

Chàng lên tiếng bằng tiếng Quan thoại: “Có cần việc gì, xin vui lòng để sáng ngày mai.. được không?”

“San sư ơ công lý... sín sáng !” một giọng nữ trả lời nhỏ nhẹ.

Nghे đúng mật khẩu liên lạc, ZC 18 vội ngồi lên, đi ra mở cửa.

Một mỹ nhân vận xường xám trẻ bước vào phòng. Nàng đưa ngón tay nơi miệng, thủ lệnh: “Đừng nói !”

ZC 18 gật đầu :” Hiếu”.

Mỹ nhân “san sư ơ công lý” (ba mươi hai cây số) cười với ZC 18. Ôi! người đã trẻ đẹp mà nụ cười để lộ một hàm răng đều đặn trắng tinh muốn làm trái tim chàng trai khát tình điệp viên Thanh Bình muốn nhảy ra khỏi lồng ngực.

Mỹ nhân 32 lấy trong túi áo ra một xấp giấy đã viết sẵn đưa cho Thanh Bình.

## THU TRIỀU LÃM KÍNH

Khách tâm kinh lạc mộc  
Dạ tọa thính thu phong  
Triều nhật khan dong mấn  
Sinh nhai tại kính trung

### TIẾT TẮC

## SÁNG MÙA THU SOI GƯƠNG

*Lá rơi rơi động lòng người  
Đêm ngồi nghe gió thu khơi ý tình  
Sáng ra ngắm mái tóc mình  
Thấy như đời hiện nguyên hình trong gương*

**TÂM MINH**  
(chuyển ngữ)

Chàng liền đọc ngay, nhìn nét chữ viết chàng nhận ra đây là lá thư của sư phụ Không Không Thiền Sư viết bằng tiếng Pháp gửi cho chàng:

*“Bạn thân mến,*

*Tôi nhờ bạn quan tâm công việc chung của công ty chúng ta. Hãy cùng các cổ đông trẻ này giải quyết một số công việc làm ăn tại địa phương. Cần gì thêm, tôi sẽ tin cho bạn biết sau. Thân mến : KK.*

*T.B: 32 Km sẽ giúp bạn mọi sự.”*

Mỹ nhân 32 chờ cho Thanh Bình đọc xong lá thư, nàng lấy giấy viết cho chàng:

“Không tiện bàn bạc tại đây, sáng mai lúc 8 giờ. «32» sẽ gặp anh tại tiệm Starbucks Coffee trong khu Yuyuan (Dự viên). Anh tới sớm hơn chừng mười phút, gọi một cốc cà phê House Blend nóng lai rai chờ, em sẽ tìm đến bàn anh ngồi như vậy để hơn anh đi tìm em.”

\*\*\*

## IV-Business is business!

Thanh Bình thức dậy sớm, chàng rời khách sạn đi đến tiệm ăn McDonald's nằm ở Nam Kinh lộ để ăn sáng. Chàng rất sợ điểm tâm bằng món Tim Sấm “made by Ba Tàu” nhiều bột ngọt và dầu mỡ. Cầm trong tay địa chỉ sẵn nên tìm cũng dễ. Bảng hiệu ghi chữ Mc Donald's nằm giữa hai chữ M to tổ bố (giống như bảng hiệu ở Mỹ) chỉ khác có thêm 3 chữ Tàu nằm ngay dưới tên hiệu. Khách ăn rất đông và ồn ào vì truyền thống “ăn to, nói lớn” - nói chuyện to tiếng bằng tiếng Tàu dù ở nơi công cộng! No bụng rồi, chàng đi uống cà phê cho tỉnh người vì chàng nghiện cà phê rất nặng. Sáng sớm không có cà phê là chàng ... buồn và buồn ngủ! Quán Starbucks Coffee ở khu Dự viên cũng dễ tìm vì phía trước tiệm treo bảng hiệu và logo giống hệt cách trình bày ở Mỹ. Chàng gọi một “House Blend coffee of the Day lớn”. Mùi vị giống hệt cà phê cùng hiệu bên Mỹ nhưng hình như đậm đặc hơn và ngon hơn.

Mỹ nhân 32 vào tiệm và đi ngang qua chỗ ZC 18 ngồi. Nàng nói nhanh:

“Mời anh đi ra cửa trước, sau tôi chừng một phút.”

Chàng làm y lời dặn sau khi liếc mắt nhìn quanh xem có ai để ý anh không vì chàng biết nhân viên Tình báo sở Trung Quốc thường bám trụ ở những nơi công cộng như quán ăn, quán cà phê, quán nhậu... để lấy tin tức, an ninh... Ra đến đường, chàng nhìn về phía phải của tiệm thấy “32” đang đứng gần chiếc xe hơi mở cửa sẵn. Chàng bước vào xe ngồi dãy trước bên cạnh tài xế. Xe cộ rất đông phải chen

chúc đi chậm chậm. Mỹ nhân 32 lái xe rất cừ và rẽ vào xa lộ ra khỏi thành phố.

“Tiên sinh, tôi xin phép tự giới thiệu, “32 là bí số” do lão sư gọi, tên tôi là Sue liang, hiện đảm nhận chức vụ manager khách sạn tiên sinh đang ở. Chúng tôi đang có một business quan trọng mà lão sư muốn tiên sinh tham gia. Lão sư tả hình dạng của tiên sinh và nói qua võ thuật của tiên sinh cùng chí hướng... bảo tôi liên lạc mọi cách để tìm tiên sinh. Tôi đã nhiều năm làm manager cho khách sạn nổi tiếng này nên có nhiều bạn bè làm ở các hotel trong vùng nên yên chí. Không ngờ khi nhìn tiên sinh đến “đăng ký” thuê phòng trọ ở khách sạn là nhận điện ngay. May quá!”

“Còn tôi, ZC 18 nói, khi rời lão sư để đi Shanghai, lão sư dặn “san sư ơ công lý!” (ba mươi hai kilômét) rồi thầy không nói thêm gì nữa. Tôi biết tính thầy, nên không dám hỏi thêm gì nữa. Nay đã hiểu rõ “câu thần chú của lão sư”!

\*\*\*

#### V- Hành động.

Mỹ nhân Sue liang “32” đưa ZC 18 đến một trang trại ở ngoại ô. Nơi đây đã có những sư huynh, đệ, tỷ muội... đang chờ trong một phòng nhỏ. Khi thấy mỹ nhân Sue liang 32 và ZC 18 bước vào, tất cả đồng loạt đứng dậy vái chào theo lối chào của võ sĩ Thiếu Lâm. ZC 18 cũng cúi chào lại như vậy để nhận nhau cùng thầy cùng phái.

Mỹ nhân 32 nói:

“Lão sư phụ đã cử tiên sinh đây đến phối hợp hành động trong công tác chúng ta đã hoạch định và đang tiến hành. Tiên sinh đây đã được sư phụ truyền thêm những bí kiếp võ thuật và là người cùng chí hướng. Xin quý huynh, đệ, tỉ, muội an tâm cộng tác.”

Quay qua ZC 18, nàng hỏi chàng có ý kiến gì thêm, xin tự do phát biểu.

Thanh Bình đứng lên nói:

“Cùng các huynh, đệ, tỉ, muội hiện diện. Đã đồng đạo, đồng môn, đồng sư phụ, cùng một chí hướng. Xin các bạn đừng gọi tôi là *tiên sinh* nữa mặc dầu tôi có niên tuế cao hơn nhưng sư phụ lại thu nhận sau cùng, vậy tạm gọi là *huynh*. Tôi tên 18 nên gọi tôi danh hiệu “*sư bát*” (thập bát) là để nhận nhau.

\*\*\*

Mỹ nhân 32 đưa ZC 18 sang bên căn phòng kế cận để bàn luận riêng kế hoạch phối hợp hành động. Nàng nói:

“Tổ chức chúng tôi được tin có một bọn xấu núp dưới danh hiệu công ty xuất khẩu hàng điện tử cao cấp nhưng lão sư tin cho biết công ty của họ cho người đi các nước Thái lan, Cam bốt, Lào, Việt Nam... mua hoặc bắt cóc những trẻ vị thành niên đưa qua Trung Quốc hợp với số trẻ em Trung Quốc đưa sang Canada, Anh quốc, Mỹ Tây Cơ để bán cho các công ty trồng lậu cây cần sa. Theo nguồn tin của nhóm huynh đệ tỷ muội, chúng tôi biết được tuần lễ tới sẽ có chuyến giao hàng tại một huyện ngoại ô Shanghai. Chúng ta có nhiệm vụ giải cứu các người trẻ vô tội này. Hiện có anh em từ trước đến nay đang thâm nhập vào tổ chức buôn người này sẽ làm nội ứng và điềm chỉ. Một số anh em đề nghị nên báo cáo với chính quyền địa phương để phối hợp hành động nhưng có nhiều anh em khác lại không đồng ý vì lý luận có thể chính quyền tổ sư tham nhũng sẽ ham tiền hối lộ có thể làm hư kế hoạch hoặc sau đó có thể tiêu diệt tổ chức của chúng ta để diệt khẩu và lãnh thành tích. Theo huynh thì có giải pháp nào?”



“Tại sao em không hỏi ý kiến của sư phụ mình? Theo anh thì hoạt động đơn phương có lợi về phần bí mật và bảo vệ được tổ chức nhưng khó khăn về vấn đề phối hợp nhân sự. Em cho anh biết bên phía địch có chừng bao nhiêu nhân sự, ta đã cài vào được bao nhiêu người. Còn bên ta hiện có thể sử dụng được bao nhiêu nhân sự.

Ngoài ra ta có vũ khí gì không?”

Mỹ nhân 32 trả lời:

“Em liên lạc ngay với sư phụ để thỉnh thị chỉ thị trước và tối nay sẽ bàn luận thêm với anh sau tại phòng anh ở.”

\*\*\*

Ba giờ khuya, trời đêm Shanghai rất lạnh, Sue liang đến với Thanh Bình. Nàng đã vô hiệu hóa phần thu âm của phòng ZC 18. Nàng không báo cho Thanh Bình biết việc này. Vừa vào phòng, Sue liang liền đưa một ngón tay lên miệng và sà vào chỗ nằm đang ủ ấm của đại huynh Sư bật. Nàng kéo chăn trùm kín và nói nhỏ:

“Ồi sao mà ấm quá! Sư bật có nhớ nhà không? Nhớ vợ hiền ở một mình bên thành phố hoa lệ Paris không?”

Thanh Bình, vua mê gái lạ và đẹp nói ngay:

“Anh không nhớ vợ vì chưa hề cưới vợ, nhưng mỗi khi trời lạnh như thế này, ngủ một mình thì nhớ rất nhiều người mình đã yêu và để ấm lòng nên phải uống mấy chai scotch whisky đẹp đẹp đây này... nhưng nay đã có Thượng Hải mỹ nhân cùng chia sẻ nỗi cô đơn, lạnh lẽo và nhớ nhà nằm cùng giường thì mọi sự đều biến mất!”

Sue liang nói rất nhỏ vào tai Thanh Bình:

“Lão sư phụ bảo em phải nghe theo quyết định của anh. Em tin tưởng sẽ thành công nên đêm nay em muốn chiêu đãi “Sư bật” (18) trước. Mời anh... thưởng thức món khai vị. Xin ăn chậm chậm để biết

món ăn này có *hầu xực* không. Bảo đảm 100% không có “*vị tinh*” (bột ngọt) nhưng rất mặn mà!”

## **VI- Máu nhuộm bãi Thượng Hải.**

Điện thoại cầm tay của Sue liang phát ra tiếng nhạc... nàng áp tai nghe:

“Hàng đã tới Kho 5. Cần 20 đến 30 người bốc hàng. Các xe forklifts sẵn sàng nâng các kiện hàng nặng. Đến ngay!”

Ba mươi người đã ngồi sẵn trên những chiếc xe truck. Khởi hành đến điểm hẹn.

Thanh Bình ZC 18 chỉ huy tổng quát toàn bộ. Một toán do Sue liang bao vây phía sau. Một toán do một huynh khác chỉ huy xông vào phía trước. Súng AK 47 nổ giòn tan như pháo Tết. Lựu đạn của mấy khẩu M 79 bung ra ầm ầm. Xuất kỳ bất ý, nội công, ngoại kích... nên đã tiêu diệt ngay mười lăm tên giao hàng. Toán huynh đệ tử muội của Sue liang đã giải thoát được sáu mươi thanh thiếu niên sắp bị giải giao để đưa đi ra nước ngoài.

\*\*\*

Sue liang lưu luyến chia tay với người tình một đêm ZC 18. Nàng hứa sẽ cung cấp những điều mà ZC 18 đang quan tâm.

ZC 18 yên tâm bước lên máy bay để trực chỉ thủ đô Bắc Kinh viếng thăm những danh lam, thắng cảnh như Thiên An Môn, Tử Cấm Thành và trèo lên một đoạn Vạn lý Trường Thành vì “**Bắt đáo Trường Thành phi hảo hán!**” (không lên tới Vạn Lý Trường Thành không phải là anh hùng).

**PHƯƠNG-DUY  
TRƯƠNG DUY CƯỜNG**  
(San Jose, California)

# Chiều Vàng Năm Xưa

(Sonate d'Automne)

Nhạc và Lời :  
Lê Mộng Nguyên

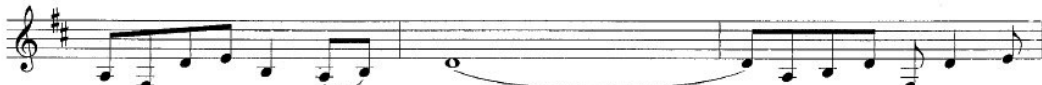
MODERATO



Chiều vàng năm xưa khi mùa thu hiu hắt thiết tha bao hình bóng



Một người ra đi trong bóng sương mờ thoáng nước non ngày buồn trông



Lá vàng rơi chửa chan ngoài sông Người ra đi chìm trong sương



gió Dứt tình trong một chiều thu



Lông mơ ước vinh quang ngày mai núi sông lũng vang khúc ca khải



hoàn Bao chiều thu qua



Chiếc lá thu nhắc bóng dáng người mơ màng nay còn đâu bao



nhưng nhớ trong tâm hồn thoáng hương xưa

Ồi chiều thu sang Hồn ai thoáng mở  
 hồ Tình quê hương chủa chan  
 Muốn năm còn vọng chiều mở Chiều vàng năm nay khi mùa thu hiu  
 hắt nhỏ ntung bao hình bóng Tìm người yêu đi trong bóng sương hồn  
 nước khóc âm thầm chờ mong Lá vàng rơi chủa chan ngoài  
 FINE  
 song

Mời quý vị nghe **Chiều Vàng Năm Xưa** ở link dưới đây:  
<http://cothommagazine.com/nhac1/LeMongNguyen/ChieuVangNamXua-LeMongNguyen.mp3>



*Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyễn 20*

# MỘT KHÔNG GIAN MỘT THỜI GIAN

**Mạc Ly Hương**

Quê tôi là một xóm làng nhỏ bé bên hữu ngạn sông Đáy thuộc xã Hiếu Thiện quận Yên Khánh tỉnh Ninh Bình, và tôi chỉ thực sự sống ở Hà Nội vào đầu thập niên 50' khi gia đình xin cho tôi tiếp tục theo học tại một tư thục nổi tiếng gần Nhà Thờ Lớn.

Thời gian kéo dài có mấy năm, nhưng Hà Nội với 36 phố phường, với những cảnh đẹp, những món ăn ngon đặc thù Hà Nội đã in sâu trong tâm khảm tôi... Như một người Hà Nội "chính cống bà lang Trọc"!

Này nhé, phở Tráng gần trường Hàng Than, cà phê Nhân phố Cầu Gỗ, chả cá Lã Vọng, nem rán Đình Văn Thâm, xôi xéo Bà Rít phố Hàng Bún, bánh tôm cô Phúc đường Cổ Ngư, phở ngẫu pín phố Hàng Khay, lạc rang húng liu của chú Tàu Bờ Hồ, bún ốc món khoái khẩu với cả cuống mắm tôm phố Lò Đúc gần rạp chiếu bóng Méling v.v...

Những nhân danh địa danh này nay chỉ còn là những kỷ niệm xa lắc mù khơi... Nhưng hôm nay giữa trời đông tuyết lạnh nơi quê người chợt nghe đứa cháu hát lên mấy câu trong bản nhạc " Nỗi Lòng Người Đi" của nhạc sĩ Anh Bằng "Tôi xa Hà Nội năm lên mười tám khi vừa biết yêu. Bao nhiêu mộng đẹp yêu đương thành khói tan theo mây chiều. Hà Nội ơi! Nào biết ra sao bây giờ. Ai đứng trông ai ven hồ khua nước trong như ngày xưa"... thì tự nhiên dĩ vãng của Hà Nội đã trở về trọn vẹn trong tôi

Sau cuộc di cư vĩ đại tìm tự do năm 1954 của gần một triệu người miền Bắc vô Nam, đã có nhiều văn nghệ sĩ trải tâm lòng của mình đối với Hà Nội thân thương. Về văn có Mai Thảo với "Đêm già từ Hà Nội", về nhạc có ba bài truyền tụng tới bây giờ: Vũ Thành với "Giấc mơ hồi hương", Hoàng Dương với "Nhớ về Hà Nội" (?) và "Nỗi lòng người đi" của Anh Bằng.

Ba nhạc phẩm viết về Hà Nội đã nói lên nỗi lòng của các tác giả, nhưng mỗi người một vẻ. Thật vậy, Vũ Thành trang trọng trong cung cách "bán cổ điển" với những nốt blue lơ lơ mà ca sĩ thiếu căn bản nhạc lý khó diễn tả trọn vẹn tâm tình tác giả. Hoàng Dương thì mộc mạc hơn, nhưng cay đắng và bi thảm quá cỡ... Tôi còn nhớ: Đài phát thanh Hà Nội lúc bấy giờ ngày nào cũng cho hát bài này và một ký giả viết trên báo Giang Sơn (của Nha sĩ Hoàng Cơ Bình) cho rằng: Thê thảm quá! Hát vừa thôi chứ! Không chừng phản ứng ngược!

Lời dè chừng đó quả không sai: Chính tác giả (nhạc sĩ Hoàng Dương) đã chọn con đường ở lại Hà Nội!

Theo tôi nghĩ, Vũ Thành và Hoàng Dương sáng tác hai bài "Giấc mơ hồi hương" và "Nhớ về Hà Nội" trong lúc hai ông chưa thực sự rời Hà Nội, cho nên lời nhạc mang tính cách chung chung của sự thương nhớ dĩ nhiên phải có.

Đối với nghề cầm bút - viết văn hay viết nhạc - đó là chuyện bình thường, có thể xảy ra ở bất cứ thời gian hay không gian nào. Riêng Anh Bằng, khi sáng tác "Nỗi lòng người đi", tôi nghĩ ông đã thực sự vô Nam.

Thật thế, mỗi thời đại được đánh dấu bằng những ngôn ngữ tình cảm qua từng giai đoạn. Chẳng hạn như sau 1945, những bài hát có liên quan đến cảnh người phụ nữ

## THU SẦU

Rượu cạn , mình ta ...vọng nguyệt lâu  
Đêm nay trăng biết sẽ về đâu ?  
Sương giăng khóm liễu ...lòng u uẩn  
Mây phủ đồi thông... dạ uất sầu  
Nhịp sống nên thơ rồi cũng dứt  
Trang đời vui sướng chẳng dài lâu  
Còn ai góp nhặt mùa thu chết  
Để sóng dòng xưa gợn buổi đầu !...

### Một Thời

có chồng hay người yêu đi đánh giặc thì thể nào những ý thơ của "Chinh phụ ngâm" hoặc "Tô Thị vọng phu" cũng thấp thoáng ẩn hiện.

Nhìn lại sự phát triển của "tân nhạc" Việt Nam thì thời kỳ lớn mạnh thực sự chỉ bắt đầu từ sau cuộc cách mạng tháng 8 năm 1945.

Trước thập niên 30' người ta thường chỉ được nghe mấy bài hát lời Việt, chẳng hạn như bài có câu "Anh hùng xưa, nhớ hồi là hồi niên thiếu, dấy binh lấy lau làm cờ", mà xuất xứ là một làn điệu Tàu trong mấy bài cổ mà dân chơi đàn Huế thường biết.

Lúc đó nhạc tây phương với 7 nốt do, ré, mi, fa, sol, la, si chỉ có một số ít, rất ít, người biết. Vũ trường tại các thành phố lớn không có ban "nhạc sống", mỗi lần khiêu vũ người ta dùng máy hát quay dây thiều (có cái loa kèn bằng đồng hình hoa rau muống) với đĩa 78 vòng và một ông thật khoẻ mạnh quần áo bảnh bao tay cầm cây gậy đầu bịt da nện

xuồng sàn gỗ thình thịch, gõ nhịp theo tiếng hát để các nam nữ "ky binh" nghe cho rõ mà nhún nhảy!

Sau này, khi phong trào hướng đạo du nhập, một số người hiểu nhạc lý biết sức mạnh của âm nhạc đối với giới trẻ nên các bài ca về lịch sử Việt Nam đã ra đời như Bạch Đằng Giang, Bóng Cờ Lau, hoặc ca ngợi cảnh thôn quê như Chiều Quê (của Hoàng Quý?). Kể tới đầu thập niên 40' khi Pháp bị Nhật không chế tại Đông Dương và tại chính quốc thì Hitler nắm cổ Pétain, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước ở Sài Gòn đã sáng tác bài "Tiếng gọi thanh niên" sau trở thành Quốc ca Việt Nam Cộng Hòa, mà hiện nay chúng ta thường hát mỗi khi chào cờ.

Mỗi quốc gia, sắc dân đều có một nền âm nhạc riêng biệt với âm giai đặc thù. Quốc nhạc Việt Nam thuộc âm giai ngũ cung với 5 nốt (tạm gọi như vậy) hồ, xự, xang, xê, cồng... Các bài hát sáng tác theo cung bậc này với lời ca mang đủ năm dấu sắc huyền hồi ngã nặng sẽ cho ngay cái hồn dân tộc tiềm ẩn bên trong.

Khi giáo hoàng Grégoire ban giáo chỉ cho phép dùng âm nhạc trong thánh lễ, thì ngài đã làm một cuộc cách mạng lớn trong lịch sử công giáo la mã. Thoạt đầu chỉ có một số bài được dùng, thí dụ người ta chọn bài Ave Maria của Gounot chứ không chọn một bài cùng tên của Schubert với lý do bài của Gounot trang nghiêm hơn, dù rằng trong thực tế bài của Schubert được nhiều người yêu thích vì dòng nhạc trầm thiết thể hiện sự gần gũi mẹ con do đó đi sâu vào lòng người nghe một cách trọn vẹn hơn.

Âm nhạc là một phương tiện quảng bá tốt. Đối với thanh niên nam nữ là giai tầng được nhà thờ chú ý nên hầu hết các tu sĩ công

giáo đều có ít nhiều khả năng sự phạm về âm nhạc để tạo điều kiện dẫn dắt lớp trẻ...

Cuối thế kỷ 19 và đầu 20, theo chỗ tôi biết, chắc chắn chưa có người Việt Nam nào giỏi âm nhạc tây phương. Phần đông các nhạc sĩ đàn anh nổi danh như Dương Thiệu Tước, Hoàng Trọng, Thẩm Oánh, Hùng Lô, Hoàng Quý, Văn Cao v.v... Đều là môn sinh (trực tiếp hoặc gián tiếp) của một số linh mục người Pháp.

Thông thường các học sinh các trường do công giáo điều hành, như Taberd (Sài Gòn), Puginier (Hà Nội) của các sư huynh thuộc... Dòng La-San, có phương tiện tiếp cận với âm nhạc tây phương nhiều hơn, hoặc giả họ là con em các gia đình công giáo khi còn nhỏ đã được hướng dẫn vào ban hát lễ, vì vậy có thể nói cái nôi của

"tân nhạc" Việt Nam phần nào đã xuất phát từ các nhà thờ công giáo la mã.

Dù nguyên nhân tiếp cận nào, hoặc do ảnh hưởng của trường phái nào thì cuối cùng cũng là sự chào đời của bài ca được nhạc sĩ sáng tác. Âm điệu và lời ca của bản nhạc có nói lên một cái gì đó mà tác giả gửi gắm hay không?

Với nhạc sĩ lão thành Anh Bằng, ông đã vượt qua được một số các "ngôn ngữ âm thanh" bằng những lời dung dị, đơn giản nhưng đầy màu sắc Việt Nam. Nó không văn chương bác học phải tra tự điển mới hiểu như "hát khúc khuê ly" hoặc bình dân lố bịch như "khoai lùi bếp nóng ngon hơn là vàng"

**MẠC LY HƯƠNG**

## **SOVEREIGN REALTY, INC.,**

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003

TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



**CELL: (703) 598-6374**

### **DIANA NGUYEN**

**ASSOCIATE BROKER**

**NVAR, TOP PRODUCER**

**MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB**

**NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB**

**CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM**

**UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM**

**SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC**

# BÀ LÃO VÀ CĂN NHÀ HÀNG XÓM

## Tôn Nữ Mặc Giao

Tôi dọn đến căn nhà này đã được hơn bốn năm, căn nhà 23 tuổi nhưng đã được tân trang lại toàn bộ nên dọn vào chỉ việc ở chứ không phải sửa chữa gì cả. Chỉ tiếc là hàng rào gỗ ngăn với hai bên nhà hàng xóm thì lại quá tệ, lung lay như răng bà già sắp rụng.

Hàng rào ngăn với sân của căn nhà phía bên tay phải thì còn tạm tạm, chỉ lỏng đinh và củ kỹ chứ chưa đến nỗi sập. Chủ nhân của căn nhà bên phải là một ông Mỹ sồn sồn, không biết có gia đình hay không, chỉ thỉnh thoảng bắt gặp ông lái xe đi làm về hoặc cắt cỏ vào một buổi chiều weekend nào đó, chúng tôi chỉ mỉm cười say “hi” với nhau một tiếng chứ cũng chưa hề trao đổi một câu xã giao nào hết. Hồi mới sang Mỹ tôi cứ thắc mắc: bên Mỹ này sao kỳ cục, mạnh ai nấy sống, cửa đóng then cài, chẳng ai sang nhà ai chơi như ở Việt Nam. Sống lâu, hội nhập được vào cuộc sống mới, tôi mới thấy cuộc sống của thế giới văn minh này giống như một mũi tên bắn vào không gian, bay không biết bao giờ mới tới đích? Sống lè phè không chủ đích, không trách nhiệm, không có óc cầu tiến là sẽ bị “thoái hóa” ngay. Không diên thì cũng tâm thần.

Một khi đã “phóng” mình theo mũi tên là đầu óc luôn luôn bị bận rộn, phải suy nghĩ, phải học hỏi không ngừng, và “phải” bị “stress” không nhiều thì ít khi đã là một “chúng sinh” trong cõi “ta bà” này. Nhưng đánh đổi lại tôi tìm được hai chữ “Tự do” đúng nghĩa. Ôi! hai chữ “Tự do” nó quý báu cỡ nào, nếu không tại sao con người ta vì nó mà đánh đổi cả sinh mạng để đạt được hai chữ “Tự do” cũng không màng? Vậy đó mà có nhiều người sang được tới Mỹ rồi cứ ngồi

“than mây khóc gió” nhưng nếu nói cho về Việt Nam sống thì họ lại không chịu, thật là mâu thuẫn. Được cái này thì mất cái kia chớ! tham lam muốn được cả hai, vừa muốn được tự do vừa ích kỷ sống lè phè không trách nhiệm thì... mất nước là phải.

Riêng cá nhân tôi, từ khi thấy cuộc sống là chạy đua và thời gian là tên bắn giữa cái xứ tự do và văn minh số một này thì tôi đã nhanh chóng tự tìm cho mình một lối thoát để không bị “sốc” như một số người sau khi đến Mỹ một thời gian thì vỡ mộng khi thấy đây không phải là nơi “lý tưởng” như mình nghĩ. Nghĩa là ngồi không, hoặc làm “chơi” mà tiền rủng rinh rớt vô túi đều đều để được sống “lè phè” mà khỏi phải học hành hay làm việc cực khổ gì cả. Tôi tuy không mơ mộng hão huyền như họ hoặc có ý tưởng nằm chờ sung rụng, nhưng cũng “buồn bã” hết một thời gian khi bị thay đổi đột ngột giữa hai nếp sống Á và Âu. Nhưng tôi đã nhanh chóng thích nghi khi thấy chồng đi làm cực khổ, các con phải đến trường, ngồi đấy mà than mây khóc gió thì ai giúp cho? Rảnh rỗi thì tôi viết văn, viết văn cũng là một giải thoát cho tư tưởng, một cõi mở cho tâm tư của tôi. Không làm nô lệ cho đồng tiền, không se xua đua đòi theo vật chất, biết đủ là hạnh phúc và biết “save” thời gian để có những cuối tuần dành riêng cho gia đình và bạn bè, cho nên cuộc đời của tôi rất là “thân tâm an lạc”. Nói như thế không có nghĩa là lúc nào tôi cũng... cười hì hì. Cũng có lúc tôi bị khủng hoảng hoặc vui buồn bất chợt theo thế sự thăng trầm của cuộc đời vậy. Nhưng tôi có niềm tin vào Phật lực vô biên, hiểu luật vay trả của

nghiệp quả, biết dần con bi ai, biết nén lòng ham muốn và biết chịu đựng khi nghĩ đó là nghiệp quả mình phải gánh chịu. Ngoài ra tôi còn có được một sự may mắn và một niềm an ủi lớn lao trong cuộc đời là ông xã, người bạn đời thắm nhuần giáo lý nhà Phật, đã luôn luôn che chở, bảo bọc và nâng tôi dậy mỗi lần tôi “vấp ngã”.

Hàng rào phía bên tay trái ngăn với khu vườn của nhà bên cạnh thì quá ư là cũ kỹ, cong queo, uốn éo như là con rắn lượn. Gió chiều nào ngã theo chiều nấy, hễ nó ngã sang bên tôi thì tôi dựng nó lên, mà hễ nó ngã sang nhà bên cạnh thì nhà bên cạnh đẩy nó lại cho ngay ngắn coi như không hề có chuyện gì xảy ra. Cứ đẩy qua đẩy lại thế mà kéo dài cả mấy năm trời nay cũng chẳng hề thấy chủ nhà hai bên hàng xóm đề nghị làm lại hàng rào mới rồi chia tiền. Nhìn cái hàng rào chạy dài cả cây số, nếu để tự tôi đề nghị sửa chữa, nghĩ đến tiền gỗ thấy cũng... phát ớn. Nhưng tôi lại rất sẵn lòng và hăng hái nếu hai bên hàng xóm của tôi đều đề nghị thay hàng rào mới.

Căn nhà phía bên tay trái hình như không có người ở, nhưng không hiểu sao mỗi lần hàng rào ngã sang bên “ấy” là y như rằng, sẽ có “người” đẩy nó lại cho ngay ngắn. Thỉnh thoảng tôi cũng loáng thoáng bắt gặp một chiếc xe hơi màu xanh lá mạ, hiệu “Volkswagon” đậu trên “driveway”, có lẽ chủ nhà đến góc chùng nhà hoặc lấy thư từ gì cũng nên. Cho đến một hôm, phía sau “backyard” nhà tôi mất đi hai cái “răng” hàng rào, nghĩa là nó sút dính ngã sang phía bên vườn nhà tay trái, là phía căn nhà không có người ở. Tôi thật không biết phải xử trí thế nào, vì nếu nó sút về bên tôi thì tôi còn có thể lượm lên để đóng che lại. Kẹt cái nó sút về bên nhà người ta tôi đâu có thể chui sang mà đóng lại được. Nên tôi cứ để hờ như thế cho không khí tự do “qua lại” để tình hàng xóm,

láng giềng càng thêm “thân mật”. Cho đến một đêm, khuya lắm! hình như đã quá 12 giờ đêm, vì đi chơi vắng nhà gần một tuần lễ, sợ mấy chậu cây dưới mái hiên sau nhà thiếu nước sẽ chết. Mặc dù đã khuya, tôi vẫn mở cửa ra sau vườn tưới mấy chậu cây sát nhà, còn ở phía xa xa, ngày mai tính. Tôi tình cờ đưa mắt ngó sang “lỗ gió” nhà bên cạnh quan sát, linh tính báo cho tôi biết hình như có một cái gì là lạ. Tôi mon men lại gần lỗ gió, kín đáo nép sang một bên đưa mắt quan sát, tôi nhìn thấy một bà già Mỹ cầm một cái đèn bin đang leo lên một cái thang xếp bằng gỗ, đặt dưới một tàng cây tiêu thật lớn. Một cây tiêu phải nói là cô thụ, cao thật cao, gốc của nó to bằng cỡ hơn một người ôm, những tàng cây của nó xòe rộng che gần kín cả sân sau của căn nhà. Còn đang ngạc nhiên chưa biết bà lão muốn làm gì? thì từ trên một cành cây cao nào đó, một con mèo đen phóng xuống phía sau lưng tôi kêu to lên một tiếng “méo!” làm tôi hết cả hồn vía, ôm lấy ngực quay lại. Khi đã hoàn hồn, tôi quay ngó sang nhà bên cạnh thì bà lão đã “biến mất”.

Tôi chạy nhanh vào nhà mà ớn lạnh cả xương sống. Giời ạ! chẳng lẽ tôi vừa gặp “ma!”? Không có lý chi trong một tích tắc mà bà lão với một thân hình khá ư là đầy đà từ trên cao của cái thang xếp lại nhanh nhẹn tụt xuống đi vào nhà được. Vào đến phòng ngủ trên lầu, tôi vẫn thắc mắc không ngủ được, cứ đứng bên cửa sổ đưa mắt ngó xéo xuống sau vườn nhà bên cạnh, nhưng chỉ thấy lờ mờ cảnh vật trong bóng đêm không rõ rệt. Tối hôm sau tôi bật sáng ngọn đèn bên hông nhà chia sang vườn sau của nhà bên cạnh và cũng canh đúng giờ như thế, đứng trên cửa sổ phòng ngủ quan sát chứ không dám ra sau vườn nữa! bởi tầm nhìn cửa sổ của tôi rọi xéo góc sang đúng gốc cây tiêu, nơi mà tôi đã nhìn thấy bà lão đêm qua. Chỉ ngạc nhiên một điều là cái thang



xếp không phải dựng đứng nơi chỗ bà lão đã leo lên mà được xếp gọn gàng, dựng vào gốc cây tiêu từ hồi nào mà hình như ban ngày tôi có nhìn thấy xuyên qua lỗ gió nhưng không mấy để ý.

Không phải chờ đợi lâu, tôi lại nhìn thấy bà lão cầm cây đèn bin, kéo cái thang xếp bằng gỗ ra xa gốc tiêu độ 2 thước, dựng đứng lên kéo bệ hai chân nó ra và leo lên cầu thang, vì tàng cây tiêu che khuất nên tôi chỉ còn thấp thoáng nhìn thấy nửa thân dưới của bà thôi, thân trên hình như bà đang quơ ngọn đèn bin tìm kiếm cái gì đó. Tôi nghe văng vẳng hình như có tiếng mèo con kêu. Rồi đột nhiên bà lão từ trên cao rơi xuống, ngọn đèn bin văng ra xa và tiếng mèo con kêu thảm thiết. Tôi thất kinh hồn vía vội lấy ngọn đèn bin đặt nơi bàn “computer”, chạy thật nhanh xuống lầu, mở cửa bước ra sau vườn, chạy nhanh đến “lỗ gió”, quơ đèn bin qua lại. Tôi định bước sang để xem bà lão có hề hấn gì không thì gọi 911 giúp bà, nhưng tôi ngạc nhiên vô cùng, khựng lại không dám bước sang. Vạn vật yên bình chìm trong bóng tối, chẳng có gì xảy ra cả. Tôi hoang mang quan sát có đến vài phút rồi mới quay mình bước vào nhà. Cặp mắt tôi có vấn đêm rồi mà! làm sao lại có thể làm lẫn được? vì hoang mang và sợ hãi nó làm tôi thức trắng.

Ngày hôm sau tôi ngủ li bì trong mệt nhọc, đến chiều tối thì tôi thức dậy, hình ảnh bà lão đêm qua vẫn làm tôi suy nghĩ. Tuy nhất, nhưng tôi vẫn cứ tò mò muốn biết. Ăn uống, tắm rửa xong xuôi cho tỉnh táo. Tôi chuẩn bị gần đến giờ... “hôm qua”, tôi ra sau “backyard” nhà mình, tìm một chỗ kín đáo nép mình quan sát, chòng tôi vẫn chưa hay biết gì. Quả nhiên đúng vào “giờ” đêm hôm trước, bà lão lại xuất hiện từ cửa sau nhà bà đi ra vườn, trên tay vẫn cái đèn bin như cũ. Cảnh đêm qua lại tái diễn,

lần này chẳng những tôi được nhìn thấy tận mắt tai nạn xảy ra cho bà lão mà còn nghe được rõ rệt âm thanh kết hợp của đêm tai nạn này. Thì ra bà lão muốn bắt con mèo con không biết làm sao lại trèo lên được tuốt trên cây cao rồi xuống không được. Bà lão tay cầm đèn bin trèo lên cái thang xếp bằng gỗ, miệng không ngớt kêu “meo! meo”, bà cố kiễng chân, một tay nắm lấy một cành cây, một tay vừa cầm đèn bin, vừa vói để đỡ lấy con mèo xuống. Tôi đoán vậy, vì khuất sau những tàng lá cây và trời tối, chỉ trông nhờ vào ánh đèn bin thấp thoáng nơi tay cầm của bà lão nên không được rõ lắm! Rồi bất thành linh cái thang đổ lăn quay, bà lão nắm được một cành cây đu tòn teng. Cái đèn bin văng ra xa, con mèo rớt xuống theo kêu thảm thiết, lẫn trong tiếng mèo kêu, hình như có cả tiếng chim con kêu chiêm chiếp. Với sức nặng “đầy đà” của bà lão, hình như bà chịu không nổi, tôi nghe bà rên lên vài tiếng rồi rơi xuống như trái mít rụng đè lên con mèo con kêu lên thảm thiết trước khi chết dưới thân bà lão, Bà lão oằn oại, rên la tôi nghe rõ mồn một mà cảnh vật xung quanh dường như không hề bị ảnh hưởng. Bà lão vừa rên vừa cố bò lết đến được bậc thềm phía sau nhà thì gục xuống. Cảnh vật như mờ đi trước mắt tôi, một lát sau thì im ắng như không hề có chuyện gì xảy ra. Tôi đứng chết trân chứng kiến từ đầu cho đến lúc “vãn tuồng” mà không hề dám nhúc nhích. Tôi chợt nhớ đến những câu chuyện ma mà mẹ tôi khi còn sống đã từng kể lại cho chúng tôi nghe.

Bà cụ thân mẫu tôi nói rằng, khi xưa lúc còn chiến tranh thời Pháp, thời Nhật, lúc đó tôi chưa ra đời, chỉ mới có các anh chị lớn của tôi thôi. Hai cụ thân sinh ra tôi đã phải cực khổ lắm để tìm nơi trú ẩn an toàn cho lũ con còn nhỏ. Cụ kể có một lần, cả gia đình vào trú ngụ trong một câu lạc bộ thiếu nhi bị bom dội sập bỏ hoang ở ngoài

Bắc (lúc đó gia đình tôi chưa di cư vào Nam), chỉ còn sót lại một phần căn gác xép tương đối còn an toàn nên tôi đến cả nhà kéo nhau vào đó ngủ. Nửa đêm bỗng giật mình vì tiếng hò hét, la ó của đám con nít dưới nhà, bà cụ tôi mới nhìn xuống qua khe hở miếng ván của căn gác xép, cụ ngạc nhiên vô cùng khi thấy dưới nhà đèn đuốc sáng choang, một lũ con nít đang cùng nhau hò hét chơi “thịt bì da” vô cùng vui vẻ. Cụ mừng quá hét mọi người dậy cùng kéo xuống nhà coi, nghe tiếng chân người chạy rầm rập nơi cầu thang, đám con nít “biến mất” hết, trả lại sự yên lặng cho bóng đêm như không hề có chuyện gì xảy ra cả. Sau này mẹ tôi mới phát giác, họ là những hồn ma không đi đâu thai, nghĩa là không tan được. Muốn được xem họ diễn lại “màn kịch” cuối cùng của cuộc đời họ thì phải thật yên lặng, nếu lỡ gây ra một tiếng động lớn là họ biến mất ngay. Cụ còn kể là họ đang chơi thịt bì da thì bị một quả bom dội trúng nên tan xác. Từ đó, đêm đêm họ cứ trở lại tái diễn màn kịch “cuối đời” hoài. Chồng tôi giải thích vì họ chưa hoàn tất được để xem ai thắng ai thua mà bị chết bất đắc kỳ tử cho nên họ không quên. Mỹ gọi đó là “unfinished business”. Cho nên hằng đêm họ cứ trở lại để tái diễn cái màn chơi bì da cho hoàn tất. Nhưng họ đâu có ngờ là đang chơi ngon lành thì họ bị bom mà chết, mẹ tôi kể lại là nhìn thấy họ chơi rất vui vẻ, còn cãi nhau ôm tôi vì đứa này gian, đứa kia lặn, và sau cùng thì nghe một tiếng ầm thật lớn, đám con nít tan xác nằm ngổn ngang, máu thịt văng tung tóe tùm lum, nhưng gia đình tôi ngủ trên gác thì lại không hề hấn gì. Mẹ tôi nói đó là ảo tượng họ tạo cho mẹ tôi nhìn thấy sự việc xảy ra như vậy chứ không phải ai muốn thấy cũng được, và cảnh vật hiện tại sẽ không bị ảnh hưởng vì cái ảo tưởng đó.

Tôi thuật lại chuyện “bà hàng xóm” cho chồng tôi nghe, chồng tôi bàn với tôi nên giúp bà siêu thoát. Đêm hôm sau, hai vợ chồng tôi cùng thức để chờ bà hàng xóm. Cứ sau 12 giờ đêm một chút là bà hàng xóm bắt đầu xuất hiện, nhưng chồng tôi chẳng nhìn thấy gì cả, trong khi tôi lại được chứng kiến từ đầu tới đuôi. Thì ra đúng như lời mẹ tôi nói, đâu phải ai muốn thấy cũng được đâu, chắc tôi “có duyên” với bà hàng xóm, nên bà muốn báo cho tôi biết một chuyện gì đây? Sau cùng chồng tôi đề nghị:

- Anh sẽ nấp một bên với em, chờ cho đến khi bà rơi xuống như trái mít rụng em hãy chạy lại đỡ lấy bà, hỏi xem bà muốn gì? Nếu chúng ta xuất hiện sớm quá bà sẽ “biến mất”, còn nếu để bà bò lết vào đến cửa bếp nhà bà thì sợ quá trễ. Đó là “khâu” cuối cùng của cuộc đời bà, bà sẽ “chết” chẳng nói được gì. Chúng ta phải biết lựa đúng thời cơ mà xuất hiện.

Tôi lo sợ:

- Nhưng bà là người Mỹ, em sợ nghe không rành những điều bà nói thì làm sao mà giúp được.

Chồng tôi trấn an:

- Đừng lo! anh sẽ nấp sát “lỗ gió” gần chỗ của em nhất, có gì em cứ lập lại lớn lên để anh nghe phụ em.

Tối hôm sau, “backyard” nhà tôi có bao nhiêu đèn chúng tôi bật lên hết, nhất là cây đèn 5 ngọn đặt ở cuối vườn nhà tôi, rọi sáng thêm một phần nghiêng sang góc vườn nhà bà Mỹ. Vợ chồng chúng tôi đèn gần “lỗ gió” nép sát hàng rào yên lặng chờ đợi. Nhưng vì hồi hộp và quá căng thẳng nên tôi cứ đứng chết trân khi bà ta té xuống, đến khi bà ta rên rì:

- Please!... help me....

Tôi mới hoàn hồn bám nhẹ vào tay chồng ra dấu cho anh biết là tôi bắt đầu đi đây. Tôi chui sang “lỗ gió” nhẹ nhàng bước

đến bên cạnh bà ta và nâng bà ta dậy, khi đụng vào da thịt bà ta, tôi rùng mình cảm thấy mình như bị tách rời khỏi thế giới đang sống, nhưng tôi không sợ vì cách đó vài bước, chồng tôi đang nép mình theo dõi để “có gì” thì sẽ “cứu” tôi mà. Bà lão oằn người trong tay tôi và rên không ngừng, tôi hỏi:

- Bà có cần tôi giúp gì không?

Bà lão nắm lấy tôi thều thào:

- Hãy nghe tôi nói, cách đây 5 năm, vì bắt một con mèo con mà tôi rất thương mến, leo lạc lên cây cao này, nó không xuống được. Nhà không có ai, tôi ở một mình, các con tôi đều ở riêng cả. Con mèo là niềm vui của tôi, nó đi lạc tôi tìm cả ngày, đến tối khuya mới phác giác nó ở trên cao, kêu la thảm thiết. Vì muốn bắt nó xuống như cô thấy đó! tôi đã bị té xuống và thiệt mạng.

Tôi hỏi:

- Nhưng sao cụ đã chết rồi mà đêm đêm lại cứ trở về để lập đi lập lại cái chết này để làm chi vậy?

Bà cụ chìa bàn tay trái bị cụt mất nửa móng của ngón tay đeo nhẫn đầm đìa những máu ra cho tôi xem và hỏi:

- Cô có thấy ngón tay cụt của tôi không?

Tôi rùng mình gật đầu nói “yes!”, bà cụ kể tiếp:

- Chiếc nhẫn của tôi vướng ở trên đó, làm ơn tìm nó xuống giao cho con gái tôi. Khi tôi rơi xuống, chiếc nhẫn bị vướng lại đã cắt đứt ngón tay của tôi.

Hơi thở bà cụ đứt quãng, tôi hỏi gấp rút cố ý nói to cho chồng tôi nghe thấy mà chú ý, vì tôi sợ cụ nói địa chỉ hoặc số phôn có nhiều con số mà tôi không nhớ nổi:

- Cháu làm sao biết được con gái cụ ở đâu mà tìm?

Bà cụ nói trong cơn thờ dốt:

- Con... gái tôi... thỉnh thoảng... vẫn... đến đây... quét... dọn... Số điện... thoại... của nó... là... 8...0...0...9...1...1...1.

Bà cụ nói một số, tôi lập lại một số thật to để chồng tôi nghe được. Bà cụ đẩy tôi ra nói tiếp:

- Chiếc nhẫn... “diamond”... 2 cara, cô... làm ơn... lấy... nó xuống... trao lại... cho... con gái tôi... Tôi biết... cô làm... được mà... đúng không?

Tôi gật đầu nói như mê sảng:

- Vâng! cháu sẽ cố gắng, sáng mai cháu sẽ tìm. Cụ đừng nói nữa, cháu sẽ gọi xe cứu thương cho cụ.

Bà cụ đẩy tôi ra, tự bò lết về phía cửa sau nhà mình nói:

- Cảm ơn cô... tôi đi đây... xin hãy làm theo lời hứa...

Hình ảnh bà cụ mờ dần như tan vào sương khói, và tôi thì cứ lùi dần, lùi dần đến gần “lỗ gió” cho đến khi chồng tôi thò tay kéo và ôm chặt lấy tôi vào lòng, diu tôi vào nhà. Tôi mềm nhũn như người mất hồn chẳng còn nhớ gì cả. Chồng tôi pha cho tôi một ly trà gừng nóng uống cho “hoàn hồn” trở lại. Khi đã bình tĩnh, tôi lật đật đi tắm rửa thay quần áo cho sạch sẽ vì có cảm tưởng như “hoi hướm” của “thế giới bên kia” vẫn còn phảng phất đâu đây.

Sáng hôm sau chúng tôi đánh liều, bắt chấp cả luật lệ chui sang “lỗ gió”, đến đúng chỗ bà cụ té xuống, nhìn lên cây tiêu quan sát. Chúng tôi nhìn thấy có rất nhiều tổ chim đủ màu, đủ kiểu do người làm chứ không phải tự con chim xây tổ lấy, đặt rải rác khắp mọi cành trên cây trông rất vui mắt. Tổ chim làm bằng gỗ cũng khá kiểu cộ nhưng đã bạc màu theo sương gió thời gian, được quần chịt dính vào những cành cây tiêu bằng một loại giấy thép gai rất cứng. Chúng tôi đoán chủ nhà này xưa kia chắc rất thích chơi chim và nghe tiếng chim hót nên mới

có nhiều tổ chim như vậy. Chồng tôi trở về nhà lấy cái thang xếp bằng sắt rất chắc chắn mang sang dựng ngay chỗ bà cụ đã té xuống và nhắm khoảng cách do tôi phỏng đoán khi tiếp xúc với bà cụ, leo lên quan sát. Theo như lời bà lão kể, chồng tôi suy đoán, chiếu theo chiều cao bà lão do tôi tả. Khi cái thang bị đổ xuống, bà lão có lẽ đã bám vào cành cây này đây. Nhưng có lẽ chịu không nổi với sức nặng của thân hình bà ta nên tai nạn đã xảy ra khiến bà bị thiệt mạng chiếc nhẫn của bà bị vướng vào một cái móc của giầy kèm gai này đây, xé xé trên cửa một chuồng chim chút xíu, chiếc nhẫn có lẽ chật nên không tuột ra khỏi tay bà lão được mà đã tiện đứt ngón tay của bà khi bà rơi xuống. Vậy thì chiếc nhẫn đã văng đi đâu? nếu nó ở dưới đất, ắt hẳn họ đã tìm thấy khi phát giác ra cái chết của bà lão, còn như ở trên cây thì nó ở chỗ nào? Bà lão sao không chịu nói rõ đích xác hay bà cũng không biết mà chỉ đoán vậy thôi?

Cái tổ chim đã lâu ngày chẳng có con chim nào lại làm tổ thêm một lần nữa, cũ kỹ, bạc màu, dơ dáy, bên trong toàn rom rạ trộn lẫn với cứt chim cứng ngắt phủ đầy bụi bặm. Chồng tôi táy máy, tà tà móc đồng rom rạ đầy cứt chim ra ngắm nghía rồi xé vụn ra, bóp bóp, sờ sờ, chẳng có gì lạ. Anh vật cái đồng rom rạ đầy cứt chim đó xuống đất, thổi sạch chuồng chim để mùa sau chim đến làm tổ mới. Nếu để cái tổ cũ sẽ chẳng bao giờ có chim đến làm tổ trên cái đồng rom rạ cũ bao giờ. Vì chuồng chim buộc quá chắc không gỡ ra được, anh lấy tay đập đập và lắc qua lắc lại cho nhúc nhích chút xíu để long bớt cứt chim thì bỗng nghe “lọc cọc” bên trong, chồng tôi thò tay sờ rầm bên trong và móc ra được một cái vòng bám đầy cứt chim khô cứng ngắt. Chúng tôi mừng húm, tuy cứt chim che kín mít chẳng còn nhìn thấy ánh sáng

của “diamond” đâu cả, nhưng chúng tôi biết đó là vật mà chúng tôi muốn tìm.

Chúng tôi liên lạc được với con gái bà cụ để hẹn ngày giao trả chiếc nhẫn như lời tôi đã hứa với bà cụ và kể tỉ mỉ cho cô nghe nguyên nhân vì sao mà tôi tìm được chiếc nhẫn của mẹ cô. Người con gái của bà cụ cảm ơn chúng tôi rồi rít đã kể cho cô nghe rõ ràng về cái chết của mẹ cô, mà từ trước đến giờ cô cũng chỉ mập mờ tưởng tượng theo sự quan sát và phỏng đoán của cảnh sát mà thôi! Cô kể lại rằng bà cụ té xuống bị đập lá lách, nội xuất huyết và bể xương chậu, có lẽ chỉ đủ sức lết vào đến bậc thềm nhà rồi chết. Mãi đến hai ngày sau, cô con gái đến mới phát hiện. Tưởng bà cụ bị cướp, cô báo cảnh sát, cảnh sát cũng có đến điều tra, nhưng phát hiện ra là bà cụ bị tai nạn, không có dấu vết người lạ, lóng tay đứt của bà cụ tìm được dưới bãi cỏ, cảnh sát có hỏi mẹ cô có đeo chiếc nhẫn nào nơi ngón tay bị đứt hay không, cô ngỡ ngờ hình như có nhưng không hề biết là chiếc nhẫn “diamond” 2 cara này. Cô nói thấy cảnh sát cũng leo lên cây tìm tòi, quan sát, nhưng lúc đó là mùa chim làm tổ nên tổ nào cũng riu rít tiếng chim vừa mới nở, có lẽ vì vậy mà họ không để ý chẳng?

Người con gái bà cụ đã cho người đến sửa lại cái hàng rào mới nhưng từ chối không để chúng tôi nhìn tiên. Và cũng kể từ đó, chẳng bao giờ tôi còn nhìn thấy bà lão hàng xóm trở về lập lại cái chết của mình hàng đêm nữa. Có lẽ hồn bà đã được thanh thoi, siêu thoát ở một nơi nào đó sau khi đã “finished” được cái “business” của mình.

**TÔN NỮ MẠC GIAO**

## GỬI - Nhạc & lời: Trúc Ca Dương Vân Châu

D G

Gửi kỷ niệm bay theo làn mây trắng Gửi hẹn thề xuôi theo giòng sông

D G D A7

vàng Gửi mộng đẹp phai theo màu hương nắng Gửi nguyện cầu vương theo đường tơ trằm

D A7 D A7 D Bm Em C#m7(♭5)

láng. Gửi trả ngàn hoa cho mùa Xuân ấm Gửi trả Hạ tưới cho trời xanh

F#m D7 G Em/G G#dim7 D/A A7

thắm Gửi trả hồn Thu cho niềm say đắm Gửi trả sầu Đông cho tình yêu trằm

D C#m7(♭5) F#m Bm7 Em A7

năm. Kia đàn chim tung cánh khuấy xa xôi Nhuộm màu hoàng hôn pha sắc lá khô

Dsus4 D G D/F D G6 A7

roi Rồi vô tan cùng cơn gió chơi với Lặng lẽ trăng non, nhật bóng gương

D A7 D A7 D Bm Em C#m7(♭5)

soi. Gửi mặt hồ êm con thuyền lơ đãng Gửi chuyện buồn vui đi vào quên

F#m D7 G Em/G G#dim7 D/A A7 D

lăng Gửi giọt lệ long lanh nhòa đi vãng Gửi mảnh đời trôi với thời gian mênh mang

# TIỆC MỪNG TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM TRÒN 20 TUỔI

## Phạm Xuân Thái tường thuật

Những năm đầu của cuộc đời tị nạn thật là vất vả và gian khổ. Hầu hết mọi người tị nạn chúng ta đã phải làm lại cuộc đời từ đầu, với hai bàn tay trắng. Từ Bác sĩ, Luật sư, Kỹ sư, ông Trưởng, ông Tá, nhà Thơ, nhà Văn đều phải lặn xả vào làm những công việc tạp nhạp để lo cho gia đình, và gây dựng một cuộc sống mới, nơi xứ lạ, quê người.

Từ năm 1980 trở đi, chúng ta mới thấy lác đác một vài tờ báo, đánh dấu tay, ra đời để thông tin, hướng dẫn, tạo món ăn tinh thần, và đồng thời cổ vũ, làm phong phú thêm cho nền Văn Hóa Việt. Nhiều tờ báo đã tung bừng khai trương, nhưng âm thầm đóng cửa sau vài năm, vài tháng hoạt động.

Hôm nay, 20/6/2015, tại tiểu bang Virginia, tôi được tham dự sinh hoạt mừng Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm tròn 20 tuổi. Hai mươi năm là một quãng đường dài, với biết bao nhiêu thay đổi của cuộc đời; biết bao quý vị nhà văn, nhà báo tiền bối đã ra người thiên cổ; biết bao tờ báo đã phải đóng cửa vì không đủ đọc giả và thiếu phương tiện, nhưng Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm vẫn đứng vững, và càng ngày càng khởi sắc hơn.

Uống nước phải nhớ nguồn. Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm có được ngày hôm nay phải kể đến công không nhỏ của người khai sáng: Luật sư/Tiến sĩ Lưu Nguyễn Đạt, và phu nhân của ông: bà Phụng thị Hạnh. Tôi và anh Lưu Nguyễn Đạt đã có cái Duyên gặp gỡ và hợp nhau trong rất nhiều phương diện. Anh luôn coi tôi là người em

trong gia đình và tôi lúc nào cũng kính trọng và học hỏi từ anh rất nhiều. Anh Lưu Nguyễn Đạt là người năng động, với kiến thức sâu rộng, và luôn khai mở những cái mới, lạ. Khoảng năm 1995, anh nói chuyện với tôi về ý định ra tờ Nguyệt San và tập Thơ. Tôi đã khuyến khích anh, kiếm cho anh một bộ Font Unicode tiếng Việt, bàn phím WinVnKey để anh có thể viết bài trực tiếp bằng chữ Việt trên Microsoft Word, và giúp anh trong vấn đề kỹ thuật. Sau đó, anh đã liên lạc với các nhà văn, nhà báo trong vùng như cố nhà văn/nhà thơ Hà Bình Trung, cố nhà thơ/nhà báo Anh Độ Đỗ Cẩm Khê, cố nhà thơ Quỳnh Anh, nhà văn Lê thị Nhị, nhà văn Ngọc Dung, nhà văn Hồng Thủy..., để mời tham gia vào Ban Biên Tập. Trong khoảng thời gian này, tôi cũng đã gặp Đỗ Tráng Mỹ Hạnh tại "tòa soạn". Cô là con gái của cố nhà thơ/nhà báo Anh Độ Đỗ Cẩm Khê. Cô phụ giúp anh Lưu Nguyễn Đạt rất nhiều trong việc đánh máy bài vở cho tờ Cỏ Thơm.



Nguyễn XuânThường, Bích Ngọc,  
Nguyệt Hằng, Phạm Xuân Thái

Cỏ Thom đã ra đời vào mùa Xuân năm 1996, do Luật sư/Tiến sĩ Lưu Nguyễn Đạt làm Chủ nhiệm. Sau đó, nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung thay thế chức vụ Chủ nhiệm và lèo lái Cỏ Thom vững tiến từ Cỏ Thom số 25 - Mùa Đông 2003 - tới ngày nay.

### **MỪNG CỎ THƠM TRÒN 20 TUỔI (1995-2015)**

Kỷ niệm ngày vui sắp tới đây  
Tao nhân nghệ sĩ hợp sum vầy  
Hàn huyền tâm sự tình tha thiết  
Sáng tác thơ văn cảm mến đầy  
Ngát ý từ chương bay tám hướng  
Đẹp câu mỹ ngữ gói tờ mây  
Cỏ Thơm tròn chẵn hai mươi tuổi  
Ngợi tiếng gần xa giai phẩm hay.

**Ngô Văn Giai**  
Virginia, June 12, 2015

Hôm nay, gần 300 quan khách bao gồm đại diện Cộng Đồng, Đoàn thể, Thân hào, Nhân sĩ, và Văn Nghệ sĩ đã tới tham dự buổi tiệc để mừng Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thom được tròn 20 tuổi.

Sau nghi lễ chào quốc kỳ Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa, bà Ngọc Dung đã chào mừng và cảm tạ quan khách, bà phát biểu: “Thật không ngờ Cỏ Thom đã trưởng thành, đã vững vàng trên con đường phục vụ văn học nghệ thuật lâu dài như vậy. Thành quả đó là do sự ủng hộ của quý vị độc giả, sự quý mến đóng góp văn chương nghệ thuật của các văn thi hữu trong vùng và khắp các bang Hoa Kỳ, cùng các nước Châu Âu, Châu Á”. “ Chúng tôi không

quảng cáo rộng rãi, chúng tôi chỉ làm văn chương, không làm thương mại. Quý vị là chứng nhân của một tạp chí văn học Việt Nam tại hải ngoại”.

Kế tiếp, Tiến sĩ Trần Bích San, đương kim Chủ bút Cỏ Thom, ngõ lời Tri Ân Ban Trị Sự Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thom, ông nói: “Hôm nay chúng ta gặp mặt để mừng ngày Cỏ Thom được tròn 20 tuổi. Con số 20 năm, thật ra, rất nhỏ so với chiều dài của lịch sử Văn Học Việt Nam. Nhưng đối với tuổi thọ của một tạp chí văn học thì quả thật là một con số đáng kể.

Từ ngày có báo chí, tờ Đông Dương Tạp Chí của Nguyễn Văn Vĩnh sống được 6 năm. Tờ Nam Phong Tạp Chí của Phạm Quỳnh ra đời năm 1917, đình bản năm 1934, tính ra được được 17 năm. Thời Việt Nam Cộng Hòa biết bao tạp chí văn học do các nhà văn kỳ cựu, nhiều kinh nghiệm, hay chủ trương bởi các cây bút trẻ đầy nhiệt huyết như tờ Mùa Lúa Mới, Văn Hóa Ngày Nay, Sáng Tạo, Văn Nghệ, Thế kỷ 20, Gió Mới, Hiện Đại, Khởi hành, Thời Tập, Tân Phong... Nhưng tất cả đều vắn số. Tờ sáng tạo được 31 tháng, tờ Văn Học sống dai nhất cũng chỉ được 12 năm”.

Ông nói tiếp: “Hai mươi năm qua Cỏ Thom đã qui tụ được đông đảo các cây bút thuộc các thế hệ khác nhau, phản ánh các biến chuyển của văn học, đăng tải một số lượng bài vở lớn lao có giá trị, một kho tài liệu cuộc sống ở hải ngoại trên nhiều phương diện. Đó là một thành tích không phải là nhỏ. Đó là công lao của biết bao nhiều người đóng góp tim óc. Công lao đó phải được trân trọng ghi nhận.

Tất nhiên phải có các văn nghệ sĩ cộng tác thì Cỏ Thom mới có bài vở giá trị, nhưng như thế vẫn chưa đủ. Tờ báo trưởng

thành đến ngày hôm nay còn cần đến những bầu nhiệt huyết yêu văn chương chữ nghĩa vun sỏi trong tinh thần vô vị lợi”.

Sau đó, bà Ngọc Dung và Tiến sĩ Trần Bích San đã giới thiệu Ban Trị Sự và tuyên dương công lao đóng góp của: Tác giả lão thành Nguyễn Văn Thành, Phó Chủ nhiệm Nội Vụ Phan Khâm, Phó Chủ Nhiệm Ngoại Vụ Phan Anh Dũng, Tổng Thư Ký Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, và hai cựu đồng Chủ bút Phạm Văn Tuấn và Ngô Tăng Giao.

Nhân dịp này, một số tác phẩm mới của các nhà Văn, nhà Thơ đã được trưng bày và giới thiệu đến khách tham dự, với giá văn nghệ, đã được khách tham dự nồng nhiệt đón nhận.

Khách tham dự khi ra về đã rất hài lòng vì được tham dự một buổi họp mặt vui tươi, trong tình văn nghệ, và mừng cho sự trưởng

thành, lớn mạnh của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm; mừng cho Ban Trị Sự cũng như Ban Biên Tập đã đáp ứng được lòng thương yêu của đọc giả.

Một tờ báo đứng đắn sẽ mãi mãi tồn tại trong lòng người đọc, vì không dùng phương tiện mình có để bôi nhọ, đánh phá người khác; không viết theo đơn đặt hàng, mà viết vì cảm xúc; không viết theo sự chỉ đạo của guồng máy khổng trị, mà viết vì tấm lòng, để hướng dẫn, và cùng người đọc bước về phía Chân, Thiện, Mỹ.

Xin chúc mừng Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm và toàn ban Trị Sự, ban Biên Tập. Xin hẹp gặp lại tất cả quý vị trong những sinh hoạt kế tiếp của Cỏ Thơm.

**Phạm Xuân Thái**  
(June 26, 2015)

+++++

## **CHỦ NHIỆM NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG CHÀO MỪNG QUAN KHÁCH Trong Ngày Kỷ Niệm Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm 20 Tuổi - 06/21/2015**

Kính chào quý vị quan khách, quý độc giả, văn thi nghệ sĩ cùng thân hữu,

Thưa quý vị suốt mấy tuần nay tuy quý vị đã tham dự nhiều sinh hoạt trong vùng, nhưng thật là quý hóa, quý vị vẫn dành thời giờ tham dự đông đảo Sinh Nhật Thứ 20 của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm. Chúng tôi rất lấy làm cảm kích và xin trân trọng chào mừng sự hiện diện của quý vị, và đặc biệt chúc Happy Father's Day đến quý ông.



Chúc quý ông nhiều sức khỏe, gia đình hạnh phúc vui vầy con cháu.

Như quý vị đã biết, Cỏ Thơm ra đời vào mùa Xuân năm 1996 và Chủ nhiệm sáng lập là Nhà Thơ Lưu Nguyễn Đạt. Nguyễn Thị Ngọc Dung thay thế từ năm 2003. Hiện giờ chúng tôi có Phó chủ nhiệm nội vụ là Nhà thơ Phan Khâm, Phó chủ nhiệm ngoại vụ là Nhạc Sĩ Phan Anh Dũng. Chủ Bút là Biên Khảo Gia Trần Bích San. Tổng Thư Ký là Nhà Thơ Đỗ Tràng Mỹ Hạnh.



Chúng tôi mới được biết, một người đến với Cỏ Thơm từ thuở Cỏ Thơm còn phôi thai, chưa thành hình và người đó có mặt tại đây là Nhạc sĩ keyboard Nhà văn Phạm Xuân Thái. Xin quý vị một tràng pháo tay cho Nhà văn Phạm Xuân Thái.

Thật không ngờ Cỏ Thơm đã đến tuổi trưởng thành, đã vững vàng, trên đường phục vụ văn học nghệ thuật lâu dài như vậy. Thành quả đó là do sự ủng hộ của quý vị độc giả, sự quý mến đóng góp văn chương nghệ thuật của các văn thi hữu trong vùng và khắp các bang Hoa Kỳ cùng các nước Châu Âu, Châu Á.

Thưa quý vị, chúng tôi không quảng cáo rộng rãi, chúng tôi chỉ làm văn chương, không làm thương mại. Mỗi năm chỉ tổ chức một buổi sinh nhật cho Cỏ Thơm để trình diện quý vị, để được chào mừng và cảm ơn quý vị trong một bầu không khí nhẹ nhàng, thân mật. Quý vị là thượng khách, quý vị đến với chúng tôi là vì chỗ thân tình, vì giá trị của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm. Quý vị là chứng nhân của một tạp chí văn học Việt Nam hải ngoại.

Chúng tôi xin cảm ơn quý vị Chủ tịch Cộng Đồng, Chủ tịch Hội Cao Niên, Cao Trào Nhân Bản, quý vị đại diện Hội Quảng Đà, Gia Đình Trung Vương, Global Financial Group cùng nhiều hội đoàn... Xin cảm ơn quý hội viên, quý ân nhân đã nuôi dưỡng Cỏ Thơm. Chúng tôi cũng không quên cảm ơn sự đóng góp của quý nghệ sĩ đã cộng tác với Cỏ Thơm từ nhiều năm nay và làm tăng sự hạp mặt hào hứng, thi vị trong chương trình văn nghệ xuất sắc mà lát nữa

đây Nhạc Sĩ, Nhạc sĩ Phan Anh Dũng là người tận tâm, khéo léo điều khiển.

Nhân dịp hạp mặt này, chúng tôi cho phát hành số báo mùa hè 71, kỷ niệm Cỏ Thơm 20 tuổi. Tranh bìa báo của Họa sĩ Mai Thứ rất đẹp có bài giới thiệu của Họa sĩ Đinh Cường. Mời quý vị đọc Cỏ Thơm để hài lòng về nội dung phong phú với nhiều bài biên khảo công phu, văn luận lý thú, truyện ngắn hấp dẫn, thơ phú chí khí hay đạt dào tình cảm của gần 40 tác giả được mên mộ. Mong được quý vị không bỏ qua.

Ngoài ra chúng tôi cũng xin giới thiệu cùng quý vị hội sách của đông đảo tác giả Cỏ Thơm đang được trưng bày trong hội trường, trong đó có 4 tác phẩm mới tinh còn thơm mùi giấy của Biên Khảo Gia Phạm Văn Tuấn, của Nhà Thơ Ngô Tăng Giao, của Nhà Thơ Ý Anh và của Nguyễn Thị Ngọc Dung. 4 tác phẩm này đang chờ đợi quý vị thưởng lãm. Giá sách cũng giảm đặc biệt, coi như một phần tặng quý vị làm quà kỷ niệm buổi hội ngộ hôm nay của chúng ta.

Sau hết xin cảm ơn Ông Bà Chủ Nhà hàng Harvest Moon đã dành cho chúng tôi giá đặc biệt để dễ dàng cho quan khách phải đi nhiều tiệc tùng và các nhân viên nhà hàng cũng rất chiều khách. Nếu chúng tôi có sự sơ suất nào là ngoài ý muốn, xin quý vị lượng tình tha thứ cho.

Chúc quý vị dùng tiệc trưa ngon miệng và có một buổi chiều văn nghệ nhẹ nhàng, thoải mái và mang mãi hình ảnh hội ngộ đẹp tại sinh nhật 20 tuổi của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm. Xin cảm ơn quý vị.

**NTND**

## HÌNH ẢNH KỶ NIỆM

Henry Việt, Ngô Nguyệt Hằng, Phạm Bá.



NT Ý Anh, NT Diễm Hoa, Phan Thị Ngọc Trinh, Lan Hương, Diễm Trân,  
N.T. Ngọc Dung, Ý Nguyên, Diễm Hoa.



Ngồi từ trái: NV Trương Anh Thụy, NV Ý Nguyên, NT Diễm Hoa, Trịnh Bình An,  
CS Ngọc Hà / Đứng: NV Nguyễn Thị Ngọc Dung, NT Ý Anh, Lan Hương,  
Dịch giả Diễm Trân, Composer Lê Văn Khoa, NS Phan Anh Dũng.





**BAN TRỊ SỰ CỎ THƠM 2015:** Tổng Thư Ký Đỗ Trảng Mỹ Hạnh, Phó Chủ Nhiệm Nội Vụ Phan Khâm, Chủ Nhiệm Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phó Chủ Nhiệm Ngoại Vụ Phan Anh Dũng.  
(Ghi chú: Chủ Bút Trần Bích San Không có mặt trong hình)





**VĂN THI HỌA NHẠC SĨ CỘNG TÁC VỚI CỔ THƠM:** Hàng đầu từ trái: NT Ý Anh, NV Trương Anh Thụy, NAG Trương Minh Châu, Dịch giả Diễm Trân, NV Ý Nguyên, NV Nguyễn Thị Ngọc Dung, NV Phong Thu, NV Hồng Thủy, NV Hoàng Dung/ Hàng thứ 2: NV Phạm Bá, BKG Nguyễn Ngọc Bích, NT Nguyễn Phú Long, BKG Hải Băng Hoàng Dân Bình, Nhà Soạn Nhạc Lê Văn Khoa, NS Huy Lâm, NV Nguyễn Lâm, BKG Nguyễn Văn Thành. Hàng thứ 3: NT Phan Khâm, NT Hoàng Song Liêm, NV Phạm Hữu Bình, BKG Phạm Trọng Lệ, NT Cao Nguyên, BKG Phạm văn Tuấn, NT Bùi Thanh Tiên/ Hàng thứ 4: NV Đỗ Ngọc Phú, NT Ngô Tăng Giao, NT Phan Ngọc, NAG Nguyễn Quốc Khải, NV Phạm Xuân Thái, NT Luân Tâm, NS Phan Anh Dũng / (Ghi chú: NT Đăng Nguyên, NS Văn Duy Tùng, NT Diễm Hoa không có mặt trong hình)





**CA NHẠC SĨ TRONG CHƯƠNG TRÌNH VĂN NGHỆ 2015:** Hàng đầu từ trái: MC Mỹ Hạnh, CS Tâm Hào, CS Hiếu Tâm, CS Ngọc Hà, Dancer Minh Châu, CS Hiếu Thuận, CS Loan Phượng, CS Thái Ninh, CS Vân Anh / Hàng trên: CS Đèo Văn Sách, CS Hoàng Cung Fa, CS Phạm Xuân Thái, MC Đàm Xuân Linh, NS Tuấn (Hải Đăng band), NS Đinh Minh Tiến, NS Phạm Dương Hiến, NS Phan Anh Dũng



Phạm Dương Hiến (violin), Đinh Minh Tiến (Saxo, âm thanh), Tuấn Hải Đăng Band (keyboard), Phan Anh Dũng (guitar)



Mở đầu Chương trình văn nghệ: MC Đàm Xuân Linh & Đỗ Tràng Mỹ Hạnh





"TA VUI CA VANG" (Nhạc: Văn Phụng, Lời: Chiêu Tranh) - Hợp ca: Hiếu Thuận, Tâm Hào, Thái Ninh, Vân Anh, Xuân Thương, Hoàng Cung Fa, Phạm Xuân Thái, Đèo Văn Sách - Điều khiển: Phạm Dương Hiền



"TÌNH CỔ HƯƠNG" (Nguyễn Văn Đông) - Tiếng hát: Tâm Hào, đệm guitar: Phan Anh Dũng



Loan Phượng ca "**KHI EM NHÌN ANH**" (Y Vân); "**NHẬT NHÀ TÌNH XƯA**"  
 Nhạc: Huy Thạch, Lời: thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung) - tiếng hát: Đèo Văn Sách



"**BIẾT ĐẾN BAO GIỜ**" (Nhạc: Hồ Bằng;  
 Lời: thơ Phan Khâm) - Tiếng hát Hiếu Thuận

Loan Phượng ngâm thơ Nguyễn Văn Giai  
 "**MỪNG CỎ THƠM TRÒN 20 TUỔI**",





"GIÓ MÙA XUÂN TỐI" (Hoàng Trọng) Phạm Xuân Thái, Tâm Hảo, Thái Ninh, Hoàng Cung Fa.  
Loan Phượng với "KHI EM NHÌN ANH" (Y Vân)



"MƠ VỀ QUÊ TÔI" (Lê Văn Khoa) - Tiếng hát: Ngọc Hà



## CHỦ BÚT TRẦN BÍCH SAN TRI ÂN BAN TRỊ SỰ

Thưa quý vị và các bạn,

Hôm nay chúng ta gặp mặt để mừng ngày Cỏ Thom được tròn 20 tuổi. Một ngày vui lớn của tất cả chúng ta.

Con số 20 năm, thật ra, rất nhỏ so với chiều dài của lịch sử Văn Học Việt Nam. Nhưng đối với tuổi thọ của một tạp chí văn học thì quả thật làm một con số đáng kể.

Từ ngày có báo chí, tờ Đông Dương Tạp Chí của Nguyễn Văn Vĩnh sống được 6 năm. Tờ Nam Phong Tạp Chí của Phạm Quỳnh ra đời năm 1917, đình bản năm 1934, tính ra được 17 năm. Thời Việt Nam Cộng Hòa biết bao tạp chí văn học do các nhà văn kỳ cựu, nhiều kinh nghiệm, hay chủ trương bởi các cây bút trẻ đầy nhiệt huyết như tờ Mùa Lúa Mới, Văn Hóa Ngày Nay, Sáng Tạo, Văn Nghệ, Thế kỷ 20, Gió Mới, Hiện Đại, Khởi hành, Thời Tập, Tân Phong... Nhưng tất cả đều vẫn số. Tờ sáng tạo được 31 tháng, tờ Văn Học sống dai nhất cũng chỉ được 12 năm.



Thưa quý vị và các bạn,

Hai mươi năm qua Cỏ Thom đã qui tụ được đông đảo các cây bút thuộc các thế hệ khác nhau, phản ánh các biến chuyển của văn học, đăng tải một số lượng bài vở lớn lao có giá trị, một kho tài liệu cuộc sống ở hải ngoại trên nhiều phương diện. Đó là một thành tích không phải là nhỏ. Đó là công lao của biết bao nhiêu người đóng góp tim óc. Công lao đó phải được trân trọng ghi nhận.

Tất nhiên phải có các văn nghệ sĩ cộng tác thì Cỏ Thom mới có bài vở giá trị, nhưng như thế vẫn chưa đủ. Tờ báo trưởng thành đến ngày hôm nay còn cần đến những bầu nhiệt huyết yêu văn chương chữ nghĩa vun sỏi trong tinh thần vô vị lợi.

Kỷ niệm sinh nhật 20 năm mà quên đi những công sức của các văn nghệ sĩ này thì quả thật là một thiếu sót. Hôm nay Cỏ Thom trân trọng bày tỏ sự biết ơn đối với quý vị đã giúp cho Cỏ Thom vững mạnh đến ngày hôm nay. Trước hết Cỏ Thom xin được cảm ơn:

Biên Khảo Gia Nguyễn Văn Thành. Nhà Thơ Phó Chủ Nhiệm Nội Vụ: Phan Khâm. Phó Chủ Nhiệm Ngoại Vụ, Nhạc Sĩ Phan Anh Dũng. Tổng Thư Ký Nhà Thơ Ý Anh. Cựu Đồng Chủ Bút Biên Khảo Gia Phạm Văn Tuấn. Cựu Đồng Chủ Bút Nhà Thơ Ngô Tăng Giao (MC Đàm Xuân Linh đọc lời tri ân, tuyên dương công lao và Chủ Nhiệm Nguyễn Thị Ngọc Dung trao bằng tri ân đến từng vị. NT Phan Khâm trao bó hoa để tỏ lòng tri ân đến công sức của 2 vị Chủ Nhiệm và Chủ Bút).

## Bảng Tri Ân

(Nhạc Sĩ Vĩ Cầm Đàm Xuân Linh đã đọc những lời viết trên bảng Tri Ân)

1. Cô Thơm thành thật tri ân **BIÊN KHẢO GIA NGUYỄN VĂN THÀNH**: với những đóng góp quý báu liên tục từ những năm khởi đầu của tạp chí cỏ thơm qua các bài biên khảo có giá trị liên quan đến pháp luật. Ông luôn luôn cố vấn thân tình và cam kết sẽ ủng hộ cho sự trường tồn và lớn mạnh của Cỏ Thơm.
2. Cô Thơm thành thật tri ân **BIÊN KHẢO GIA PHẠM VĂN TUẤN**: với những đóng góp quý báu từ nhiều năm, qua các bài biên khảo có giá trị liên quan đến nhân vật nổi tiếng thế giới. Ông đã tận tâm với chức vụ đồng chủ bút, giúp chọn lựa và duyệt lại các bài viết trước khi gửi đi in.
3. Cô Thơm thành thật tri ân **NHÀ THƠ TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO**: với những đóng góp quý báu từ nhiều năm, qua các bài thơ chuyển ngữ có giá trị. Ông đã tận tâm phục vụ với chức vụ đồng chủ bút, giúp chọn lựa và duyệt lại các bài viết trước khi gửi đi in.
4. Cô Thơm thành thật tri ân **NHÀ THƠ Ý ANH ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH**: Đã cộng tác từ khi tạp chí Cỏ Thơm mới ra đời với những đóng góp quý báu qua các bài thơ tình cảm, âm hưởng thiên. Nhà thơ đã tích cực trong mọi sinh hoạt của Cỏ Thơm với chức vụ tổng thơ ký.
5. Cô Thơm thành thật tri ân **ÂN NHÀ THƠ PHAN KHÂM**: với những đóng góp quý báu liên tục từ những năm khởi đầu của tạp chí Cỏ Thơm qua các bài thơ trữ tình có giá trị. Ông đã tận tâm với chức vụ phó chủ nhiệm nội vụ từ năm 2001, giúp Cỏ Thơm bằng cách mở rộng sự cộng tác của văn thi sĩ và tích cực trong mọi sinh hoạt của Cỏ Thơm.
6. Cô Thơm thành thật tri ân **NHẠC SĨ PHAN ANH DŨNG**: với những đóng góp quý báu từ nhiều năm, qua các biên soạn về âm nhạc có giá trị, ông đã tận tâm với chức vụ phó chủ nhiệm ngoại vụ và chủ biên website Cỏ Thơm, giúp Cỏ Thơm bằng cách mở rộng sự cộng tác của văn thi họa nhạc sĩ và tích cực trong mọi sinh hoạt của Cỏ Thơm.



Phan Khâm tặng hoa Trần Bích San và Nguyễn Thị Ngọc Dung.



Từ trái: BKG Phạm Văn Tuấn, BKG Nguyễn Văn Thành, BKG Ngô Tăng Giao,  
NT Đỗ Trảng Mỹ Hạnh, BKG Trần Bích San, NT Phan Khâm, MC Đàm Xuân Linh,  
NV Nguyễn Thị Ngọc Dung, NS Phan Anh Dũng



"SÀI GÒN NIỀM HY VỌNG" (Nhạc: Phan Anh Dũng; Lời: ý thơ Trần Quốc Bảo) - Tiếng hát: Hoàng Tiếp



"RIÊNG MỘT GÓC TRỜI"  
(Ngô Thụy Miên): Hoàng Tiếp

"SÓNG NƯỚC BIẾC" (Nhạc: Ivanovici, Lời Việt:  
Phạm Đình Chương) - Tiếng hát: Thái Ninh



"HƯỚNG VỀ QUÊ MẸ" (Thơ: Trương Anh Thụy) - Diễn ngâm: Xuân Thương





"NUÔI TIẾC" (Trịnh Nam Sơn) - Song ca: Hoàng Cung Fa & Hiếu Tâm



"MỠI ĐỘ XUÂN VỀ" - Nhạc: Nguyễn Tuấn;  
Lời: thơ Hồng Thủy - Tiếng hát: Vân Anh, 2 tác giả  
Nguyễn Tuấn & Hồng Thủy tặng hoa cho ca sĩ Vân Anh

Phan Anh Dũng và Tâm Hảo.



Nghệ sĩ Minh Châu vũ dân tộc theo dân ca "TRÔNG COM"



"NĂNG ĐẸP MIỀN NAM" (Nhạc: Lam Phương; Lời: Hồ Đình Phương) - Tiếng hát: Xuân Thương





Phan Anh Dũng, Tâm Hào, Phạm Xuân Thái, Nguyễn thị Ngọc Dung, Phong Thu, Minh Châu, Dương Hà, Nguyễn Quốc Khải.



"AI VỀ SÔNG TƯƠNG" (Thông Đạt) - Hòa tấu: Phạm Dương Hiền (violin); Đinh Minh Tiến (saxo); Tuấn (keyboard)



**CHÚ THÍCH:**

1. Hình ảnh từ: Nguyễn Văn Hăng (Henry Việt), Nguyệt Hằng, Nguyễn Minh Ngọc, Phạm Bá, Christian Phan ...
2. Những chữ viết tắt trong trang: NT (Nhà thơ); NV (Nhà văn); NS (Nhạc sĩ); BKG (Biên Khảo Gia); NAG (Nhiếp Ảnh Gia); CS: (Ca sĩ); BS (Bác sĩ); DS (Dược sĩ); LS (Luật sư); GS (Giáo sư); PV (Phóng Viên), THG (Thi Họa Gia) ...

**HÌNH ẢNH QUAN KHÁCH, THÂN HỮU ...**



































Ngồi từ trái: Diệm Trân, Hoàng Dung, Ngọc Trinh, Nguyệt Hằng, Hiếu Tâm, Thái Ninh, Lê Thị Hàn, Hồng Thủy, Phan Khâm / Đứng từ trái: Đàm Xuân Linh, Lê Tấn Tuyên, Mỹ Hạnh, Hoàng Cung Fa, Trần Bích San, Hiếu Thuận, Tâm Hào, Xuân Thương, Bích Ngọc, Minh Ngọc, Loan Phượng, Phan Anh Dũng, Phạm Xuân Thái, Nguyễn Quốc Khải, Nguyễn Bá Vinh, Phạm Minh Xuân




NAG Nguyễn Quốc Khải, NT Ý Anh, NS Phan Anh Dũng, Composer Lê Văn Khoa,  
NV NTN Ngọc Dung, Ô Hà Văn Sang, NT Bùi Thanh Tiên, NT Phan Khâm



BKG Trần Bích San, NV NT Ngọc Dung, NT NT Thanh Bình, NT Phan Khâm,  
BKG Nguyễn Ngọc Bích, NV Diễm Trân, NS Phan Anh Dũng

# GIỚI THIỆU SÁCH MỚI



**Phạm Văn Tuấn**  
*Trong Nhân Chủ Bất và Sơn Đỉnh Tập*  
của Cơ Sở Văn Học Cổ Thơm, Virginia - USA

- Giáo Sư Toán trường Trung Học Công Lập Trần Lục, Saigon.
- Sĩ Quan Khóa 14 Trường Bộ Binh Thủ Đức.
- Sĩ Quan Pháo Binh - Trường Pháo Binh Đức Mỹ.
- B.S. (1970) và M.S. (1971) Đại Học Ohio, Hoa Kỳ.
- Giáo Sư Trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn.
- Giáo Sư Toán (Virginia).
- Hội viên Câu Lạc Bộ Văn Học Nghệ Thuật Vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đ顿.
- Hội viên Cơ Sở Văn Học Cổ Thơm (VA).


**CÁC TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN:**  
của Tác Giả Phạm Văn Tuấn (1936)

1. Danh Nhân và Sự Nghiệp, Tập I, II và III (Nhà xuất bản Tân An - HTĐ, 2003)
2. Thâm Hiểm và Khám Phá (Nhà xuất bản Tân An - HTĐ, 2003)
3. Nhà Văn và Tác Phẩm, Tập I & Tập II (Nhà xuất bản Cổ Thơm, 2014)
4. Danh Nhân trong Lịch Sử, Tập I và Tập II (Nhà xuất bản Cổ Thơm, 2014)
5. Kiến Thức Khoa Học (Nhà xuất bản Cổ Thơm, 2015)

Ấn phí: \$20

**PHẠM VĂN TUẤN**

**KIẾN THỨC KHOA HỌC**




**PHẠM VĂN TUẤN**

**CƠ SỞ VĂN HỌC CỔ THƠM 2015**

**PHẠM VĂN TUẤN**

**KIẾN THỨC KHOA HỌC**

**CƠ SỞ VĂN HỌC CỔ THƠM 2015**



**Phạm Văn Tuấn**  
*Trong Ban Biên Tập*  
của Cơ Sở Văn Học Cổ Thơm, Virginia - USA


**CÁC TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN**  
của Tác Giả Phạm Văn Tuấn

1. Danh Nhân và Sự Nghiệp, Tập 1, 2 và 3 (Nhà xuất bản Tân An - HTĐ, 2003)
2. Thâm Hiểm và Khám Phá (Nhà xuất bản Tân An - HTĐ, 2003)
3. Nhà Văn và Tác Phẩm, Tập 1 và Tập 2 (Nhà xuất bản Cổ Thơm, 2014)
4. Danh Nhân Trong Lịch Sử, Tập 1 và Tập 2 (Nhà xuất bản Cổ Thơm, 2014)
5. Kiến Thức Khoa Học (Nhà xuất bản Cổ Thơm, 2015)
6. Tìm Hiểu Sử Địa Thế Giới, Tập 1, 2 và 3 (Nhà xuất bản Cổ Thơm, 2015)

Ấn phí: \$20

**PHẠM VĂN TUẤN**

**TÌM HIỂU SỬ ĐỊA THẾ GIỚI**  
**Tập 1**



**PHẠM VĂN TUẤN**


**CƠ SỞ VĂN HỌC CỔ THƠM 2015**

**PHẠM VĂN TUẤN**

**TÌM HIỂU SỬ ĐỊA THẾ GIỚI**  
**Tập 1**

**CƠ SỞ VĂN HỌC CỔ THƠM 2015**





**Phạm Văn Tuấn**  
*Trung Ban Biên Tập*  
*của Cơ Sở Văn Học Cổ Thơm, Virginia - USA*


**CÁC TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN**  
 của Tác Giả Phạm Văn Tuấn

1. **Danh Nhân và Sự Nghiệp**, Tập 1, 2 và 3  
 (Nhà xuất bản Tân An - HTD, 2003)
2. **Thâm Hiểm và Khám Phá**  
 (Nhà xuất bản Tân An - HTD, 2003)
3. **Nhà Văn và Tác Phẩm**, Tập 1 và Tập 2  
 (Nhà xuất bản Cổ Thơm, 2014)
4. **Danh Nhân Trong Lịch Sử**, Tập 1 và Tập 2  
 (Nhà xuất bản Cổ Thơm, 2014)
5. **Kiến Thức Khoa Học**  
 (Nhà xuất bản Cổ Thơm, 2015)
6. **Tim Hiểu Sử Địa Thế Giới**, Tập 1, 2 và 3  
 (Nhà xuất bản Cổ Thơm, 2015)

**Ấn phí: \$20**


PHẠM VĂN TUẤN

**TÌM HIỂU**  
**SỬ ĐỊA THẾ GIỚI**  
**Tập 2**



PHẠM VĂN TUẤN  
**TÌM HIỂU**  
**SỬ ĐỊA THẾ GIỚI**  
**Tập 2**  
 CỎ THƠM 2015

**CỎ THƠM 2015**



**Phạm Văn Tuấn**  
*Trung Ban Biên Tập*  
*của Cơ Sở Văn Học Cổ Thơm, Virginia - USA*


**CÁC TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN**  
 của Tác Giả Phạm Văn Tuấn

1. **Danh Nhân và Sự Nghiệp**, Tập 1, 2 và 3  
 (Nhà xuất bản Tân An - HTD, 2003)
2. **Thâm Hiểm và Khám Phá**  
 (Nhà xuất bản Tân An - HTD, 2003)
3. **Nhà Văn và Tác Phẩm**, Tập 1 và Tập 2  
 (Nhà xuất bản Cổ Thơm, 2014)
4. **Danh Nhân Trong Lịch Sử**, Tập 1 và Tập 2  
 (Nhà xuất bản Cổ Thơm, 2014)
5. **Kiến Thức Khoa Học**  
 (Nhà xuất bản Cổ Thơm, 2015)
6. **Tim Hiểu Sử Địa Thế Giới**, Tập 1, 2 và 3  
 (Nhà xuất bản Cổ Thơm, 2015)

**Ấn phí: \$20**

PHẠM VĂN TUẤN

**TÌM HIỂU**  
**SỬ ĐỊA THẾ GIỚI**  
**Tập 3**



PHẠM VĂN TUẤN  
**TÌM HIỂU**  
**SỬ ĐỊA THẾ GIỚI**  
**Tập 3**  
 CỎ THƠM 2015

**CỎ THƠM 2015**

Liên Lạc Tác giả  
**MR. PHẠM VĂN TUẤN**  
 13870 Rembrandt Way  
 Chantilly, VA 20151  
 Tel: (703) 707-1602  
 Email: [tuanshipam1387@hotmail.com](mailto:tuanshipam1387@hotmail.com)



- Ấn phí: \$15 (kể cả bưu phí gửi tại Hoa Kỳ)
- Chi phiếu: Giao Ngo  
45481 Caboose Terrace / Sterling / VA 20166
- Các tác giả:

William Shakespeare, Rabindranath Tagore, Robert Frost, Sara Teasdale, Edgar Allan Poe, Amy Lowell, William Henry Davies, Robert Bridges, Katherine Mansfield, William Butler Yeats, James Joyce, Percy Bysshe Shelley, Lieut.-Col. John McCrae, Robert Louis Stevenson, Christina Georgina Rossetti, Thomas Hardy, William Blake, Ben Jonson, Richard Crashaw, Rudyard Kipling, Robert Browning, William Wordsworth, Henry Wadsworth Longfellow, Langston Hughes, John Keats, Claude McKay, Alfred. Lord Tennyson, Thomas Carew, Edmund Waller, Walt Whitman, Robert Burns, Richard Lovelace, Emily Dickinson, Lord Byron, Walter De La Mare.

### ***Dấu Chân Kỷ Niệm***

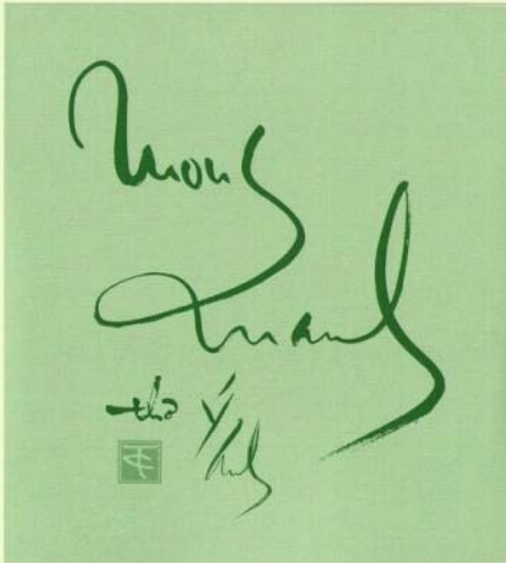


*Cuốn tùy bút thứ ba của Nguyễn-Phú-Long, phần nhiều đã phổ biến qua báo chí, nay gom lại cho khỏi thất lạc và dễ kiếm tìm. Hình thức trình bày giản dị. Nội dung đề cập mấy tiết mục như việc xây cầu Trường Tiên, ở cố đô; nghề thông ngôn tại nước ta; cái làm đáng yêu nơi bác Mai-Lâm; xung quanh chỗ lội đường ngang của cụ Nguyễn Khuyến ; chuyện năm canh lục đục với mấy phủ hộ xưa...*

*Sách dày hơn 200 trang, bìa là bức tranh sơn dầu của Trúc Lang vẽ cảnh vùng Cổ Ngự, Huế. Hoa Tiên vừa xuất bản, địa chỉ liên lạc tác giả:*

**MR. NGUYỄN PHÚ LONG**  
**11617 Norwich PKWY**  
**Glen Allen, VA 23059**





**Mong Manh**, thơ Ý Anh.  
 Bìa: thư pháp Trụ Vũ, trình bày Huỳnh Minh Lộc.  
 Kỹ thuật ấn loát: Phạm Quỳnh Trâm.


Tác giả giữ bản quyền. Trích đăng hoặc sử dụng dưới mọi hình thức xin nói rõ xuất xứ.  
 Liên lạc: myhanhdotrang@gmail.com

Có Thơ xuất bản. In lần đầu tiên tại Hoa Kỳ, 2015.  
 CT Printing & Graphics  
 10218 New Hampshire Ave.  
 Silver Spring, MD 20903


**NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG**

**BƯỚC LẠ QUÊ HƯƠNG**

**Bút Kỳ**




**CƠ SỞ VĂN HỌC CỎ THƠM**



**NGUYEN THI NGOC DUNG**

**ĐÃ XUẤT BẢN:**

- Hồi ký I, *Phượng Vãn Nữ Bôn Trôi*
- *Hà Nội*, in lần thứ I (1994), in lần II (1998), in lần III (2005).
- Hồi ký II, *Sài Gòn Nàng Nhớ Mùa Thu*, in lần I (1995), in lần II (2005).
- Tập thơ *Điểm Trang Lâm Dáng Cuộc Đời*, 1999.
- Tập truyện ngắn: *Một Thoảng Mây Bay*, 2001.
- Bút kỳ *Nón Nước Đà Vàng*, 2007.
- Bút kỳ *Bước Lạ Quê Hương*, 2015.
- Góp thơ trong tuyển tập *Mùa Tình Yêu* do Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm xuất bản.
- Xướng họa thơ trong thi phẩm *Hoài Cảm*, 2003, với các nhà thơ: Hồ Trường An, Cao Mỹ Nhân, Phan Khâm...
- Góp thơ trong tuyển tập *Một Phần Tư Thế Kỳ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại* của Văn Hóa Việt Pháp xuất bản tại Paris năm 2005, do Nhà Thơ Võ Đức Trung chủ trương
- Góp thơ trong tập thơ *Đường Lối Hương Mùa Cỏ* của Nữ Sĩ Huệ Thu.
- Góp thơ trong tập *50 Năm Thơ & Người Thơ* của Thi Sĩ Dương Huệ Anh và Thủy Cẩm.
- Góp thơ trong tập thơ xướng họa *Bút Ngộ Lời* của Nữ Sĩ Trưng Quang.
- Góp thơ trong tuyển tập *Hoa Vàng* của Nhà Thơ Nguyễn Phan Ngọc An.
- Góp truyện ngắn trong tuyển tập *Món Ăn Theo Bước Di Tàn* do Nhà Văn Dư Thị Điểm Biên soạn.
- Cộng tác với *Tim Ca Nguyệt San Văn Học Cỏ Thơm* từ năm 1996.
- Là chủ bút tạp chí này từ năm 2000, và chủ nhiệm từ năm 2003.



Liên lạc Tác giả **NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG**  
 dsenser@yahoo.com



7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

**Super buffet mỗi ngày**

- Lunch: \$7.95
- Dinner: \$9.95

**Mở cửa 7 ngày trong tuần**

- Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
- Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

**TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI**

# TỦ SÁCH CỔ THƠM

11623 CHAPEL CROSS WAY, RESTON, VA 20194, USA  
Tel. (703) 471-1271, Fax (703) 471-1196; Email: dsenser@yahoo.com

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỔ THƠM (Từ năm 1996)  
ĐIỂM TRANG LÀM ĐÁNG CUỘC ĐỜI (1999) - Thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung  
TRẮNG NHỚ ĐÊM RẼM (2000) - Thơ Bùi Thanh Tiên  
NHƯ GIẤC MỘNG SAY (2000) - Thơ phổ nhạc Ngô Thy Vân  
TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN (2000) - Nhận định văn học của Hồ Trường An  
VĂN KHẢO (2000) - Trần Bích San  
MỘT THOÁNG MÂY BAY (2001) - Tập truyện Nguyễn Thị Ngọc Dung  
TÌNH ANH NHƯ THẾ ĐẤY (2001) - Thơ Kim Vũ; KHI YÊU EM (2002) - Thơ Kim Vũ  
BÊN DÒNG THẠCH HẸN (2002) - Thơ Phan Khâm  
SÔI NỔI (2002) - Tập Truyện Nguyễn Lâm; GIẤC MƠ ĐỜI (2002) - Thơ Bùi Thanh Tiên  
HOÀI CẢM (2003) - Thơ xướng họa của Hồ Trường An, Cao My Nhân, Phan Khâm,  
Nguyễn T. Ngọc Dung, Vân Nương, Trần Quốc Bảo, Vi Khuê, Huệ Thu, Ngô Tăng Giao.  
VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI (2003) - Thơ Hồ Trường An  
ĐÃ KHÔ DÒNG LÊ (2004)-Thơ Đăng Nguyên; HÌNH ẢNH TRÔI ĐI (2005)-Thơ Việt Bằng  
PHƯỢNG VẪN NỔ BÊN TRỜI HÀ NỘI (Tái bản lần II 2005)-Hồi ký Nguyễn T. Ngọc Dung  
SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG (Tái bản 2005)-Hồi ký Nguyễn Thị Ngọc Dung  
GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG (2006) Bút đàm của HỒ TRƯỜNG AN với Việt Bằng,  
Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San, Tiểu Thu.  
DÒNG SÔNG THAO THỨC (2007) - Thơ - Phan Khâm  
NON NƯỚC ĐÁ VÀNG (2007) - Bút ký - Nguyễn Thị Ngọc Dung  
NÁO NỨC HỘI TRẮNG RẼM (2007) - Bút khảo - Hồ Trường An về các tác giả  
Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Bình Nguyên Lộc, Vi Khuê, Nguyễn Thị Thụy Vũ,  
Trương Anh Thụy, Trần Bích San, Nguyễn Thị Ngọc Dung.  
KHÚC VÔ THANH (2008), 90 bài thơ - Bùi Thanh Tiên (2010)  
THƯƠNG VỀ KỶ NIỆM (2010) - Thơ Đỗ Thị Minh Giang  
ĐÀ LẠT NGÀY THÁNG CŨ (2010) - Biên soạn của Ngô Tăng Giao  
GIỮ MÃI GIÙM ANH (2011) - Thơ Uyên Phương Minh Nguyệt  
CA DAO - CON ĐƯỜNG VĂN HÓA VIỆT (2012) - Biên khảo của Nguyễn Văn Nhiệm –  
NỮ SINH VIÊN HÀ NỘI VƯỢT TUYẾN QUA RỪNG 1958 - Hồi ký Tô Bạch Tuyết (2013) –  
NHÀ VĂN VÀ TÁC PHẨM & DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ & KIẾN THỨC KHOA HỌC &  
TÌM HIỂU SỬ ĐỊA THỂ GIỚI: Biên khảo của Phạm Văn Tuấn  
MƯA XUÂN-SPRING RAIN-Thơ song ngữ: Tâm Minh Ngô Tăng Giao  
MONG MANH – Thơ: Ý Anh  
BƯỚC LẠ QUÊ HƯƠNG – Bút ký: Nguyễn Thị Ngọc Dung

**PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO**  
**(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)**

Họ và tên (Reader's Name): .....

Địa chỉ (Address): .....

Phone, Fax, Email: .....

Ngày đặt mua (Order date): ..... Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #) .....

Số tiền (US dollar amount) \$ .....

-----  
**GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM**

**PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES**

Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US \$40.00 [ ] - Gia Nã Đại (In Canada): US\$50.00 [ ]

Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$50 [ ]

-----  
**GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ**

**trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")**

**1/2 trang trong: US \$30.00 [ ]**

**1 trang trong: US \$60.00 [ ]**

**Trang trong bìa trước: US \$100.00 [ ]**

**Trang trong bìa sau: US \$100.00 [ ]**

-----  
Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về  
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194

-----  
**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO LÀ AN  
NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**

**Giá báo: US\$7.00**